B 844,801

Digitized by Google

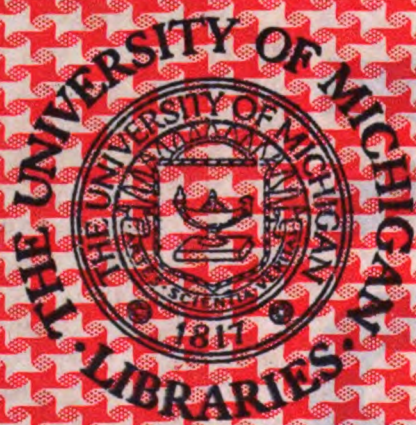

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

PHAN-HUY CHÚ

ỊCH TRIỀU
IẾN CHƯƠNG LOẠI CHÍ

TẬP II (Thượng):

Quyển VI, VII và VIII

NHÂN-VẬT-CHÍ

Bản dịch của

Tú-nguyên NGUYỄN THỌ-DỰC

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

PHAN - HUY CHÚ

LỊCH - TRIỀU HIẾN - CHƯƠNG LOẠI CHÍ

TẬP II (Thượng)

Quyển VI VII và VIII

NHÂN - VẬT - CHÍ

Bản dịch của

Tố - nguyên , NGUYỄN THỌ - DỰC

TỦ SÁCH CỔ VĂN
ỦY - BAN DỊCH - THUẬT
BỘ VĂN - HÓA GIÁO - DỤC VÀ THANH - NIÊN
1973

Digitized by Google

GRAD
DS
556.7
.P84
197-
V.2

LỊCH-TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG LOẠI CHÍ

của PHAN-HUY CHÚ

Bản Việt dịch của Tổ-nguyên NGUYỄN THỌ-DỰC
kèm nguyên tác gồm 10 tập

TẬP II (Thượng)

NHÂN-VẬT-CHÍ

Quyển VI VII và VIII

Dịch theo thủ-bản lưu-trữ tại Chi-nhánh Văn-khố Đà-lạt
dưới số 3066-HC (quyển VI và VII) 3067-HC (quyển VIII)

Digitized by Google

GL Stack
1535623-23
SEASI
1-10-92

LỊCH-TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG LOẠI CHÍ

QUYỂN VI

Digitized by Google

Digitized by Google

[1a] LỊCH-TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG LOẠI CHÍ

QUYỂN VI

NHÂN-VẬT-CHÍ

NƯỚC lấy người làm gốc, mà giữa các hạng người, phẩm cách lại phân cao thấp không giống nhau ; trên thì vua quan sửa sang chỉnh đốn việc nước, dưới thì các hàng sĩ-phu tùy thời xuất xử, tựu trung có kẻ hiền người dở khác nhau, và việc trị, việc loạn do đó mà phân biệt; nên luận việc đời phải phân biện nhân-tài, kẻ thuật cổ phải rõ việc kê khảo những gương sáng đời trước.

Bộ Sử-ký chép đủ các sách bản kỷ và liệt-truyện, và họ Ban sở dĩ chép đủ cả chín hạng nhân-vật, là để ghi rõ mọi sự kiện lịch-sử cho tiện việc phân biệt người hơn kém khác nhau.

Nước Việt ta phong-khí đã mở mang, tinh-hoa đều tụ hội, các bậc thánh đế, minh vương lần lượt khởi-nghiệp, các vị danh thần lương tá kế tục ra đời, triều đại nào cũng phát sinh những đấng anh-hùng, hào-liệt, hoặc được [illegible] vạc đúc, hoặc hiển tích với cây vót cờ mao;

Digitized by Google

[1b] *có người theo trường văn mà nổi tiếng thơm, kẻ thì gặp buổi gian-nan mà biểu dương khí tiết, có biết bao nhân tài đáng ghi chép, bao người có huân vọng đáng tụng xưng, trong khoảng trên một ngàn năm nay, những danh nhân ấy lũ lượt ra đời, kể biết bao nhiêu, vậy mà ngoài pho bản-kỷ, sách liệt-truyện còn thiếu sót, người khảo cổ biết dựa vào đâu mà phân biệt được rõ ràng.*

Tôi thường nghĩ dân sinh ra ắt phải có người coi sóc, chăm nuôi, đó là công việc mà các vua chúa truyền lại cho nhau, vậy nên phải sưu khảo về các giòng họ Đế Vương. Một triều đại dấy lên, ắt có người phò tá, ấy là những bậc công thần, tướng văn, tướng võ, có công-nghiệp lớn lao, cần được ghi chép vậy. Cho đến những bậc văn nho hiền danh vì sở học và hành-trạng của mình, cùng những bậc tôi trung gặp hoạn-nạn phải bỏ mình vì đại-nghĩa, thảy đều có liên-hệ với vận-mệnh của nước, với đạo thường của người, cần được ghi chép đầy đủ theo thứ-tự trước sau rõ ràng, ngõ hầu việc kê khảo và so sánh các nhân vật xưa nay không thiếu sót. Tôi xin lược trích sử cũ và chọn lọc tài-liệu trong những sách vở xưa còn sót lại mà [2a] *lựa chia từng mục:*

— *Giòng chính thống các Đế Vương,*

— *Người phò tá có công lao tài đức giúp nước,*

— *Những bậc tướng có tiếng và tài giỏi,*

— *Những nhà Nho có đức-nghiệp,*

— *Những bậc bề-tôi tiết nghĩa,*

gọi chung là nhân-vật chí, để làm tài-liệu tham khảo.

Digitized by Google

THỐNG-HỆ CÁC ĐẾ-VƯƠNG

KINH-DƯƠNG VƯƠNG

Kinh-Dương vương, thuộc giòng-dõi Thần-nông thị, là vị vua đầu tiên của nước Việt ta. Đương sơ, cháu ba đời của vua Thần-nông là Đế-Minh đi tuần thú miền biển phía nam, gặp người con gái tên là Vụ-Tiên, liền cưới làm vợ; Vụ-Tiên sinh con trai đặt tên là Lộc-Tục. Thấy con có đức tính của bậc Thánh-nhân, Đế-Minh rất yêu quí, muốn cho nối ngôi của mình. Nhưng Lộc-Tục cố nhường cho người anh tên là Nghi, Đế-Minh bèn phong cho làm vua ở đất Việt (về miền nam), ấy là Kinh-Dương vương vậy. Vương lấy con gái vua Động-đình, sinh ra Lạc-Long quân.

[2b] VUA LẠC-LONG

Lạc-Long quân là con của Kinh-Dương vương, tên là Sùng-Lãm, lấy nàng Âu-Cơ. Bà có thai, đúng kỳ sinh ra một trăm con trai (một bọc trăm trứng). Một hôm vua bảo Âu-Cơ rằng: Quả-nhân thuộc giống rồng, Cơ thuộc giòng tiên, nước lửa xung khắc, khó thể ở chung một

Digitized by Google

nơi. Rồi cùng nhau chia tay, chia con cho 50 đi theo cha về miền biển, và 50 đi theo mẹ về miền núi, chỉ để người con đầu — Hùng trưởng — ở lại lên ngôi, kế vị vua cha, xưng hiệu Hùng-vương.

HÙNG-VƯƠNG

Con của Lạc-Long quân, lên ngôi đặt quốc-hiệu là Văn-lang, dựng kinh-đô ở Phong-châu, chia nước làm 15 bộ; gọi con trai vua là Quan-lang, con gái là Mỹ-nương, gọi tướng văn là Lạc-hầu, tướng võ là Lạc-tướng. Ngôi vua truyền được 18 đời, các vua đều xưng hiệu Hùng-vương.

Trong triều-đại ấy, vua tôi cùng nhau cày cấy làm ăn, cha con tắm chung (sông), [3a] không đặt giới hạn, không phân biệt thứ bậc quyền hành; mọi người dân đều vẽ mình, uống nước bằng lỗ mũi, và cùng nhau chơi đùa vui vẻ, sống cuộc đời an-nhàn vô sự, nên thời đại ấy được gọi là đời chí đức (sống hồn-nhiên).

Họ Hồng-Bàng kể từ Kinh-Dương vương đồng thời với Đế-Nghi ở Trung-quốc cho đến đời Hùng-vương 18 đồng thời với nhà Chu bên Tàu vào khoảng cuối đời Chu-Xá vương, tính được 2622 năm.

AN-DƯƠNG VƯƠNG

An-Dương vương người Ba-thục, tên [illegible]; vào khoảng cuối đời nhà Chu, khởi binh [illegible]

Digitized by Google

lang mà thôn tính rồi đổi quốc hiệu là Âu-lạc, đóng đô ở Phong-khê. Lúc đắp xong Loa-thành, có con rùa vàng (thần Kim Qui) hiện lên trút móng trao cho vua và dặn đem dùng làm máy nỏ để bắn quân địch, thì không còn phải lo ngại điều gì nữa. Nhà vua bèn sai người bề tôi là Cao-Lỗ đem cái móng gọt làm máy nỏ, [3b] gọi là nỏ thần Kim-Quang.

Đến cuối đời Tần, Triệu-Đà sang xâm lược, vua đem nỏ ra bắn, Đà thua chạy; rồi mưu việc thông hiếu, khiến con là Trọng-Thủy sang làm con tin. Vua đem con gái gả cho Trọng-Thủy. Thủy ngầm phá hủy máy nỏ thần và làm máy giả thế vào.

Sau Triệu-Đà lại sang xâm lược; vua đem nỏ ra bắn thì máy gãy, ba quân tan vỡ; vua bỏ chạy và đâm đầu xuống biển. Thế là nhà Thục mất, sau khi đã giữ ngôi được 50 năm (từ năm Giáp-thìn dưới đời vua Xá-vương nhà Chu năm thứ 58 cho đến năm Quý-tỵ, đời Nhị Thế nhà Tần, năm thứ 2).

Sau khi vua An-dương mất rồi, nước ta thuộc về nhà Triệu, từ Triệu Vũ-đế đến Vệ Dương-vương, trải 97 năm.

(Lời án: họ Triệu truyền ngôi được 5 đời. Vũ-đế chuộng võ ưa văn được coi là bậc anh chúa. Văn-vương thừa kế nghiệp cũ, cũng gọi là vua hiền; đến Minh-vương thì chính sự trở nên bê bối; Hoàng hậu họ Cù được sủng ái. Khi Ai-vương lên ngôi, bà cùng Sứ giả nhà Hán thông

Digitized by Google

dâm. Tể tướng đương thời là Lữ-Gia bèn quyết kế giết Cù thị và lập Vệ Dương vương lên ngôi. Nhà Hán sai tám Hiệu-úy đem quân sang chinh phạt, họ Triệu liền bị diệt vong).

[4a] Nước lại ta bị lệ thuộc Lưỡng Hán (tức Tây Hán và Đông Hán) kể từ năm đầu niên-hiệu Nguyên-phong triều Vũ-đế đến niên-hiệu Kiến-vũ năm thứ 15 triều Quang-vũ, trải 140 năm. (Xét: dưới thời nội thuộc Đông Hán, có quan Thú quận Giao-chỉ là Tích-Quang dạy dân học lễ nghĩa, quan Thú quận Cửu-chân dạy bảo cho dân cách thức cày bừa, trồng trọt và cư xử theo lễ phép; cả hai vị quận thú đều được nhân dân ngưỡng mộ, lập đền thờ sống. Văn-hóa Lĩnh-nam thực do hai vị khai nguyên vậy).

TRƯNG NỮ VƯƠNG

Bà họ Trưng, tên Trắc, con gái quan Lạc-tướng huyện Mê-linh thuộc Phong-châu, và là vợ của Thi-Sách ở huyện Châu-diên. Sách bị Tô-Định giết hại. Bà căm thù, bèn cùng em gái là Trưng-Nhị khởi binh đánh hãm châu thành; Tô-Định bỏ chạy về Tàu. Bà Trưng lược định hơn 50 thành thuộc Lãnh-nam và dựng nước, xưng vương, đóng đô ở Mê-linh. Bà làm vua được 3 năm. Nhà Hán sai tướng Mã-Viện sang đánh, Bà thấy quân Hán mạnh, tự liệu không chống nổi, bèn lui giữ Cẩm-khê, [4b] quân chúng tan vỡ. Bà cùng quân Hán cự chiến, bị vây hãm, thế cùng phải chết. Nước bị mất.

Digitized by Google

Bà Trưng mất rồi, nước ta lại nội thuộc nhà Đông Hán, kể từ năm Kiến-vũ 19 đến năm Kiến-an 14 triều Hiến-đế, trải 167 năm. (Xét: đương thời ấy có những thú mục hiền đức như Giả-Tông — ở khoảng trước — là bậc hiền lương, được trăm họ ca tụng coi như cha, và Sĩ-Nhiếp — ở giai đoạn sau — là người khoan dung phúc hậu, được quốc dân tôn gọi là vua; trong khoảng 160 năm, dân chỉ nương cậy vào những quan thú hiền lương.)

Rồi đến các thời nội thuộc Ngô, thuộc Tấn, Tống, Tề, Lương, kể từ năm đầu niên-hiệu Hoàng-vũ đời Ngô-Tôn-Quyền, cho đến năm Đại-Đồng thứ sáu đời Lương Vũ-đế, trải 323 năm.

TIỀN LÝ-NAM-ĐẾ

[5a] Vua họ Lý, tên Bí (còn có tên Bôn) người làng Thái-bình thuộc huyện Long-hưng, gia thế phú hào, có đủ tài văn vũ. Người từng ra làm quan với nhà Lương, nhưng bất đắc chí, bèn trở về quê Thái-bình. Bởi chán cảnh nội thuộc nhiễu loạn, Người bèn dấy nghĩa binh đánh đuổi Thứ-sử Tiêu-Tư, phá quân Lâm-ấp, rồi lên ngôi, xưng Nam-Việt đế, đổi niên-hiệu là Thiên-đức, thiết lập trăm quan, đặt quốc-hiệu là Vạn-xuân. Về sau, nhà Lương sai tướng Trần-Bá-Tiên sang xâm lược, Đế cùng quân Lương cự chiến, bị thua trận, phải lui giữ động Khuất-liêu, và mất ở trong động, ở ngôi được 8 năm.

Digitized by Google

ĐÀO-LANG VƯƠNG

Vương tên là Thiên-Bảo, anh của Nam-Đế, trước kia từng bị quân Lương đánh bại, thu binh chạy sang Ai-lao; nhân thấy động Dạ-năng [5b] đầu nguồn Đào giang, có địa thế rộng rãi, bèn xây thành ở đấy, và gọi tên đất là Dạ-năng quốc. Sau khi Nam-Đế thăng hà, vương được quần chúng suy tôn lên làm vua, rồi ở ngôi được 7 năm thì mất.

PHỤ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

Vương họ Triệu tên Quang-Phục, người ở quận Châu-diên, có uy phong dũng liệt, từng theo Nam-Đế đánh giặc có công lao, được phong chức Tả Tướng quân. Lúc lui giữ động Khuất-liêu, Nam-Đế ủy cho Triệu Quang-Phục việc giữ nước. Triệu cùng Bá-Tiên cầm cự liệu không chống nổi, bèn lui giữ Dã-trạch. Sau khi Nam-Đế thăng hà, Quang-Phục liền xưng vương. Đương sơ vì vô kế đánh lui quân Lương, vương bèn cầu đảo, trời ban cho điềm tốt là bắt được móng rồng gài trên mũ đâu-mâu đội đi đánh giặc; từ đó, quân uy hiển hách, giặc Lương tan vỡ; vương kéo quân [6a] vào ở Long-biên.

Về sau, Vương cùng Hậu Nam-Đế giảng hòa; Nam-Đế cho con trai là Nhã-Lang sang làm rễ Triệu Việt vương, và đóng ở thành Ô-diên. Nhã-Lang có chí phản Triệu, ngầm đổi lấy móng rồng trên mũ đâu mâu rồi xin về. Nam-Đế bèn cử binh đánh bức Long-biên. Triệu

Digitized by Google

vương thất thế bỏ chạy về phía nam, rồi cùng đường phải nhảy xuống biển. Vương ở ngôi được 24 năm.

HẬU NAM-ĐẾ

Đế tên Phật-Tử, là vị tướng có họ hàng với Tiền Nam-Đế. Trước kia Phật-Tử cùng ở Dạ-năng với Đào-Lang vương. Khi vương mất, Phật-Tử được quân chúng đưa lên kế vị, rồi thống lãnh quân chúng, chống cự Triệu Việt vương; về sau, xin giảng hòa, cùng Triệu vương hội minh, chia cắt đất đai, lấy bãi Quân-thần làm giới-hạn; lại kết làm thông gia hầu gây thêm tình thân mật (cho con là Nhã-Lang làm rể Triệu Việt vương); nhưng chẳng bao lâu, Nhã-Lang trở về, cha con đem binh diệt Triệu.

Lý Phật-Tử [6b] vẫn xưng hiệu là Nam-Đế, đóng đô ở Ô-diên, sau dời qua Phong-châu, ở ngôi được 47 năm.

Nhà Tùy sai Lưu-Phương đem quân sang xâm lược, Đế xin đầu hàng, và triều Lý cũng mất từ đó.

Nhà Tiền Lý gồm ba triều vua mở đầu từ năm Tân-dậu (ngang niên-hiệu Đại-đồng năm thứ 7 triều Lương) và chấm dứt năm Nhâm-tuất (ngang niên-hiệu Nhân-thọ năm thứ 2 triều đại nhà Tùy), trải 62 năm.

Rồi đến thời nội-thuộc Tùy Đường kéo dài 304 năm.

Digitized by Google

(Xét: trong thời đại thuộc Đường, đương tiên có Mai Thúc-Loan người châu Hoan, chiếm cứ châu trị mà xưng đế, về sau có Phùng-Hưng, ở Đường-lâm chiếm giữ thành trì mà xưng vương, tuy chưa khôi phục được quốc-thống, nhưng biết thừa thời quật khởi, thì cũng đáng gọi là bậc hào kiệt vậy. Về sau, vào khoảng cuối triều-đại nhà Đường, Cao-Biền sang cai trị nước ta, có công phá giặc Nam-chiếu, xây đắp Loa-thành, đào cảng khơi ngòi để mở đường thủy vận, làm lợi một thời, công-nghiệp lớn-lao ấy người đời sau vẫn còn xưng tụng.)

Thời đại Nam Bắc phân tranh, kéo dài 32 năm. (Lúc ấy nhà Lương cho Lưu-Ẩn ở Quảng-châu sang làm An-nam Đô-hộ, đóng giữ ở Phiên-ngung, trong khi đó Khúc-Hạo người Giao-châu chiếm cứ châu trị mà cầm cự với họ Lưu. Về sau người em của Lưu-Ẩn nối nghiệp ông anh mà xưng đế, đặt quốc-hiệu là Hán. Con của Khúc-Hạo là Thừa-Mỹ bị vua Hán bắt giữ. Tướng của Khúc-Hạo là Dương-Đình-Nghệ lại đánh đuổi tướng Hán mà lấy lại đất nước, tự xưng là Tiết-độ sứ, nắm giữ việc châu.)

[7a] TIỀN NGÔ VƯƠNG

Vương họ Ngô, húy Quyền, người quận Đường-lâm (thuộc Sơn-tây), họ nầy đời đời là quý tộc. Người cha tên là Mân, làm châu-mục. Lúc vương sinh ra, có ánh sáng lạ tỏa đầy nhà; với dung mạo khác thường, khi lớn lên Ngô-Quyền có đủ trí dũng, đương sơ làm nha-tướng của Dương-

Digitized by Google

Đinh-Nghệ ; Dương công bị Kiều-Công-Tiện hạ sát, Ngô-Quyền — lúc ấy ở Ái-châu — khởi binh đánh giết Công-Tiện. Lúc bấy giờ, vua Nam Hán là Lưu-Cung sai Thái-tử Hoằng-Thao đem binh sang xâm lược nước ta. Ngô-Quyền sai quân đóng cọc ở dưới sông Bạch-đằng, đợi lúc nước triều lên thì ra khiêu chiến rồi cả phá quân giặc, bắt được Hoằng-Thao.

Diệt xong giặc ngoại xâm, Ngô-Quyền mới xưng vương, dựng lên một nước trở nên có quốc-thống. Công nghiệp ấy thật là lớn lao hiển hách. Vương đóng đô ở Loa-thành, đặt quan chức, chế triều nghi, định phục sắc áo mũ ; qui mô rực rỡ đầy đủ. Ngô vương ở ngôi [7b] được 6 năm, hưởng thọ 47 tuổi.

HẬU NGÔ VƯƠNG (950 — 964)

Vương tên là Xương-Văn, con thứ hai của Tiền Ngô vương, cử binh đánh dẹp Tam-Kha mà lên ngôi. Nguyên khi Tiền Ngô vương trở bệnh sắp chết, từng căn dặn người em vợ là Dương-Tam-Kha giúp đỡ con mình. Nhưng sau khi vua băng rồi, Tam-Kha cướp ngôi, tự xưng Bình-vương (945 — 950). Con trưởng của Ngô vương là Xương-Ngập sợ chạy trốn, Xương-Văn cầm quân đánh đuổi Tam-Kha, rồi tìm rước anh là Xương-Ngập về cùng nhau trông coi việc nước, vua tự xưng hiệu là Nam Tấn vương, ở ngôi được 11 năm, rồi mất (năm 964) không có con kế tự. Ngô-Xương-Xí (con Xương-Ngập) lên thay thế, tức là Ngô Sứ quân.

Digitized by Google

[8a] THẬP NHỊ (12) SỨ QUÂN

Ngô-Xương-Xí chiếm giữ Bình-kiều (1).

Kiều-Công-Hãn tự xưng là Kiều-Tam-Chế giữ Phong-châu (2).

Nguyễn-Khoan tự xưng là Nguyễn-Thái-Bình giữ Nguyễn-gia loan ở Tam-đái (3).

Ngô-Nhật-Khánh tự xưng là Ngô-Lãm-công giữ Đường-lâm (4).

Đỗ-Cảnh-Thạc tự xưng là Cảnh-công giữ Đỗ-động giang (5).

Lý-Khuê tự xưng là Lý-Lãng-công giữ Siêu-loại (6).

Nguyễn-Thủ-Tiệp tự xưng là Nguyễn-Lệnh-công giữ Tiên-du (7).

Lữ-Đường tự xưng là Lữ-Tá-công giữ Tế-giang (8).

---

(1) Thuộc phủ Khoái-châu — tỉnh Hưng-yên bây giờ.

(2) Huyện Bạch-hạc — tỉnh Vĩnh-yên.

(3) Phủ Vĩnh-tường — tỉnh Vĩnh-yên.

(4) Phú-thọ — Sơn-tây.

(5) Huyện Thanh-oai — Hà-đông.

(6) Phủ Thuận-thành — tỉnh Bắc-ninh.

(7) Bắc-ninh.

(8) Văn-giang — Bắc-ninh.

Digitized by Google

Nguyễn-Siêu tự xưng là Nguyễn-Hữu-công giữ Tây-phù-liệt (1).

Kiều-Thuận tự xưng là Kiều-Lịnh-công giữ Hồi-hồ (2).

Phạm-Bạch-Hổ tự xưng là Phạm-Phòng-Ất giữ Đằng-châu (3).

Trần-Lãm tự xưng là Trần-Minh-công giữ cửa biển Bố-chính (4) (Bố hải khẩu).

[8b] ĐINH-TIÊN-HOÀNG (968 — 979)

Đế họ Đinh, húy Bộ-Lĩnh, người động Hoa-lư châu Đại-hoàng, là con quan Thứ-sử Hoan-châu Đinh-Công-Trứ. Ngài sinh ra với dáng người và tư chất khác thường; mất cha lúc còn nhỏ, được bà mẹ đem về nuôi ở động núi. Thường ngày chơi đùa với các trẻ em hàng xóm, ngài sai chúng bẻ bông lau làm cờ và sắp hàng đi hai bên tả hữu, trông như nghi-vệ Thiên-tử; lúc rỗi lại kéo nhau đi đánh lộn với bọn trẻ nhỏ ở các làng khác. Ngài tới đâu cũng được bọn thiếu nhi phục tùng; phụ lão các sách đều cho con em đi theo. Ngài đánh nhau với ông

(1) Thanh-trì — Hà-đông.

(2) Cẩm-khê — Phú-thọ.

(3) Hưng-yên.

(4) Tỉnh Thái-bình.

Digitized by Google

chú, vì thơ ấu không cầm cự nổi phải thua chạy, rơi xuống vũng bùn, ông chú đuổi kịp đâm theo, bỗng thấy hai con rồng vàng hộ vệ hai bên, [9a] bèn hoảng sợ thụt lùi. Ngài lại tập hợp bọn trẻ em đuổi đánh, ông chú phải chịu hàng. Từ đó quần chúng đều suy phục; đánh đâu được đó, gọi là Vạn thắng vương.

Thuở ấy trong nước có 12 vị sứ-quân cùng nhau tranh hùng. Ngài đem quân đánh dẹp hết thảy mà thống nhất giang-sơn, rồi lên ngôi Hoàng-Đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, định đô ở Hoa-lư, dựng nghi lễ trong triều, định các ngạch quân sĩ; các quy-chế, pháp-độ cũng tạm được đầy đủ; duy việc lập tự không được phân minh, và việc đề phòng bất trắc không được trù liệu cẩn thận, cho nên biến cố xảy ra nơi cung-đình, và vận mệnh quốc-gia cũng do đó mà suy vong. Đế ở ngôi được 12 năm, bị người trong cung là Đỗ-Thích giết hại, hưởng thọ 56 tuổi.

Triều-đại Đinh Tiên-hoàng chỉ đặt một niên-hiệu Thái-bình mà thôi.

PHẾ-ĐẾ

[9b] Đế tên là Toàn, con thứ của Tiên-hoàng, trước được phong làm Vệ-vương. Bởi Thái-tử là Nam-Việt vương Liễn cũng bị giết (cùng một lượt với vua cha), nên Định Quốc-công Nguyễn-Bặc và Ngoại-giáp Đinh-Điền lập Toàn làm vua. Nhưng chỉ làm vua được 8 tháng, rồi bị Lê-

Digitized by Google

Đại-Hành cướp ngôi và giáng xuống làm Vệ-vương, hưởng thọ 18 tuổi.

Triều Phế-đế vẫn dùng niên-hiệu Thái-bình.

Triều Đinh gồm 2 vua, mở đầu từ năm Mậu-thân (ngang niên-hiệu Khai-bảo năm đầu triều Tống) và chấm dứt năm Canh-thìn (ngang niên-hiệu Thái bình Hưng-quốc năm thứ 5 triều Tống) trải 13 năm (968 — 980).

LÊ-ĐẠI-HÀNH HOÀNG-ĐẾ

Đế họ Lê tên Hoàn, người Châu-ái. Lê-Hoàn sinh ra với phong thể dị thường; được vài tuổi thì cha mất; có viên quan sát họ Lê thấy người cùng họ đem về làm con nuôi. Gặp đêm đông lạnh-lẽo, Hoàn nằm phục mà ngủ như hình cối úp, đang đêm mà tự nhiên có ánh sáng tỏa [10a] đầy nhà. Viên quan sát đến rình xem, thấy một con rồng vàng ấp ở phía trên, rất lấy làm lạ.

Đến lúc trưởng thành, Lê-Hoàn giúp việc cho Nam-Sách vương Liễn, từng biểu lộ tâm hồn khẳng khái, chí khí lớn lao, Tiên-hoàng khen là người trí dũng, giao cho cai quản một ngàn quân, và thăng dần lên chức Thập-đạo Tướng-quân. Đến lúc Phế-đế lên nối ngôi, Lê-Hoàn tạm trông coi quốc chính; khi quân Tống sang xâm lược, ông lãnh binh cự chiến. Bọn tướng quân nhà Đinh là Phạm-Cự-Lượng cùng chư tướng tôn ông lên làm vua.

Digitized by Google

Lê-Hoàn bèn xưng Đế, thay nhà Đinh mà được nước; vẫn đóng đô tại Hoa-lư.

Vua Lê-Đại-Hành có công chống cự giặc Tống, dẹp bình quân Chiêm, các dân-tộc Trung-hoa và Man-di (Chiêm-thành) đều khiếp sợ, Thượng quốc đã nhiều phen xưng tụng, gia phong hiền tước, thanh dự thật là hiển hách; về mặt chính-trị thì vua lưu ý đến dân phong, quan tâm đến quốc chính, chú trọng nông-nghiệp, cẩn thận giữ phòng biên-giới, qui định pháp lệnh, sắp đặt quân lự, cải trí các châu phủ, chia đặt các phiên trấn, [10b] những nỗ lực vì dân vì nước của nhà vua kể cũng rất tích cực; hiềm vì không giữ đạo tam cương cho chính đáng, khiến con cái tranh chấp lẫn nhau, đến nỗi mất nước. Vua Lê-Đại-Hành ở ngôi được 24 năm, hưởng thọ 65 tuổi; niên-hiệu được thay đổi ba lần, ấy là những niên-hiệu Thiên-phúc (980 — 988), Hưng-thống (989 — 993) và Ứng-thiên (994 — 1005).

TRUNG-TÔNG ĐẾ

Vua tên là Long-Việt, con thứ 3 của Đại-Hành Hoàng-đế, vừa lên ngôi được 3 ngày thì bị Long-Đĩnh sát hại. Vua Trung-tông vẫn dùng niên-hiệu Ứng-thiên (1005).

KHAI-MINH-VƯƠNG

Vương là con thứ 5 của vua Lê-Đại-Hành giết Long-

Digitized by Google

Việt, mà tự lập làm vua. Vua mắc bệnh trĩ nên phải nằm mà thị triều, và ở ngôi được 4 năm thì mất.

Khai-Minh vương có một lần đặt niên-hiệu là Cảnh-thụy (1008 – 1009). [11a] Trên đây là triều tiền Lê gồm 3 vua, mở đầu năm Tân-tỵ (ngang năm thứ 6 niên-hiệu Thái-bình, Hưng-quốc triều Tống) (981) và chấm dứt năm Kỷ-dậu (ngang năm thứ 2 niên-hiệu Đại-trung Tường-phù triều Tống), trải 29 năm.

LÝ-THÁI-TỔ HOÀNG-ĐẾ (1010 – 1025)

Đế họ Lý, húy Công-Uẩn, người châu Cổ-pháp đạo Bắc-giang. Bà mẹ họ Phạm có mang, sinh Công-Uẩn ở chùa Tiêu-sơn (Bắc-ninh); lúc con lên 3 tuổi, bà đem đến nhà Lý-Khánh-Văn ở chùa Cổ-pháp, được Khánh-Văn nhận làm con nuôi. Thuở bé, Công-Uẩn đã biểu-lộ trí thông-minh, phong tư tuấn-tú khác-thường, nhà sư Vạn-Hạnh nhận biết ông sẽ làm nên nghiệp lớn đã nói rằng: « Đây là con người phi thường, lớn lên ắt trở nên một vị minh chúa của thiên hạ ».

Đến lúc trưởng thành, Công-Uẩn không chăm lập sản-nghiệp, chỉ thiệp liệp kinh-sử, nhưng tính-tình khảng-khái, chí-khí lớn lao. Ông phò tá vua Lê Trung-tông được thăng lần đến chức Điện tiền chỉ huy sứ, và sau khi vua Ngọa triều (tức Trung-tông) mất, được quần thần ủng-hộ, [11b] tôn làm Hoàng-đế.

Digitized by Google

Lý Thái-tổ lên ngôi trị nước, dời kinh-đô về thành Thăng-long. Nhà vua sùng kính đạo trời, thương yêu dân, giảm nhẹ thuế ruộng, châm chế các khoản phú dịch, chuyên lấy điều nhân hậu làm cơ-sở giữ nước, nên thiên-hạ được yên lành; thời đại bấy giờ được tụng xưng là đời thịnh-trị. Nhưng nhà vua còn ưa việc dị-đoan, nên số tăng-ni choán một phần nửa số dân chúng, chùa chiền được xây dựng khắp nước, khiến đời sau không khỏi có điều phàn-nàn. Lý Thái-tổ ở ngôi được 18 năm, hưởng thọ 58 tuổi, chỉ đặt niên-hiệu một lần là: Thuận-thiên (1010 – 1028).

THÁI-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1028 — 1054)

Đế tên là Phật-Mã, con đầu của vua Thái-tổ, sinh ra có tướng tốt lạ, và nhiều điềm lành; lớn lên biểu lộ tính nhân từ, minh-triết, dĩnh-ngộ, thông hiểu đại lược về văn vũ, xạ, ngự, thư, số, chẳng môn gì không tinh luyện; Thái-tổ lên ngôi [12a] lập làm Thái-tử, ba năm sau phong làm Khai-Thiên vương, cho dựng cung Long-đức ở ngoài kinh-thành để tiện tìm hiểu việc dân; và thường sai cầm quân đi đánh giặc Man.

Thái-tổ thăng-hà, Thái-tử dẹp loạn tam Vương (1) rồi

(1) Vua Lý Thái-tổ vừa tắt hơi, thì xảy ra việc dành ngôi giữa bốn vị Hoàng-tử, mặc dầu Hoàng trưởng tử Phật-Mã đã từng được phong làm Đông-cung để nối ngôi vua. Các Hoàng-tử Võ-Đức vương, Dực-Thánh vương và Đông-Chinh vương đem quân vây thành.

Các triều thần để nghị cùng Thái-tử dùng biện-pháp võ-lực để giải quyết tình thế, Võ-vệ tướng-quân Lê-Phụng-Hiểu ra trận chỉ mặt Võ-Đức vương mà kể tội phản nghịch rồi vung gươm chém Võ-Đức vương. Dực-Thánh vương và Đông-Chinh vương khiếp uy bỏ chạy. Cuộc khởi loạn chấm dứt, Thái-tử mới lên ngôi.

Digitized by Google

lên ngôi trước linh cữu của Tiên-đế. Từ khi chấp chính nhà vua thân chinh đánh đâu được đấy, tạo nên vũ công hiển hách; lại hay khuyến khích công việc canh tác, tự mình cày tịch điền, giải cứu những kẻ hàm oan, đặt luật lệ, thủy chung đem lòng nhân thứ mà lo việc nội trị, thật là một vị vua hiền nối được cơ-nghiệp. Hiềm vì nhà vua hành động không theo lễ pháp, hay khoe khoang, tự đại, khiến nhà viết sử có lời trách bị.

Thái-tông Hoàng-đế ở ngôi được 27 năm, hưởng thọ 55 tuổi, trước sau cải nguyên 6 lần đặt các niên hiệu: Thiên-thành, (1028 — 1033) Thông-thụy, (1034 — 1038) Kiến-phù-hữu-đạo, (1039 — 1041) Minh-đạo, (1042 — 1043) Thiên-cảm Thánh-vũ, (1044 — 1048) và Sùng-hưng-Đại-bảo (1049 — 1054).

THÁNH-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1054 — 1072)

[12b] Đế tên là Nhật-Tôn, con trưởng của Thái-tông, trước được lập làm Đông-cung. Mỗi lần vua cha thân chinh dẹp giặc, Thái-tử thường được ủy làm giám quốc; sau lại được sách phong làm Khai-Hoàng vương, ở điện Long-đức. Thái-tông lúc ngọa bệnh, sai Thái-tử lâm triều trông coi việc nước. Đến khi lên ngôi, Thánh-tông khéo noi theo việc cũ, thành thực thương dân, trọng nông nghiệp, thương kẻ bị tội, vỗ về người xa, yên ủi kẻ gần; lại mở mang văn-học, khuếch sung võ bị, nên hải nội

Digitized by Google

(trong nước) được an ninh vô sự. Duy việc xây tháp Báo-thiên, dựng cung Dâm-đàm làm hao tổn sức dân, phung phí của cải, có hại cho thịnh đức của nhà vua.

Thánh-tông Hoàng-đế ở ngôi được 17 năm, hưởng thọ 50 tuổi; năm lần kỷ-nguyên, đặt các niên-hiệu: Long-thụy Thái-bình (1054 — 1059), Chương-thánh Gia-khánh (1059 — 1065), Long-chương Thiên-tự (1066 — 1067), Thiên-huống Bảo-tượng (1068 — 1069) và Thần-vũ (1069 — 1071).

NHÂN-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1072 — 1127)

[13a] Đế tên là Càn-Đức, con trưởng của Thánh-tông, tính người minh-triết, nhân từ hiếu nghĩa. Vua hay nghe lời trung gián, cầu hiền tài, tỉnh giảm sai dịch, thuế má cho dân. Chính-sách nhân-đạo của Ngài thật là rõ-rệt trông thấy. Thuở ấy, đối với nhà vua, nước lớn thì sợ oai, nước nhỏ thì mến đức, thần trợ, người theo, dân đông mà giàu có; nhân chính tạo nên cảnh tượng thái-bình, thật là vị đế vương hiển hách nhất của triều Lý; duy Ngài cũng tin tưởng điềm lành, ưa chuộng đạo Phật hơn cả các vị vua đời ấy. Lúc về già, nhà vua càng chăm lo suy cầu học vấn và trở nên người thông-thái thấu hiểu đạo-lý sâu xa. Trước khi thăng hà Ngài đã viết tờ di chiếu phó thác con còi cho các vị cận thần, lời lẽ sáng suốt đáng đọc.

Nhân-tông Hoàng-đế ở ngôi được 56 năm, hưởng thọ

Digitized by Google

63 tuổi ; đổi niên-hiệu 8 lần : Thái-ninh (1072 — 1075), Anh-vũ Chiêu-thắng (1076 — 1084), Quảng-hựu (1085 — 1091), Hội-phong (1092 — 1100), Long-phù (1101 — 1109), Hội-tường Đại-khánh (1110 — 1119), Thiên-phù Duệ-vũ (1120 — 1126) và Thiên-phù Khánh-thọ (1127).

[13b] THẦN-TÔNG HOÀNG-ĐẾ

Đế tên là Dương-Hoán, cháu gọi vua Thánh-tông bằng ông, gọi vua Nhân-tông bằng bác, con đẻ của Sùng hiền-hầu ; vua Nhân-tông không có con nên đem vào cung làm con nuôi, và lập làm hoàng Thái-tử. Lúc lên ngôi năm đầu còn tính trẻ, đến khi trưởng thành, nhà vua sửa sang việc triều-chính, sử dụng người tài giỏi ; nền chính-trị cũng khả-quan. Nhưng vua sùng đạo Phật, thích việc dị đoan, do đó mà sinh ra lắm điều mê-hoặc, như việc đánh được giặc mà quy công cho đức Phật, người dâng hương được thưởng thọ quan chức, khiến cho người nhắc chuyện phải chê bai.

Vua Thần-tông ở ngôi được 11 năm, hưởng thọ 23 tuổi ; hai lần đổi niên-hiệu : Thiên-thuận (1128 — 1132) và Thiên-chương Bảo-tự (1133 — 1138).

ANH-TÔNG HOÀNG-ĐẾ

[14a] Đế tên là Thiên-Tộ, con trưởng của vua Thần-tông. Lúc mới lên ngôi Đế còn nhỏ tuổi, nên gian thần

Digitized by Google

Đỗ-Anh-Vũ lộng hành; thưởng phạt bất công, sai dịch phiền nhũng khiến cho dân tâm oán hận, trời giáng thiên tai, sự thế cơ hồ rối-ren hư hỏng.

Về khoảng cuối triều-đại, Anh-Vũ đã chết, nhà vua tin dùng Tô-Hiến-Thành là bậc hiền thần, Ngài cũng hồi tưởng lại việc trước mà răn mình và biết lo xa nên đức nghiệp ngày càng đổi mới; thường chăm việc luyện binh giảng võ, chọn tướng giỏi, lựa người hiền mà giao sứ mạng Chiêm-thành phải giữ lễ phiên-thần, nhà Tống sách phong coi như nước lớn; triều-đình lúc ấy ai cũng khen là minh trị. Tới lúc sắp mất, vua giữ được tinh-thần sáng suốt: việc phế lập không lầm vì nghe theo lời đàn bà, mọi việc trọng đại chỉ ủy thác cho những bậc hiền lương; cho nên cũng đáng là vị chúa anh minh vậy.

Anh-tông Hoàng-đế ở ngôi được 37 năm, hưởng 40 tuổi; kỷ nguyên trải 4 niên-hiệu: Thiện-minh, (1138—1139) Đại-định, (1140 — 1162) Chính-long Bảo-ứng, Thiên-cảm Chí-bảo.

[14b] CAO-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1176 — 1210)

Đế tên là Long-Thao, con thứ 6 của vua Anh-tông; lúc mới lên ngôi nhờ được những bậc tôi hiền phò tá, nên có những sách lược hay, như phát chẩn cho dân nghèo, cầu người tài giỏi, chính sự còn có phần khả quan; về sau nhà vua ham chơi vô độ, chỉ chăm k[illegible]

Digitized by Google

tạo lâu đài, phung phí nhân công; trộm cướp giặc giã nổi lên như ong, cơ-nghiệp nhà Lý từ đó phải suy dần. Vua Cao-tông ở ngôi được 35 năm, hưởng thọ 38 tuổi; kỷ-nguyên trải 4 niên-hiệu: Trinh-phù (1176 — 1185), Thiên-tư-Gia-thuỵ (1186 — 1201), Thiên-gia-Bảo-hựu (1202 — 1204), Trị-bình-Long-ứng (1205 — 1210).

HUỆ-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1211 — 1225)

Đế tên là Sám, con trưởng vua Cao-tông; vốn là người kém hèn, mờ tối, nhà vua giao hết việc nước cho quyền thần Trần-Tự-Khánh. [15a] Về sau mắc bệnh cuồng, không có con trai, vua nghe bà vợ đẹp họ Trần làm mê hoặc, truyền ngôi cho thứ nữ Chiêu-hoàng, và xuất-gia tu trì tại chùa Chấn-giáo trong đại nội; rồi bị Trần-Thủ-Độ mưu hại. Vua Huệ-tông ở ngôi được 14 năm; cải nguyên một lần lấy niên-hiệu là Kiến-gia (1211 — 1224).

CHIÊU-HOÀNG (1225)

Chiêu-hoàng tên là Phật-Kim, con gái thứ của vua Huệ-tông, ở ngôi được 3 năm, rồi nhường ngôi cho họ Trần; cải nguyên một lần lấy niên-hiệu là Thiên-chương-Hữu-đạo (1224 — 1225).

Trên đây là triều nhà Lý gồm 9 đời vua, bắt đầu từ

Digitized by Google

Thái-tổ năm Canh-tuất (ngang niên-hiệu Thái-trung Tường-phù năm thứ 3 triều Tống) cho đến Chiêu-hoàng năm Ất-dậu (vào năm đầu niên-hiệu Bảo-khánh triều Tống), trải 218 năm (1010 — 1225).

TRẦN-THÁI-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1225 — 1258)

Vua họ Trần tên là Cảnh, người làng Tức-mặc phủ Thiên-trường; tiền nhân vốn người đất Mân, ông tổ bốn đời mới đến ở Tức-mặc, cha ông đều làm nghề đánh cá. Đế sinh ra có phong tư hùng-vĩ tuấn-tú; năm lên tám tuổi sung chức hậu chính ở cục Chi ứng triều nhà Lý, vào chầu ở Nội-cung, sau được Chiêu-hoàng truyền ngôi. Đế vốn người khoan-dung, nhân-hậu, ham chuộng văn học; sau khi lên ngôi liền đặt ra khoa mục, dùng người hiền-năng, định lễ nghi; chế hình-luật, chương pháp độ rõ ràng đáng kể. Đến lúc nhường ngôi cho con, lui ở cung Bắc, Ngài càng chăm chú học hỏi, lưu tâm suy cầu kinh điển, hiểu ý nghĩa tinh-thâm. Chỉ hiềm lúc mới lên ngôi, mọi việc đều do Thủ-Độ hoạch định, đến nỗi để tiếng xấu ở chốn khuê môn, gia phong bất chính, người luận sử [16a] cho là điều đáng tiếc. Vua Thái-tông ở ngôi được 33 năm, nhường ngôi làm Thượng-hoàng 19 năm, hưởng thọ 60 tuổi; kỷ-nguyên đặt 3 niên-hiệu: Kiến-trung (1226 — 1231), Thiên-ứng Chính-bình (1232 — 1250) [illegible]ên-phong (1251 — 1258).

Digitized by Google

THÁNH-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1258 — 1278)

Đế tên là Hoảng, con trưởng của vua Thái-tông, tính người trung hiếu, nhân thứ, nhân với người thân, hòa mục với họ hàng, tôn hiền trọng đạo, thực là một bậc vua hiền nối nghiệp. Lúc về già Ngài chuyên tâm suy cứu Nhất Thừa Phật-giáo, noi theo gia pháp. Vua Thánh-tông ở ngôi được 21 năm, nhường ngôi làm Thượng-hoàng 13 năm, hưởng thọ 51 tuổi; kỷ-nguyên gồm hai niên-hiệu: Thiệu-long (1258 — 1272) và Bảo-phù (1273 — 1278).

NHÂN-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1279 — 1293)

[16b] Đế tên là Linh, con trưởng của vua Thánh-tông, người nhân từ, có trí lược, có bụng thương dân, thường gia ân huệ, nên rất được lòng người. Quân Nguyên đòi phen sang xâm lấn nước ta, nhà vua từng tuyển tướng luyện binh, dẹp tan giặc lớn; công-nghiệp trùng hưng làm vẻ vang thêm cho Tiền-liệt. Sau khi thoái vị, Ngài hằng lưu tâm nghiên cứu kinh Phật, xây cất am Thiên-kiện, đúc vạc Phổ-minh, dốc lòng chăm lo Phật sự. Lúc về già, Ngài xuất gia lên tu ở núi Yên-tử, rồi mất tại am Ngọa-vân. Vua Nhân-tông ở ngôi được 14 năm, nhường ngôi làm Thượng-Hoàng 5 năm, xuất gia đi tu 8 năm, hưởng thọ 51 tuổi; kỷ-nguyên gồm hai niên-hiệu: Thiệu-bảo (1279 — 1284) và Trùng-hưng (1285 — 1293).

Digitized by Google

ANH-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1293 — 1314)

Đế tên là Thuyên, con trưởng của vua Nhân-tông. Ngài khéo nối nghiệp Tiên-đế, thương dân, lập chính, gây nên cảnh thái-hòa, an lạc, [17a] chính-trị tốt đẹp sáng sủa, chế-độ rực rỡ được tiếng là hưng-thịnh. Duy nhà vua tụ tập bọn sa-môn ở núi Yên-tử, và xây cất am Ngọa-vân, làm nhọc sức dân, không khỏi gây nên vết nhỏ, nên bị nhà làm sử chê trách. Vua Anh-tông ở ngôi được 22 năm, xuống ngôi làm Thượng-hoàng 7 năm, hưởng thọ 45 tuổi ; kỷ-nguyên một lần lấy niên-hiệu là Hưng-long (1293 — 1314).

MINH-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1314 — 1329)

Đế tên là Mạnh, con thứ 4 của vua Anh-tông. Ngài chăm sửa sang chính sự, làm sáng tỏ công nghiệp của tiền nhân ; hay trọng dụng các bậc văn nho, nên nhân tài rất thịnh ; thời ấy nước nhà yên ổn, trong ấm ngoài êm, kỷ cương hoàn bị. Thật là vua hiền thời thái-bình. Ngài ở ngôi được 15 năm, nhường ngôi 28 năm, hưởng thọ 58 tuổi ; đặt niên-hiệu hai lần : Đại-khánh (1314 — 1323) và Khai-thái (1324 — 1329).

[17b] HIẾN-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1329 — 1341)

Đế tên là Vượng, con thứ của vua Minh-tông, lên ngôi lúc còn nhỏ tuổi, được các bậc bề-tôi hiền tài phụ chính,

Digitized by Google

trên dưới cùng tác thành lẫn nhau, nên không có những hành-động sai lầm. Vua Hiến-tông ở ngôi được 13 năm, hưởng thọ 23 tuổi ; đặt niên-hiệu một lần : Khai-hựu (1329 — 1341).

DỤ-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1342 — 1369)

Đế tên là Hạo, con thứ 10 của vua Minh-tông, vốn có thiên-tư minh-mẫn, học vấn cao xa, Ngài hay tu văn, giảng vũ, khiến cho các nước Man-di lân cận phải qui phục ; trong những năm mới lên ngôi, chính sự của nhà vua cũng khả quan, nhưng đến khoảng niên-hiệu Đại-trị trở về sau, vua chỉ thích ăn chơi, hoang-dâm vô độ, và kể từ đó cơ nghiệp nhà Trần bắt đầu suy đốn. Vua Dụ-tông ở ngôi được 28 năm, hưởng thọ 34 tuổi ; đặt niên-hiệu hai lần : Thiệu-phong (1344 — 1357) và Đại-trị (1358 — 1369).

[18a] NGHỆ-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1370 — 1372)

Đế tên là Phủ, con thứ 3 của vua Minh-tông ; đương sơ giữ chức hữu Tướng-quốc, được phong làm Cung-định vương. Lúc Dương-Nhật-Lễ tiếm vị, vương lánh ra trấn Đà-giang, đốc suất họ hàng (tôn thất) tiến về kinh thành đánh giết Nhật-Lễ rồi lên ngôi vua. Ngài dẹp loạn trong triều, khôi phục cơ đồ nhà Trần, công-nghiệp trung-hưng sáng tỏ khắp đất nước. Duy có tâm hồn điềm-đạm, Ngài không lấy việc lên ngôi làm vui thích, thật cũng đáng khen là bậc vua hiền ; chỉ hiềm nỗi lòng nhân từ có dư mà tài cương đoán lại thiếu, khiến giặc ngoài xâm phạm kinh-kỳ, gian thần trong nước trộm dòm ngôi báu ; nước càng ngày càng suy yếu mãi cho đến diệt vong. Vua Nghệ-tông

Digitized by Google

ở ngôi 3 năm, nhường ngôi làm Thượng-hoàng 27 năm, hưởng thọ 74 tuổi, kỷ-nguyên một lần lấy niên-hiệu là Thiệu-khánh (1370 — 1372).

[18b] DUỆ-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1372 — 1377)

Đế tên là Cảnh, con thứ 11 của vua Minh-tông; lúc mới lên ngôi, nhà vua hằng lưu tâm lo việc trị nước, tuyển tướng luyện binh, mở khoa thi để chọn nhân tài, chính-sự cũng có những thành-tích khả quan. Nhưng Đế yêu chuộng và tin dùng bọn ngoại thích, rút cuộc mở đường cho chúng tiến tới việc lộng quyền và tiếm vị. Vua nghe lời tâu quỷ quyệt của Tử-Bình đi đánh Chiêm-thành, tiến vào Mang-động, bị vây hãm mà chết trận. Duệ-tông ở ngôi được 4 năm, hưởng thọ 41 tuổi, kỷ-nguyên 1 lần lấy niên-hiệu là Long-khánh (1373 — 1377).

PHẾ-ĐẾ (1377 — 1388)

Đế tên là Hiện, con trưởng của Duệ-tông, được Thượng-hoàng Nghệ-tông lập làm vua sau khi Duệ-tông, nam chinh đã chết trận ở Chiêm-thành. Phế-Đế vốn người ám nhược, [19a] không có khả-năng làm việc nước, càng ngày càng mất dần uy quyền về tay kẻ dưới; nên ở ngôi được 12 năm thì bị giáng làm Linh-đức vương; kỷ-nguyên 1 lần lấy niên-hiệu là Xương-phù (1377 — 1388).

THUẬN-TÔNG HOÀNG-ĐẾ (1388 — 1398)

Đế tên là Ngung, con út của Nghệ-tông; chỉ giữ hư vị, kéo dài kiếp sống gửi mà thôi; bởi lúc ấy quyền thần

Digitized by Google

Quý-Ly trị nước, nhà vua bị ép dời đô vào động An-tôn ở Thanh-hoa, chính sự do một tay Quý-Ly nắm giữ, muốn làm gì thì làm. Vua Thuận-tông ở ngôi được 9 năm rồi xuất gia ở chùa và bị Quý-Ly mưu hại ; kỷ-nguyên 1 lần lấy niên-hiệu là Quang-thái (1388 — 1398).

THIẾU-ĐẾ (1398 — 1399)

[19b] Đế tên là An, Thái-tử của Thuận-tông, làm vua được 2 năm thì bị Quý-Ly cướp ngôi và giáng làm Bảo-ninh vương ; kỷ-nguyên 1 lần lấy niên-hiệu Kiến-tân (1398 - 1400).

Trở lên là triều nhà Trần gồm 12 vua, bắt đầu từ Thái-tông năm Bính-tuất (ngang niên-hiệu Bảo-khánh năm thứ 2 triều Tống) đến Thiếu-đế năm Kỷ-mão (ngang năm đầu niên-hiệu Kiến-văn triều Minh, trải 174 hăm (1226 — 1299).

Phụ : triều Nhuận-Hồ : Quý-Ly (kỷ-nguyên : Thánh-nguyên) ; Hán-Thương (kỷ-nguyên : Thiệu-thành, Khai-đại) trải 7 năm (1400 — 1407).

Quý-Ly vốn thuộc giòng-dõi họ Hồ ở Trung-quốc ; tiên tổ là người Chiết-giang, thời Hậu Hán sang nước Nam lập nghiệp ở Diễn-châu ; người cháu 12 đời dời nhà ra Thanh-hóa ở làng Đại-lại và làm con nuôi của quan Tuyên-úy người họ Lê, nên đổi họ Hồ làm họ Lê. Quý-Ly là cháu bốn đời của vị tổ nầy.

Dưới triều Trần Nghệ-tông, được sung [20a] chức Chánh chưởng bốn cục Chi hậu, lên chức Khu-mật đại-sứ, thăng Tiều tư không, rồi lần lượt phong Đồng bình chương

Digitized by Google

sự, gia Phụ-chánh Thái-sư nhiếp-chánh, tước Đại-vương, sau xưng Quốc-tổ Chương-hoàng, rồi thay ngôi nhà Trần, đặt tên nước là Đại-ngu, và đổi lại họ Hồ. Làm vua chưa đầy một năm, Quý-Ly trao ngôi cho con là Hán-Thương. Hán-Thương tiếm ngôi được sáu năm. Sau cả hai cha con đều bị người Minh bắt).

HẬU TRẦN — GIẢN-ĐỊNH-ĐẾ (1407 – 1409)

Đế tên là Quỹ, con thứ của vua Nghệ-tông; cuối đời Hồ khởi binh khôi phục nhà Trần, lên ngôi ở châu Trường-yên. Thời ấy, nhà vua được các tướng cũ Đặng-Tất, Nguyễn-Cảnh-Chân phò tá cùng mưu việc đánh giặc cứu nước. Đặng-Tất điều động quân quan bốn lộ [20b] Thanh Nghệ Thuận Bình tiến đánh Đông-đô, được nhiều hào-kiệt hưởng-ứng, cả phá quân Minh ở Bô-cô; thế nước lại chấn-hưng. Nhưng rồi Giản-Định-đế tin lời sàm tấu của bọn cận thần nghi Đặng-Tất và Nguyễn-Cảnh-Chân chuyên quyền mà giết hại hai tướng, khiến các bề-tôi đều nản lòng nên công cuộc kháng chiến phải thất bại; sau bị giặc Minh bắt; ở ngôi được 2 năm; kỷ-nguyên 1 lần lấy niên-hiệu Hưng-khánh (1408 — 1409).

TRÙNG-QUANG-ĐẾ (1409 — 1413)

Đế tên là Quý-Khoáng, cháu nội vua Nghệ-tông và cháu thúc bá với Giản-Định, được các bề-tôi cũ Nguyễn-Cảnh-Dị, Đặng-Dung lập làm vua tại Nghệ-an để theo đuổi công cuộc chống quân Minh; Nguyễn Đặng hết sức giúp vua, các lộ phần nhiều qui phụ. Do trận thắng ở Thái-già [21a] thanh-

Digitized by Google

thế quân ta lừng lẫy, lực lượng kháng chiến được lớn mạnh. Về sau các tướng lại bất hòa với nhau nên bị quân Minh đánh bại. Vua Trùng-Quang chạy sang Lão-qua bị Trương-Phụ bắt được giải về Yên-kinh, giữa đường nhà vua nhảy xuống nước tự tận. Hai tướng Nguyễn Đặng cũng chết theo ; nhà Trần bèn mất. Vua ở ngôi được 5 năm ; kỷ-nguyên lấy niên-hiệu Trùng-quang (1409 — 1413).

Triều Hậu Trần gồm hai vua, mở đầu từ năm Đinh-hợi (ngang niên-hiệu Vĩnh-lạc năm thứ 5 triều Minh) và cáo chung vào năm Quý-tỵ (ngang niên-hiệu Vĩnh-lạc năm thứ 11) trải 7 năm (1407 — 1413).

LÊ TRIỀU — THÁI-TỔ CAO-HOÀNG-ĐẾ (1428 — 1433)

Đế họ Lê húy Lợi, người làng Lam-sơn huyện Lương-giang. Ông cha Ngài đã từng làm hùng trưởng một phương ; vị tổ tam đại tên Đinh là người khoan nhân, rộng thương dân chúng, trong nhà tôi tớ có trên ngàn người. Hoàng-khảo (thân phụ Ngài) tên Khoáng nối nghiệp [21b] được nhân dân các vùng quy phục ; Người sinh hạ ba trai (con cả tên là Học, con thứ là Trừ), Đế là con út. Hôm Đế sinh ra, kỳ hương tỏa khắp làng xóm. Đến lúc trưởng thành, Ngài biểu lộ chí hướng siêu việt, lớn lao ; có tướng đi như rồng, lối bước như hổ ; thức giả biết là bậc người phi thường. Khi làm phụ đạo ở Khả-lam, Ngài bắt được cây kiếm thần và hòn ấn ngọc là điềm tốt lành. Thuở ấy, đương buổi họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, Đế ẩn thân đợi thời ; đến khi quân Minh sang chiếm nước ta đặt làm quận huyện của của họ, N quyết tâm phục quốc, bèn hạ mình chiêu

Digitized by Google

hiền nạp sĩ ; anh-hùng hào-kiệt trong nước thảy đều quy phụ. Năm Mậu-tuất (1418) Ngài khởi binh ở Lam-sơn, xưng Bình-Định vương; từ đấy trải hơn trăm trận cam go mới dẹp tan quân giặc, sau 10 năm chiến đấu, đem lại thái bình cho đất nước. Ngài lên ngôi ở Đông-đô, đặt quốc-hiệu là Đại-Việt.

Thuở ấy Đế chưa được nhà Minh chính thức công nhận vương tước, chỉ cho quyền lãnh An-nam quốc sự [22a], phàm các chiếu lệnh đều xưng « thuận thiên thừa vận, duệ văn anh vũ đại vương », Đế xưng hiệu Lam-sơn động chủ, lấy ngày sinh hạ làm vạn thọ thánh tiết. Nhà vua định luật lệnh, chế lễ nhạc, mở khoa mục, tổ chức cấm vệ, sắp đặt quan chức, lập phủ huyện, thu đồ tịch, mở mang trường học, thi hành chính sự, mọi việc đều chu tất, khả quan. Vua Thái-tổ ở ngôi được 6 năm, hưởng thọ 51 tuổi ; kỷ-nguyên 1 lần lấy niên-hiệu là Thuận-thiên (1428 — 1433).

(Ngang từ niên-hiệu Vĩnh-lạc năm thứ 16 Mậu-tuất đến năm thứ 22 Giáp-thìn đời Minh Thành-tổ ; đây là thời-kỳ xưng Bình-Định-vương và ngang từ niên-hiệu Tuyên-đức thứ 3 — Mậu-thân — đến năm thứ 6 — Quý-sửu — đời Minh Tuyên-tông, là thời-kỳ lên ngôi vua).

THÁI-TÔNG VĂN HOÀNG-ĐẾ (1434 — 1442)

Đế tên là Nguyên-Long, con thứ của vua Thái-tổ, được lập tự vào khoảng đầu niên-hiệu Thuận-thiên, sau khi Thái-tử Tư-Tề bị truất phế vì tội hoang-dâm, phóng túng [22b]. Lúc lên ngôi nhà vua vừa được 11 tuổi, mọi việc triều chính đều ủy cho các cựu thần lo g

Digitized by Google

trong triều ngoài cõi đều được yên ổn. Đến bấy giờ Minh-đế mới phong vua ta làm An-nam quốc vương. Vua Thái-tông xưng hiệu là Quế-lâm động chủ, lấy ngày sinh hạ làm Kế-thiên thánh-tiết. Đế bẩm thiên tư minh triết, lúc lớn khôn nắm giữ quyền chính, mặt trong chế ngự quyền thần, mặt ngoài dẹp yên các Man-di. Ngài trọng đạo, tôn Nho, mở khoa thi để kén chọn nhân tài, thiết chế lễ nhạc, minh định hình chính, chế độ văn vật càng ngày càng phát huy rực rỡ; vua Thái-tông được xưng tụng là một vì lương chúa, hiềm nỗi quá đam mê tửu sắc mà chết bất ngờ ở giữa đường trong lúc ngự giá tuần hành ở miền Đông. Nhà vua ở ngôi được 9 năm, hưởng thọ 20 tuổi; kỷ-nguyên hai lần, lấy niên-hiệu: Thiệu-bình (1434 — 1439) và Đại-bảo (1440 — 1442).

(Đương triều Minh niên-hiệu Tuyên-đức năm thứ 9 — Giáp-dần — đến năm thứ 10 — Ất-mão — và niên-hiệu Chính-thống năm đầu — Bính-thìn — đến năm thứ 7 — Nhâm-tuất — đời Anh-tông).

NHÂN-TÔNG TUYÊN HOÀNG-ĐẾ (1443 — 1459)

[23a] Đế tên là Bang-Cơ, con thứ 3 của Thái-tông, lên ngôi lúc mới đầy 2 tuổi. Bà Thái-hậu buông rèm nghe việc triều chính, lấy ngày sinh vua làm Hiến thiên thánh tiết. Đến lúc trưởng thành nhà vua nắm giữ chính quyền, tôn sùng đạo Nho, nghe lời can gián, chú trọng nông nghiệp, yêu thương dân chúng; ở ngôi được 17 năm, bị Lạng-sơn vương Nghi-Dân thí nghịch, hưởng thọ 19 tuổi; hai lần kỷ-nguyên lấy niên-hiệu: Thái-hòa (1443 — 1453) và Diên-ninh (1454 — 1459).

Digitized by Google

(Đương triều Minh niên-hiệu Chính-thống từ năm thứ 8 — Quý-hợi — đến năm thứ 14 — Kỷ-tỵ — vua Anh-tông bị giặc Bắc bắt giữ; em là Thạnh-vương nối ngôi lấy niên-hiệu Cảnh-thái, trị vì được 7 năm. Rồi Anh-tông trở lại ngôi vua lấy niên-hiệu Thiên-thuận, từ năm đầu đến năm thứ 3).

THÁNH-TÔNG THUẦN HOÀNG-ĐẾ (1460 — 1497)

Đế tên là Tư-Thành, con thứ 4 của Thái-tông, tương truyền rằng: bà Quang-Thục hoàng Thái-hậu nằm mộng thấy trời ban cho [23b] một vị Tiên-đồng rồi sinh Đế, trước được phong làm Bình-nguyên vương, sau đổi phong Gia-vương. Đến lúc Nghi-Dân bị truất phế, Ngài được nhóm đại thần Nguyễn-Xí rước về cung và tôn làm vua. Đế xưng hiệu là Thiên-nam động chủ, lấy ngày sinh hạ làm Sùng-thiên thánh-tiết. Vua Thánh-tông bẩm tính cao minh, rất ham học, không bao giờ thấy mỏi, tay không rời quyển sách, nên từ Kinh, Sử, Tử, Tập cho đến lịch số toán chương, không môn nào mà Ngài chẳng tinh thông, thơ văn càng xuất sắc, vượt hẳn tài học các văn thần. Về việc trị nước, nhà vua sùng thượng Nho thuật, đề bạt những bậc anh tài, sáng lập chế độ, mở mang bờ cõi đất nước, thật là một đấng minh quân gồm đủ tài lược văn vũ, cả trăm đời, có một không hai. Cuộc bình-trị của triều Hồng-đức được xưng là cực thịnh. Nhưng càng về già, nhà vua càng ham nữ sắc đến nỗi mắc bệnh phong thủng, ngày càng trầm trọng. Khi ốm nặng, vua Thánh-tông có làm bài thơ tự thuật như sau:

Digitized by Google

NGUYÊN VĂN

五十年來七尺軀
剛腸如鐵却成柔
風吹牖外黃花謝
露浥庭前綠柳瘤
碧漢望窮雲杳杳
黃粱夢醒夜悠悠
蓬萊山上音容斷
冰玉幽魂入夢無

PHIÊN ÂM

Ngũ thập niên hoa thất xích khu,
Cương trường như thiết khước thành nhu.
[24a] *Phong xuy song ngoại hoàng hoa tạ,*
Lộ ấp đình tiền lục liễu cù.
Bích hán vọng cùng vân diểu diểu,
Hoàng lương mộng tỉnh dạ du du.
Bồng lai sơn thượng âm dung đoạn,
Băng ngọc u hồn nhập mộng vô.

TẠM DỊCH

Tấm thân bảy thước tuổi năm mươi,
Dạ sắt ta nay bỗng rũ-rời.
Ngoài cửa hoa tàn vì gió thổi,

Digitized by Google

Trước sân liễu ốm bởi sương rơi.
Trông mây bịch hán chừng mờ mịt,
Tỉnh giấc hoàng lương vẫn tối hoài.
Bồng đảo thần tiên xa tiếng điệu,
Mộng hồn trong trắng luống chơi vơi.

Làm xong bài thơ, vua sai vực mình ngồi dựa ghế ngọc, truyền ngôi cho Thái-tử rồi thăng-hà. Ngài ở ngôi được 38 năm, hưởng thọ 56 tuổi; kỷ-nguyên đổi 2 lần: lấy niên-hiệu Quang-thuận (1460 – 1469) và Hồng-đức (1470 — 1497).

(Đương triều Minh niên-hiệu Thiên-thuận năm thứ 4 đến năm thứ 8 và triều Hiến-tông, niên-hiệu Thành-hóa, năm đầu — Ất-dậu — đến năm thứ 23 — Đinh-mùi — và triều Hiến-tông, niên-hiệu Hoằng-trị năm đầu — Mậu-thân — đến năm thứ 10, Đinh-tỵ).

HIẾN-TÔNG DUỆ HOÀNG-ĐẾ (1497 — 1504)

Đế tên là Tăng, con trưởng của Thánh-tông; lúc chưa có con nối dõi, vua Thánh-tông từng sai người cầu tự tại [24b] am Từ-công trên núi Phật-tích, bỗng có đá bay ứng hiện điềm lành, trong khi đó bà Hoàng-hậu Trường-Lạc ở biệt cung nằm mộng thấy rồng vàng bay vào rồi sinh hoàng nam Tăng. Niên-hiệu Quang-thuận năm thứ 2, hoàng nam được lập làm Hoàng Thái-tử. Ngài sinh ra phong tư tuấn-tú, thần-thái đoan-nghiêm, được vua Thánh-tông quý hóa vô cùng. Sau khi lên ngôi, Đế xưng hiệu là Thượng-dương động chủ, lấy ngày sinh hạ làm Thiên-thọ thánh-tiết và tuân theo pháp độ do vua cha đã tác thành. Nhà vua cũng

Digitized by Google

ham chuộng văn-học, chủ-trương gìn-giữ nề-nếp cũ, thiên hạ được an hưởng thái-bình, xưng tụng đời thịnh trị. Vua Hiến-tông ở ngôi được 7 năm, hưởng thọ 40 tuổi ; kỷ-nguyên lấy niên-hiệu Cảnh-thống (1498 — 1504).

(Đương triều Minh, niên-hiệu Hoàng-trị từ năm thứ 11 đến năm thứ 17).

TÚC-TÔNG KHÂM HOÀNG-ĐẾ (1504 — 1505)

Đế tên là Thuần, lại có tên Đàm, con thứ ba của vua Hiến-tông ; lấy ngày sinh hạ làm Thiên-minh thánh-tiết ; ở ngôi [25a] chưa được một năm đã thăng hà, hưởng thọ 17 tuổi ; kỷ-nguyên lấy niên-hiệu Thái-trinh.

UY-MỤC ĐẾ (1505 — 1509)

Đế tên là Tuấn, con thứ hai của Hiến-tông, anh thứ của Túc-tông. Bà mẹ vua là Chiêu-nhân hoàng Thái-hậu người làng Phù-chẩn, huyện Đông-ngàn ; hồi còn nhỏ nhà nghèo, tự bán mình cho người ở Phụng-thiên, vì nhà nầy phạm tội, nên bà bị bắt làm thị tỳ ở trung cung ; sau được vua Hiến-tông thương yêu, nạp làm cung phi rồi sinh Hoàng-tử Tuấn ; đến lúc vua Túc-tông thăng hà, không có con kế tự, bà thứ mẫu của Uy-Mục là Kinh-phi mới mưu lập ông lên ngôi. Vua xưng hiệu là Quỳnh-lâm động chủ, lấy ngày sinh làm Thiên-khánh thánh-tiết. Nhà vua đam mê tửu sắc, ưa việc tàn sát. Phó sứ nhà Minh là Hứa-Thiên-Tích sang sách phong, xem tướng vua Uy-Mục mà đề thơ rằng :

Digitized by Google

NGUYÊN VĂN

安南四百祚尤長
天意如何降鬼王

PHIÊN ÂM

[25b] *An-Nam tứ bách tộ vưu trường,*
Thiên ý như hà giáng quỷ vương...

NGHĨA LÀ:

Bốn trăm năm vận nước Nam dài,
Ý trời sao lại sinh ra vua quỷ.

Sau khi lên ngôi, vua Uy-Mục ra tay tru lục, nhiều người trong hoàng-tộc bị sát hại, ai nấy đều nghi sợ, rồi sự hiềm khích gây nên mối loạn to. Giản-Tu công — tên là Oanh — đem binh từ Tây-đô về hãm kinh-thành, bắt nhà vua phải tự-tận và giáng làm Mẫn-Lệ công; đến năm thứ hai niên-hiệu Quang-thiệu được truy tôn làm Uy-Mục đế. Vua ở ngôi được 5 năm, hưởng thọ 22 tuổi, kỷ nguyên một lần lấy niên-hiệu: Đoan-khánh (1505 — 1509).

(Đương triều Minh, niên-hiệu Hoằng-trị năm thứ 18; và triều Vũ-tông niên-hiệu Chính-đức từ năm đầu — Bính-dần — đến năm thứ 4, Kỷ-tỵ).

TƯƠNG-DỰC ĐẾ (1510 — 1516)

Đế tên là Oanh, lại có tên là Trửu, cháu vua Thánh-tông, con của Kiến-vương Lê-Tân, dưới triều Hiến-tông

Digitized by Google

được phong làm Giản-tu công; [26a] đến lúc Uy-Mục đế giết hại người tôn thất, công bèn lánh vào Tây-đô khởi binh kéo về Đông-kinh giết vua Uy-Mục mà tự lập lên ngôi, xưng hiệu là Nhân-hải động chủ, lấy ngày sinh làm Thiên-bảo thánh-tiết.

Lúc mới lên ngôi, nhà vua ban bố sách lược, thận trọng hình về phạt, chính sự cũng khả quan; về sau, ăn chơi vô độ, xây cất nhiều cung điện, khiến cho dân oán, giặc dã nổi khắp nơi, gây nên thảm họa nguy vong. Vua ở ngôi được 8 năm, hưởng thọ 24 tuổi; bị quyền thần Trịnh-Duy-Sản mưu giết, giáng phong làm Linh-ẩn vương, thọ 24 tuổi, đến năm thứ 2 niên-hiệu Quang-thiệu, được truy tôn làm Tương-Dực đế; kỷ-nguyên lấy niên-hiệu Hồng-thuận (1510 — 1516).

(Đương triều Minh, niên-hiệu Chính-đức, năm thứ 5 — Canh-ngọ — đến năm thứ 11, Bính-tý).

CHIÊU-TÔNG THẦN HOÀNG-ĐẾ (1516 — 1522)

[26b] Đế tên là Tuệ, cháu bốn đời (Tằng tôn) của vua Thánh-tông, và là con trưởng của Cẩm-giang vương Lê-Sùng; lúc Tương-Dực đế ngộ hại, không có con kế tự, Lê-Tuệ được nhóm Trịnh-Duy-Sản tôn làm vua, lấy ngày sinh làm Nghi-thiên thánh tiết. Nhà vua ở ngôi được 7 năm, giận quyền thần Mạc-Đăng-Dung hiếp chế, bèn bí mật rời cung đi ra ngoài, hiệu triệu hào kiệt bốn phương đánh giặc. Xa giá lại trở về Kinh-sư, được thiên hạ hưởng ứng. Nhưng rồi Trịnh-Tuy ép vua trở vào Thanh-hóa, khiến cho dân chúng gần xa phải thất vọng, Mạc-Đăng-Dung bèn

Digitized by Google

lập hoàng-đệ Xuân lên làm vua, đổi niên-hiệu là Thống-nguyên, và giáng Chiêu-tông làm Đà-Dương vương mà bắt về kinh rồi mưu hại. Chiêu-tông hưởng thọ 26 tuổi; kỷ-nguyên lấy niên-hiệu là Quang-thiệu.

(Đương triều Minh, niên-hiệu Chính-đức năm thứ 11 đến năm thứ 16, Tân-tỵ; và triều Thế-tông niên-hiện Gia-tĩnh năm đầu, Nhâm-ngọ).

CUNG-HOÀNG ĐẾ (1523 — 1527)

[27a] Đế tên là Xuân, con cùng mẹ của vua Chiêu-tông; lúc Chiêu-tông xuất ngoại, được Đăng-Dung lập làm vua, lấy ngày sinh làm Khâm-thiên thánh-tiết; làm vua được 5 năm, bị Đăng-Dung cướp ngôi và phế làm Cung-vương rồi bị giết hại; kỷ-nguyên lấy niên-hiệu là Thống-nguyên (1522 — 1527).

Trở lên là triều Tiền Lê kể từ khi Thái-tổ lên ngôi — năm Mậu-thân — cho đến lúc Cung-hoàng bị phế vào năm Đinh-hợi, gồm tất cả 10 đời vua, trải 100 năm; thêm vào đó thời gian Thái-tổ hưng binh từ năm Mậu-tuất, tổng cọng 110 năm. Họ Mạc cướp ngôi nhà Lê từ năm Mậu-tý (1528) đến năm Nhâm-thìn (1532) được 5 năm, Trang-tông mới được lập lên ngôi.

Mạc-Đăng-Dung tiếm ngôi lấy niên-hiệu Minh-đức (1527—1529) ba năm rồi truyền ngôi cho con là Đăng-Doanh, đổi niên-hiệu là Đại-chính (1530 — 1540).

[27a] TRANG-TÔNG DỤ HOÀNG-ĐẾ (1533 — 1548)

Đế tên là Ninh — hay Duy-Ninh — còn có t/

Digitized by Google

con của vua Chiêu-tông và cháu năm đời (huyền tôn) của vua Thánh-tông. Trước kia vua Chiêu-tông lưu Đế ở Tây-đô và sai Lỵ-quốc-công Trịnh-Duy-Tuấn bảo hộ. Sau khi Chiêu-tông bị Đăng-Dung ép buộc trở về kinh, Duy-Tuấn phải chạy qua sách Thủy-chú, lúc ấy Đế mới lên 11 tuổi, được Lê-Quan công chạy sang nước Ai-lao, và đổi tên là Huyến. Đến lúc họ Mạc cướp ngôi, quốc thống nửa chừng dứt đoạn, khi ấy vị cựu tướng là Chiêu-huân công (Nguyễn-Kim) ẩn lánh ở miền Thượng-du đang âm thầm mưu đồ khôi phục nhà Lê, bèn sai bọn Duy-Tuấn, Duy-Liêu chiêu tập các cựu thần và di dân, đón Duy-Ninh và tôn lên ngôi tại sách Thúy-thuần. Lúc bấy giờ Đế mới lên 19 tuổi. Vua lấy sách Sầm-lục làm hành tại, [**28a**] phong Chiêu-huân-công làm Thái-sư Hưng-quốc-công, lưu lại giúp việc quốc-chính, bôn tẩu trong các Man động, ngót 10 năm, dọn cỏ rậm mà thiết lập triều-đình; do đó, thế nước lại nổi lên. Về sau lại được Dực quận-công Trịnh-Kiểm phò tá, vua hết lòng tin tưởng, cất người hiền-đức, thu dùng những kẻ có tài-năng, chăm dân thương lính, và tu chỉnh pháp lệnh, khiến cho địa-phương trở thành bình-trị. Rồi xuất quân chinh phục, triều-đình bắt đầu bình định hai vùng Hoan Ái và dời hành-điện đến sách Vạn-lại. Hào-kiệt từ các phương xa đều tìm đến quy phục, và cơ-nghiệp trung-hưng bắt đầu phát triển mạnh từ đó. Vua Trang-tông ở ngôi được 16 năm, hưởng thọ 34 tuổi; kỷ-nguyên đặt niên-hiệu là Nguyên-hòa (1533 — 1548).

(Phụ: Mạc-Đăng-Doanh: niên-hiệu Đại-chính; Phúc-Hải: niên-hiệu Quảng-hòa; Phúc-Nguyên: niên-hiệu Vĩnh-định, và Cảnh-lịch.)

(Đương triều Minh niên-hiệu Gia-tĩnh năm thứ 10 — Quý-tỵ — đến năm thứ 27, Mậu-thân).

Digitized by Google

[28b] TRUNG-TÔNG VŨ HOÀNG-ĐẾ (1548 — 1556)

Đế tên là Huyên, con trưởng của vua Trang-tông, bẩm tính khoan-hoằng, thông-đạt, có tài lược đế vương; phàm việc bất cứ lớn nhỏ, đều ủy cho Lượng quốc-công Trịnh-Kiểm quyết định. Trăm quan xếp đặt đầy đủ, nước giàu binh mạnh, mới dời hành-tại đến An-trường, rồi lại dời ra Biện-thượng. Nhà vua bắt đầu mở chế-khoa để kén chọn nhân-tài; hào-kiệt bốn phương thảy về quy phụ. Triều-đình thâu được cả châu Hoan, châu Ái, lấy luôn đất Thuận, Quảng, bình định miền tây-nam và ra đánh Đông-đô; tuy chưa lấy lại kinh-đô cũ, nhưng với thế lực ngày càng lớn mạnh như vậy, thì cơ hưng-phục đã thể hiện rõ ràng. Vua Trung-tông ở ngôi được 8 năm; hưởng thọ 22 tuổi; kỷ-nguyên đặt niên-hiệu là Thuận-bình (1549 — 1556).

(Phụ: Mạc Phúc-Nguyên, niên-hiệu: Thuận-lịch, Quang-bảo).

(Đương triều Minh, niên-hiệu Gia-tĩnh từ năm thứ 28 — Kỷ-dậu — đến năm thứ 35, Bính-thìn).

[29a] ANH-TÔNG TUẤN HOÀNG-ĐẾ (1556 — 1573)

Đế tên là Duy-Bang, cháu 6 đời của Lê-Trừ anh thứ hai của vua Thái-tổ; cha là Duy-Tiễn lấy vợ người làng Bố-vệ huyện Đông-sơn, sinh ra Duy-Bang; vì Trung-tông không có con kế tự nên Thái quốc-công (Trịnh-Kiểm) nghinh lập làm vua. Sau khi Thái quốc-công tạ thế, người con trưởng là Trịnh-Cối làm loạn, vua phong người con thứ là Trịnh-Tùng làm Tiết-chế, thống lãnh quân-sĩ đánh giặc rồi gia phong Tả-tướng quốc-công. Về sau bọn Cảnh-

Digitized by Google

Hấp, Đình-Ngạn sàm tấu nói Tả-tướng nắm giữ quyền thế quá lớn lao khó thể cùng nhau đứng chung lâu dài, nhà vua tin lời nên đương đêm xuất ngoại, vào trú tất tại thành Nghệ-an. Tả-tướng bèn cùng các triều thần tôn lập Hoàng-tử thứ năm lên ngôi, rồi sai Nguyễn-Hữu-Liêu vào Nghệ-an rước vua Anh-tông. Vua lánh sang Giá-điền, [29b] Hữu-Liêu tìm đón về; đến Lôi-đương, bị Tả-tướng sai Tống-Vị ngầm giết chết. Vua Anh-tông ở ngôi được 16 năm, hưởng thọ 42 tuổi; kỷ-nguyên 3 lần đặt niên-hiệu là Thiên-hựu, 1557, Chánh-trị (1558 — 1571) và Hồng-phúc (1572 — 1573).

(Phụ Mạc-Phúc-Nguyên: niên-hiệu Quang-bảo; và Mậu-Hợp: niên-hiệu Thuần-phúc, Sùng-khang).

(Đương triều Minh, niên-hiệu Gia-tĩnh năm thứ 36 — Đinh-tỵ — đến năm thứ 45 — Bính-dần — và Minh Văn-tông: niên-hiệu Long-khánh từ năm đầu — Đinh-mão — tới năm thứ 6, Nhâm-thân).

THẾ-TÔNG NGHỊ HOÀNG-ĐẾ (1573 — 1599)

Đế tên là Duy-Đàm, con thứ năm của vua Anh-tông. Lúc Anh-tông xuất ngoại, Duy-Đàm còn nhỏ tuổi, không theo được. Tả-tướng Trịnh-Tùng đón tôn làm vua, khi lên ngôi, Đế vừa 7 tuổi, lấy ngày sinh hạ làm Dương-nguyên thánh-tiết. Tả-tướng chọn những bậc danh nho đưa vào chầu để giảng học cho nhà vua. Do công phu hàm dưỡng chuyên cần, Ngài đã xem khắp các sách vở và hiểu thấu [30a] việc đời, bèn mở lại các khoa thi hội để kén chọn người tài giỏi.

Mùa đông năm thứ 14, Tiết-chế Trịnh-Tùng đem đại

Digitized by Google

quân chia đường ra đánh Đông-kinh bắt được Mạc-Mậu-Hợp, rồi phụng Ngự-giá về thành Thăng-long. Từ đấy giang sơn lại thống-nhất, thiên-hạ thái-bình. Công-nghiệp trung-hưng thêm rạng vẻ hơn trước. Nhà vua sai sứ sang Trung-quốc giao hiếu ; Minh-đế phong làm An-nam Đô-thống-sứ ty thống ty (*a*) và ban ấn bạc. Vua bắt đầu tấn phong Tiết-chế Trịnh-Tùng làm Nguyên-súy, tước Bình-an vương, giúp tất cả mọi việc quốc chính và cho được quyền mở phủ, đặt quan thuộc. Về phần vua được hưởng tiền của, thuế má, binh-dân chỉ do một ngàn xã cung đốn, quân cấm vệ với 5000 lính hầu trong điện, 7 thớt voi và 20 chiếc thuyền rồng, kỳ dư quyền lực lợi lộc đều thuộc về phủ chúa. Mọi việc quốc-chính [**30b**] đều do phủ chúa quyết định, nhà vua chỉ ngồi chấp tay không làm gì, chỉ giữ đại-cương, nhận lễ triều hạ mà thôi. Vua Thế-tông ở ngôi được 27 năm, hưởng thọ 33 tuổi ; kỷ-nguyên đặt niên-hiệu là Gia-thái (1573 — 1577) và Quang-hưng (1578 — 1599).

(Mạc-Mậu-Hợp : niên-hiệu Sùng-khang, Diên-thành, Đoan-thái, Hưng-trị, Hồng-ninh. Triều Thần-tông nhà Minh, niên-hiệu Vạn-lịch từ năm đầu đến năm thứ 27, Kỷ-hợi).

KÍNH-TÔNG HUỆ HOÀNG-ĐẾ (1600 — 1619)

Đế tên là Duy-Tân, con trưởng của vua Thế-tông ; lúc lên ngôi, Bình-an vương làm phụ-chánh. Về sau nhà vua cùng con chúa là Trịnh-Xuân âm-mưu giết chúa. Chúa sai

(*a*) Việt-sử thông-giám cương-mục chép là « An-nam Đô-thống-sứ ty Đô-thống-sứ ».

Digitized by Google

Thanh quận-công vào điện tra vấn, biết rõ thực trạng, bèn ép vua thắt cổ chết. Vua Kính-tông ở ngôi được 20 năm, hưởng thọ 32 tuổi, kỷ-nguyên 2 lần đặt niên-hiệu là Thận-đức (1600) và Hoằng-định (1601 — 1619).

[31a] (Đương triều Thần-Tông nhà Minh, niên hiệu Vạn-lịch, từ năm thứ 28 — Canh-tý — đến năm thứ 47, Kỷ-mùi).

THẦN-TÔNG UYÊN HOÀNG-ĐẾ (1619 — 1643)

Đế tên là Duy-Kỳ, con trưởng của vua Kính-tông ; bà mẹ là Đoan-từ Thái-hậu họ Trịnh, con gái của Bình-an vương. Sau khi Kính-tông chết, Thái-tử Duy-Kỳ được vương tôn lên ngôi. Vua lấy ngày sinh làm Thọ-dương thánh-tiết. Đế mũi cao, mặt rồng, có vẻ tuấn-tú khác người ; thông-minh, học rộng, ưa thích văn thơ. Nhà vua cùng với gia-đình chúa Trịnh yên vui sum họp, rất mực thuần-hòa. Sau khi Bình-an vương tạ-thế, thì Thanh-vương Trịnh-Tráng và Tây-vương Trịnh-Tạc kế tục phụ chánh, nhà vua được ung-dung rủ áo, chấp tay, hưởng lộc lâu dài. Làm vua được [31b] 25 năm Đế nhường ngôi cho Hoàng thái-tử, tức vua Chân-tông, nhưng 6 năm sau, Chân-tông thăng hà, Ngài lại phục vị và ở lại ngôi được 13 năm nữa, hưởng thọ 56 tuổi ; kỷ nguyên bảy lần đặt niên-hiệu là : Vĩnh-tộ, Đức-long, Dương-hòa, Khánh-đức, Thịnh-đức, Vĩnh-thọ và Vạn-khánh.

(Đương triều Minh, niên-hiệu Vạn-lịch năm thứ 48, Canh-thân ; triều Hy-tông, niên-hiệu Thiên-khải từ năm đầu — Tân-dậu — đến năm thứ 7, Đinh-mão ; và triều Mẫn-đế, niên-hiệu Sùng-trinh từ năm đầu — Mậu-thìn — đến năm thứ 16, Quý-mùi).

Digitized by Google

CHÂN-TÔNG THUẬN HOÀNG-ĐẾ (1643 – 1649)

Đế tên là Duy-Hựu, con trưởng của vua Thần-tông; Thịnh-vương phụ chính. Vua Chân-tông ở ngôi được 7 năm, hưởng thọ 20 tuổi; kỷ-nguyên đặt niên-hiệu là: Phúc-thái (1643 — 1649).

[32a] (Đương triều Minh, niên-hiệu Sùng-trinh năm thứ 17, Giáp-thân; niên-hiệu Long-vũ từ năm đầu – Ất-dậu — đến năm thứ 2, Bính-tuất; niên-hiệu Vĩnh-lịch từ năm đầu — Đinh-hợi – đến năm thứ 16, Nhâm-dần; triều Thanh, Thế-tổ, niên-hiệu Thuận-trị từ năm đầu — Ất-dậu – đến năm thứ 17, Tân-sửu; và triều Thánh-tông, năm Nhâm-dần niên-hiệu Khang-hy năm đầu).

HUYỀN-TÔNG MỤC HOÀNG-ĐẾ (1663 – 1671)

Đế tên là Duy-Vũ, con thứ của vua Thần-tông, em vua Chân-tông. Lúc Thần-tông thăng hà, Duy-Vũ mới lên 9 tuổi, Tây-vương (Trịnh-Tạc) theo di mạng mà tôn lên ngôi, lấy ngày sinh làm Đoan-minh thánh-tiết. Đế sinh ra dung mạo đoan trang, phong tư khoan hậu; ngồi chấp tay giữ nghiệp cũ mà nước nhà được an trị. Việc thông hiếu với Trung-quốc được tốt đẹp; Minh đế bắt đầu sách phong An-nam Quốc-vương; ở ngôi được 9 năm, hưởng thọ 18 tuổi; kỷ-nguyên đặt niên-hiệu là: Cảnh-trị (1663 — 1671).

(Đương triều Minh, niên-hiệu Vĩnh-lịch từ năm thứ 17 — Quý-mão — đến năm thứ 21, Đinh-mùi; và triều Thanh, niên-hiệu Khang-hy từ năm thứ 2 – Quý-mão — đến năm thứ 10, Tân-hợi).

Digitized by Google

[32b] GIA-TÔNG MỸ HOÀNG-ĐẾ (1672 — 1675)

Đế tên là Duy-Khoái, con thứ của vua Thần-tông, được Tây-vương (Trịnh-Tạc) tôn lên ngôi, lấy ngày sinh làm Thọ-nguyên thánh-tiết; ở ngôi được 4 năm, hưởng thọ 15 tuổi; kỷ-nguyên đặt niên-hiệu là: Dương-đức (1672 — 1674), và Đức-nguyên (1674 — 1675).

(Đương triều Thanh, niên-hiệu Khang-hy từ năm thứ 11 — Nhâm-tý — đến năm thứ 14, Ất-mão).

HY-TÔNG CHƯƠNG HOÀNG-ĐẾ (1676 — 1705)

Đế tên là Duy-Hợp, con thứ của vua Thần-tông. Lúc Thần-tông thăng hà, Duy-Hợp còn ở trong bụng mẹ mới hoài thai được 4 tháng. Nhà vua di chúc dặn Tây-vương (Trịnh-Tạc) bảo-hộ cho. Khi Gia-tông thăng hà, Duy-Hợp mới lên 13 tuổi, được Tây-vương phò lên ngôi, lấy ngày sinh làm Thiên-minh thánh-tiết. Đế bảo thủ nền-nếp cũ mà nước được trị an; pháp độ, kỷ cương khả quan hơn trước, việc thưởng phạt rất nghiêm minh; các công-khanh, đều đặt xứng chức, quan lại tuân hành pháp luật, thứ dân được an-cư lạc-nghiệp; trong thời trung-hưng, việc bình trị ở triều đại nầy được xưng tụng hơn cả các đời khác. Sau khi Tây-vương tạ thế, Định-vương Trịnh-Căn phụ chánh. Hy-tông làm vua được hơn 30 năm thì truyền ngôi cho Hoàng thái-tử mà an dưỡng ở biệt cung, 12 năm sau mới thăng hà, hưởng thọ 54 tuổi; kỷ-nguyên đặt niên-hiệu là: Vĩnh-trị (1676 — 1680) và Chính-hòa (1681 — 1705).

Digitized by Google

DỤ-TÔNG HÒA HOÀNG-ĐẾ (1706 — 1729)

Đế tên là Duy-Đường, thái-tử của Hy-tông, do Định-vương (Trịnh-Căn) tôn lên ngôi, lấy ngày sinh làm Xuân-minh thánh-tiết. Nhà vua được thừa hưởng sự nghiệp bình-trị của cha ông, thiên hạ vô sự, không xảy ra việc binh đao; triều-đình đặt nhiều pháp độ, kỷ-cương vững vàng hoàn bị; nhiều nước ở phương xa đến nạp cống, Trung-quốc trả lại đất-đai. Triều Dụ-tông được xưng là thời cực thịnh. Sau khi Định-vương tạ thế, An-đô vương Trịnh-Cương phụ chánh. Nhà vua ở ngôi được 28 năm, trải hai lần kỷ-nguyên đặt niên-hiệu là: Vĩnh-thịnh (1705—1719) và Bảo-thái (1720—1729).

(Đương triều Thanh, niên-hiệu Khang-hy từ năm thứ 45 — Bính-tuất — đến năm thứ 61, Nhâm-dần; và niên-hiệu Ung-chính từ năm đầu — Quý-mão — đến năm thứ 7, Đinh-dậu).

HÔN-ĐỨC CÔNG (1729 — 1732)

Công tên là Duy-Phường, con thứ của vua Dụ-tông; ở ngôi được 4 năm thì bị truất phế, rồi bị mưu hại; hưởng thọ 28 tuổi; kỷ nguyên đặt niên-hiệu là Vĩnh-khánh (1729—1732)

(Đương triều Thanh, niên-hiệu Ung-chính năm thứ 8 — Canh-tuất — đến năm thứ 10, Nhâm-tý).

[33a] THUẦN-TÔNG GIẢN HOÀNG-ĐẾ (1732 — 1735)

Đế tên là Duy-Tường, con trưởng của vua Dụ-

Digitized by Google

được Uy-vương Trịnh-Giang tôn lên ngôi, lấy ngày sinh làm Xương-phù thánh-tiết, ở ngôi được 3 năm ; kỷ-nguyên đặt niên-hiệu là Long-đức (1732 — 1735).

(Đương triều Thanh, niên-hiệu Ung-chính từ năm thứ 11 — Quý-sửu — đến năm thứ 13, Ất-mão).

Ý-TÔNG HUY HOÀNG-ĐẾ (1735 — 1740)

Đế tên là Duy-Thận, con thứ của vua Dụ-tông, em vua Thuần-tông, do Uy-vương (Trịnh-Giang) tôn lên ngôi, lấy sinh nhật [33b] làm Xuân-hòa thánh-tiết. Ý-tông làm vua được 5 năm thì trong nước sinh biến loạn, lòng người chia rẽ, nhà vua bèn nhường ngôi cho người cháu thuộc giòng đích để dẹp mối hiềm nghi phản trắc. Trong tờ chiếu thiện vị có câu rằng : «... nghĩ phương xa có nhiều kẻ manh tâm càn dở ; muốn cho trong ngoài bờ cõi được yên vui, thì chính theo lễ nên nhường dòng con trưởng cốt để suy trọng tôn thống mà thu phục nhân tâm...» Ý-tông nhường ngôi rồi ở biệt điện Càn-thọ được 19 năm thì mất ; hưởng linh 41 tuổi ; kỷ-nguyên đặt niên-hiệu là Vĩnh-hựu (1735 — 1740).

(Đương triều Thanh, niên-hiệu Càn-long, từ năm đầu — Bính-thìn — đến năm thứ 5, Canh-thân).

HIỂN-TÔNG VĨNH HOÀNG-ĐẾ (1740 — 1786)

Đế tên là Duy-Diêu, thái-tử của vua Thuần-tông. Bởi là con dòng đích, từng lâm cảnh gian nguy bị ngờ vực, nếm

Digitized by Google

mùi truân kiển [34a] được trời tộ người theo, bèn lên ngôi báu, lấy sinh nhật làm Thanh-hòa thánh-tiết. Lúc mới lên ngôi gặp nhiều biến-cố, giặc cướp nổi dậy khắp bốn phương không dẹp yên được, duy nhờ được Minh-vương phò tá, khiến tướng xuất quân quét sạch các nghịch đảng, khoảng 10 năm trở về sau, thiên hạ thái-bình, dân sự an-cư lạc-nghiệp, tụng xưng đời thịnh-trị. Đến lúc Minh-vương tạ thế, Tĩnh-vương nối nghiệp, lăng bức nhà vua quá đáng, Đế vẫn giữ thái-độ tự tại điềm nhiên, trầm mặc, không ai nhận thấy khuê-giác. Nhà vua thường phàn rằng: «Trẫm rủ áo chấp tay thừa hưởng sự nghiệp hiện thành, cần gì đọc sách, chỉ lấy ca vũ ưu du làm thú tiêu khiển». Sau khi Tĩnh-vương tạ thế; Đoan-vương Trịnh-Tông phụ chánh. Năm Bính-ngọ (1786) quân Tây-sơn kéo ra Bắc với danh nghĩa [34b] phò Lê diệt Trịnh, Đoan-vương thua chạy phải tự vẫn mà chết. Tướng Tây-sơn dâng bản đồ sổ sách vào triều yết, xin tôn phò chính thống. Lúc bấy giờ vua Hiển-tông đang làm trọng bệnh, phải gắng gượng ra ngự tại chánh-điện; đến tháng 7 năm ấy nhà vua thăng hà. Vua ở ngôi được 47 năm, hưởng thọ 71 tuổi; kỹ-nguyên đặt niên-hiệu là Cảnh-hưng (1740 — 1786).

(Đương triều Thanh, niên-hiệu Càn-long từ năm thứ 5 — Canh-thân — đến năm thứ 51, Bính-ngọ).

CHIÊU-THỐNG ĐẾ (1786 — 1788)

Đế tên là Tư-Khiêm, đích tôn của vua Hiển-tông, con của cố thái-tử Duy-Vỹ. Sau khi Thái-tử bị Tĩnh-vương truất-phế, anh em hoàng-tôn đều bị giam giữ trên 10 năm trời.

Digitized by Google

Khi Đoan-vương lên nối nghiệp chúa, được quân sĩ suy tôn mới đưa hoàng-tôn về nội điện, và lập làm hoàng tự tôn. Năm Bính-ngọ, vua Hiển-tông thăng hà, các triều thần rước hoàng tự tôn lên ngôi. Lúc bấy giờ Tây-sơn đã diệt họ Trịnh, trong nước nhân tâm rời-rã, nhà vua chỉ còn hư vị. Lúc Tây-sơn rút về nam, Quế quận-công Trịnh-Bồng vào kinh được các cựu thần tâu xin cho tập phong tước vương, nhà vua bất đắc dĩ phải phong Trịnh-Bồng làm Án đô-vương để yên lòng dân chúng; đồng thời mật phái sứ giả vào Nghệ-an triệu Nguyễn-Hữu-Chỉnh ra giúp vua giữ vững triều chính. Mùa đông năm ấy Hữu-Chỉnh dẫn binh ra Thăng-long. Án đô-vương bỏ chạy trốn. Đế phong Chỉnh làm Bình-chương và ủy cho quyết định mọi việc nước. Mùa đông năm sau, Tây-sơn lại đem quân ra Bắc-hà, Hữu-Chỉnh thua chạy. Đế ngự giá lên miền Bắc, ở ẩn nơi dân gian và sai sứ qua Thanh cầu viện. [35a] Vua Thanh sai Tổng-đốc Lưỡng-Quảng là Tôn-Sĩ-Nghị đem binh sang tiếp ứng. Tướng Tây-sơn rút lui để tạm tránh. Nhà vua lấy lại nước trở về thành Thăng-long.

Hơn một tháng sau Bắc Bình-vương nhà Tây-sơn thân đem đại quân ra tấn công, quân Thanh thua to, Tổng-đốc nhà Thanh thua chạy vượt ải về Tàu; Đế cũng chạy theo sang Trung-quốc, và triều Lê mất ngôi từ đó. Sau vua mất ở Yên-kinh; ở ngôi được 3 năm; kỷ-nguyên đặt niên-hiệu là Chiêu-thống (1787 — 1789).

(Đương triều Thanh, niên-hiệu Càn-long năm thứ 52 đến năm thứ 55).

Trở lên là triều Lê Trung-hưng, từ Trang-tông đến [illegible]ống gồm 16 đời vua, trải 265 năm, kể cả triều [illegible]m, tổng cộng 365 năm.

Digitized by Google

TRỊNH-VƯƠNG THẾ-HỆ (DÒNG DÕI CHÚA TRỊNH)

[35b] THẾ-TỔ MINH-KHANG THÁI-VƯƠNG (1542–1570)

Vương họ Trịnh húy Kiểm, người xã Sóc-sơn, huyện Vĩnh-phúc (Thanh-hóa), ngụ cư tại làng Biện-thượng; thuở thiếu thời nghèo túng, thường phải đi ăn trộm để nuôi mẹ; lúc trưởng thành trở nên người hùng dũng phi thường, theo giúp Hưng quốc-công (Nguyễn-Kim), Công khen là bậc kỳ tài, gả con gái cho và khiến coi quân mã, cất nhắc phong đến tước Hầu. Ông đã lập được nhiều chiến công.

Trịnh-Kiểm được Hưng quốc-công sai sang Ai-lao rước vua Trang-tông, nhà vua nhận thấy dung mạo phi thường liền phong chức Đại tướng-quân, và cho lên tước quận-công; lúc ấy ông mới 37 tuổi.

Đến khi Hưng quốc-công tạ thế, Trịnh-Kiểm lên thay thống lãnh binh quyền, được tấn phong làm Tiết-chế các dinh thủy bộ ở các xứ, Thái-phó Lượng-quốc-công, kiêm quản các việc quân quốc trọng yếu, sau lại được gia phong [36a] Thượng-tướng Thái-quốc-công, trước sau phò tá ba triều vua — Trang-tông, Trung-tông, Anh-tông — và giữ quyền chính trong 25 năm, hưởng thọ 68 tuổi.

THÀNH-TỔ TRIẾT-VƯƠNG (1570 — 1620)

Vương tên là Tùng, con thứ của Thế-tổ; đương sơ được phong tước Phúc-lương hầu. Lúc Thái-vương qui tiên, người con trưởng là Trịnh-Cối làm loạn rồi qua đầu hàng nhà Mạc. Vua Anh-tông phong Trịnh-Tùng là

Digitized by Google

Trưởng-quận-công, thống suất các dinh thủy bộ để đánh giặc. Năm Canh-ngọ ông phá được giặc Mạc; năm sau được tấn phong Tả-tướng, Thái-úy Trưởng-quốc-công.

Năm Nhâm-thân, vua Anh-tông tin lời dèm pha, sinh lòng nghi kỵ mà bỏ ra ngoài (chạy vào Nghệ-an). Quốc-công lập Thế-tông lên ngôi rồi được [36b] gia phong làm Đô-tướng tiết các dinh thủy bộ các xứ, kiêm thống lĩnh nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự.

Năm thứ 11 niên-hiệu Quang-hưng, Đô-tướng thân đốc suất các tướng sĩ đi đánh quân Mạc, khôi phục kinh-thành; năm thứ 22, được tấn phong Nguyên-súy Tổng-quốc-chính, Thượng-phụ Bình-an vương.

Vương bẩm tính khoan nhân trọng hậu, hay thương người, khéo săn sóc tướng sĩ, liệu địch không sai, dụng binh như thần; suốt 20 năm kinh dinh đất nước, kết quả dẹp tan ngụy đảng, khôi phục đế nghiệp của nhà Lê, công cán bao trùm cả thiên hạ, uy danh chấn động khắp bốn phương, nên được sách phong vẻ vang, lễ đãi long trọng, thật là một vị chúa chân chính cầm quyền trị nước, huân công đức vọng lẫy lừng. Vương đã phò tá Thế-tông, Kính-tông và Thần-tông, trải 53 năm; [37a] lúc tuổi già mắc phải bệnh lỵ. Trong khi bàn việc lập tự, người con thứ là Trịnh-Xuân nổi loạn đốt phá đô-thành, Vương phải xuất ngoại, đến quán Thanh-xuân thì tạ thế, hưởng thọ 74 tuổi.

VĂN-TÔ NGHỊ-VƯƠNG (1620 – 1657)

Vương tên là Tráng, con của Triết-vương; đương tiên

Digitized by Google

được phong tước Bình quận-công rồi cải phong Thái-phó Thanh quận-công. Lúc Trịnh-Xuân gây biến, ông rước vua Thần-tông vào Thanh-hoa ; đến mùa thu năm ấy được gia phong Hiệp mưu đồng-đức công-thần, tiết-chế thái-úy Thanh quận-công. Rồi ông rước xa giá về Kinh ; mùa đông năm sau, được tôn phong Nguyên-súy tổng quốc-chính Thanh-đô-vương.

Lúc bắt đầu lâm chính [37b] vương đã 47 tuổi, trước lo giải trừ nội hoạn, hòa hợp nhân tâm ; khi trong nước được yên ổn, vương tin dùng các bậc Nho thần, giảng cầu chính-lý, kính-cẩn, cần-kiệm khiêm-nhường, giữ-gìn pháp độ, công-nghiệp vẻ vang hơn đời trước, làm gương cho đời sau. Vương đã lần lượt phò tá các vua Thần-tông, Chân-tông, được tấn phong Đại Nguyên-súy tổng-quốc-chính, sư phụ Thanh-vương ; Minh triều sách phong Phó quốc-vương, và được gia tôn Thượng chủ sư phụ công cao thông đoán nhân thánh Thanh-vương. Thanh-đô vương cầm quyền chính được 35 năm, hưởng thọ 81 tuổi.

HOẰNG-TỔ DƯƠNG-VƯƠNG (1657 – 1682)

Vương tên là Tạc, con thứ hai của Nghị-vương ; đương sơ được phong tước Vinh quận-công, rồi cải phong Tây quận-công [38a] lại tấn phong Tiết-chế thái-úy Tây quốc-công ; và vua Minh phong làm Phụ chánh vương ; sau khi Thanh-vương qua đời, ông được tấn phong Nguyên-súy chưởng quốc chính Tây định-vương, rồi tấn tôn Đại Nguyên-súy tổng-quốc-chính thượng-sư Tây-vương, và sau gia phong Thượng-sư thái phụ đức công nhân uy minh thánh

Digitized by Google

Tây-vương, lần lượt phò tá 4 triều vua : Thần-tông, Huyền-tông, Gia-tông và Hy-tông. Chúa chủ trương sùng thượng tiết kiệm, biểu dương giáo hóa, thiết lập pháp độ, qui định thể thống, việc thưởng thì giữ tín, việc phạt thì quả quyết ; các quan lại đều xứng chức, dân chúng được an cư, nước giàu binh mạnh; phía bắc thu hồi đất Cao-bằng, trừ hết mầm nguy Mạc, huân lao sự nghiệp của Tây-vương được xưng là cực thịnh; vương chấp chính 25 năm, hưởng thọ 77 tuổi.

CHIÊU-TỔ KHANG-VƯƠNG (1682 — 1709)

[38b] Vương tên là Căn, con trưởng của Dương-vương; đương sơ được phong phó đô tướng thái-bảo Phù-quốc-công, được mở dinh Hựu-quốc, rồi được phái vào Nghệ-an để cùng Tề quốc-công hiệp lực đánh Đường trong, và cai trị đất Nghệ-an. Ở đó 6 năm, ông đánh bại tướng Đường trong, thu phục 7 huyện, được tấn phong làm khâm-sai, tiết chế thủy bộ chư dinh, kiêm tổng chánh bình thái-úy Nghi (hay tuyên) quốc-công; năm thứ 3 niên-hiệu Dương-đức triều Gia-tông được phong nguyên-súy điển quốc chính Định-nam-vương, và năm thứ 5 niên-hiệu Chính-hòa triều Hy-tông được gia phong đại nguyên-súy tổng quốc-chính, Thượng-thanh phụ sư thịnh công nhân minh uy đức Định-vương. Nhà vua trọng đãi chúa khác thường, khi làm tấu sớ không phải đề tên, lúc triều yết không phải lạy, lại được phép đặt ghế ngồi [39a] coi chầu ngay bên tả ngai vua.... sự ưu đãi thật là đầy đủ. Đường lối chính trị của chúa là minh định việc thưởng phạt, chấn hưng kỷ cương pháp độ, tu chỉnh mọi việc và đề bạt nhân tài, thành tích được

Digitized by Google

trông thấy rõ rệt. Chúa phò tá vua Hy-tông, chấp chính 26 năm, hưởng thọ 77 tuổi.

HY-TỔ NHÂN-VƯƠNG (1709 — 1729)

Vương tên là Cương, con trưởng của Tấn quang-vương (Trịnh-Bính) và cháu bốn đời của Chiêu-tông; đương sơ được phong phó tướng Phồ quận-công; năm Quí-mùi niên-hiệu Chính-hòa được tấn phong tiết-chế kiêm tổng chính cơ thái-úy An quốc-công, được mở phủ Lỷ-quốc; năm Kỷ-sửu niên-hiệu Vĩnh-thịnh được tấn phong nguyên-súy tổng-quốc-chánh An đô-vương, và [**39b**] năm Giáp-ngọ gia phong đại nguyên-súy tổng-quốc-chính thượng-sư An-vương. Vua Dụ-tông kính trọng khác thường: cho tấu sớ không phải đề tên. Từ khi lên chấp chính chúa hằng chăm lo việc binh trị, thường cùng các tể-tướng ngày đêm trù hoạch. Mọi chính sách binh dân tài phú đặt ra đều được hoàn bị, rõ ràng.

Vương thích phong thủy đất Cổ-bi, dự định lập kinh-đô mới ở đấy nên sai xây cất hành cung để tiện đến du ngoạn. Năm Kỷ-dậu (1729) vương đi chơi về đến Như-kinh (tên làng thuộc Hưng-yên) thì lâm bệnh mà tạ thế, An-vương chấp chính được 20 năm, hưởng thọ 44 tuổi.

DỤ-TỔ THUẬN-VƯƠNG (1719 — 1740)

Vương tên là Khương (tức Trịnh-Giang), con trưởng của Hy-tổ (Trịnh-Cương); đương sơ được phong tiết-chế thủy bộ chư dinh, kiêm tổng-chính-cơ, [**40a**] thái-úy

Digitized by Google

Thịnh quốc-công, và được mở phủ Điện-quốc, năm thứ 2 niên-hiệu Vĩnh-khánh được tấn phong nguyên-soái tổng-quốc-chính Uy-nam-vương. Năm Nhâm-tý vương phế vua Vĩnh-Khánh và giáng làm Hôn-đức công tôn lập Thuận-tông; năm ấy được tấn tôn làm đại nguyên-súy tổng-quốc-chính, thượng-sư Uy-vương, lại được tôn làm thái-phụ, thông đức anh nghị-thánh-công Uy-vương, rồi lại được gia tôn Trinh-vương, và sau cùng đổi là Toàn-vương. Vương đã lần lượt phò tá các vua Thuần-tông, Ý-tông, và chấp chánh 10 năm, sau bị cố tật, chỉ ưa tĩnh dưỡng nơi yên lặng. Lúc đó quan hoạn là Hiệp quận-công (Hoàng-Công-Phụ) lộng quyền, triều chính ngày càng rối-ren, khiến cho thiên hạ lại nhiễu loạn. Năm Canh-thân niên-hiệu Vĩnh-hựu, triều thần ủng hộ Minh-vương (Trịnh-Doanh) lên chấp chánh, tôn Uy-vương làm Thái-thượng-vương. Uy-vương lánh sang ở cung Thưởng-trì được 20 năm thì mất.

[42a] NGHỊ-TỔ ÂN-VƯƠNG

Vương tên là Doanh, con thứ 3 của Hy-tổ (Trịnh-Cương) năm thứ hai niên-hiệu Vĩnh-hựu được sách phong lĩnh chưởng các xứ thủy bộ chư quân, Thái-úy Ân quốc-công, mở phủ Lương-quốc, giữ quyền nhiếp chính sáu năm, được các triều thần tôn lên ngôi chúa, và được tấn phong nguyên-súy tổng-quốc-chính Minh-đô-vương. Năm ấy vương tôn lập vua Hiến-tông, rồi được tấn phong đại nguyên-súy, thượng sư phụ, anh đoán văn trị vũ công Minh-vương.

Vương bẩm tính minh triết, cương quả, quyết đoán; lúc mới lên chấp chánh giặc dã nổi khắp bốn phương,

Digitized by Google

chúa thay đổi chính sách, trọng dụng những bậc hiền tài, khiến tướng ra quân [40b] quét sạch phiến loạn. Trong khoảng 10 năm, đất nước lại được thái-bình; công-nghiệp trùng-hưng, có phần rực rỡ hơn trước. Vương chấp chính được 28 năm, hưởng thọ 48 tuổi.

THÁNH-TỔ THỊNH-VƯƠNG (1767 – 1782)

Vương tên là Sâm, con trưởng của Nghị-tổ (Trịnh-Doanh); năm Canh-thìn niên-hiệu Cảnh-hưng được sách phong Khâm-sai tiết-chế các xứ thủy bộ chư quân kiêm chưởng chính cơ, thái-úy Tĩnh-quốc-công, và mở phủ Lượng-quốc; năm Đinh-hợi, sau khi Minh-vương qua đời được tấn phong đại nguyên-soái tổng chính Tĩnh-đô-vương; năm Kỷ-sửu được tấn tôn Sư-thượng Tĩnh-vương. Năm Canh-dần lại được tấn tôn Sư thượng thượng phụ duệ đoán văn công vũ đức Tĩnh-vương.

Vương hằng coi phép tắc các triều trước là hẹp-hòi, mỗi khi [41a] quyết định việc nước, vương không tuân theo cựu lệ mà chỉ làm theo ý muốn của mình. Duy mạnh dạn bạt dụng nhân tài, đối nội thì cải tiến văn trị, đối ngoại thì phát triển vũ công, dẹp loạn Hưng-hóa, diệt giặc Trấn-ninh, khôi phục Nam-hà, uy danh lừng lẫy, bốn phương yên ổn, huân-nghiệp rực rỡ hơn các đời trước; hiềm nỗi quá tay áp bức nhà vua, so với việc tôn phò của các tiền vương thì không khỏi hổ thẹn; vả lại bên trong quá yêu tỳ thiếp, bỏ con trưởng lập con thứ, đến nỗi tai họa sinh ra trong gia-đình. Vương chấp chính được 16 năm, hưởng thọ 44 tuổi.

Digitized by Google

ĐIỆN ĐÔ VƯƠNG (1782)

Vương tên là Cán, con thứ của Thịnh vương (Trịnh-Sâm); lúc lên kế vị — vào năm Nhâm-dần — chúa mới đầy 6 tuổi và đương mắc bệnh cồ. [41b] Huy Quận-công Hoàng-Tố-Lý (tức Hoàng-Đình-Bảo) vâng lời di chúc bảo hộ ấu chúa. Nhưng mới được sách phong hơn một tháng thì quân Tam-phủ nhân tuần 49 ngày của Tĩnh-vương mà nổi loạn, đóng cửa Phủ và đuổi giết Quận-Huy, rồi tôn lập vương tử Trịnh-Tông (con trưởng của Tĩnh-Vương) lên ngôi chúa. Đoan-nam vương (Trịnh-Khải) lên kế vị. Trịnh-Cán bị giáng làm Cung-quốc-công, dời ra ở phủ Lượng-quốc, rồi bị bệnh chết.

ĐOAN NAM VƯƠNG (1782 — 1786)

Vương tên là Tông con trưởng của Thịnh-vương (Trịnh Sâm); từ lúc mới sinh ra đã bị cha ghét bỏ, lúc trưởng thành, bắt ra ở nhà a-bảo là Nguyễn-Đĩnh. Năm Canh-tí nhân bọn gia thần lập đảng theo ông, việc bị bại lộ, Trịnh-tông bị giáng làm con út. Lúc Điện-đô vương (Trịnh-Cán) lên kế vị, vì chúa còn nhỏ tuổi, trong nước hoang mang, nên quân quan bí mật ủng hộ Trịnh-Khải; binh Tam-phủ sau khi [42a] giết Quận-Huy liền tôn lên kế vị, và được sách phong làm nguyên-súy tổng-quốc-chính Đoan-nam vương. Từ đó quân sĩ sinh kiêu căng, lộng hành, khiến cho thế nước suy yếu. Sau bốn năm chấp chánh, đến tháng 5 năm Bính-ngọ, quân Tây-sơn ra công hãm đô thành, vương đem binh ra đánh bị thua trận, phải bỏ chạy về phía tây, khi đi đến xã Hạ-lôi bị bọn thổ mục bắt giữ, bèn tự vẫn, năm ấy mới 24 tuổi.

Digitized by Google

ÁN ĐÔ VƯƠNG (1786)

Vương tên là Bồng, con của Dụ-tổ (Trịnh Giang) và là bác họ của Đoan-nam vương; đương sơ được phong Côn quận-công. Năm Bính.ngọ, trong khi xảy ra biến cuộc, ông lẫn tránh ở huyện Chương-đức; đến khi quân Tây-sơn rút lui, được các tướng tá cũ cùng bọn thổ hào quy phụ [42b] rước về kinh thành, tiến yết vua Chiêu-thống và được vua sách phong làm nguyên súy tổng-quốc-chính Án đô vương. Chúa cầm quyền chính mới được 6 tháng thì quân Nguyễn-Hữu-Chỉnh đến, phải chạy trốn ở làng Quế-ổ, trấn Kinh-bắc, vua sai đốt phủ chúa. Từ đấy nhà Trịnh mất.

Trở lên là họ Trịnh cầm quyền chính kể từ Thái-vương (Trịnh-Kiểm) năm Kỷ-hợi cho đến Án-đô vương năm Bính-ngọ, trải 248 năm và gồm 11 vị chúa (tựu trung giai-đoạn xưng chúa thực sự bắt đầu từ Triết-vương — Trịnh-Tùng — năm Kỷ-hợi cho đến Án-đô vương năm Bính-ngọ, trải 188 năm).

PHỤ: SỰ-TÍCH NHÀ MẠC

MẠC-ĐĂNG-DUNG — Tiếm vị 3 năm.

Niên-hiệu: Minh-đức — ngang niên-hiệu Gia-tĩnh triều Minh.

Mạc-Đăng-Dung ở làng Cổ-trai, huyện Nghi-dương, thuở nhỏ làm nghề đánh cá, đến lúc trưởng thành có sức mạnh, xuất thân từ thi đỗ Đô lực-sĩ. Khoảng niên

Digitized by Google

Hồng-thuận được thăng chức Đô chỉ-huy-sứ tước Vũ-xuyên bá. Khoảng niên-hiệu Thống-nguyên được tấn phong Thái sư Nhân-quốc-công, sau được gia phong An-quốc-vương, rồi giết vua mà cướp ngôi.

Đăng-Dung sợ nhà Minh truy vấn bèn dâng đất hai châu Quy, Thuận và nạp hai người bằng vàng bạc cùng những trân bảo, đồ quí, vật lạ, được vua Minh thâu nhận. Tiếm vị được 3 năm Đăng-Dung tự nghĩ mình già yếu bèn truyền ngôi cho người con trưởng là Đăng-Doanh mà tự xưng thái-thượng-hoàng.

Năm thứ năm niên-hiệu Đại-chính triều Mạc, tức năm thứ 13 niên-hiệu Gia-tĩnh triều Minh, vua Minh nghe tâu việc Đăng-Dung cướp ngôi, tội trạng đã rõ-ràng, bèn sai Hàm-ninh hầu Cừu-loan tổng trấn binh vụ, và thượng-thư bộ Binh Mao-Bá-Ôn làm tham-tán quân vụ đem quân sang chinh phạt. Năm Đại-chính thứ 11, Đăng-Dung cùng bọn đại thần thân hành qua Trấn-nam quan mỗi người lấy một đoạn giây buộc vào cổ đến tổng hành dinh quân Minh dâng biểu đầu hàng và biên tất cả đất cát, quân dân trong nước, xin tùy nghi xử trí, lại xin cắt đất châu Vĩnh-an, trấn An-quảng là các động: Tế-phù, Kim-lặc, Cổ-sâm, Liễu-cát, An-lương và La-phù, nguyện cho lệ thuộc Khâm-châu. Tướng Minh bèn xin (vua mình) ban cho lịch, ấn chương, và bảo Mạc giữ cẩn thận để chờ quyết định sau.

Năm thứ 20 niên-hiệu Gia-tĩnh, vua Minh phong Đăng Dung làm An-nam Đô-thống-sứ, ban ấn bạc và cho theo lệ thế tập (cha truyền con nối); còn 13 lộ cứ để tên

Digitized by Google

cũ; và tại mỗi lộ lập phủ ty, đặt các chức tuyên phủ, đồng tri, phó sứ, thiêm sự, tất thảy do Đô-thống-sứ điều khiển, và phải triều cống.

[43a] Đăng-Dung mất vào khoảng tháng 8 năm đầu niên-hiệu Quảng-hòa triều Mạc Phúc-Hải, tiếm truy tôn làm Thái-tổ.

MẠC-ĐĂNG-DOANH — Tiếm vị 11 năm.

Niên-hiệu: Đại-chính — ngang niên-hiệu Gia-tĩnh triều Minh.

Đăng-Doanh là con của Đăng-Dung, tính khoan nhân, giản dị, hay giữ gìn pháp độ, ngăn cấm những việc hà khắc, bạo ngược, giảm nhẹ sưu dịch thuế khoá. Thuở ấy được mùa, mọi nhà đều sung túc, nhân dân no đủ, trong nước gọi thời ấy là thời trị bình. Đăng-Doanh mất tiếm truy tôn là Thái-tông Văn hoàng-đế.

MẠC-PHÚC-HẢI — Tiếm vị 6 năm.

Niên-hiệu: Quảng-hòa — ngang niên-hiệu Gia-tĩnh triều Minh.

Phúc-Hải là con cả của Đăng-Doanh; sau khi lên nối ngôi, chỉ thích du hí, lúc ở nhà thì đam mê con hát, đi ra thì tìm thú chọi gà; phong nịnh thần [43b] Lê-Bá-Ly làm Phụng-quốc-công và cho cùng với các người thân và thông gia của mình giữ binh quyền, nên triều chính

Digitized by Google

dần dần sang tay người khác. Phúc-Hải mất, tiếm truy tôn là Hiến-tông Hiền hoàng-đế.

MẠC-PHÚC-NGUYÊN — Tiếm vị 18 năm.

Niên-hiệu: Vĩnh-định, Cảnh-lịch, Quang-bảo — ngang niên-hiệu Gia-tĩnh triều Minh.

Phúc-Nguyên là con trưởng của Phúc-Hải, lúc lên nối ngôi hãy còn thơ ấu; triều-chính mọi việc điều ủy cho người chú là Khiêm-vương Kính-Điển quyết định. Sau nghe lời dèm pha của bọn nịnh thần Phạm-Quỳnh, Phạm-Dao mà nghi kỵ các cựu tướng, do đó thái-tể Lê-Bá-Ly đem toàn bộ thuộc hạ qui thuận triều-đình Thanh-hoa. Thái-quốc-công Trịnh-Kiểm liền họp chư tướng cất quân ra tấn công Đông-kinh, đánh bại quân Mạc. Phúc-Nguyên bỏ chạy lên Kim-thành (Hải-dương) lưu Kính-Điển làm [44a] Đô-tổng súy để chống giữ; sau đó Phúc-Nguyên lại chạy lên huyện Thanh-trì, rồi mắc bệnh chẩn đậu mà chết, tiếm truy tôn hiệu là Tuyên-tông Duệ hoàng-đế.

MẠC-MẬU-HỢP — Tiếm vị 29 năm.

Niên-hiệu: Thuần-phúc, Sùng-khang, Diên-thành, Đoan-thái, Hưng-trị, Hồng-ninh — ngang triều Minh, niên-hiệu: Gia-tĩnh, Long-khánh, Vạn-lịch.

Mậu-Hợp là con của Phúc-Nguyên; lúc lên nối ngôi mới 2 tuổi, lấy Ứng-vương. Kính-Nhượng làm nhập nội phụ chánh, tôn người ông chú là Kính-Điển làm Khiêm

Digitized by Google

đại-vương. Ông di cư ở bến Bồ-đề. Sau Kính-Điển phò giá về thành Thăng-long, ở phía ngoài cửa nam. Đến năm thứ 13 niên-hiệu Sùng-khang (1578) nội cung bị sét đánh, Mậu-Hợp bị bán thân bất toại (nửa mình tê dại), bèn thay đổi niên-hiệu. Sau lại bị thong manh, mắt mờ phải chữa trị [44b] mấy năm mới khỏi. Năm sau (1585) mới lại dọn về ở chính-điện thành Thăng-long và đổi niên-hiệu là Đoan-thái. Năm Nhâm-thìn — niên-hiệu Hồng-ninh — quan quân đánh riết, Mậu-Hợp bèn lập người con tên là Toàn lên làm vua, khiến trông coi việc nước, đổi niên-hiệu làm Vũ-An (1593) và tự cầm quân chống cự triều-đình (nhà Lê). Mậu-Hợp thua trận trốn trong một ngôi chùa ở huyện Phượng-nhãn, được 11 ngày thì bị quan quân bắt được đem chém tại Bồ-đề và chặt đầu đưa về hành tại ở Vạn-lại đóng đinh vào mắt để giữa chợ.

Trở lên là họ Mạc, kể từ khi Đăng-Dung tiếm vị vào năm Đinh-hợi (1527) truyền năm đời vua cho đến khi Mậu-Hợp bị diệt vào năm Mậu-thìn, được 66 năm. Lại còn Kính-Chỉ tiếm xưng niên-hiệu Khang-hựu [45a] ở Thanh-lâm được 2 tháng; về sau Kính-Cung tiếm xưng niên hiệu Càn-thống ở Cao-bằng, được 34 năm, đến năm Bính-dần bị bắt; cha con Kính-Khoan, Kính-Vũ lần lượt tiếm xưng niên-hiệu Long-thái, Thuận-đức ở Cao-bằng được 62 năm, đến năm Mậu-thìn (1688) thì bị diệt vong.

Lời án: quốc thống nước Việt ta từ thuở Đinh-hoàng dẹp các Sứ-quân mà lên ngôi báu, trải các triều-đại, xưng hùng xưng đế ở trời nam, nước ta mới có chính thống. Các triều Lê, Lý, Trần, Lê, tuy hưởng ngôi dài ngắn khác nhau, lúc đầu hoặc được nhường ngôi, hoặc

Digitized by Google

phải tranh hành mới lấy được nước nhưng danh hiệu đều đáng ghi chép cả. Chỉ có họ Hồ cướp ngôi nhà Trần và Mạc cướp ngôi nhà Lê, bội nghịch một thời, đều không được gọi [**45b**] là chính thống. Nhưng sự thực trong lịch sử, không thể để mất, cho nên phụ lục vào đây. Chí như chúa Trịnh mấy đời giúp vua Lê, chuyên giữ quyền bính, dòng dõi của họ cũng nên chép đủ.

Riêng các bậc Thánh vương tiên tổ của Hoàng triều ta, từng cai trị xứ Đường trong, huân nghiệp thịnh vượng trong 200 năm, đã có quốc-sử chép, truyền lại muôn đời, đây tôi đâu dám lạm chép.

Digitized by Google

Digitized by Google

LỊCH-TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG LOẠI CHÍ

QUYỂN VII

Digitized by Google

Digitized by Google

[1a] LỊCH-TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG LOẠI CHÍ

QUYỂN VII

NHÂN - VẬT - CHÍ

Người phò-tá có công lao tài đức

(Thời Lý có 4 người, thời Trần 5, thời Lê sơ 18 và thời Mạc 1 người.)

LÝ-ĐẠO-THÀNH

Lý-Đạo-Thành, quê ở làng Cổ-pháp, là người tôn thất (họ nhà vua) triều Lý, sớm được vua Lý Thánh-tông rũ lòng quí mến, lần lượt vinh thăng đến chức Thái-sư, và cùng các triều thần vâng chịu lời di-chúc của nhà vua.

Đến lúc Nhân-tông nối ngôi, bà Hoàng-hậu Linh-Nhân buông rèm chấp chánh; Đạo-Thành vì một lời nói thẳng xúc phạm bề trên, phải đi trấn thủ châu Nghệ-an, với chức Gián-nghị đại-phu. Sau khi tới nhậm chức, ông cảm nhớ Tiên-đế, bèn đến miếu Vương Thánh của bổn châu thiết lập viện Địa-tạng, đặt tượng Phật và thần-vị của

Digitized by Google

Thánh-tông để ngày đêm phụng sự. [1b] Năm Thái-ninh thứ 3 (1074), ông lại được vời về triều và sung chức Thái-phó bình-chương quân-quốc trọng-sự. Ông chăm lo phù tá, thành tâm kiệt lực với nhà vua.

Nguyên khi trước Lý-Thượng-Cát làm ngự-tụ (chức hoạn quan triều Lý) được vua yêu dấu, hay can dự vào việc triều chính, Đạo-Thành không hòa hợp với y nên phải thuyên bổ ra ngoại trấn. Đến lúc trở về kinh phụ chánh, ông hết lòng tu chỉnh mọi việc, và trù hoạch các chính sách, thực hiện nhiều việc lợi ích cho quốc gia. Được 7 năm ông mất, mọi người đều thương tiếc.

LÊ-BÁ-NGỌC

Lê-Bá-Ngọc lúc đầu do có nho học được vào chầu vua; thời Nhân-tông, trải thăng dần lên chức hữu Thị-lang bộ Lễ. Vào khoảng niên-hiệu Long-phù, nhân phạm lỗi bị giáng chức làm Nội-hỏa thư-gia. Khoảng niên-hiệu Thiên-phù Duệ-vũ năm thứ 2 (1121) ông được gia chức Nội thường-thị, rồi năm thứ 5 được phục chức Thị-lang bộ Lễ; đến năm thứ 7, dân Nùng ở châu Quảng-nguyên nổi loạn, [2a] ông được lệnh đem quân đi đánh giặc; trước khi khởi hành ông hợp quân tuyên thệ ở ngoài cửa Đại-hưng, bố lệnh xuất quân. Năm sau, quan quân tiến tới Quảng-nguyên, bọn phản loạn bỏ chạy sang đất Tống, ông đặt phép tắc ước thúc dân ở dọc biên-giới rồi rút quân về.

Năm đầu niên-hiệu Thiên-phù (1127) nhà vua lâm

Digitized by Google

bệnh, triệu ông về chịu cố mạng giúp đỡ ấu chúa. Trong tờ di-chiếu có câu rằng: «Hỡi Bá-Ngọc, ngươi thực là người có khí độ trượng phu hãy sửa sang mác giáo để phòng việc bất ngờ, chớ bỏ qua mệnh ta. Ông được nhà vua tin nhiệm đến như thế.

Sau khi vua Nhân-tông thăng hà, Thần-tông lên nối ngôi, truyền cho Bá-Ngọc tuyên dụ các vương-hầu cùng trăm quan, khi bàn công phò lập, thăng ông làm Thái-úy, tước hầu. Vua lại ban cho ông tiền của (cùng với các quan) có khác nhau. Năm đầu niên-hiệu Thiên-thuận (1128) gia phong chức Thái-sư và cho đổi họ Trương. Đến năm thứ 3 (1130) ông mất.

Bá-Ngọc là một bậc văn thần mà coi việc binh; từ việc đánh giặc đến việc cúng tế, mọi việc đều nên công cả. Chịu [2b] cố mệnh của vua (Nhân-tông) và làm đến bậc sư phó, công cao vọng trọng lừng lẫy hai triều, ông là vị phụ chính đứng đầu trong thời đại ấy.

TÔ-HIẾN-THÀNH

Tô-Hiến-Thành từ buổi thiếu thời đã nổi tiếng là một bậc anh tài kiêm toàn văn vũ, đức trí kiêm ưu. Đầu đời Anh-tông, ông được bổ chức Thái-phó, dự coi việc binh.

Năm thứ 2 niên-hiệu Đại-định (1141) có người thầy bói tên Thân-Lợi nổi loạn, tiếm xưng hiệu Nam-bình vương, bị Đỗ-Anh-Vũ đánh bại, chạy lên Lạng châu, Tô-Hiến-Thành đem binh truy kích bắt được Thân-Lợi bỏ cũi

Digitized by Google

giải về kinh-sư trị tội. Đến năm thứ 20, Ngưu-hống và Ai-lao làm phản, Tô-Hiến-Thành phụng mạng đi đánh dẹp, bắt được nhiều người ngựa trâu voi và vàng bạc, châu báu. Do công trạng đó, ông được phong chức Thái-úy. Năm thứ 21, ông đi tuyển lựa dân đinh tráng sĩ sung vào quân-ngũ; năm thứ 22, lãnh chức Đô-tướng đem hai vạn quân đi tuần tiễu miền tây-nam và các nơi ở ven biển [3a] để trấn áp và giữ yên các vùng biên-giới và ven biển. Nhà vua thân hành đưa chân ông đến cửa biển Đại-an mới trở về cung.

Đến năm thứ 5 niên-hiệu Chính-long Bảo-ứng (1167), ông đi đánh Chiêm-thành; quân Chiêm xin giảng hòa, ông bèn ban sư. Lúc bấy giờ Anh-Vũ đã tạ thế, Hiến-Thành cầm quyền trị nước, luyện quân, tuyển tướng, huấn luyện kỵ binh và xạ thủ; từ đó mọi việc quân chính, biên phòng đều được chấn chỉnh.

Năm thứ 2 niên-hiệu Thiên-cảm Chí-bảo (1175), vua lập Long-Cán làm Đông-cung thái-tử, cho Tô-Hiến-Thành làm Nhập nội kiểm hiệu Thái-phó, bình-chương-quân — quốc-trọng-sự, tước vương, có nhiệm vụ phò tá Đông-cung.

Đến lúc lâm bệnh, nhà vua truyền Tô-Hiến-Thành ẩm thái-tử ra coi triều chánh; khi bệnh nặng vua lại đề tờ chiếu dặn ông phò tá thái-tử, mọi việc triều chính đều ủy cho ông giải quyết.

[3b] Bà Thái-hậu họ Lê muốn lập thái-tử Long-Sưởng (đã bị truất) lên ngôi, cho đem vàng bạc đến nhà ông mà hối lộ cho phu nhân Lữ thị, để nhờ bà vận động giúp. Hiến-

Digitized by Google

Thành bảo rằng: «Ta là bậc đại thần chịu mệnh vua ký thác giúp ấu chúa, như nay ăn của đút mà làm chuyện phế lập thì còn mặt mũi nào trông thấy Tiên-đế ở dưới suối vàng?». Thái-hậu lại vời ông vào cung mà dỗ dành trăm cách; nhưng ông nói: «Làm việc bất nghĩa mà được giàu sang, kẻ trung thần nghĩa sĩ há được vui lòng, huống chi lời di chúc của Tiên-đế còn văng vẳng bên tai, há chẳng nghe nói việc làm của Y-Doãn, Hoắc-Quang (1) hay sao? Thần quyết không dám vâng ý chỉ (của Thái-hậu). Thế là câu chuyện cải lập được bỏ qua.

Vua Cao-tông lên ngôi, tôn ông làm Thái-úy, lãnh cấm binh; từ đấy hiệu lệnh được nghiêm mật, việc thưởng phạt được công minh, thiên hạ đều mến phục.

Năm thứ 4 niên-hiệu Trinh-phù (1179) ông đau nặng. Chức Tham-tri chính-sự là Vũ-Tán-Đường [4a] ngày đêm hầu hạ bên giường bệnh. Quan Gián-nghị Đại-phu Trần-Trung-Tá không có mặt ở đó, nhưng khi bà Thái-hậu đến thăm, có hỏi «Như ông có mệnh hệ nào thì ai có thể thay thế ông được?» ông liền giới thiệu Trần-Trung-Tá. Tinh ông công bằng và trung trực như thế. Thái-hậu lấy làm thâm phục.

---

(1) Y-Doãn: một bậc đại hiền đời Thương đã có công giúp vua Thành-Thang đánh vua Kiệt nhà Hạ, và giúp Thái-tử lên ngôi trị nước.

Hoắc-Quang: hiền thần của nhà Hán, giúp thái-tử Xương-Ấp lên ngôi trị nước. Tuyên-đế nhớ ơn truyền vẽ tượng của ông để thờ ở Kỳ-lân các.

Digitized by Google

Đến lúc ông mất, nhà vua giảm bữa ăn 3 ngày và nghỉ triều luôn 6 hôm.

Hiến-Thành là quan đầu triều, nhận trọng trách, hết lòng hết sức, khéo xử trong những cơn biến cố, tuy từng phải đương đầu với những cơn sóng gió dập dồn, ông vẫn luôn luôn đứng vững như trụ đá, không hề lay chuyển, kết cuộc khiến cho trên an dưới thuận, thực không thẹn với phong thể của bậc đại thần đời xưa vậy.

LÝ-KÍNH-TU

Kính-Tu vốn giòng họ Đỗ, được vua nhà Lý cho lấy họ tôn thất. Cuối triều Anh-tông, ông từng giữ chức vụ trọng yếu trong triều, cùng Tô-Hiến-Thành phụ chính, vỗ về biên dân, dẹp yên đất nước, ông được dự vào hàng có huân lao.

Năm thứ 7 niên-hiệu Trinh-phù triều Cao-tông, ông làm chức [4b] Đế-sư, trong hầu bàn cơ mưu, ngoài dạy dân trung hiếu. Bà Thái-hậu không dám mưu đồ những việc riêng tư.

Năm thứ 6 niên-hiệu Trị-bình (1210), nhà vua lâm bệnh, triệu ông vào cung mà trao cố mạng, dặn lập Huệ-tông. Ít lâu sau ông mất.

Lời án: Triều Lý trải hơn 200 năm, số bề tôi giúp việc không phải là ít, nhưng sách sử ghi chép, phần nhiều chỉ thấy đề cập quan chức mà không thấy nói đến công trạng; ấy cũng bởi phần lớn chỉ tùy thời liệu thế mà xuất

Digitized by Google

xử, ít kẻ có sáng kiến đáng ghi; tìm những người có công trạng rõ rệt, hiển nhiên ai cũng nghe biết, thì chỉ có bốn người kể trên, mà tựu trung huân nghiệp của Lý, Tô (Đạo-Thành và Hiến-Thành) thật là hiển hách. Lê-Tung luận sử có câu nói rằng: «việc Lý-Đạo-Thành được phó thác ấu chúa mồ côi, và Tô-Hiến-Thành tận tâm phụ chánh cũng phảng phất giống [5a] sự nghiệp và lòng trung ái của Y-Doãn (1) Chu-Công (2) đời xưa», ấy là lời định luận chân chính vậy. Còn những nhân-vật thứ yếu như Lý-Công-Bình, Hoàng-Nghĩa-Hiền, dường cũng đáng kể, nhưng việc làm trước sau chưa thể biết rõ nên không tiện đăng lục. (Công-Bình làm Thái-phó dưới triều Thần-tông, đã từng phen đánh phá quân Chiêm; Nghĩa-Hiền làm Thái-phó dưới triều Anh-tông cũng có công giúp vua khi mới lên ngôi). Chí như Du-Đô, Vũ-Xứng, Văn-Thịnh, Tử-Khắc, đều là bọn gian tà xu mỵ đáng chê cười.

(Thời Anh-tông, Mâu-Du-Đô, dâng chim sẽ mà được thăng chức thái-sư, Lưu-Vũ-Xứng hiến viên ngọc như quả cau mà được miễn tội; thời Nhân-tông, Lê-văn-Thịnh hóa trang làm hổ để mưu phản; thời Thần-tông, Lý-Tử-Khắc tiến con hươu mà được phong chức Xu-mật sứ).

Họ giữ chức sư bảo, để giúp rập vua, mà làm nhơ chức phận, không đầy đủ nhiệm vụ. Xem đó đủ biết nhân tài một triều Lý thật là ít ỏi.

---

(1) Y-Doãn: xem chú-thích ở đoạn trên (dưới tiểu truyện Tô-Hiến-Thành).

(2) Chu-Công: tên là Đán, con thứ của Văn-vương nhà Chu, định chế độ lễ nhạc, phò tá ấu chúa — tức Thành-vương — lên ngôi trị nước.

Digitized by Google

TRẦN-QUANG-KHẢI

Trần-Quang-Khải là con thứ tư của vua Trần Thái-tông, được phong làm Chiêu-minh đại-vương; vua Thánh-tông tôn làm Tướng-quốc, vua Nhân-tông tôn làm Thượng-tướng. Lúc quân Nguyên sang xâm lược nước ta, ông đánh bại tướng Toa-Đô ở bến Chương-dương, và khi theo [5b] ngự giá về kinh, ông có làm bài thơ sau:

NGUYÊN VĂN

奪 稍 章 陽 渡
擒 胡 戚 子 關
太 平 當 致 力
萬 古 舊 江 山

PHIÊN ÂM

Đoạt sáo Chương-dương độ,
Cầm hồ Hàm-tử quan.
Thái-bình đương trí lực,
Vạn cổ cựu giang san.

TẠM DỊCH

Chương-dương cướp giáo quân Nguyên,
Cửa Hàm-tử lại bắt quân giặc Hồ.
Thái-bình phải cố công phu,
Nước non nầy hẳn ngàn thu lâu dài.

Digitized by Google

Giang sơn thu phục được, công trạng của ông đứng đầu. Dưới triều Anh-tông, ông được tấn phong làm Thái-sư rồi mất năm 54 tuổi.

Trần-Quang-Khải học rộng, biết nhiều, thông hiểu các Phiên ngữ. Mỗi lần phái bộ Trung-quốc đến nước ta, ông lại được tuyển sung vào ban tiếp sứ. Ông rất ham học và hay thơ, có để lại tập Lạc Đạo cho đời sau. Nơi ông cư ngụ gọi là Phúc-hưng viên. Ông thường mời khách đến xướng họa và có bài thơ vịnh cảnh gia viên như sau:

NGUYÊN VĂN

福興一曲水迴環
中有平園數畝寬
梅塢雪消珠蓓蕾
竹庭雲捲碧琅玕
暑來邀客澆茶碗
雨過呼童理藥欄
南望狼煙無復起
頹然一榻夢偏安

PHIÊN ÂM

Phúc-hưng nhất khúc thủy hồi hoàn,
Trung hữu bình viên sổ mậu khoan.
Mai ổ tuyết tiêu châu bội lỗi,
Trúc đình vân quyển bích lang can.

Digitized by Google

Thử lai yêu khách kiêu trà uyển,
Vũ quá hô đồng lý dược lan.
Nam vọng lang yên vô phục khởi,
Đồi nhiên nhất tháp mộng thiên an.

TẠM DỊCH

Phúc-hưng một giải nước bao quanh,
Vài mẫu vườn trong đất rộng thênh.
Tuyết rã chòm mai hoa óng ánh,
Mây rời đỉnh trúc ngọc long lanh.
Hè sang đón khách pha chè cúc,
Mưa tạnh sai đồng sửa chậu lan.
Lặng ngắm về nam tan khói độc,
Một giường riêng giấc mộng yên lành.

Xem bài thơ, ta có thể biết đại khái phong cách và tiết tháo của Trần-Quang-Khải. Con ông là Văn-túc vương Đạo-Tái cũng nổi tiếng một thời về văn học; cháu ông là Uy-túc vương Văn-Bích từng nhậm chức Thái-bảo, và tằng tôn (cháu bốn đời) là Chương-Túc Nguyên-Đán cũng được hiển danh (có tiểu truyện riêng), một nhà đức trạch sâu dày, cùng thủy chung với hoàng gia.

MẠC-ĐĨNH-CHI

Ông tên tự là Tiết-Phu, người làng Lũng-động, huyện Chí-linh (Hải-dương); ông sinh ra thông minh dĩnh ngộ tuyệt trần, nhưng dung mạo lại tỵ lậu. Dưới triều Anh-

Digitized by Google

tông, ông thi đậu Trạng-nguyên. Tuy đã đậu đạt mà bị nhà vua chê tướng xấu, ông bèn làm bài phú «Ngọc tỉnh liên» – tức sen giếng ngọc — để tự ví mình. Bài phú có câu như sau:

NGUYÊN VĂN

豈謖落兮無容歎嬋娟兮多誤
苟余柄之不阿果何傷乎風雨

PHIÊN ÂM

Khởi hộ hạc hề vô dung, thán thuyền quyên hề đa ngộ;
Cẩu dư bính chi bất a, quả hà thương hồ phong vũ.

TẠM DỊCH

Há rằng trong dạ hư không,
Phận sao trắc trở má hồng thở than.
Cuống ta ngay thẳng không sờn,
Dầu mưa gió cũng chẳng cơn cớ gì.

Vua Anh-tông xem bài phú khen hay, nhắc lên làm Thái-học sinh dũng thủ, sung chức Nội-thư gia. Ông phụng mệnh đi sứ nhà Nguyên; người Nguyên thấy hình dáng thấp bé xấu-xí có ý khinh thường. Một hôm quan Tể-tướng mời ông vào phủ cùng ngồi. Trong phủ có một bức trướng thêu chim sẻ vàng đậu cành trúc, Đỉnh-Chi chạy lại xem, bị người Nguyên cười chê là quê mùa; ông liền kéo bức trướng xuống mà xé nát. Mọi người lấy

Digitized by Google

làm lạ, hỏi lý do, thì ông trả lời rằng: « Theo chỗ tôi biết, người xưa có vẽ tranh mai-tước (chim sẻ đậu cành mai), chưa nghe nói có tranh trúc-tước (chim sẻ đậu trên cây trúc); trúc là biểu-tượng người quân-tử, sẻ là biểu-tượng kẻ tiểu nhân vậy. Nay Tể-tướng lại cho thêu chim sẻ vào trướng, thế là đem tiểu nhân đặt lên trên quân-tử; sợ rằng làm như vậy thời rồi đây đạo của tiểu nhân sẽ lớn mạnh, đạo của quân tử sẽ tiêu mòn, nên tôi phải vì Thánh triều mà trừ khử (tiểu nhân) vậy » [7a] Mọi người đều phục ông là người mẫn tiệp.

Một hôm vào chầu, có người ngoại quốc tiến quạt, ông vâng mệnh làm bài minh, cầm bút viết ngay. Bài Minh như sau:

NGUYÊN VĂN

流金爍石，天地爲爐，爾於斯辰兮，伊周鉅儒；北風其涼，雨雪載塗，爾於斯辰兮，夷齊隱夫．噫！用之則行，舍之則藏，惟我與爾有是夫．

PHIÊN ÂM

Lưu kim thước thạch, thiên địa vi lô, nhĩ ư tư thời hề, Y Chu cự nho;

Bắc phong kỳ lương, vũ tuyết tải đồ, nhĩ ư tư thời hề, Di Tề ẩn phu.

Y! dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù.

Digitized by Google

TẠM DỊCH

Nắng nung vàng chảy đá thui,
Cả vùng trời đất nóng sôi tựa lò,
Thì mầy là bậc đại nho,
Khác nào hai thánh Y Chu một giòng.
Đến hồi gió bắc lạnh lùng,
Mưa sa tuyết phủ ngập cùng đường đi;
Bây giờ ngươi sánh Di Tề,
Tìm nơi u ẩn mà che dấu mình.
Xả thì tàng, dụng thì hành,
Duy ta với quạt cảnh tình như nhau.

Nhân bài minh ấy, người Nguyên càng thêm thán phục trạng Mạc.

Thời Minh-tông, ông được nhà vua đặc biệt yêu quí và ưu đãi.

Vua Hiến-tông cho thăng chức Nhập-nội hành-khiển lang-trung hữu-ty, rồi chuyển sang lang trung tả-ly, sau thăng dần đến chức Đại-bộc-xạ thuộc Đại-liêu ban (hàng quan to).

Suốt đời làm quan ông giữ gìn cẩn thận đức thanh-liêm.

Vua Minh-tông từng sai người ban đêm đem 10 quan tiền bỏ trước cửa nhà ông. Sáng hôm sau vào triều, Đỉnh-Chi [7b] liền tâu vua việc vừa xảy ra. Đối với vấn đề tiền bạc, ông tỏ ra thận trọng như thế đó.

Digitized by Google

Thi từ của Mạc-Đĩnh-Chi đọc lên nghe nhẹ nhàng, thanh nhã, thường có giọng thơ Đường.

(Về sau cháu bảy đời của ông là Đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê, truy tôn ông làm Huệ-cảm linh-thánh vương và xây điện Sùng-đức ngay trên nền nhà cũ ở làng Lũng-động).

NGUYỄN-TRUNG-NGẠN

Nguyễn-Trung-Ngạn, người làng Thổ-hoàng, huyện Thiên-thi (nay thuộc tỉnh Hưng-yên, Bắc-việt), đậu Hoàng-giáp (đệ nhị giáp tiến-sĩ) khoa Giáp-thìn, triều Anh-tông, bây giờ mới có 16 tuổi.

Khi vua Minh-tông lên ngôi, ông cùng Phạm-Ngộ đi sứ sang nhà Nguyên báo tin và dâng cống.

Năm thứ 8 niên-hiệu Đại-khánh (1321), ông được sung chức Thị ngự-sử tại Ngự-sử đài.

Năm đầu niên-hiệu Khai-thái (1324), sứ thần nhà Nguyên là bọn Mã-Hợp-Mưu cỡi ngựa đến cầu ao Tây-thấu, không chịu xuống ngựa; Trung-Ngạn biện lẽ phải trái mà bắt lỗi, bọn Hợp-Mưu phải lập tức xuống ngựa đi bộ. Sau vì làm phật ý nhà vua phải đổi làm Thông-phán châu Viêm-lãng; nhờ được tiếng tốt về chính sự, ông lại được cất nhắc làm Thiêm-tri, coi việc ở cung Thánh-từ.

Năm thứ 3 (niên-hiệu Khai-thái) [8a] ông được đổi

Digitized by Google

làm An-phủ sứ Thanh-hoa; năm thứ 6 (niên-hiệu Khai-thái) vua Hiến-tông lên nối ngôi, Thượng-hoàng đem quân đi đánh Ngưu-hống; ông đi theo hộ giá làm ra quyển Thực-lục.

Năm thứ 4 niên-hiệu Khai-hựu (1332), Nguyễn-Trung-Ngạn được phong Phó-sứ viện Nội-mật, được cử lên coi việc ở viện Thẩm-hình, nhưng vẫn kiêm chức An-phủ sứ Thanh-hoa, ông thiết lập nhà Bình-doãn đường để xử án, không có một vụ nào oan khuất mà không được thân minh.

Lúc Thượng-hoàng đem quân đi đánh Ai-lao, Trung-Ngạn được sung chức Phát-vận sứ Thanh-hoa. Sau khi quân Ai-lao chạy trốn, ông phụng chiếu mài sườn núi làm bia để khắc chữ ghi công, rồi về.

Năm thứ 9 (1337), ông được hoán bổ làm Phủ-sứ Nghệ-an, kiêm coi việc chép sử nước nhà ở viện Quốc-sử; rồi lại làm Tào-vận sứ ở lộ Khoái-châu, đặt Tào thương chứa thóc tô để chẩn cấp cho dân nghèo đói. Nhà vua xuống chiếu truyền các lộ bắt chước theo đó thi hành.

Năm thứ 14 (niên-hiệu Khai-hựu) ông được làm đại doãn ở kinh-sư.

[8b] Vua Dụ-tông lên ngôi, sai ông cùng Trương-Hán-Siêu biên soạn bộ Hoàng-triều đại điển, khảo soạn bộ Hình thư cho thi hành.

Năm thứ 2 niên-hiệu Thiệu-phong (1342), ông được thăng chức Hành-khiển coi việc viện Xu-mật; năm thứ 12 lại thăng Nhập-nội hành-khiển, vẫn coi viện Xu-mật; năm

Digitized by Google

thứ 15, được phong Kinh-lược sứ trấn Lạng-sơn, Đại-hành-khiển, thượng-thư hữu-bật, kiêm cả việc viện Xu-mật, đại học sĩ hầu ở tòa Kinh-diên, Trụ quốc, Khai huyên bá, gia Thân-quốc-công. Hơn 10 năm sau ông mất, thọ hơn 80 tuổi. Ông thường ngâm bài thơ như sau :

NGUYÊN VĂN

介軒先生廊廟器
妙齡已有吞牛志
年方十二太學生
魏登十六克庭試
二十有四入諫官
二十有六燕臺使

PHIÊN ÂM

Giới Hiên tiên-sinh lang miếu khí,
Diệu linh dĩ hữu thôn ngưu chí.
Niên phương thập nhị Thái-học sinh,
Tài đăng [9a] *thập lục sung đình thí.*
Nhị thập hữu tứ nhập Gián quan,
Nhị thập hữu lục Yên đài sứ.

TẠM DỊCH

Lang miếu tài cao có Giới-Hiên,
Nuốt trâu chí lớn thuở thanh niên.

Digitized by Google

Thí sinh Thái-học mười hai tuổi,
Mười sáu thì Đình bảng có tên.
Hăm bốn vào triều làm Gián-nghị,
Hai mươi sáu phụng sứ kinh Yên.

Bình-sinh Trung-Ngạn ưa ngâm vịnh, lời thơ của ông rất hùng tráng, có phong-cách của Đỗ-Thiếu-Lăng. Ông đã để lại cho hậu-thế tác-phẩm Giới-Hiên toàn tập.

TRƯƠNG-HÁN-SIÊU

Ông tên tự là Thăng-Am, người xã Phúc-thành (nay là Phúc-am) huyện Yên-ninh (nay là Yên-khánh), đương sơ làm môn-khách của Hưng-Đạo vương.

Năm thứ 16 niên-hiệu Hưng-long (1308) vua Anh-tông cho làm học-sĩ viện Hàn-lâm; triều Minh-tông, được thăng đến Hành-khiển; năm thứ 11 niên-hiệu Khai-hựu triều Hiến-tông (1339) được làm Hữu thị lang sảnh Môn-hạ.

Vua Dụ-tông lên ngôi, sai ông cùng Trung-Ngạn biên định bộ Hoàng triều đại điển, khảo soạn bộ Hình thư.

Năm thứ 2 niên-hiệu Thiệu-phong (1342) ông được làm Lang-trung ở Tả-ty, kiêm chức Kinh-lược sứ Lạng-giang; năm thứ 5, được thăng Tả gián-nghị đại-phu; năm thứ 11 [9b] lại thăng Tham-tri chính-sự.

Năm thứ 13, quân Chiêm-thành cướp phá châu Hóa, quan quân ta thua trận; nhà vua triệu Hán-Siêu đến để

Digitized by Google

cùng bàn mưu, rồi sai ông lãnh quân Thần-sách đi trấn giữ Hóa-châu; biên cảnh lại được yên ổn. Ông ở cõi ngoài bực nhọc vì bất đắc chí, từng có bài thơ:

NGUYÊN VĂN

玉京回首五雲深
零落殘魂苦不禁
已辦荒郊埋病骨
海天草木共愁吟

PHIÊN ÂM

Ngọc kinh hồi thủ ngũ vân thâm,
Linh lạc tàn hồn khổ bất câm.
Dĩ biện hoang giao mai bệnh cốt,
Hải thiên thảo mộc cọng sầu ngâm.

TẠM DỊCH

Ngoái nhìn kinh-khuyết năm mây thẳm,
Phiêu bạt hồn tàn khổ biết bao.
Mở đất hoang vu chôn bệnh cốt,
Biển trời cây cỏ thảy ngậm sầu.

Năm thứ 14 ông cáo bệnh xin về, nhà vua chuẩn hứa, nhưng chưa về tới kinh-sư đã mất ở dọc đường. Ông được truy tặng Thái-bảo.

Digitized by Google

Hán-Siêu là người có tính chất cứng cỏi; văn-chương và chính sự đều hay. Nhà vua chỉ gọi ông bằng thầy, chứ không gọi tên. Ông quyết chí bài trừ dị-đoan, từng soạn bài bia dựng tại chùa Khai-nghiêm ở Bắc-giang đại lược như sau:

NGUYÊN VĂN

«寺廢而興，既非吾意；碑立而刻，何事吾言．方今聖朝，欲暢皇風以振頹俗．異端在可黜；王道在當復．爲士大夫者，非堯舜之道不陳前，非孔孟之道不著述：顧乃枸枸然與佛氏囉嗦，吾將誰欺？»

PHIÊN ÂM

«Tự phế nhi hưng, [10a] *ký phi ngô ý; bi lập nhi khắc, hà sự ngô ngôn. Phương kim Thánh triều, dục sướng hoàng phong dĩ chấn đồi tục, Dị đoan tại khả truất; vương đạo tại đương phục. Vi sĩ đại phu giả, phi Nghiêu Thuấn chi đạo bất trần tiền, phi Khổng Mạnh chi đạo bất trước thuật; cố nãi câu câu nhiên dự Phật thị chiệp nhu, ngô tương thùy khi?»*

TẠM DỊCH

«Chùa đổ dựng lại, vốn không phải là ý của ta; bia dựng mà khắc thì việc gì ta nói. Hiện nay Triều-đ[illegible] muốn phát huy giáo hóa nhà vua để chấn chỉnh lại [illegible] tục đồi bại. Vậy những mối dị-đoan [illegible] được chính đạo phải được phục hồi. P[illegible]

Digitized by Google

không phải là đạo Nghiêu Thuấn thì không nên tâu trước mặt vua, hễ không phải là đạo Khổng Mạnh thì không nên chép thành sách; vậy mà lắm kẻ cứ liên miên lầm dầm niệm Phật thì ta hòng nói dối ai?»

Làng Phúc-am nơi ông ở cách làng An-thu một con sông. Vì ưa thích cảnh sơn thủy của Dục-thúy ông làm nhà ở trên núi nầy; có bài thơ khắc vào đá, ai đọc cũng ưa thích.

Năm thứ 6 niên-hiệu Đại-trị (1363), ông được truy tặng Thái-phó.

LÊ-QUÁT

Ông tên tự là Bá-Quát, hiệu là Mai-phong, người làng Phủ-lý, huyện Đông-sơn (Thanh-hóa), là môn sinh (học trò) của Chu-An.

Thuở thiếu thời, Lê-Quát du học ở Kinh-sư, [**10b**] thi đỗ, được Minh-tông biết đến; làm đến chức Bộc-xạ.

Năm thứ 9 niên-hiệu Đại-trị triều Dụ-tông (1366) ông phụng mạng duyệt định sổ hộ tịch ở Thanh-hóa, rồi trải thăng chức Thượng-thư hữu bật Nhập-nội hành-khiển.

Lê-Quát có chí tôn sùng học-thuật chân-chính và bài trừ dị-đoan, ông từng làm bài bia chùa Thiệu-phúc ở Bắc-giang, lời lẽ như sau:

«Đạo Phật lấy họa phúc cảm động người ta, mà sao được lòng người tin-tưởng sâu-xa, vững chắc như vậy?

Digitized by Google

Trên từ các bậc vương công, dưới đến dân chúng, hễ làm việc Phật thì dẫu phải khánh tận gia tài cũng không tiếc; nếu hôm nay được ủy thác trông coi việc làm chùa xây tháp thì hớn hở vui mừng như thể nắm chắc tả khoán để ngày mai sẽ được báo lại. Do đó mà từ trong kinh thành, ngoài châu huyện cho đến làng xa ngõ vắng, hễ có nhà người ở ắt có chùa thờ Phật, không mệnh-lệnh mà có người theo, không minh thệ mà có người tin, [11a] chùa đổ thì dựng lại, hư hỏng thì sửa sang, lâu đài chiêng trống so với nhà dân cư đã chiếm phần nữa; việc xây dựng rất dễ dàng và sự tôn sùng thật rộng rãi. Tôi từ nhỏ đọc sách chí tâm suy cứu cổ kim, tìm hiểu đạo Thánh-nhân để khai hóa mọi người, mà cho đến nay chưa được một làng nào tin, lại từng đi xa xem cảnh núi sông, dấu chân đã in trên nửa phần đất nước, thử tìm nhà học, văn-miếu, chưa từng thấy đâu; vì thế rất lấy làm thẹn với môn đồ nhà Phật, nên tôi viết bài này, bộc lộ tâm tư để khuyên răn người đời».

Ông do văn học mà được bổ làm quan cùng nổi tiếng ngang với Phạm-Sư-Mạnh.

Người đương thời gọi là «Sư Phạm» để xưng tụng cả hai người. Con ông là Giốc chết vì tiết nghĩa, đến cuối đời Trần được phong là Mạ tặc Trung vũ (1) hầu.

[11b] PHẠM - SỰ - MẠNH

Phạm-Sự-Mạnh, tự Úy-Trai, người h,

(1) Mạ tặc trung vũ: Tr

Digitized by Google

huyện Giáp-sơn (Hải-dương) là một môn-sinh (học-trò) của Chu-An.

Dưới triều Minh-tông, Sự-Mạnh thi đậu Thái học-sinh, được bổ dụng ở sảnh viện, rồi phụng mạng đi sứ sang nhà Nguyên.

Năm thứ 5 niên-hiệu Thiệu-phong (1345) triều Dụ-tông, sứ-thần nhà Nguyên sang hỏi về việc đồng trụ, Phạm-Sự-Mạnh nhận sứ mạng giải quyết vấn-đề này.

Năm thứ 6, ông được sung chức Chưởng bạ thư, kiêm Xu-mật viện sự tham-chính.

Năm đầu niên-hiệu Đại-trị (1358), ông được thăng chức Nhập-nội hành-khiển, coi việc ở viện Xu-mật; năm thứ 2 đổi sang chức Hành-khiển lang-trung ở Tả-ty; năm thứ 5, lại coi việc Xu-mật viện và thăng chức Hữu nạp ngôn, vâng chiếu tuyển duyệt 5 lộ quân để chấn chỉnh công việc phòng bị biên giới.

Phạm-Sự-Mạnh có tài năng và khí lượng hơn người, văn từ uyên bác; ông đã lịch lãm khắp núi sông, ưu du muôn dặm, đến đâu cũng để thơ lưu niệm, bài nào cũng hào hùng thanh thoát khiến mọi người đều thích ngâm tụng.

Ông có bộ sách Giáp-sơn tập để lại cho đời sau.

[12a] ĐOÀN-NHỮ-HÀI

Đoàn-Nhữ-Hài là người làng Trường-tân, huyện Gia-

Digitized by Google

phúc (nay là Gia-lộc); thời Trần Anh-tông khoảng niên-hiệu Hưng-long, ông theo học ở Kinh-sư.

Bây giờ Thượng-hoàng Nhân-tông một hôm từ phủ Thiên-trường về kinh, bất chợt đi xem khắp các cung điện, trong khi đó vua Anh-tông say rượu nằm mê-man không hay biết gì. Thượng-hoàng cả giận, lập tức truyền xa-giá trở về Thiên-trường, và cho triệu bách quan đến ngày mai tới Thiên-trường điểm tập.

Đến khi vua Anh-tông tỉnh dậy, vô cùng hoảng sợ, chạy ra ngoài điện; khi đi qua chùa Tư-phúc, gặp Nhữ-Hài ở cửa chùa liền phán hỏi thì Nhữ-Hài phục xuống đất tâu rằng: «Thần học tập ở đây». Nhà vua bèn dẫn Nhữ-Hài vào cung mà bảo rằng: «Trẫm khổ vì rượu đắc tội với Thượng-hoàng, nay muốn đến tạ lỗi, ngươi hãy thảo giúp ta bài biểu». Nhữ-Hài vâng lời thảo xong ngay.

Vua Anh-tông liền ngự [12b] chiếc thuyền nhẹ truyền Nhữ-Hài theo xuống thuyền đi suốt đêm, đến sáng tới phủ Thiên-trường. Vua truyền Nhữ-Hài vào dâng biểu. Thượng-hoàng hỏi: «Người nào đấy?» Nội quan tâu: «Là người dâng biểu của nhà vua». Thượng-hoàng làm thinh. Cho đến chập tối trời mưa to gió lớn, Nhữ-Hài vẫn quì dài không nhúc nhích; Thượng-hoàng phán hỏi: «Người ngoài sân còn ở đó không?» Rồi truyền lấy tờ biểu vào xem, nhân thấy từ ý khẩn thiết, Thượng-hoàng cho triệu Anh-tông đến trước mặt mà phán rằng:

«Trẫm còn những người con khác, cũng có thể nối ngôi được. Nay Trẫm đang sống đây mà còn như vậy, thì mai sau sẽ ra thế nào?»

Digitized by Google

Nhà vua cúi đầu tạ lỗi, Thượng-hoàng phán hỏi: «Người soạn biểu kia là ai?» Anh-tông thưa: «Đó là người học trò tên là Đoàn-Nhữ-Hài». Thượng-hoàng lại cho đòi Nhữ-Hài đến mà phán rằng: «Lời biểu do ngươi soạn thảo rất hợp lòng Trẫm», rồi truyền cho Anh-tông trở lại ngôi vua.

Anh-tông [13a] về cung, phong Nhữ-Hài làm Ngự-sử trung-tán Nhữ-Hài lúc ấy mới lên 15 tuổi.

Khi phụng mạng đi sứ Chiêm-thành, Nhữ-Hài đến yết kiến Thượng-hoàng tại chùa Sùng-nghiêm. Ngài cùng Nhữ-Hài nói chuyện quá buổi mà không biết, bảo những người hầu cận rằng: «Nhữ-Hài là bậc thiện sĩ (người học giỏi); đáng được nhà vua sai khiến vậy».

Theo tục lệ cổ truyền của Chiêm-thành, thì những sứ giả đến nước nầy đều phải lạy Quốc-vương (vua Chiêm) rồi mới tuyên chiếu (mở bức thư của vua nước mình ra tuyên đọc). Nhữ-Hài đến Chiêm triều liền đi thẳng tới trước án đặt chiếu thư (thư của vua Trần) lên rồi bẩm với vua Chiêm rằng: «Từ ngày phụng mệnh mang chiếu thư lại đây, tôi không được trông thấy Long-nhan của vua nước tôi đã lâu, nay mở chiếu ra chẳng khác nào được đối diện với mặt rồng, vậy xin lạy chiếu thư trước khi tuyên đọc». Như vậy, tuy lạy trước vua Chiêm, nhưng lại lấy danh nghĩa tờ chiếu. Đến khi về nước Nhữ-Hài được vua khen ngợi việc nầy trước nhất, và từ đấy càng được vua Anh-tông yêu vì và quyết tâm trọng dụng, bèn cho giữ chức Tham-tri chính-sự [13b]; năm thứ 12 (1304), ông coi viện Xu-mật.

Digitized by Google

Năm thứ 15, hai châu Ô Lý được đổi làm châu Thuận châu Hóa, Nhữ-Hài nhận sứ mạng vào tuyên bố đức chính của Triều-đình; ông chọn người cai trị dân, cấp ruộng đất, xá tô thuế trong ba năm, dân sự được ổn-định.

Năm thứ 20 (niên-hiệu Hưng-long) ông hộ giá đi đánh Chiêm-thành làm chức Chiêu-dụ sứ của nhà vua; ông ước hẹn với chúa trại Câu-Chiêm sai dụ vua Chiêm qui hàng. Quan quân không tốn một mũi tên mà bình định được Chiêm-thành, ấy là nhờ sức của Nhữ-Hài cả.

Khoảng niên-hiệu Khai-hựu, Thượng-hoàng thân chinh Ai-lao. Nhữ-Hài làm đốc-tướng, có ý khinh thường quân Ai-lao giữ Nam-nhung, thế cô sức yếu, quân ta tiến đánh thế rất toàn thắng; vả lại đồn trại của chúng đóng liền con sông Tiết-la; sau khi phá địch, quan quân cứ theo giòng sông mà tràn xuống [14a] các phiên quốc thì oai phong chấn động, nhân chiêu dụ con em họ vào chầu. Kịp đến lúc cùng địch quân giao chiến thì sương mù sa xuống, trời đất tối mịt, phục binh của giặc được bố trí từ trước, hai mặt giáp công, quân Trần thua to chết đuối quá nửa, Nhữ-Hài cũng ở trong số đó.

Thượng-hoàng Minh-tông được tin thất trận ấy, phán rằng: «Nhữ-Hài dùng cái mưu tất thắng, và thừa cái thế đó không ngờ công sắp thành, lại làm mồi cho giặc; ấy chẳng phải là Nhữ-Hài không biết liệu địch, mà chỉ vì làm cái việc quá to tát mới ra nông nỗi ấy. Thế mới biết người ta mong mỏi việc gì không nên vượt quá phận hạn của mình».

Digitized by Google

Về sau Nhữ-Hài được phong sắc Thượng-đẳng Phúc-thần ; có trên 84 xã thuộc bốn huyện (Gia-lộc) như các xã : Hội-xuyên, Hoa-điểm, Tăng-thượng, Phú-triều, cùng xã Kiêu-kỵ, huyện Gia-lâm v.v... lập đền thờ ông.

[14b] TRẦN-THÌ-KIẾN

Ông người làng Cự-xạ, huyện Đông-triều (Hải-dương). Ông được Hưng-Đạo vương tiến cử lên vua Trần Nhân-tông, rồi được đề bạt làm An-phủ sứ Thiên-trường.

Ông làm quan nổi tiếng liêm-khiết. Một hôm có người hàng xóm đem biếu một mâm cỗ, ông hỏi lý-do thì người hàng xóm nói là muốn tỏ tình lân bàng chứ không cầu cạnh việc gì cả. Nhưng rồi chẳng bao lâu người hàng xóm có việc đến nhờ. Ông liền móc họng cho thổ thức ăn ra hết.

Khi ông nhậm chức Kiểm-pháp quan, mọi vụ kiện cáo xảy ra đều được ông xét xử theo luật lý, gặp việc gì ông cũng có phương-pháp xử trí phân-minh. Người đương thời đều xưng-tụng ông bằng câu: « Khả dĩ chiết ngục » (1).

Đến lúc được sung chức Nhập-nội hành-khiển hữu giản-nghị Đại-phu, vua Anh-tông từng ban cho ông một cái hốt có khắc bài minh do vua ngự chế như sau :

---

(1) Khả dĩ chiết ngục : Giỏi xét đoán việc kiện. Nguyên sách Luận-Ngữ có câu : « Phiến ngôn khả dĩ chiết ngục », nghĩa là : chỉ nửa câu nói cũng đủ giải quyết thanh thỏa một vụ kiện. Đó là lời Đức Khổng-Tử khen học trò của Ngài là Tử-Lộ, tự Trọng-Do.

Digitized by Google

NGUYÊN VĂN

泰山貞高
象笏貞烈
靈獬鴈角
爲笏難折

PHIÊN ÂM

Thái sơn trinh cao
Tượng hốt trinh liệt
Linh trĩ tiến giác
Vi hốt nan chiết

DỊCH NGHĨA

Thái Sơn thật cao,
Hốt ngà thật cứng.
Dê thần hiến sừng,
Làm hốt rất vững.

Trần-Thì-Kiến làm quan dưới triều Minh-tông đến chức Tả bộc-xạ.

[15a] PHẠM-TÔNG-MẠI

Ông tên hiệu là Kính-Khê, người làng Kính-chủ, huyện Giáp-sơn. Ông vốn là giòng họ Chúc, vua Nhân-tông cho đổi họ Phạm.

Digitized by Google

Khoảng đầu thời Minh-tông, ông phụng mệnh đi sứ sang nhà Nguyên, trải làm chức Ngự-sử trung-tán.

Ông là người chất phác ngay thẳng, dám nói, có phong-độ của bậc tránh thần đời xưa. Ông được thăng dần lên chức Đồng-tri ở sảnh Môn-hạ, nhưng chỉ vài năm sau thì bị bãi chức.

Thơ của ông rất thanh-tao phóng-khoáng, bay bướm, có tính-chất cao-thượng. Thơ đề nơi ở ẩn của ông có câu :

NGUYÊN VĂN

陶令歸心對松菊
少陵吟興動江山

PHIÊN ÂM

Đào Lệnh qui tâm đối tùng cúc,
Thiếu Lăng ngâm hứng động giang san.
. . . . . .

TẠM DỊCH

Đào Lệnh muốn về tùng cúc đợi,
Thiếu-Lăng ngâm vịnh nước non vang.
. . . . . .

Lại bài thơ hỏi thăm sư có những câu :

Digitized by Google

NGUYÊN VĂN

碧溪雪淨茶瓶爽
紅樹風多竹院凉
徐步要窮終日興
清談爲解十年狂

PHIÊN ÂM

Bích khê tuyết tịnh trà bình sảng,
Hồng thụ phong đa trúc viện lương.
Từ bộ yếu cùng chung nhật hứng,
Thanh đàm vị giải thập niên cuồng.

TẠM DỊCH

Tuyết trong khe biếc, trà thanh sảng,
Gió lộng cành hồng, lạnh trúc am.
Nhẹ gót suốt ngày vui thú trọn,
Mười năm cuồng dại phó thanh đàm.

Đọc những câu thơ trên, người ta có thể tưởng thấy thái-độ, phong-cách của Phạm-Tông-Mại. Em ông là Tông-Ngộ, hiệu là Liêu-Khê, cùng Nguyễn-Trung-Ngạn đi sứ sang nhà Nguyên dưới triều Minh-tông, từng coi việc [15b] ở viện Thẩm-hình, và thăng dần đến chức Thượng-thư lang-trung tả ty, cũng là người trong sạch cẩn-thận, bây giờ ai cũng khen.

Digitized by Google

TRẦN-NGUYÊN-ĐÁN

Trần-Nguyên-Đán, hiệu Băng-Hồ, là cháu bốn đời của Chiêu-Minh vương Trần-Quang-Khải, tước Chương-túc quốc thượng hầu.

Lúc Dương-Nhật-Lệ làm phản ông theo vua Nghệ-tông chạy ra ngoài, khôi phục xã tắc, có công dẹp loạn được phong chức Tư-đồ phụ chánh; dưới triều Duệ-tông, kiêm coi việc quân ở Quảng-oai.

Khoảng niên-hiệu Xương-phù triều Phế-đế, Hồ-Quý-Ly ỷ thế ngoại thích nắm giữ triều-chính và chuyên quyền lộng hành. Nguyên-Đán nghĩ mình là người tôn-thất ở địa-vị đại thần thấy triều chính bị rơi vào tay quyền thần, không có chí thi thố giúp nước nữa, bèn xin trí sĩ vì lý-do tuổi già, và về ở ẩn tại Côn-sơn, lấy cảnh lâm tuyền — trúc đá — làm khuây. Trong bài của ông gởi cho bạn đồng-liêu có câu :

NGUYÊN VĂN

今古興亡眞可鑒
諸公何忍諫書稀

PHIÊN ÂM

Kim cổ hưng vong chân khả giám,
Chư công hà nhẫn gián [16a] *thư hy.*

Digitized by Google

TẠM DỊCH

Xưa nay hưng phế gương còn thấy,
Các vị sao đành vắng tiếng can.

Lòng ưu quốc của ông thường phát ra lời ngậm vịnh ; nhưng thời Trần đã hết, không thể làm gì hơn nữa.

Thượng-hoàng (Nghệ-tông) thường đến tận phủ đệ của ông để thăm bệnh và hỏi về việc tương-lai ; ông không trả lời các câu hỏi, mà chỉ nói rằng : « Bệ-hạ hãy trọng nước Minh như cha, yêu Chiêm-thành như con, thì quốc-gia ắt vô sự ; hạ thần dầu chết cũng như còn ».

Ông từng làm bài thơ « thập cầm » (mười giống chim), trong đó có câu :

NGUYÊN VĂN

人言寄子與老鴉
不識老鴉怜愛不

PHIÊN ÂM

Nhân ngôn ký tử dữ lão nha,
Bất thức lão nha liên ái phầu ?

TẠM DỊCH

Rằng đem con gởi qua già,
Qua già phỏng có mạn mà thương chăng ?

Digitized by Google

Đó là lời phúng thích việc Thượng-hoàng ký thác Thuận-tông cho Hồ-Quý-Ly vậy.

Trần-Nguyên-Đán là người hiền lành nho-nhã, có phong-độ của bậc quân-tử đời xưa, và là người rất ưa thích nhã thú văn-chương. Nơi ông cư ngụ tại Côn-sơn có động Thanh-hư, cầu Thấu-ngọc, và đủ mọi thắng cảnh lâm-tuyền. Sau khi hồi hưu, ông về ưu du [16b] ngâm vịnh ở chốn nầy, với thái-độ hồn nhiên tự tại. Ông có tập thơ Băng-hồ để lại cho đời sau.

Lời án : Các bậc tề phụ ở thời Trần, trong triều Anh-tông có nhiều bậc danh thần ; về dòng tôn thất có người do công cao vọng trọng mà lên làm tướng quốc ; về phía nho học thì lấy văn-chương làm bậc thang thăng tiến mà lên hàng Tể-tướng, duy có tài là được trọng dụng, chứ không phải bị ràng buộc về tư cách (qui-tắc bổ dụng) ; cho nên lúc bấy giờ những người hiền đức tài cao đều được kiến dụng như : Tiết-Phu (Mạc-Đĩnh-Chi), Giới-Hiên (Nguyễn-Trung-Ngạn) là người trong sạch, cao-siêu ; Thăng-Am (Trương-Hán-Siêu), Mai-Phong (Lê-Quát) là người cứng cỏi, quả quyết ; cùng Nhữ-Hài, Thì-Kiến có tài năng khí-phách ; Giáp-Sơn (Phạm-Sư-Mạnh), Kính-Khê (Phạm-Tông-Mại) có phong-độ tiết-tháo, đều là bậc anh tài một đời, tuy về việc giúp vua trị nước cũng có chỗ chưa được vẹn toàn ; nhưng người một đời làm trọn việc một đời, cái phong-độ tiết-tháo tột vời ấy kể ra cũng đáng chép.

Chí như Băng-Hồ Tướng-công bình sinh gặp phải thời suy, dẫu không thể làm nên sự-nghiệp hiển-hách, nhưng biết cơ tiến thoái mà lui về núi sống ẩn-dật, thì cũng không

Digitized by Google

đến nỗi mất tư cách làm người hiền. Do đó tác-giả phụ lục tiểu-sử của ông để tiện tham-khảo.

NGUYỄN - TRÃI

Nguyễn-Trãi, hiệu là Ức-Trai, người làng Nhị-khê, huyện Thượng-phúc (Hà-đông) là con của ông Nguyễn-Phi-Khanh đỗ Tiến-sĩ vào khoảng cuối đời Trần, và là cháu ngoại của Trần-Nguyên-Đán. Thuở còn nhỏ ông đã nổi tiếng về văn-chương, từng đọc hết các pho kinh sử, bách gia, cùng binh thư thao lược, không sách nào chẳng thông suốt. Năm 21 tuổi, ông thi đậu Thái-học sinh khoa Canh-thìn (1400) dưới triều Nhuận-hồ. Đồng thời, hai cha con cùng được bạt dụng. Ông nhậm chức Chính-chưởng ở đài Ngự-sử. Chẳng bao lâu quân Minh sang cướp nước, hai cha con nhà Hồ bị bắt, cha ông là Phi-Khanh cũng bị giặc cầm tù, chỉ một mình thoát thân. Tổng-binh Trương-Phụ bắt ép Phi-Khanh [17a] viết thư gọi ông đến ; thế bắt đắc dĩ ông phải xin hàng. Phụ biết ông không chịu làm việc cho giặc nên muốn giết, nhưng Thượng-thư Hoàng-Phúc thấy ông có kỳ tướng nên xin tha cho, và an trí ở thành Đông-quan.

Thời bấy giờ các cựu thần của nhà Trần là Nguyễn-Cảnh-Dị, Đặng-Dung đem quân Thuận-hóa ra Nghệ-an đón Trần-Quý-Khoách tôn lên ngôi — tức vua Trùng-Quang — để mưu đồ khôi-phục. Lê Thái-tổ ở xa cũng hưởng ứng lời chiếu của nhà vua, khởi nghĩa ở làng Lam-sơn, đã nhiều phen đánh phá quân Minh, thanh thế nghĩa-quân cũng đã vang dậy.

Digitized by Google

Nguyễn-Trãi giận quân Minh tham độc, mong cứu vớt nhân dân, muốn chọn một minh-chủ chân-chính mà theo nhưng chưa biết tìm hướng nào, bèn lén trốn đi. Đêm ngủ ở quán Trấn-vũ, ông khấn cầu Thần-linh báo mộng cho biết đường lui tới; đến nửa đêm hôm ấy, nghe Thần nói cho biết họ tên của Thái-tổ, ông bèn quyết ý đi về phía tây [**18a**] lần mò vào Thanh-hoa, tìm đến hành-dinh ở Lỗi-giang, yết kiến minh-chủ, và dâng sách-lược bình Ngô, Thái-tổ rất vui mừng. Nguyên đêm hôm trước Ngài cũng nằm mộng thấy một vị thần-nhân tiến dẫn một người tài-giỏi tới giúp mình, đến lúc gặp Nguyễn-Trãi thấy trạng mạo giống hệt người trong mộng, thì lấy làm lạ và đem lòng yêu mến, giữ luôn ở bên mình để cùng mưu tính việc quân. Sau ông được thăng dần đến Thừa-chỉ học-sĩ viện Hàn-lâm. Đến mùa xuân năm Đinh-mùi (1427), ông được gia phong chức Triều-liệt đại phu nhập nội hành khiển, thượng-thư bộ Lại, kiêm làm việc viện Xu-mật. Tất cả những thư từ đi lại với người Minh cùng những lời hiểu dụ cho các thành đều do ông soạn thảo. Sau khi vua Thái-tổ thả quân Minh về nước, ông vâng mệnh soạn bài « Bình Ngô đại cáo ».

Đến mùa xuân năm Mậu-thân (1428), nhà vua luận công định thưởng, Nguyễn-Trãi được phong tước Quan-phục hầu, và được ân tứ quốc tính (được đổi họ Nguyễn lấy họ Lê — tức là họ nhà vua — làm họ mình).

Mùa xuân năm Quý-sửu, ông phụng mệnh soạn bài văn bia Vĩnh-lăng.

Khoảng đầu niên-hiệu Thiệu-bình triều Thái-tông, [**18b**] các đại thần dâng sớ đề nghị chọn ông và Trình-Thuấn-Du

Digitized by Google

vào tòa Kinh-diên chầu vua (làm phụ-đạo) để giúp nhà vua tiến đức, nhưng đề-nghị ấy không được chuẩn y. Ông lại phụng mệnh bàn việc nhạc, nhưng không hợp ý với bọn hoạn-quan Lương-Đăng, nên ông không tham dự việc triều-chính, và xin lui về Chí-Linh, làm nhà ở trên núi Côn-Sơn, thỉnh thoảng vâng mệnh về chầu vua.

Mùa thu năm Nhâm-tuất (1442) niên-hiệu Đại-bảo — năm ấy ông đã 63 tuổi — nhân việc người thiếp tên là Nguyễn-thị Lộ theo hầu vua Thái-tông đầu độc giết vua, Triều-đình luận án qui tội về ông mà xử tử hình và tru di tam tộc (giết cả ba họ). Chỉ có một người thiếp của ông đang mang thai trốn thoát, và sau sinh con trai, đặt tên là Anh-Vũ.

Đến triều Thánh-tông, nhà vua xét rõ nỗi oan của Nguyễn-Trãi, cho Anh-Vũ sung chức Huyện quan, và truy tặng cho ông tước Tế-văn hầu.

Trong số những tác-phẩm do ông trứ thuật có tập thơ Ngọc-đường (Ngọc-đường thi tập).

Tương truyền rằng: trên cái gò lớn ở trong làng ông, có con rắn lớn. Trên gò cây cối rậm rạp, người làng không ai dám chặt phá. Ông nội của ông [19a] ưa phong thủy — cảnh đẹp — của cuộc đất nên cất nhà học ở trên gò; lúc sai học-trò phát dọn gai gốc, bọn nầy chặt cây lỡ tay giết chết con rắn. Tinh hồn nó oán hận thác sinh làm Thị-Lộ, có vảy ở phía dưới sườn. Thuở còn trẻ ông đi đường gặp nàng ở Vũ-lăng, ưa con người tài sắc nên đem về làm vợ. Đến khi ông đảm đương việc nước, mọi chiếu thư từ mệnh của ông đều giao cho nàng nhuận sắc.

Digitized by Google

Vua Thái-tông lên ngôi nghe tiếng nàng bèn cho triệu vào cung ra mắt rồi phong làm Lễ-nghi học-sĩ.

Đến lúc tuổi già ông muốn xin lui về Côn-sơn để nhàn dưỡng, nhưng bao lần xin hưu-trí đều bị vua khước từ không chuẩn chấp; ông bèn xin lưu Thị-Lộ ở lại chầu vua, thì nhà vua mới cho ông về hưu.

Lúc Thái-tông đi tuần ở miền Đông, đêm ngủ ở dọc đường có Thị-Lộ theo hầu, đến sáng thì vua thăng hà. Kịp đến khi ra pháp trường đền tội, Thị-Lộ chạy gieo mình xuống nước. Người ta cho đó là câu chuyện báo oán của con rắn độc.

Nguyễn-Trãi giỏi văn chương, thao lược, được gặp vua mà trổ tài kinh bang tế thế, và trở nên [19b] bậc công thần khai quốc đứng hàng đầu.

Đến lúc tuổi già, muốn lui về nhàn dưỡng, rõ ràng ông đã tỏ ý không ham danh lợi; chỉ vì nghiệp báo do con yêu nữ gây nên mà rốt cuộc đến nỗi phải lụy đến thân danh, người đương thời đều lấy làm thương tiếc.

Nhưng về sau cơ sự càng lâu càng được dư luận làm sáng tỏ, điều phải điều quấy tự nhiên được phân biện rõ ràng. Bài thơ ngự chế vịnh Nguyễn-Trãi của vua Thánh-tông có câu rằng:

«Ức-Trai tâm thượng quang Khuê tảo» nghĩa là: tâm địa của Ức-Trai thật sáng sủa như vẻ đẹp rực rỡ của sao Khuê (một văn tinh ở trên trời). Và dưới bài thơ nhà vua có ghi chú rằng (dịch):

Digitized by Google

« Ức-Trai tiên-sinh, đương lúc Thánh-tổ bắt đầu gây dựng cơ-nghiệp, theo về Lỗi-giang, bên trong thì trù hoạch mọi mưu mô sách lược ở nơi màn trướng, bên ngoài thì dự thảo mọi văn-thư tuyên dụ các thành, văn chương của tiên sinh làm vẻ vang cho nước, được vua tin yêu quí trọng ». Đó là những câu khen ngợi ông rất mực.

Về sau, con cháu của Nguyễn-Trãi rất phồn thịnh, ấy là giòng họ có danh vọng ở Nhụy-khê. Ông được cả huyện thờ phụng, từ miếu, khói hương đến nay không dứt vậy.

[20a] LÊ-VĂN-LINH

Lê-Văn-Linh là người làng Hải-lịch, huyện Lôi-dương (Thanh-hóa), từ thuở thiếu thời từng nổi tiếng hay chữ; nghe tin Lê Thái-tổ ẩn tích ở Lam-sơn, ông hăng hái tìm đến xin theo giúp việc. Năm Mậu-tuất, vua Lê khởi nghĩa, ông cùng Nguyễn-Trãi luôn luôn ở bên cạnh vua làm mưu thần trong màn-trướng, vận trù sách lược, lập nhiều công trạng.

Lúc vua Lê vây Đông-đô, ông dâng mật kế hãm thành, quân Minh bị dồn vào thế cùng đành phải xin hàng

Sau khi bọn Vương-Thông về Tàu, thiên hạ được yên ổn. Năm đầu niên-hiệu Thuận-thiên, nhà vua luận công, ông được phong tước Khanh-thượng hầu ; trải thăng Nhập-nội thiếu-phó, đổi sang chức hữu bật.

Năm thứ 2 niên-hiệu Thiệu-bình triều Thái-tông (1435) ông cùng Tổng-quản Lê-Bôi đem quân đánh Cầm-Quý (tù trưởng châu Ngọc-ma) bắt được bỏ cũi đem về Kinh-sư.

Digitized by Google

Năm thứ 4, vì can gián việc giết Lê-Sát ông bị giáng làm bộc-xạ, nhưng rồi lại được thăng Thái-phó. Ông mất năm thứ 5 niên-hiệu Thái-hòa triều Nhân-tông, hưởng thọ 72 tuổi.

Văn-Linh [20b] trải thờ ba triều vua, công cao vọng trọng. Ông bầm tính thâm trầm, nhiều mưu trí, thấu hiểu đại thể của chính-sự; trong những cuộc nghị-luận giữa triều-đình, ông từng phát biểu nhiều sáng-kiến xây dựng. Khi Lê-Sát bị giết (vì tội lộng quyền) ông dùng lời nói ngay thẳng mà can gián chứ không a phụ Triều-đình, thà chịu khiển trách; công luận theo về ông. Ông là người rất cương trực, đầy khí khái. Trong ấp ông có hổ bất thời xuất hiện làm hại người. Văn-Linh làm bài văn quở trách, chúng đều bỏ đi xa. Người đương thời đem việc ấy so sánh với việc Hàn-Dũ người đời Đường bên Tàu làm văn đuổi cá sấu.

Khi mất ông được Triều-đình truy tặng Khai-phủ (nghi đồng tam ty) và tên thụy (1) là Trung-Hiến.

(Con trai của ông tên là Hoằng-Dục ham ngâm vịnh, có tiếng hay thơ; khoảng niên-hiệu Diên-ninh, được sung chức Đô-đốc đồng-tri; giữa khoảng niên-hiệu Hồng-đức được cải thụ Thượng-thư và vâng mệnh đi sứ; được phong tước Tung quận-công).

---

(1) Thụy: tên hèm, tên cúng cơm, đặt cho người đã chết. Khi đặt tên thụy người ta dùng những chữ có ý nghĩa liên quan với đức-hạnh của người quá cố.

Digitized by Google

[21a] ĐÀO - CÔNG - SOẠN

Đào-Công-Soạn, tên tự là Bảo-Khanh, người làng Thiện-phiến huyện Tiên-lữ (Hưng-yên). Buổi đầu triều Lê, ông đón xa giá và xin phục-vụ trong quân-đội nhà vua. Năm Bính-ngọ (1426) Lê Thái-tổ về Đông-đô mở khoa thi, ông dự thi và đỗ đầu. Lúc bấy giờ nhà vua mới lấy được nước, bèn sai ông qua Minh tỏ bày tình lân nghị. Người Minh bảo phải tìm con cháu nhà Trần mà lập lên ngôi.

Mùa đông năm Kỷ-dậu, niên-hiệu Thuận-thiên thứ hai, ông được cử làm đầu-mục sung chức Chánh-sứ sang Minh cầu phong và tâu việc tìm kiếm con cháu nhà Trần ; khi trở về lại thăng đến chức Tham-tri đông-đạo.

Khoảng đầu niên-hiệu Thiệu-bình ông được kiêm coi việc ở viện Thẩm-hình. Mùa đông năm Ất-mão (1435) được thăng chức sứ Thẩm-hình, kiêm Thượng-thư bộ Lễ.

Lúc ấy sứ nhà Minh sắp sang nước ta, vua biết ông là người đã am hiểu công việc nên trao cho chức ấy để coi việc ứng tiếp.

Mùa Xuân năm Bính-thìn (1436), ông lại phụng sung chức Chánh-sứ sang Minh cầu phong.

Mùa Thu năm Đinh-tỵ, ông được gia thêm chức Tả thị-lang sảnh Môn-hạ, tham-gia việc xét bạ tịch [illegible] đạo.

Năm thứ ba niên-hiệu Thái-hòa [illegible] ông lại phụng sung Chánh-sứ qua [illegible] nạp [illegible] trở về được sung chức hầu-gi[illegible]

Digitized by Google

Mùa hạ năm Kỷ-tỵ (1449) ông viện lẽ tuổi già để xin về hưu, nhưng nhà vua không cho ; rồi mấy lần thăng đến Nhập-nội đại hành-khiển, coi việc ba quán (tức quán Nha-lâm, Sùng-văn và cục Tú-lâm).

Năm Bính-tý niên-hiệu Diên-ninh (1456) lấy tư cách một lão thần am luyện ông phụng mạng lên vùng biên-giới ở Thái-nguyên kiểm tra và ấn định cương giới. Lúc bấy giờ ông đã gần bát tuần, nhưng sau đó ông mất năm 78 tuổi.

Đào-Công-Soạn là người ôn cung kiệm ước, có phong-độ của bậc danh thần ; thơ ông cũng thanh-nhã mà ý tứ dồi-dào đáng ngâm tụng.

BÙI-CẦM-HỔ

Ông người làng Độ-liêu, huyện Thiên-lộc (nay là huyện Can-lộc tỉnh Hà-tĩnh). Khoảng đầu niên-hiệu Thiệu-bình, triều Thái-tông, nhờ có tên tuổi trong làng nho ông được bổ dụng làm [22a] Ngự-sử trung thừa. Tính ông cương-trực, dám nói thẳng, không tránh né những kẻ có quyền thế.

Lúc bấy giờ đại thần Lê-Sát nắm giữ triều chính, ỷ thế lộng hành, Cầm-Hổ dâng sớ hạch tội chuyên quyền ; do đó ông bị đổi lên Lạng-sơn làm An-phủ sứ. Đến khi Lê-Sát bị bãi chức, ông được triệu về Kinh làm Ngự-sử như cũ. Vua Thái-tông xử tội gian tham của Sát muốn chém đầu bêu lên để răn kẻ khác. Cầm-Hổ tâu : « Mặc dầu tội của Sát đáng phải chết, nhưng y từng làm đại thần, nếu bêu thây làm nhục, sợ để tiếng cười về đời sau ». Nhà vua bèn cho Lê-Sát được tự-tử. Cầm-Hổ lấy lòng ngay thẳng mà báo oán thù như thế.

Digitized by Google

Lúc ấy có Lương-Đăng là hoạn-quan mà được sai chế định âm nhạc, Lê-Chữ là tên lính bắn nỏ mà được làm quan, những sự việc ấy Cầm-Hổ đều dâng sớ can gián. Nhà vua tuy không nghe theo nhưng rất kiêng nể trực tính của ông.

Năm thứ năm niên-hiệu Thiệu-bình (1438), ông dâng đề nghị lập kho dự trử lương-thực để tăng-cường việc phòng ngự biên-giới được nhà vua nghe theo. Mùa đông năm ấy ông được sung chức [22b] phó sứ sang Minh trình bày những việc xảy ra ở địa-phương Thái-bình.

Khoảng đầu niên-hiệu Thái-hòa triều Nhân-tông, ông được kiêm lãnh chức Đồng-tri Tây đạo, rồi thăng chức Tham-tri chính-sự.

Tương truyền rằng : Lúc ông còn du học ở Trường-an, một hôm có người lái buôn ở xa về, người vợ nấu canh lươn cho chồng ăn, ăn xong thì chết ngay. Bởi lươn giống như rắn, con nào đầu trắng thì có độc, có thể giết người. Người vợ lái buôn bị quan sở tại buộc tội giết chồng. Cầm-Hổ đã biện-bạch oan tình và gỡ tội cho người đàn bà ấy. Việc ấy đến tai vua ông được vời ra làm quan, công-danh hiển đạt.

Về sau, ông lại cho xẻ một con khe ở dãy núi Hồng-lĩnh để lấy nước tưới trên nghìn khoảnh ruộng. Người làng sở tại cảm đức, nên khi ông mất rồi dân lập đền thờ ở chân núi Bạch-tỵ và các triều vua đều gia phong phúc thần.

Digitized by Google

NGUYỄN-THIÊN-TÍCH

Ông tên tự là Huyền-Khuê, người làng Nội-duệ, huyện Tiên-du (Bắc-ninh). Năm thứ tư niên-hiệu Thuận-thiên triều Lê Thái-tổ (1431) ông đỗ khoa hoành-từ, nhờ văn chương mà được vua biết đến, cho dự việc giấy tờ giao thiệp với nước ngoài. Đầu niên-hiệu Thiệu-bình lại kiêm ngự tiền học sinh, sung phó sứ sang Minh, bái tạ việc vua Minh phúng Lê Thái-tổ; khi về được thăng thị ngự-sử. Mùa hạ năm Đinh-tỵ (1437) ông đàn hặc viên coi việc từ tụng là Lê-Khắc-Phục cố xoay gỡ tội cho viên quản lĩnh Lê-Trung làm việc trái phép. Nhưng vua bỏ qua không xét, ông xin bãi chức, vua xuống lệnh khiến ông cứ làm chức cũ. Ông lại hặc đại tư đồ Lê-Sát chuyên quyền; Sát phải chịu tội.

Mùa đông năm Mậu-ngọ (1438) ông vâng mệnh sung phó sứ đi cống; lúc về được đổi làm thị độc viện Hàn-lâm. Mùa đông năm Nhâm-tuất (1442) ông vâng mệnh soạn văn bia Hữu lăng. Trong niên-hiệu Thái-hòa ông được thăng lên phó sứ viện Nội-mật. Sau bị người vu cáo phải mất chức, nhưng rồi lại được dùng làm tri chế cáo viện Hàn-lâm.

Lê Thánh-tông lên ngôi, lấy ông làm Thượng-thư bộ Binh. Gặp việc ông nói hết, không giấu giếm điều gì. Thánh-tông khen ngợi và bảo rằng: «Vương Ngụy đời Đường (1)

(1) Vương Ngụy đời Đường: tức Vương-Khuê và Ngụy-Trưng. Vương-Khuê làm gián nghị đại phu cùng với Phòng-Huyền-Linh phò tá Đường Thái-tông, nổi tiếng ở thời bấy giờ. Ngụy-Trưng làm tả quang lộc đại phu, cũng ở đời Đường Thái-tông, nổi tiếng can đảm, trước sau trình bày hơn 200 việc, vua phải kính nể.

Digitized by Google

nào có hơn gì!» Ít lâu sau ông bị khiển trách, rồi lại được phục chức và kiêm chức tế-tửu. Ông do văn học mà đắc dụng, uy phong khảng khái, trước sau không đổi, được bốn triều biết đến, nhờ có khí tiết mà được tôn trọng như vậy.

PHAN-THIÊN-TƯỚC

Phan-Thiên-Tước người huyện Vũ-ninh (Bắc-ninh) là một vị cựu thần của Lê Thái-tổ, từng làm quan đến chức Đài-gián, nhất sinh cương-trực, đứng đắn, khảng-khái.

Khoảng đầu niên-hiệu Thiệu-bình; ông ra làm chuyển vận sứ ở châu Cổ-đằng, sau được triệu về Kinh sung chức Thị Ngự-sử. Ông là con người có khí tiết cứng cỏi, thẳng ngay, gặp việc dám nói lên sự thực. Nhân lúc bấy giờ quốc tang chưa mãn, đại thần Lê-Thụ cưới vợ, cất nhà; Thiên-Tước bèn dâng sớ đàn hặc. Nhà vua truyền phải xét nhà các đại thần khác, và hỏi ông rằng: «[24a] Các đại thần không phải không có việc ấy, sao mà khanh chỉ tâu hặc một mình Lê-Thụ». Ông tâu rằng: «Đô-đốc, Tư-khấu, Tư-mã, đều là đại thần, nhận lời ký thác của vua, cần phải giữ mình cho nghiêm chỉnh mà điều khiển trăm quan, phàm làm việc gì phải theo đúng lẽ pháp, hạ thần nhận thấy như thế, không thể không nói ra, nay vâng Sắc chỉ xét nhà các quan, hạ thần đâu dám không làm tròn chức trách». Sau đó ông dâng sớ tố-cáo bọn làm nhà mới trên 20 người, đứng đầu là Tham-tri Lê-Định. Tuy không cứu xét cáo trạng đến cùng, nhà vua vẫn khen ngợi lòng ngay thẳng của ông.

Digitized by Google

Mùa xuân năm thứ 2 (niên-hiệu Thiệu-bình), Thái-tông bắt đầu thân chính, mà vẫn ham chơi bời, Thiên-Tước cùng các quan Ngự-sử dâng sớ can gián, đại lược nói rằng: «Đức Tiên-đế giải gió dầm mưa, thân mang áo giáp, đội mũ trụ, lao tâm khổ sức trải hơn mười năm trời mới định an thiên hạ, Bệ-hạ kế vị [24b] thụ hưởng nghiệp thành, đáng phải lưu tâm về học thuật, chuyên cầu người hiền đức để mưu việc trị an; nay các đại thần tiến cử quan Thiếu-bảo (Nguyễn-Trãi), Hữu-bật (Trình-Thuấn-Dụ) vào chầu để khuyến khích việc học hành, mà Bệ-hạ đứng dậy bỏ đi, không nghe, ấy là một điều không nên vậy.

Lại như viên Quản-lĩnh đội Cấm-vệ thấy Bệ-hạ ham bắn chim, cũng đã can gián, Bệ-hạ không nghe, lại dương cung bắn lại, Đức Tiên-đế đã lựa một số con em các công thần vào chầu làm bạn học, Bệ-hạ cố xa lánh họ chỉ thích gần gũi bọn thị-vệ ở trong cung để nô đùa. Phàm làm vua phải lựa người hiền tài, hay nói thẳng, và tích-cực can gián, những kẻ có công lao thì tưởng thưởng, nay trái lại cùng bọn hoạn quan chơi đùa rồi thưởng cho, ấy là những điều rất không nên vậy. Hạ thần biết phải tội, nhưng vì phận sự phải nói đâu dám không tâu bày. Cúi xin Bệ-hạ từ đây mỗi khi ngự triều [25a] hoặc tiếp đại thần, hay nghe các triều thần tâu việc, phải giữ thái-độ bình-tĩnh đứng đắn, tôn-nghiêm, bệ-vệ, đáng vì thiên-tử; lại phải kính-trọng kẻ đại thần, ủy-lạo người có công-lao, nghe những lời can gián ngay thẳng, để mở đường ngôn-luận và hiểu thấu dân tình; được như vậy thì Bệ-hạ cũng thực hiện được đạo hiếu với việc nối chí và kế thuật sự-nghiệp của Đức Tiên-đế, chứ không phải chỉ có Thái-Giáp, Thành-Vương ngày xưa được tán dương mà thôi».

Digitized by Google

Thái-tông xem tờ sớ đùng đùng nổi giận, sai hoạn quan đến nhà Thiên-Tước cật vấn. Thiên-Tước nói rằng: «Chủ yếu của người bầy tôi là yêu vua, làm hết chức phận của mình mà thôi, dầu phải chết cũng chẳng ngại gì». Sáng hôm sau ông vào triều tâu rằng: «Vua Thuấn họ Ngu là bậc Thánh-nhân, mà ông Bá-Ích còn can răn việc chơi bời, Thái-tông nhà Đường là vị vua hiền, mà Ngụy-Trưng còn dâng sớ chỉ-trích mười điều (1) để khuyên răn. Chúng hạ thần giữ chức gián-nghị, sợ vua có điều lầm lỗi cho nên chẳng quản [25b] mình cuồng ngu dâng lời ngay thẳng, nếu Bệ-hạ nghe lời thì hết thảy thần dân cho đến những hạng người cắt cỏ hái củi, làm thợ làm nghề thảy đều hết lòng, và thánh đức của Bệ-hạ càng thêm sáng sủa lớn lao vậy». Nhà vua bây giờ mới nguôi giận.

Lúc bấy giờ các đại thần định cử những vị túc nho vào chầu ở tòa Kinh-diên để khuyên vua học tập. Nhưng vua không nghe. Thiên-Tước lại dâng sớ tâu rằng: «Sinh ra đã biết, không ai bằng Nghiêu Thuấn, vậy mà còn lấy Quân-Trù, Thành-Chiêu làm thầy. Từ xưa những bậc đế-vương muốn trau dồi quân đức, chưa có ai không nhờ học vấn; phương chi Bệ-hạ tuổi đã lớn, đạo trị xưa nay chưa am tường hết thảy; các đại thần Lê-Sát sở dĩ kén chọn những bậc túc nho đưa vào chầu Bệ-hạ là bởi muốn Bệ-hạ cũng trở nên Nghiêu Thuấn, sao Bệ-hạ coi thường tôn-miếu xã-tắc mà phụ tấm lòng trung thành của chư thần như vậy? Cúi xin Bệ-hạ tưởng đ[illegible] ý cố thác của

(1) Mười điều: Tức «thập [illegible] hỉ-trích nhà vua đã tỏ ra dần dần kh[illegible] ại mới lên ngôi.

Digitized by Google

Tiên-vương [26a] để bốn biển mong hưởng phúc lành mà Bệ-hạ cũng hưởng lộc và tuổi thọ của bậc đại hiếu ». Ngoài ra, những việc vua cỡi voi, chọi dế, ông đều tùy tiện cản ngăn, vua cũng phải kính nể. Sau ông làm đến chức Trung-thừa và mất trong niên-hiệu Thái-hòa (1443 — 1453).

NGUYỄN-TRỰC

Nguyễn-Trực tên chữ là Công-Đỉnh, người ở xã Bối-khê, huyện Thanh-oai (Hà-đông). Tương truyền rằng cha ông là Thì-Trung giỏi về khoa phong-thủy (địa-lý), nhân thấy ở làng Nghĩa-bang thuộc huyện An-sơn có cuộc đất tốt, bèn xin cưới con gái họ Đỗ — người làng nầy — và làm nhà ở đấy, sau sinh hạ Nguyễn-Trực trong am núi Phật-tích. Thông minh lanh lẩu từ thuở bé, ông học rộng xem hết mọi pho kinh truyện, mới 12 tuổi đã giỏi văn-chương; 18 tuổi thi Hương ở Sơn-tây ông đỗ đầu; 26 tuổi ông dự thi khoa Nhâm-tuất [26b] niên-hiệu Đại-bảo triều Thái-tông (1442) và đỗ đầu nhất giáp, ấy là vị Trạng-nguyên đầu tiên của triều Lê.

Khoảng đầu niên-hiệu Thái-hòa triều Nhân-tông, ông được sơ bổ làm Trực Học-sĩ viện Hàn-lâm, kiêm Vũ kỵ úy, rồi thăng chức An-phủ sứ phủ Nam-sách. Ít lâu sau ông được triệu về Kinh và thăng Thị-giảng, kiêm Ngự tiền học-sinh cục thứ hai viện Hàn-lâm, rồi lên chức Trung-thư Thị-lang ở sảnh Trung-thư. Ông vâng mệnh đi sứ Trung-quốc. Nhân gặp khoa thi, ông xin ứng thí với tư cách bồi-thần, và được Minh triều cho đậu trạng. Do đó người đương

Digitized by Google

thời tôn xưng ông là Trạng-nguyên hai nước (lưỡng quốc Trạng-nguyên).

Năm thứ 2 niên-hiệu Diên-ninh (1445), nhà có tang ông xin về nhà dạy học. Số sĩ-phu từ bốn phương đến theo học lên tới hàng nghìn.

Lúc ông vừa hết tang, thì sứ nhà Minh đến, vua sai ông làm văn thư qua lại với sứ-giả, và thảo bài biểu chúc hạ vua Minh mới lên ngôi. Người Minh xem văn đều khen ngợi.

Vua Nhân-tông gặp nạn (bị Nghi-Dân giết), ông làm bài văn tế, lời lẽ rất bi ai thảm-thiết.

Khi Thánh-tông lên ngôi, [27a] ông càng được nhà vua mến trọng vì từ-chương.

Năm đầu niên-hiệu Quang-thuận (1460), ông được thăng chức Tuyên-phụng đại-phu, trung thư lệnh coi việc tam quán, ở Đại liêu ban. Đã nhiều lần ông xin về ngôi nhà tranh ở tây-sơn nhưng vua không cho, nên ông có bài thơ:

NGUYÊN ÂM

病 承 思 詔 許 習 京
歸 計 如 今 一 未 心
何 日 西 山 山
蓑 衣 秀

Digitized by Google

PHIÊN ÂM

Bệnh thừa ân chiếu hứa lưu kinh,
Qui kế như kim nhất vị thành.
Hà nhật tây sơn sơn hạ lộ,
Thoa y tiểu lạp khán xuân canh.

TẠM DỊCH

Ơn chúa lưu người bệnh ở kinh,
Về vườn xắng mãi việc chưa thành.
Ngày nào dưới núi tây thơ thẩn,
Đội nón mang tơi ngắm tác canh.

Và bài thơ sau :

NGUYÊN VĂN

大庭曾對三千策
浮世虛驚五十年
不是無心來禁省
只因多病憶田園

PHIÊN ÂM

Đại đình tằng đối tam thiên sách,
Phù thế hư kinh ngũ thập niên.
Bất thị vô tâm lai cấm tỉnh,
Chỉ nhân đa bệnh ức điền viên.

Digitized by Google

TẠM DỊCH

Thi đình đối sách ba ngàn,
Năm mươi năm ở trần gian kinh hoàng.
Phải đâu không thiết triều đường,
Bệnh nhiều nên nhớ ruộng nương quê nhà.

Xem những câu thơ trên người ta cũng có thể tưởng thấy phong độ và tiết tháo của ông như thế nào.

Năm thứ 4 niên-hiệu Hồng-đức (1473), ông được vinh thăng Gia-hạnh đại-phu Thừa chỉ viện Hàn-lâm kiêm Quốc-tử-giám Tế-tửu. Năm ấy, ông tạ thế, hưởng thọ 57 tuổi.

Bình sinh ông có viết [27b] quyển Xư-liêu tập nên học giả đương thời gọi ông là Xư-liêu tiên-sinh. Ông đỗ đầu đại khoa ra làm quan, mà có thái-độ lạnh-nhạt đối với sự nghiệp công-danh và thường tỏ ý cấp lưu dũng thoái (như giòng nước chảy gấp lui mau). Thân-Nhân-Trung khen ông rằng: « Do văn chương được các triều tri ngộ, mà khiêm tốn, kính cẩn giữ vẹn niềm thủy chung »; đó là lời phê-bình xác đáng vậy.

NGUYỄN-NHƯ-ĐỔ

Nguyễn-Như-Đổ, tên chữ là Mạnh-an, người làng Đại-lan, huyện Thanh-trì (Hà-đông), ngụ tại làng Tử-dương, huyện Thượng-phúc. Năm 19 tuổi đi thi Hội khoa Nhâm-tuất năm thứ 3 niên-hiệu Đại-bảo triều Lê Thái-tông (1442), ông đậu hội-nguyên, rồi vào thi Điện được chấm đậu nhất-

Digitized by Google

giáp tiến-sĩ hàng thứ hai, ông là vị Bảng-nhãn đầu tiên của triều Lê vậy.

Mùa đông năm Quý-hợi niên-hiệu Thái-hòa (1443), ông được bổ ở viện Hàn-lâm, giữ việc soạn chế cáo, và sung chức phó sứ trong phái-bộ đi bái tạ Minh triều về việc phúng tế Văn-Hoàng (Thái-tông); khi trở về nước được thiên bổ chức An-phủ sứ lộ Quy-hóa; và đến năm Kỷ-tỵ (1449) được thăng Trực học-sĩ.

[28a] Mùa đông năm Canh-ngọ (1450), ông được sung chức phó sứ lần thứ hai trong một phái-bộ đi triều cống; và mùa thu năm Kỷ-mão, niên-hiệu Diên-ninh (1459) lại phụng mạng đi sứ qua Minh lần thứ ba, nhân dịp tuế cống, và giải tỏ việc mò hạt châu.

Vua Thánh-tông lên ngôi, ưa dùng Nho thuật. Như-Đổ được nhà vua yêu dùng, cho làm Thượng-thư bộ Lại, năm ấy ông mới 37 tuổi đầu, sau đó lại thăng chức Tả ty sảnh môn hạ tả giám-nghị đại-phu, coi sổ sách quân dân ở Bắc-đạo, kiêm Hàn-lâm viện thừa chỉ học-sĩ, rồi tiến lên kiêm Lễ bộ thượng-thư, Cần-đức điện đại học-sĩ, tân khách của Thái-tử; lại giữ chức Đề-điệu, trong hai kỳ thi Điện năm Bính-tuất (1466) và Kỷ-sửu (1469), rồi mới giữ việc cất nhắc các quan.

Mùa đông năm Canh-dần niên-hiệu Hồng-đức (1470), ông theo vua đi đánh Chiêm; chẳng bao lâu sau bị khiển trách và thải hồi, nhưng rồi lại được phục chức, làm Lại bộ thượng-thư gia Thiếu-bảo, kiêm Quốc-tử-giám tế-tửu, cho tới [28b] mười năm sau mới về hưu-trí. Ông mất trong niên-hiệu Thống-nguyên (1522 — 1527), hưởng thọ 102 tuổi.

Digitized by Google

Ông lúc trẻ thi đỗ Khôi-nguyên, khi lớn làm nên công-danh quí-hiển, lên cõi thọ trăm tuổi, trải thờ tám triều vua, cũng là trường-hợp hiếm có trong hoạn đồ vậy.

Trong khoảng niên-hiệu Thái-hòa, ông từng phụng sắc soạn thảo bài văn bia ở miếu thờ hoàng thân Vũ-mục (tức Lê-Khôi) lập tại núi Nam-giới, nay bài văn bia ấy vẫn còn, với tập thơ do ông để lại cho đời sau.

LƯƠNG-THẾ-VINH

Lương-Thế-Vinh, người làng Cao-hương, huyện Thiên-bản, nổi tiếng thần-đồng từ thuở nhỏ.

Năm 22 tuổi, ông đi thi Hội khoa Quý-mùi năm thứ 4 niên-hiệu Quang-thuận triều Lê Thánh-tông (1463), đỗ đầu nhất giáp tiến-sĩ cập đệ rồi vào ứng chế lại đứng đầu (tức đỗ Trạng-nguyên).

Trước kia bà Quang-Thục Hoàng thái-hậu nằm mộng thấy mình lên Thiên-đình được Thượng-đế ban cho một vị tiên-đồng [29a] làm con, lại cho thêm một vị nữa để phụ-tá người con. Đến lúc tỉnh mộng bà có thai, rồi sinh hạ vua Thánh-tông. Sau khi thi đỗ Trạng-nguyên, Thế-Vinh vào chầu, Thái-hậu nhận rõ dung mạo của ông y hệt hình dáng của vị tiên-đồng đã từng trông thấy trong giấc mộng năm xưa. Bà lấy làm lạ đem câu chu[illegible]m bao thuật lại cho vua nghe. Thánh-tông cho là [illegible], và rất ưa đọc văn-chương của Thế-Vinh, b[illegible] chầu chực bên mình để cùng bàn [illegible] về [illegible]

Digitized by Google

Đương sơ ông được bổ làm Hàn-lâm trực học-sĩ, quyền Công khoa chấp sự trung. Trong khoảng niên-hiệu Hồng-đức, ông được thăng thị thư viện Hàn-lâm, coi việc của viện, kiêm quản cục Tú-lâm và quán Sùng-văn. Thuở ấy tất cả mọi từ mệnh, giấy tờ về ngoại-giao đều do ông phụng-soạn. Thanh danh của ông sang đến triều-đình Trung-quốc. Người Minh khen nước ta có lắm nhân-tài.

Ông được dự chân sái-phu ở Tao-đàn, tự xưng hiệu là Thụy-Hiên. Ông từng đọc hết mọi pho sách, học vấn [29b] rất sâu rộng, ông có làm ra quyển đại thành toán pháp. Duy tính hay khôi-hài, và ông đã viết nhiều bài khoa giáo của nhà chùa. Sau khi tạ thế, ông làm phúc thần ở trong làng.

QUÁCH-ĐÌNH-BỬU

Quách-Đình-Bửu ở xã Phúc-khê huyện Thanh-quan (Thái-bình). Năm 24 tuổi, đi thi Hội khoa Quý-mùi năm thứ 4 niên-hiệu Quang-thuận (1463) đỗ đầu, rồi vào thi Đình đỗ thứ 3 nhất-giáp tiến-sĩ (tức đỗ Thám-hoa). Ông nhờ nổi tiếng về văn-học mà được tiến dụng ở Triều-đình và theo hầu bên vua, bắt đầu với chức trực học-sĩ viện Hàn-lâm.

Năm Canh-dần niên-hiệu Hồng-đức (1470) ông phụng mạng đi sứ Minh để tâu trần mọi việc; lúc trở về được thiên chức Đông-các hiệu-thư; trải thăng phó đô ngự-sử, kiêm tả xuân phường, tả trung doãn.

Digitized by Google

Năm Quý-mão niên-hiệu Hồng-đức (1483), ông cùng các ông Thân-Nhân-Trung phụng mệnh biên soạn «Thiên Nam dư hạ tập» và [30a] «Thân chinh ký», rồi được thăng Thượng-thư bộ Lễ, kiêm các chức-chưởng cũ, năm ấy ông đã 44 tuổi.

Mùa thu năm Giáp-thìn (1484) ông vâng chỉ xét tên tuổi những người đỗ tiến-sĩ từ khoa Nhâm-tuất niên-hiệu Đại-bảo (1442) đến khoa Giáp-thìn (1484) để khắc vào bia đá dựng tại nhà Thái-học. Năm Ất-tỵ (1485) ông được đổi sang Thượng-thư bộ Hình. Đình-Bửu là anh ruột của Quách-Hữu-Nghiêm; hai anh em làm quan đồng triều. Tương truyền rằng: nội tổ của ông đã trả lại số vàng của người khách bỏ quên tại nhà ông, cho nên con cháu được hưởng phúc báo vậy.

QUÁCH-HỮU-NGHIÊM

Quách-Hữu-Nghiêm ở xã Phúc-khê. Năm 22 tuổi ông đỗ tiến-sĩ nhị giáp (tức đỗ Hoàng-giáp) khoa Bính-tuất năm thứ 7 niên-hiệu Quang-thuận (1466).

Năm Canh-tuất niên-hiệu Hồng-đức (1490) ông được sung chức phó đô ngự-sử, coi việc thi Đình; rồi được thăng đô ngự-sử, và sung chức Đề-điệu (tức Chánh chủ khảo) tại hai khoa thi Đình năm Quý-sửu (1493) và năm Bính-thìn (1496), lúc ấy ông đã được 49 tuổi.

Mùa xuân năm Canh-thân (1500) niên-hiệu Cảnh-thống (triều Hiến-tông), ông được cải thụ [30b] Thái-thường tự-khanh.

Digitized by Google

Mùa đông năm Nhâm-tuất (1502) ông được sung chức chánh sứ qua Minh để bái tạ ơn ban tứ mũ áo. Lúc bấy giờ bà hoàng-hậu nhà Minh thấy sứ thần nước ta đến, bèn sai quan ra thu các rương hòm để kiểm nhận các hương lạ. Khi ấy Hữu-Nghiêm có mua bộ áo long cổn là vật cấm để ở trong hòm, sợ người Minh lục thấy mới làm bài bẩm văn của sứ bộ mình rồi thu dị hương dâng lên. Lời văn nói rằng: « Kẻ thất phu giấu ngọc bích, Lân kinh (sách Xuân-thu) có chê là tham của, lái buôn người Hồ giấu ngọc châu, sử họ Mã rằn là liều mình (1). Cho nên kẻ gõ cửa dâng ngọc, lòng trung thuần cũng đáng khen; kẻ tiến rau cần và nắng ấm (2) để tỏ lòng, của tuy nhỏ mọn mà đáng quý; kẻ dở người hay, gương soi đã rõ. Nay sứ bộ chúng tôi [31a] từ phương xa tới đây, được chiêm ngưỡng phong-quang của Thượng quốc, trải muôn dặm trèo non vượt biển vất vả chẳng nề. Chín tầng nhật nguyệt sáng soi, vui sướng được thấy mặt rồng, đến chốn thanh danh văn vật của triều Ngu-Thuấn được thấy lễ nhạc y quan của nhà Chu. Tôn-kính để dạ, báo đáp không cùng; phàm những hóa vật đem theo há dám tơ hào luyến tiếc! Chúng tôi có một hộp hương kỳ nam rất quý lạ, xin giao các sai-quan kiểm thu để tiến vào cung. »

Vua Minh xem bẩm văn trên khen là bậc người tài thời Tam-Đại, ban yến thưởng rất hậu, lại ban cho cái

(1) Chuyện kể một người lái buôn có ngọc châu, sợ mất mới rạch đùi bỏ vào.

(2) Tích xưa có người ăn rau cần là loài rau đắng, thấy ngon bèn đem dâng vua. Lại có người sưởi nắng thấy ấm cho là sự phát hiện mới cũng tâu lên vua.

Digitized by Google

áo mầu đại hồng thêu hình giải trại (con dê thần) ở trước ngực sau lưng bằng kim tuyến, xen lẫn chỉ tơ chỉ gai mọi thứ. Hữu-Nghiêm làm bài biểu tạ ơn như sau (dịch):

«Hạ thần trộm nghĩ: trời đất sinh nuôi muôn vật, dẫu những mầm, mống, gốc rễ cũng cảm cái đức hóa sinh [31b] vô cùng; đấng Đế-vương vỗ về mọi nước, dẫu những kẻ dân mọn ở cõi xa cũng ngưỡng vọng cái đạo hòa bình rộng lớn. Thần nay may nhân việc đi cống, được trông thấy trời Nghiêu; chiêm ngưỡng mặt trời ở đất Trường-an, lòng càng tha thiết được dự góp mũ áo ở chốn triều-nội, hân hạnh xiết bao! Ngờ đâu kẻ hèn mọn ở nơi xa lại được ân ban chồng chất, thân được vẻ vang có phẩm phục rực rỡ; áo mệnh phục mới ban, nét thêu con dê thần tươi đẹp; tự nghĩ thân phận hèn như chồi cây cụm cỏ, càng cảm ân đại tạo như đất trời. Thần được đội ơn khôn xiết ghi lòng tạc dạ; xin kính chúc Hoàng-đế sống lâu muôn muôn tuổi, hưởng thọ ngang với trời; toàn thể thần dân khắp nơi đều được vui nền thịnh-trị, các nước lớn nhỏ cùng được [32a] thấm nhuần ân trạch, ấy là nguyện-vọng sâu-xa của hạ thần vậy».

Hôm ông vào bái từ, Minh-Đế lại ban cho cái áo đại hồng, đằng trước đằng sau có thêu con dê thần, giữa có đám mây bằng kim tuyến xen chỉ tơ sống, chỉ gai, lại truyền cấp cho ngựa, thuyền đưa về nước. Hữu-Nghiêm có dâng bài thơ như sau:

NGUYÊN VĂN

曹因國事貢珍封

Digitized by Google

中陛玉陪叨宴藻
服品三彰己彩多
風荒八駕再舟鷁
海如寬之笑辭詩
虹似飲堪那力酒
祝雅周同擬壽福
公臨照月日恒升

PHIÊN ÂM

Tằng nhân quốc sự cống trân phong,
Táo yến thao bồi ngọc bệ trung.
Trãi thái dĩ chương tam phẩm phục,
Nghích chu tái giá bát hoang phong.
Thi từ tiếu pháp khoan như hải,
Tửu lực na kham ẩm tự hồng.
Phúc thọ nghĩ đồng chu nhã chúc,
Thăng hằng nhật nguyệt chiếu lâm công.

TẠM DỊCH

Nhân việc nước mang đồ cống tiến,
Vào điện rồng dự yến trước sân.
Áo tam phẩm sức dê thần,
Lên thuyền đầu nghích vượt lần tám phương.
Cười thơ chẳng sánh bằng biển rộng,
Rượu uống càng thua giống cầu vồng.

Digitized by Google

Chúc vua phúc thọ vô cùng,
Thăng hằng nhật nguyệt (1) soi cùng thế gian.

Lúc trở về nước, ông trải thăng Thượng-thư bộ Lại, kiêm Đô Ngự-sử. Ông là em của Quách-Đình-Bảo. Hai anh em đều cùng hàng Thượng-thư.

[32b] ĐỖ-NHUẬN

Đỗ-Nhuận ở xã Kim-hoa, huyện Kim-hoa (Vĩnh-phúc). Năm 21 tuổi, ông thi đỗ đồng tiến-sĩ khoa Bính-tuất năm thứ 7 niên-hiệu Quang-thuận (triều Lê Thánh-tông), nhờ nổi tiếng văn-chương mà được lục dụng, phục vụ nơi ban chiếu chỉ của nhà vua.

Mùa thu năm Mậu-tý (1468) vua ngự giá vào chơi Lam-kinh. Ông cùng bọn Đình-Bảo theo chầu, và phụng mệnh họa thơ chép thành quyển «Hiếu trị anh hoa tập».

Năm Tân-mão niên-hiệu Hồng-đức (1471) ông được thăng Đông-các hiệu-thư.

Mùa đông năm Quý-mão (1483) ông cùng bọn Thân-Nhân-Trung vâng chỉ biên soạn bộ «Thiên Nam dư hạ tập» rồi gia kiêm học-sĩ Đông-các.

Đầu thu năm Giáp-thìn, vua sắc lập bia đề tên các tiến-sĩ, ông cùng Thân-Nhân-Trung phụng mệnh phân công

(1) Thăng là (mặt trời) mới mọc, hằng là mặt trăng thượng huyền, hình như vòng cung («nhật thăng nguyệt hằng»).

Digitized by Google

biên soạn bài ký. Bấy giờ nhà vua tự xưng Tao-đàn đô nguyên-súy và chọn hai ông Thân Đỗ làm phó nguyên-súy. Tất cả các tập thơ do nhà vua ngự chế cũng như thơ thù phụng của các văn thần đều được giao cho Đỗ-Nhuận phê bình. [33a] Ông rất được nhà vua tin dùng, thường đêm vào chầu vua để cùng bàn về đạo-lý thiên văn, các triều thần khác không ai được như thế.

Năm Quý-sửu (1493) ông được thăng thị độc viện Hàn-lâm, kiêm đại học-sĩ đông-các; lúc ấy ông đã được 48 tuổi. Mùa đông năm Ất-mão (1495) ông phụng họa các vần thơ trong tập « Quỳnh Uyển cửu ca ». Đỗ-Nhuận cùng Thân-Nhân-Trung cùng nổi tiếng ngang nhau, được người đời bấy giờ gọi chung là Thân Đỗ. Ông làm quan đến chức Thượng-thư, rồi thất lộc.

THÂN-NHÂN-TRUNG

Thân-Nhân-Trung ở làng Yên-ninh, huyện Yên-dũng (Bắc-giang). Năm ngoài 30 tuổi ông thi đỗ Hội nguyên khoa Kỷ-sửu năm thứ 10 niên-hiệu Quang-thuận (1469) rồi thi Đình đỗ Đồng tiến-sĩ. Ông do văn học mà được lục dụng, đương tiên được bổ thị độc viện Hàn-lâm, rồi gia kiêm Đại học-sĩ Đông-các, sau trải thăng thừa-chỉ Hàn-lâm viện, nhưng vẫn kiêm Đông-các.

[33b] Năm Quý-mão niên-hiệu Hồng-đức (1483), ông cùng bọn Quách-Đình-Bảo, Đỗ-Nhuận phụng chỉ biên soạn bộ « Thiên Nam dư hạ tập ». Nhà vua thường đề lời khen hay vào bản thảo của ông. Ông trải gia kiêm chức Quốc-

Digitized by Google

tử tế-tửu (1). Lúc bấy giờ nhà vua ưa chuộng văn chương, tự xưng Tao-đàn đô nguyên súy, và chọn Nhân-Trung, Đỗ-Nhuận làm phó nguyên-súy. Ông phụng mệnh phê bình thơ ngự chế, và họa thơ « Quỳnh Uyển cửu ca ».

Ông có lúc xin về nhà bái yết và tảo mộ tổ tiên, Lê Hiến-tông khi ấy còn là Thái-tử, có làm bài thơ tiễn đưa sau đây :

NGUYÊN VĂN

幾年蓬地久承恩
暫假榮歸拜社枌
清霅面辭東閣月
故閭情望北江雲
鄉心無限三杯酒
親念難勝數尺墳
須信顧揚真是孝
好推此意答明君

PHIÊN ÂM

Kỷ niên thúy địa cửu thừa ân,
Tạm giả vinh quy bái xã phần.

(1) Quốc-tử tế tửu : Tức tế-tửu Quốc-tử-giám điều khiển trường Quốc-tử-giám, là triều thiết lập để đào tạo các quan lại

Digitized by Google

Thanh án diện từ đông các nguyệt,
Cố lư tỉnh vọng bắc giang vân.
Hương tâm vô hạn tam bôi tửu,
Thân niệm nan thăng sổ xích phần.
[34a] *Tu tín hiền dương chân thị hiếu,*
Hảo suy thử ý đáp minh quân.

TẠM DỊCH

Lâu năm các viện thọ hồng ân,
Tạm được vinh quy viếng tổ thần.
Đông các phòng không từ bóng nguyệt,
Bắc giang mây hiện nhớ làng thân.
Tình quê đành phó ba chung rượu,
Dạ thảo khôn nguôi mấy nấm phần.
Nên biết hiền thân là chí hiếu,
Hãy suy hiếu nọ đáp minh quân.

Thân-Nhân-Trung được nhà vua quý trọng như thế đó.

Khoảng đầu niên-hiệu Cảnh-thống, ông phụng soạn bài bia Chiêu lăng (lăng Lê Thánh-tông); sau được thăng lần đến Thượng-thư bộ Lại, kiêm coi viện Hàn-lâm, vào hầu trong cung phụ chính, và kiêm chức Đông-các như cũ; ông hưởng thọ trên 80 tuổi.

Văn thơ của ông chuộng điền nhã (1) rất hồn hậu, không

(1) Điền nhã : Theo phép tắc tao nhã, tươi đẹp.

Digitized by Google

gia công điêu trác, mà thể cách bố trí tự nhiên hay. Những bài thơ thù phụng của ông phần nhiều được nhà vua phê khen.

Ông có hai người con: Nhân-Tín và Nhân-Vũ, đồng thời hiển đạt, từng được vua ban cho câu thơ; «nhị Thân phụ tử mộc ân vinh» nghĩa là: «Cha con họ Thân cùng tắm gội ân vinh hiển»; được nhà vua yêu mến hơn tất tất cả mọi người, trên đời ít có vậy.

ĐÀO-CỬ

Người xã Thuần-khang, huyện Siêu-loại (Bắc-ninh); năm 18 tuổi thi đỗ đồng tiến-sĩ khoa Bính-tuất niên-hiệu Quang-thuận (1466), ông đổi tên là [34b] Thuấn-Cử. Về khoa văn từ, ông rất điêu luyện.

Năm Đinh-hợi (1467) ông lấy chân Tri-huyện dự thi khoa hoành-từ, trúng tuyển, được bổ vào Bí-giám làm độc thư, rồi thăng chức thị-chế viện Hàn-lâm, sau được vinh thăng tri chế cáo.

Mùa hạ năm Bính-thân (1476), do chân thị-thư viện Hàn-lâm ông được thăng hiệu-thư Đông-các.

Mùa thu năm Nhâm-dần (1482), ông theo vua đi đánh giặc phía tây (Chiêm-thành và Lão qua) cần cán lập công, không phạm lỗi gì, nên được thăng thị-độc viện Hàn-lâm, vẫn kiêm việc ở Đông-các, và cùng đại học-sĩ Thân-Nhân-Trung phụng soạn bộ «Thiên Nam dư hạ tập», và tập «Thân chinh kỷ sự».

Digitized by Google

Mùa xuân năm Mậu-thân (1482) nhân kỳ khảo sát ba năm một lần, xét ông xứng chức nên được thăng học-sĩ Đông-các. Văn-chương, phong-độ của ông rất được nhà vua kiến trọng; trong hàng văn thần được lễ ngộ, ông chỉ đứng sau hai ông Thân (Nhân-Trung) và Đỗ (Nhuận) mà thôi. Vua từng bảo ông họa bài thơ « Lương-giang dạ hứng » (cơn hứng ban đêm ở Lương-giang) và sai bình thơ trong tập « Cổ nhân tam bách vịnh ».

[35a] Ông làm quan rất cần cán, hết chức phận, trải thăng đến thượng-thư bộ Hộ, coi việc quán Sùng-văn, cục Tú-lâm. Ông mất vào khoảng niên-hiệu Cảnh-thống (1498—1504). Người anh của ông là Chính-Kỷ cũng đỗ Hoàng-giáp, hai anh em làm quan đồng triều.

NGUYỄN-CƯ-ĐẠO

Người làng Đòng-khối, huyện Gia-định (nay là Gia-bình), thi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Nhâm-tuất năm thứ 3 niên-hiệu Đại-bảo, triều Thái-tông (1442). Đương tiên, ông làm Ngự tiền học-sinh. Năm Kỷ-tỵ niên-hiệu Thái-hòa (1449) ông được đổi làm Giám-sát ngự-sử. Rồi vì tâu hặc các viên tham-nghị thuộc Chính-sự viện, ông bị giáng làm trực giảng Quốc-tử giám. Năm Bính-tý niên-hiệu Diên-ninh (1456) ông được cử sung phó-sứ trong phái-bộ đi cống bên Tàu.

Lúc vua Thánh-tông còn ở Tiềm-đề (1) đã cùng ông

(1) Tiềm đề : Chỗ vua ở lúc chưa lên ngôi.

Digitized by Google

kết bạn học, đến khi Thánh-tông lên ngôi, [35b] ông được tin dùng; năm đầu niên-hiệu Quang-thuận, được đề bạt làm thừa-chỉ viện Hàn-lâm, quyền thị-lang bộ Hộ, vào hầu giảng ở tòa Kinh-diên, rồi trải thăng phó Đô ngự-sử; năm Đinh-hợi (1467) lại được thăng Đô ngự-sử, thượng-thư bộ Hộ.

Nhà vua từng bảo rằng: «Thuở niên-thiếu ta cùng nhà ngươi kết bạn, nay ta lên ngôi báu, ngươi làm ở tòa Kinh-diên; nói về đạo thần hạ thì ngươi là kẻ tri-kỷ, bạn học thức với ta, nói về đạo vua tôi, thì nhà ngươi với ta có duyên cá nước, hội gió mây (1), vậy ngươi nên hết lòng hết sức, gắng lo báo quốc, như thế thì ta là ông vua biết người, mà ngươi là kẻ bề tôi tận trung, tên tuổi rạng rỡ cả sử sách, há chẳng vui sướng ư!» Vua tôi ý hợp tâm đầu như thế [36a] thật là kỳ ngộ.

ĐÀM-VĂN-LỄ

Ông người xã Lãm-sơn, huyện Quế-dương (Bắc-ninh) tên tự là Hoằng-Kính, biệt hiệu là Đạo-Trai. Thuở nhỏ ông đã nổi tiếng thần-đồng; thi Hương đỗ giải-nguyên; năm 18 tuổi mới đi thi một lần đã đỗ đồng tiến-sĩ khoa Kỷ-sửu năm thứ 10 niên-hiệu Quang-thuận (1469). Bắt đầu vào quan trường, ông được sơ bổ làm Hiệu-lý viện Hàn-lâm.

(1) Gặp hội gió mây: dịch nguyên văn bốn chữ «phong vân chi hội», là cơ-hội may mắn.

Digitized by Google

Năm Quý-mão niên-hiệu Hồng-đức (1483) ông được sung-chức thị-thư viện Hàn-lâm, cùng bọn Thân-Nhân-Trung biên soạn bộ «Thiên Nam dư hạ tập».

Năm Mậu-thân (1488), ông vâng mệnh làm chính sứ sang Minh mừng lễ đăng cực (lên ngôi), lúc trở về ông được thăng chức phó Đô ngự-sử, làm giám-khảo khoa thi Điện năm Quý-sửu (1493); chữa bao lâu sau, được lên chức Thượng-thư bộ Lễ, kiêm đại học-sĩ Đông-các; rồi vâng Sắc-chỉ soạn bài văn bia Chiêu-lăng thần đạo.

Năm Kỷ-mùi niên-hiệu Cảnh-thống (1499) sứ-giả nhà Minh sang [36b] phong sắc, ông phụng mạng đến dịch quán bàn soạn nghi tiết.

Khi Khâm hoàng (Thái-tử Thuần) được lập làm Đông-cung, ông phụng sung tả xuân phường hữu dụ đức (phụ đạo), nhưng vẫn kiêm chức cũ.

Mùa hè năm Giáp-tý (1504) vua Hiến-tông lâm bệnh nặng, bọn Nguyễn-Kinh-Kỷ muốn lập Uy-Mục đế (Hoàng-tử Tuân) đem vàng đến nhà ông để hối lộ, ông không chịu nhận bèn cùng đô ngự-sử Nguyễn-Công-Bật tôn lập (Hoàng-tử Thuần lên làm vua, tức là) Túc-tông. Sau (Túc-tông mất) Uy-Mục đế nối ngôi hận việc trước (không nhận hối lộ) đổi ông vào thừa-tuyên Quảng-nam; khi ông đi thuyền đến sông Chân-phúc, sai người đuổi theo bức bách bắt ông phải tự tận, ông nhảy xuống nước mà chết, năm ấy 54 tuổi. Về sau, Hồng-thuận khởi binh (giết Uy-Mục), mới truy phong và tế ông để biểu dương tiết nghĩa.

Digitized by Google

NGUYỄN-BẢO

Ông người làng Phương-lai, huyện Vũ-tiên (Thái-bình), đỗ đồng tiến-sĩ khoa Nhâm-thìn, năm thứ ba niên-hiệu Hồng-thuận.

Buổi đầu ông được sơ bổ [37a] vào Đông-các làm chức Tả tư-giảng phò Đông-cung thái-tử.

Vua Hiến-tông lên ngôi cho ông giữ chức Tả thị-lang bộ Lễ, tham dự và trông coi công việc Hàn-lâm viện. Ông vâng Sắc-chỉ biên soạn bài văn bia ở am Hiền-thụy dựng trên núi Phật-tích, đề tựa rằng :

NGUYÊN VĂN (1) :

帝王之生，必有靈異；靈異之應，必有所憑．遡觀古初，明徵可考：跡履巨人，而庖羲啟聖；虹流華渚而金天降神．月貫瑤光，而顓頊生；帝歆禋祀，而后稷興．商業兆玄鳥之媒；唐帝協赤龍之瑞．嵩石發於夏啟；赤爵表於周文．圖牒禎符，古今一揆．欽惟：

(1) Nguyên văn chữ Hán trong bản tuyển dịch chép bằng tay có nhiều chữ viết sai lạc dịch-giả phải sửa lại trước khi dịch ; đây là bài văn bia ở am Hiền-thụy chùa Thiên-phúc trên núi Phật-tích, một áng văn-chương đại gia, thiết tưởng độc-giả cần so sánh bản dịch với nguyên văn chữ Hán, nên dịch-giả nhận thấy nên chép cả nguyên văn ra đây để người đọc dễ tham khảo.

Digitized by Google

聖上皇帝陛下，承祖宗之施社，襲德澤之流光；應運之奇，萬生之慶，豈不出乎其類，拔乎其萃者哉．

原夫佛跡山天福寺，峯攢鷲嶺，洞敞峴峯；西連圓拿之雲，東挹喝江之水．至人觀化，曾此倘徉．石壁頂痕，雪龕足跡．混沌以來，宛然如在；真竺乾之福地，僊島之洞天也．加以李朝徐公道行卓錫持蠟逾數十年；天王感轉經之功；法友証托胎之果．如如遺蛻，曹溪不壞之法身；湛湛道心，達摩歸空之實相；寔妙勝之頭陀，圓明之法印也．蓋其億萬斯年，偕休鍾秀；磅礴穹壤間，必待聖人而後發歟？

逮乎光順初元，陰慝既除，乾綱後正．聖宗淳皇帝，以是年六月六日，俯徇擧情，光登宸極；簡求淑德，正位宮中．

時長樂殿皇太后，以禎國公（阮德忠）第二女，懿範嘉儀，首稱其選．七月入侍，拜充儀居永寧宮，寵遇冠於後庭，未幾有娠．公爲皇太后致禱是寺徐公庵．方展拜間，忽有片石飛落其前；公懷之惟謹，密令郢工雕作佛像，納石于衷，別構一庵奉之人莫知焉．

明年辛巳仲秋八月十日，聖上皇帝應期降誕，三宮交慶，率土歸心．三年壬午，聖上以嫡長立爲皇太子．仁孝夙成，温文日就；大本於是益隆矣．

洪德改元，皇太后自充儀册爲貴妃；恩禮日加．及

Digitized by Google

公臨殁囑家人曰：飛石之異，他日幸而有應，宜立碑記其事，以垂不朽.

洪德二十八年，聖宗淳皇帝上仙，聖上皇帝嗣位；社稷宗廟有所托，華夏黔黎皆率從，尊聖母貴妃爲皇太后，居長樂殿，榮養備至，慈極怡愉；福履之綏，祚徵之蕃，與周任似同其盛美也

聖天子率由舊章舉行仁政；流亡復業，益竭革心；甫及再春，天下大治；漢文之盛，唐太之隆，未足以喻也.

景統萬年之三，追思夙願，欲顯神功，特以碑文命臣撰次.顧臣淺陋何足以發揮神道感通之理，然既叨奉明詔，敢不對揚休命.

嗚呼！天人相與之際微矣哉！蓋志之所至，氣亦至焉；氣之所至，理亦至焉；是理也，察乎天地也；貫乎古今，不以顯而彰，不以隱而明，存乎其人，則在方寸間一感孚耳.況聖天子明德之遠，積慶之崇；古昔帝王，未之有也.

粤自厥初皇朝紹平間，光淑皇太后有玉帝授孩兒之夢，果生聖宗淳皇帝；及長樂皇太后有黃龍入左脅之祥，篤生聖上皇帝；祥瑞必不虛發；天命固有攸歸矣.

禎國公識鑒精通，寸忱感至，神石之應，豈偶然哉！且幽明無二理，物類本一原；象垂於天者星也，質凝於

Digitized by Google

地也石者；依人而行者神也，降祥在德者天也．徐庵靈異之應，石耶？星耶？神耶？天耶？祥耶？德耶？是豈淺識所能預知哉！穹示賜羨，岳瀆炳靈，亘萬古而一日，不紀嘉貺，曷著純誠，謹拜手稽首而銘曰：

天啟帝王，必有休祥，
成功特異，樹德克昌．
聖神毓慶，相古有光．
誕膺眷顧，永篤周祐．
百世累仁，萬年垂裕．
施于文孫，綿洪寶祚．
巍彼名山，虎踞龍蟠．
靈蹤勝跡，磅礴其間．
待時而發，莫測倪端．
英英奕葉，壺儀足法．
聖考初年，自天作合．
熊夢允孚，燕謀昭合．
禎國靜淵，茲山致虔．
冥心默禱，格彼上玄．
忽有神石，飛于佛前．
維茲神石，精誠所格；
妙入金身，渾融無跡．
崇構奉之，人不厭斁．

Digitized by Google

明年仲秋，宗石垂休．
祥開虹渚，道闡燕謀．
國本益重，盤石金甌．
尊公遺囑，其言可復．
事如有徵，善則必錄．
宜制碑文，發揚洪福．
鶚尾之春，化瑟更新．
聖皇嗣德，守位以仁．
建用皇極，惇叙彝倫．
慈宸膺養，尊榮無尚．
福履永綏，穹示協相．
至教誕敷，萬方咸仰．
昭昭靈應，亹亹玄功．
前言在耳，深契宸衷．
貞珉有作，式表崇鴻．
天地久長，山川融峙．
勒此穹碑，莫于南紀．
功德康隆，礌硠永世．

PHIÊN ÂM

Đế-vương chi sinh, tất hữu linh dị; linh dị chi ứng, tất hữu sở bằng. Tố quan cổ sơ, minh trưng khả khảo: tích lý cự nhân, nhi Bào-Hi khải thánh; hồng lưu Hoa-chử nhi Kim thiên giáng thần; nguyệt quán dao quang, nhi Chuyên-

Digitized by Google

Húc sinh; Đế hâm nhân tự, nhi Hậu-Tắc hưng. Thương nghiệp triệu huyền điểu chi tường; Đường đế hiệp xích long chi thụy. tung thạch phát ư Hạ-Khải; xích tước biểu ư Châu Văn. Đồ điệp trinh phù, cổ kim nhất [37b] *quĩ. Khâm duy:*

Thánh thượng Hoàng-đế Bệ-hạ, thừa tổ tông chi thi chỉ, tập đức trạch chi lưu quang; ứng vận chi kỳ, đốc sinh chi khánh; khởi bất xuất hồ kỳ loại, bạt hồ kỳ tụy giả tai!

Nguyên phù Phật-tích sơn Thiên-phúc tự, phong toàn Thứu lĩnh, đỗng xưởng Côn-lôn; tây liên Viên-tản chi vân, đông ấp Hát-giang chi thủy. Chí nhân quan hóa, tằng thử thắng dương. Thạch bích đính ngân, vân kham tục tích. Hỗn độn dĩ lai, uyền nhiên như tại; chân trúc kiền chi phúc địa, tiên đảo chi đỗng thiên dã. Gia dĩ Lý triều Từ-công Đạo-Hạnh trác tích trì lạp du [38a] *sổ thập niên. Thiên-vương cảm chuyển kinh chi công; pháp hữu chứng thác thai chi quả. Như như di thuế, Tào-khê bất hoại chi pháp thân; trạm trạm đạo tâm, Đạt-Ma qui không chi bửu tướng. Thực diệu thắng chi đầu đà, viên minh chi pháp ấn dã. Cái kỳ ức vạn tư niên, trừ hưu chung tứ; bàng bạc khung nhượng gian, tất đãi Thánh-nhân nhi hậu phát dư?*

Đãi hồ Quang-thuận sơ niên, âm thắc kỳ trừ, kiền cương phục chính. Thánh-tông Thuần Hoàng-đế. dĩ thị niên lục nguyệt lục nhật, phủ tuần dư tình, quang đăng Thần cực; giản cầu thục đức, chính vị trung cung.

Digitized by Google

Thời Trường-lạc điện Hoàng Thái-hậu, dĩ Trinh quốc-công (Nguyễn-Đức-Trung) đệ nhị nữ, ý phạm [38b] *gia nghi, thủ xứng kỳ tuyển. Thất nguyệt nhập thị, bái Sung-nghi, cư Vĩnh-ninh cung, sủng ngộ quán ư hậu đình, vị kỷ hữu thần. Công vị Thái-hậu trí đảo thị tự Từ-công am. Phương triền bái gian, hốt hữu phiến thạch phi lạc kỳ tiền. Công hoài chi duy cần, mật linh Dĩnh công điêu tác Phật tượng, nạp thạch vu trung, biệt cấu nhất am phụng chi, nhân mạc tri yên.*

Minh niên Tân-tỵ trọng thu bát nguyệt thập nhật, Thánh-thượng Hoàng-đế ứng kỳ giáng đản; Tam cung giao khánh, suất thổ qui tâm. Tam niên Nhâm-ngọ, Thánh-thượng dĩ đích trưởng lập vi hoàng Thái-tử; nhân hiếu túc thành, ôn văn nhật tựu; đại bổn ư thị ích long hỹ.

Hồng-đức cải [39a] *nguyên, Hoàng Thái-hậu tự Sung-nghi sách vi Quý-pni; ân lễ nhật gia. Cập Công lâm một chúc gia-nhân viết: Phi thạch chi dị, tha nhật hạnh nhi hữu ứng, nghi lập bi ký kỳ sự, dĩ thùy bất hủ.*

Hồng đức nhị thập bát niên, Thành-tông Thuần Hoàng-đế thượng tiên, Thánh-thượng Hoàng-đế tự vị. Xã-tắc tôn-miếu hữu sở thác, hoa hạ man mạch giai suất tùng; tôn Thánh-mẫu Quí-phi vi Hoàng Thái-hậu, cư Trường-lạc điện, vinh dưỡng bị chí, từ cực di du; phúc lý chi tuy, lộc dận chi phồn, dự Châu Nhâm tự đồng kỳ thiện mỹ dã.

Thánh Thiên-tử suất do cựu chương cử hành nhân chính; lưu vong phục nghiệp, đạo thiết cách [39b] *tâm; phủ cập*

Digitized by Google

tái kỵ, thiên hạ đại trị. Hán Văn chi thịnh, Đường Thái chi long, vị túc dĩ dụ dã.

Cảnh thống vạn niên chi tam, truy tư tác nguyên, dục hiền thần công, đặc dĩ bi văn mạng thần soạn thứ. Cố thần thiển lậu hà dĩ phát huy thần đạo cảm thông chi lý, nhiên kỷ thao phụng minh chiếu, cảm bất đối dương hưu mạng.

Ô hô! thiên nhân tương dự chi tế vi hỹ tai! Cái chí chi sở chí, khí diệc chí yên; khí chi sở chí, lý diệc chí yên; thị lý dã, sát hồ thiên địa dã; quán hồ cổ kim, bất dĩ hiển nhi chương, bất dĩ ẩn nhi bí, tồn hồ kỳ nhân, tắc tại phương thốn gian nhất cảm phu nhĩ. Huống Thánh Thiên-tử minh đức chi viễn [40a], *tích thánh chi sùng; cổ tích Đế-vương, vị chi hữu dã.*

Việt tự quyết sơ Hoàng triều Thiệu-bình gian, Quang-Thục Hoàng Thái-hậu hữu Ngọc-đế thụ hài nhi chi mộng, quả sinh Thánh-tông Thuần Hoàng-đế; cập Trường-lạc Hoàng Thái-hậu hữu hoàng long nhập tả hiếp chi tường, đốc sinh Thánh-thượng Hoàng-đế; tường thụy tất bất hư phát; thiên mệnh cố hữu du quy hỹ.

Trinh quốc-công thức giám tinh thông, thốn đam khẩn chí; thần thạch chi ứng, khởi ngẫu nhiên tai! Thả u minh vô nhị lý, vật loại bổn nhất nguyên; tượng thùy ư thiên giả tinh dã, chất ngưng ư địa giả thạch dã; y nhân nhi hành giả thần dã, giáng tường tại đức giả thiên dã. Từ am linh [40b] *dị chi ứng, thạch gia? tinh gia? thần gia? thiên gia? Thị khởi thiên thức sở năng dự tri tai! Khuông thị tử*

Digitized by Google

tiện, nhạc độc bình linh, cẳng vạn cổ nhi nhất nhật, bất kỷ gia huống, hạt trứ thuần anh; cần bái thủ khể thủ nhi minh viết:

Thiên khải Đế-vương, tất hữu hưu tường,
Thành công đặc dị, thụ đức khắc xương.
Thánh thần dục khánh, tướng cổ hữu quang.
Đản ưng quyến cố, vĩnh đốc châu hựu.
Bách thế lũy nhân, vạn niên thùy dụ.
Thi vu văn tôn, miên hồng bửu tộ.
Nguy bỉ danh sơn, hồ cứ long bàn.
Linh tung thắng tích, bàng bạc kỳ gian.
Đãi thời nhi phát, mạc trắc nghê đoan.
Anh anh dịch lật [41a] *khổn nghi túc pháp.*
Thánh khảo sơ niên, tự thiên tác hợp.
Hùng mộng doãn phu, yến mưu chiếu đáp.
Trinh-quốc tịnh uyên, tư sơn trí kiền;
Minh tâm mặc đảo, cách bỉ thượng huyền.
Hốt hữu thần thạch, phi vu Phật tiền.
Duy tư thần thạch, tinh thành sở cách;
Diệu nhập kim thân, hồn dung vô tích.
Sùng cấu phụng chi, nhân bất yếm dịch.
Minh niên trọng thu, tôn thạch thùy hưu.
Tường khai hồng chữ, đạo xiển yến mưu.
Quốc bổn tích trọng, bàn thạch kim âu.
Tôn công di chúc, kỳ ngôn khả phục.

Digitized by Google

Sự như hữu trưng, thiện tắc tất lục.
Nghi chế bi văn, phát dương hồng phúc.
Thuần vĩ chi xuân, hóa sắt canh tân;
Thánh-hoàng tự đức, thủ vị dĩ nhân.
Kiến dụng [**41b**] *hoàng cực, đôn tự di luân.*
Từ thần ưng dưỡng, tôn vinh vô thượng.
Phúc lý vĩnh tuy, khung thị hiệp tường.
Chí giáo đản phu, vạn phương hàm ngưỡng.
Chiêu chiêu linh ứng, vỉ vỉ huyền công.
Tiền ngôn tại nhĩ, thâm khế thần trung.
Trinh miên hữu tác, thức biểu sùng hồng.
Thiên địa cửu trường, sơn xuyên dung trĩ.
Lặc thử khung bi, điện vu nam kỷ.
Công đức khang long, lỗi lang vĩnh thế.

DỊCH NGHĨA

Phàm các bậc Đế-vương ra đời ắt có điềm **linh-dị** (linh diệu khác thường), và **sự** ứng nghiệm của **những** điềm linh-dị ấy phải có bằng chứng; xem cổ sử người ta có thể nhận ra những bằng-chứng ấy rõ ràng như: **bà** mẹ Bảo-Hy (1) giẫm lên dấu chân người to lớn mà **sinh**

(1) Bảo-Hy, hay Phục-Hy: Vua nước Tàu thời thượng-cổ (khoảng 4480 — 4365 trước Công-nguyên), dạy dân đánh cá, **nuôi** súc vật và vạch ra bát quái (8 quẻ trong kinh Dịch). **Tương** truyền rằng: Mẹ Phục-Hy ở bến sông nước Hoa-tư **giẫm** vào vết chân người to lớn, trong lòng thấy động, **rồi có** thai sinh ra vua.

Digitized by Google

ra vua ; ngôi sao sáng như cầu vồng sa xuống Hoa-chử, mà Kim-thiên thị (1) (Thiếu-Hạo) ra đời; sao Dao hiện ra sáng như mặt trăng là điềm sinh vua Chuyên-Húc (2); (bà Khương-Nguyên) năng cúng Thượng-đế, Thượng-đế cảm lòng thành mà cho sinh ra Hậu-Tắc (3); (bà Giản-Địch) nuốt trứng chim én mà sinh ra người sáng nghiệp nhà Thương (4); rồng đỏ xuất hiện là điềm Thánh-đế Đường Nghiêu ra đời (5); Hạ-Khải sinh ra thì mẹ hóa thành

---

(1) Kim-thiên thị : Vua nước Tàu đời thượng-cổ, tức Thiếu-Hạo Kim-thiên thị (khoảng 2597 — 2512 trước Công-nguyên). Theo sách Đế-vương thế-kỷ : có ngôi sao lớn như cái cầu vòng chiếu xuống bến sông Hoa-chử, bấy giờ có người con gái là Loa-tổ cảm nhiễm ánh sao ấy mà có thai và sinh ra Thiếu-Hạo.

(2) Chuyên-Húc Cao-Dương thị : Vua nước Tàu đời thượng-cổ (khoảng 2513 — 2435 trước Công-nguyên). Theo Đế-vương thế-kỷ : Cuối đời Kim-thiên thị sao Dao chiếu sáng như mặt trăng; bà Phi ở trong u-phòng cảm nhiễm ánh sao ấy mà thụ thai và sinh ra Chuyên-Húc.

(3) Hậu-Tắc : Thủy-tổ của nhà Chu bên Tàu, làm chức Tắc là quan coi việc cày cấy dưới thời vua Nghiêu (2365 — 2282 trước Công-nguyên). Tương truyền rằng : Bà Khương-Nguyên năng cầu đảo Thượng-đế mà sinh ra Hậu-Tắc.

(4) Thương Ấn, với điềm chim én : Bà thứ-phi của vua Đế-Cốc bên Tàu (2435 — 2365) là Giản-Địch đi tắm thấy con chim én đẻ rơi một quả trứng, liền lấy nuốt vào bụng rồi có thai mà sinh ra ông Khiết là thủy-tổ của nhà Ấn.

(5) Điềm rồng đỏ với vua Nghiêu : Theo sách Đế-vương thế-kỷ thì bà mẹ vua Nghiêu là Khánh-Đô (vợ Đế-Cốc) đi ra bờ sông thấy con rồng đỏ, rồi do sự giao cảm mà có thai 14 tháng, sinh ra vua Nghiêu.

Digitized by Google

đá (1); chim sẻ đỏ mang chiếu thư đến cho vua Văn nhà Chu (2). Những đồ điệp và điềm lành báo trước, xưa nay đều cùng một lẽ. [37b] Kính nghề:

Đức Thánh-thượng Hoàng-đế Bệ-hạ, thừa hưởng phúc của tổ tông, nối tiếp vẻ sáng của nền đức-trạch cũ, ứng vào vận nước hưng thịnh sinh ra bậc thánh, há chẳng khác đời hơn người hay sao?

Nguyên lai chùa Thiên-phúc ở trên núi Phật-tích; non dồn đỉnh Thứu, động mở Côn-lôn; phía tây liên tiếp mây núi Tản-viên, phía đông ôm lấy giòng sông Hát. Bậc chí-nhân lịch lãm, đã từng đến chốn nầy tiêu dao. Vách đá còn tạc vết đầu, am mây còn in dấu gót. Từ thuở hỗn-độn đến nay, vẫn y nguyên như thế. Thật là chốn đất lành cõi Phật, và động trời ở đảo tiên vậy. Hơn nữa (đây là nơi) ông Từ Đạo-Hạnh triều Lý chống tích trượng đến tu trì trên [38a] vài chục năm. Thiên-vương cảm công trì kinh (3); sư bạn chứng cho quả đầu thai vào hoàng

(1) Hạ-Khải: Con vua Vũ nhà Hạ bên Tàu (2188 — 1818 trước Công-nguyên). Ông Khải là vị vua thứ hai của nhà Hạ (2197 — 2188 trước Công-nguyên). Theo thần-thoại Trung-quốc: Trong núi Trung-nhạc — tức Tung-sơn — có hòn đá, tức là mẹ Hạ-Khải. Khải sinh ra rồi mẹ hóa làm đá (Sở từ).

(2) Chim sẻ đỏ với Chu Văn: Theo sách Mạc-Tử: Có con chim sẻ đỏ ngậm chiếu thư đậu ở ngõ Văn-vương nhà Chu báo điềm tốt lành.

(3) Từ Đạo-Hạnh... trì kinh: Từ Đạo-Hạnh tức là tăng Từ-Lộ, người xã An-lãng (sau thuộc kỳ-nội) huyện Thanh-trì, tu ở chùa trên núi Phật-tích, hiệu là Đạo-Hạnh thiền-sư. Sách Thiền uyển tập anh chép: Từ Đạo-Hạnh do tụng kinh đà-la-ni-môn mà có phép thần thông. Một vị thần hiện ra xưng là Thiên-vương, nói: Xin đến để Thiền-sư sai khiến».

Digitized by Google

thất (1). Không sinh không diệt, để lại xác pháp thân không nát như phái Tào-khê (2); đạo tâm trong suốt yên lặng, rồi bảo tướng (3) lại trở về chỗ hư-vô như Đạt-ma (3). Thật là phép đầu-đà (4) mầu-nhiệm, là pháp ấn (5) viên minh vậy. Có lẽ đã từ ức vạn năm nay khí thiêng chung đúc đầy rẫy, bàng bạc (6) khắp trời đất, đợi khi nào có bậc thánh-nhân, rồi mới phát hiện chăng ?

Đến năm đầu niên-hiệu Quang-thuận, ác đảng (7) bị tiễu trừ, ngôi vua lại định. Ngày mồng 6 tháng 6 năm ấy,

---

(1) Thác thai : Tục truyền rằng : Tăng Đạo-Hạnh đầu thai vào bà vợ Sùng-hiền hầu (tôn thất nhà Lý) và sinh làm Lý Thần-tông. Theo truyền thuyết : Sau khi học được phép, Từ Đạo-Hạnh hóa hổ dọa bạn là Nguyễn-Minh-Không. Bạn bảo : « Muốn làm kiếp ấy thì sau sẽ được làm. Đạo-Hạnh biết kiếp sau mình sẽ đầu thai làm con vua rồi hóa hổ, nên nhờ bạn đến lúc đó sẽ hết sức cứu cho.

(2) Pháp thân : Tức là tự tính, một trong ba thân (pháp thân báo thân và ứng thân) của đức Phật. Tào-khê : Một môn phái đạo Phật ở Trung-quốc, có truyền sang ta.

(3) Bảo tướng : Tướng trang-nghiêm của Phật tượng. Đạt-Ma : Một thiền-sư người Ấn-độ trước sang Trung-quốc truyền đạo, sau đạo ấy truyền sang Việt-nam tức là Thiền-tông.

(4) Đầu đà : Nhà tu, chịu khổ hạnh để trừ phiền-não tham sân si.

(5) Pháp ấn : Tâm pháp của Phật.

(6) Bàng bạc : Rộng lớn, lan tràn khắp không-gian thời-gian.

(7) Ác đảng : Năm Kỷ-mão (1459) Lạng-sơn vương Nghi-Dân cùng bè đảng đương đêm đột nhập hoàng-cung đâm chết vua Nhân-tông rồi tự lập làm vua. Đến tháng 6 năm sau (1460), các đình thần khởi-nghĩa trừ diệt Nghi-Dân cùng bè đảng và rước Gia-vương Tư-Thành tôn lên ngôi vua, tức Lê Thánh-tông.

Digitized by Google

đức Thánh-tông Thuần Hoàng-đế thuận theo dân tình lên ngôi Cửu Ngũ, rồi kén người thục đức để đặt vào chính cung. Bà Hoàng Thái-hậu ở điện Trường-lạc ngày nay bây giờ là con gái thứ hai của Trinh Quốc-công (Nguyễn-Đức-Trung), [38b] con nhà nề-nếp, có khuôn phép tốt xứng đáng được kén vào ngôi ấy.

Tháng bảy vào hầu, vua phong làm Sung-nghi, ở cung Vĩnh-ninh, và được vua ban ân sủng dồi-dào hơn hết thảy các cung phi. Chẳng bao lâu sau, bà có thai. Trinh Quốc-công vì bà đến cầu đảo ở am Từ-công trong chùa ấy. Đương khi làm lễ, bỗng có một hòn đá bay xuống trước mặt. Ông bao kỹ mang về nhà; rồi sai thợ tạc tượng Phật, cho hòn đá vào trong tượng, và làm riêng một cái am để thờ phụng. Việc đó không ai biết cả.

Sang năm sau là năm Tân-tỵ (1461), mùa thu tháng 8, ngày mười, Thánh-thượng Hoàng-đế ứng kỳ giáng sinh. Ba cung mừng rỡ, cả nước vui lòng. Năm Nhâm-ngọ, niên-hiệu Quang-thuận năm thứ ba, Thánh-thượng là đích trưởng được lập làm Hoàng Thái-tử. Ngài sẵn có nhân hiếu, văn chương thành tựu, vậy là cái gốc lớn trong thiên hạ mỗi ngày một thêm thịnh đại vậy.

Đến khi đức Thánh-tông đổi niên-hiệu là Hồng-đức [39a] Hoàng Thái-hậu lúc ấy còn là Sung-nghi được sách phong làm Quí-phi, ngày càng được gia tăng ân điển.

Trinh Quốc-công khi sắp mất có dặn người nhà rằng: Điềm lạ đá bay thuở trước, sau này may có ứng nghiệm thì nên dựng bia chép việc đó để lưu truyền mãi mãi.

Digitized by Google

Mùa xuân năm Hồng-đức thứ 28, Đức Thánh-tông Thuần Hoàng-đế thăng hà, Thánh-thượng Hoàng-đế lên nối ngôi, tôn miếu xã tắc có nơi ỷ thác; dân chúng các miền kinh thượng và mường mán thảy đều phục tùng. Nhà vua tôn Thánh-mẫu từ Quí-phi lên Hoàng Thái-hậu ở điện Trường-lạc. Được phụng-dưỡng đầy đủ, vẻ vang, ngôi quốc-mẫu nhàn nhã, yên vui, phúc lộc dồi dào, cháu chắt phồn-vinh, cái cảnh thịnh mỹ ấy ngang với hai bà Nhâm Tự đời Chu (1) vậy.

Đức Thiên-tử noi theo điển cũ, thi hành nhân chính; dân lưu tán trở về an nghiệp, bọn trộm cướp [39b] trở nên thiện lương; mới được hai năm, trong nước thịnh trị. Đời thịnh như thời Hán Văn-đế, Đường Thái-tông cũng chưa thể ví được.

Năm thứ ba niên-hiệu Cảnh-thống, nhà vua tưởng nhớ nguyện ước xưa, muốn làm sáng tỏ công đức của thần thánh, đặc sai tôi soạn bài văn bia. Tôi vốn học cạn tài sơ, làm sao có đủ khả-năng phát huy lẽ cảm-thông của thần đạo; nhưng đã phụng thừa minh chiếu, há dám không đáp lại xứng đáng mệnh lệnh của vua.

Than ôi! cái mối tương quan cảm ứng giữa trời và người thật là mầu nhiệm thay! Bởi chí con người hướng tới đâu, thì khí của trời cũng lan tới đó, và khí hướng tới đâu thì lý cũng tới đó vậy.

---

(1) Nhâm Tự đời Chu: Bà Thái-Nhâm, mẹ vua Văn-vương và bà Thái-Tự, mẹ vua Vũ-vương nhà Chu bên Tàu.

Digitized by Google

Lý ấy lan khắp không gian trời đất, suốt từ xưa đến nay, chẳng phải bày ra mới sáng, chẳng phải dấu kín mà tối đi được, tồn tại nơi con người thì đó chỉ là một niềm tin cảm ở trong bụng mà thôi. Huống chi vua ta nhờ được đức sáng [40a] lâu đời, phúc lành chứa lại dồi-dào, các bậc đế-vương xưa chưa dễ đã có như thế. Xét từ lúc hoàng triều ta mới dựng nước, khoảng niên-hiệu Thiệu-bình (triều Thái-tông), Hoàng Thái-hậu Quang-Thục (1) đã có cái mộng « Ngọc-đế cho con », sau quả sinh vua Thánh-tông Thuần Hoàng-đế. Rồi Hoàng Thái-hậu Trường-lạc thấy điềm rồng vàng chui sườn bên trái mà sinh ra Thánh-thượng Hoàng-đế ta. Như vậy những điềm lành ấy không phải là chuyện hảo huyền, mà do mệnh trời đã dành cho vậy.

Trinh-quốc-công xét đoán tinh thông, lại có tấc lòng thành khẩn nên đá thần ứng hiện, há phải là việc ngẫu nhiên. Vả u minh (âm dương) không có hai lý, vật loại vốn cùng một thể; hình tượng hiện ra ở trên trời là các vì sao; chất đọng ở đất là đá; khí-năng dựa theo người mà làm việc họa phúc ấy là thần; giáng điềm lành xuống cho kẻ có đức ấy là trời vậy. Thế thì cái điềm lạ ứng-hiện nơi am Từ-công kia [40b] là đá chăng? Là sao chăng? Là thần chăng? Là trời chăng? Là điềm lành chăng? hay là

(1) Quang-Thục Hoàng Thái-hậu : Mẹ vua Thánh-tông, tức bà Tiệp-dư Ngô-thị Ngọc-Dao, người làng Đồng-phang, huyện Yên-định, tỉnh Thanh-hóa, thứ-phi của vua Thái-tông. Bà nằm mộng thấy thiên sứ dẫn lên Thiên-đình và được Ngọc-hoàng ban cho một vị tiên-đồng làm con, liền sau đó mà thụ thai và sinh vua Lê Thánh-tông.

Digitized by Google

có đức chăng? Những việc ấy người kiến thức hẹp hòi há dễ biết trước được ư? Trời đất gia phúc, sông núi hiển linh, muôn thuở cũng như một ngày, nay không ghi chép điềm hay thì làm sao thấy rõ được sự tốt đẹp? Vậy kính cẩn chắp tay cúi đầu làm bài minh rằng:

Trời sinh Đế-vương, ắt có hữu tường (điềm lành);
Thành công đặc biệt, tích đức cát xương (tốt đẹp, thịnh vượng)
Thánh thần chứa phúc, nền cũ rỡ ràng.
Mệnh trời quyến cố, phúc lộc miên trường.
Trăm đời nhân hậu, ngàn thuở giàu sang.
Dành cho con cháu, bền vững ngôi báu.
Danh sơn cao ngất, hổ phục rồng chầu,
Dấu thiêng vết đẹp, man mác một bầu.
Đợi thời phấn phát, manh mối biết đâu!
Nếp nhà rực rỡ [41a] khuôn phép đầy đủ.
Thánh-khảo năm xưa (1): duyên trời phối ngẫu.
Hùng mộng (2) tin lành, yến mưu (3) soi dấu.
Trinh-quốc nghĩ sâu, lên núi khấn cầu,
Thành tâm mặc niệm, cảm cách trời cao.

---

(1) Thánh-khảo năm xưa (sơ niên): Vua cha, tức Thánh-tông bắt đầu lên ngôi năm Canh-thìn (1460).

(2) Hùng mộng: Điềm sinh con trai (do chữ mộng hùng là nằm mộng thấy con gấu).

(3) Yến mưu: Tính việc gây dựng tương-lai cho con cháu. Đại ý câu này nói để báo đáp sự mưu-tính của người đời trước.

Digitized by Google

Bỗng có thần thạch (1), rơi xuống Phật tiền.
Có thần thạch ấy, bởi thành cảm cách.
Đặt vào kim thân (2), không lộ vết tích.
Lập am phụng thờ, khói hương không dứt.
Mùa thu năm sau, thần thạch thùy hưu (giang phúc).
Hiện điềm hồng chử (3), thành tựu yến mưu.
Gốc nước thêm vững, bàn thạch kim âu (4).
Quốc-công di chúc, lời nói đáng phục.
Việc có chứng-nghiệm, điều hay phải lục.
Nên làm văn bia, phát dương hồng-phúc.
Thuần-vĩ (5) đầu xuân, đổi mới hóa thân (6).
Thánh-hoàng nối đức, trị vì bằng nhân.
Dựng ngôi [41b] hoàng cực, gìn giữ nhân-luân.
Phụng-dưỡng Từ-thân, tôn vinh rất mực.
Phúc-lộc lâu dài, trời xanh giúp sức.
Giáo-hóa thấm-nhuần, muôn dân tin tưởng.
Rõ ràng linh-ứng, bền vững huyền công.

---

(1) Thần thạch : Hòn đá huyền diệu (từ trên núi bay xuống trước am thờ Phật, như thể có thần linh sai khiến).

(2) Kim thân : Mình vàng, tức tượng Phật.

(3) Hồng-chữ : Cầu vồng từ trên trời chiếu xuống bến sông Hoa-chữ. (Xem chú thích (1) ở trang 149).

(4) Bàn thạch kim âu : Người ta thường nói vì nước nhà bền như cái bình vàng (kim âu), vững như tảng đá (bàn [illegible]

(5) Thuần-[illegible]ĩ chi xuân : Mùa xuân năm Đinh-tỵ (149[illegible] mặt trăng cùng hội tại cung Tỵ là vị thứ sao

(6) Đổi mới hóa thân : Chỉ vua Lê Thánh-tông

Digitized by Google

Lời xưa còn đó, rất hợp thần trung (lòng vua).
Tạc vào bia đá, nêu rõ kỳ công.
Trời đất lâu dài, non sông vững chãi.
Khắc tấm bia nầy, dựng ở cõi nam.
Công đức lớn lao, đá thần còn mãi.

Bài văn soạn xong rất hợp ý vua ; ông được thăng chức Thượng-thư bộ Lễ, kiêm thị-độc viện Hàn-lâm, vẫn giữ việc ở viện. Ông bẩm tính khoan dung, độ lượng, giản ước và trọng hậu, thực là một bậc danh thần ở thời bấy giờ. Ông có biệt hiệu là Châu-Khê, và có (Châu-Khê) thi tập truyền ở đời sau.

[42a] BÙI-XƯƠNG-TRẠCH

Ông người làng Định-công, huyện Thanh-đàm (Hà-đông), 28 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa Mậu-tuất, năm thứ 9 niên-hiệu Hồng-đức (1478). Thuở thiếu thời ông làm nghề nông; là người chuyên cần hiếu-học, trong lúc đi cày bừa ông thường mang theo sách vở, ban đêm đọc sách với ánh huỳnh quang (đom-đóm); tuy không bỏ việc nông mà học nghiệp vẫn ngày càng tiến bộ. Ông đi thi một lần đỗ ngay; lúc xướng bảng, ông đang cày ruộng ở ngoài đồng; người làng cho thế là vinh hạnh.

Lúc đầu được sơ thụ Hàn-lâm; khi Thánh-tông đi đánh Chiêm, ông theo vua coi quân có công.

Mùa đông năm Kỷ-dậu (1489), ông vâng mệnh đi sứ cống nhà Minh.

Digitized by Google

Năm thứ 24 niên-hiệu Hồng-đức (1493), ông phụng soạn bài ký ở đình Quảng-văn. Bài ký viết rằng:

NGUYÊN VĂN

臣聞：天不言而四時行，萬物生，日月之所垂象也；帝無爲而天下治，萬邦理，命令之所垂法也。

聖天子握乾符，臨寶位；治功丹籙，二十餘年，武功抗，文德修，四海九洲，皆爲臣妾；梯山之區，航海之隅，號令之所周也；霜露所墜，舟車所至，正朔之所被也；海隅蒼生悉爲帝臣而承帝命矣。

皇帝陛下乃慮夫政事之繁，臣民之衆，難以耳提面命，於是鳩庶工，弘規矩，垂之能，輸之巧，特建名亭於大興門之外以爲懸治象之所。

其地則鳳樓峙其前，龍城遶于外；銀溝遶道倚左右回旋，觀貼之有地也；其形則楹棟儼其高，彫琢斤而弛，不陋而卑，不壯而麗，是制度之得中也。既成特賜名曰廣文亭。朝廷載新，煥發號令，籌軍國之務，明禮義之儀，百官庶尹之政，天下臣民之務，莫非星明而日麗，蓋將以新萬方之視聽，表一代之文明，非虛設也。

當其法令初成，觀者孰不景仰，一新制度，灼爛雲霞：爲百官者則明道揆，謹官常，奉帝下之堯言，宣懸象之禹詔，莫不師師而相規也；爲四方者則聞德化而歡忻，奉德音而鼓舞；仰虞庭雍熙之治，聽漢朝寬大之書，莫不欣欣相樂也。

Digitized by Google

是則斯亭之作，乃所以增棟隆之慶，基盤萬之傳，豈偶然哉！

噫！斯亭之設，有由矣：政教之施設，命令之發揮，煥乎其有文：堯之成功也；郁乎其有文：周之盛治也；邦國泰和：舜之文德也；聲教遠暨：禹之文命也；一言之發，審是樞機；一令之施，堅如金石，使天下之人皆曰：大哉吾皇言，一哉吾皇心，而文德發達，無遠不至。則斯亭之設，而廣文之名，所以爲萬世龜鑑也。

PHIÊN ÂM

Thần văn: Thiên bất ngôn nhi tứ thời hành, vạn vật sinh, nhật nguyệt chi sở thùy tượng dã; đế vô vi nhi thiên hạ trị, vạn bang lý, mệnh [42b] *lệnh chi sở thùy pháp dã.*

Thánh Thiên-tử ác kiền phù, lâm bửu vị; trị công đan hoạch, tam thập dư niên, vũ công kháng, văn đức tu, tứ hải cửu châu, giai vi thần thiếp; thê sơn chi khu, hàng hải chi ngung, hiệu lệnh chi sở chu dã; sương lộ sở trụy, châu xa sở chí, chính sóc chi sở bị dã; hải ngung thương sinh tất vi đế thần hỹ.

Hoàng-đế Bệ-hạ nãi lự phù chính sự chi phiền, thần dân chi chúng, nan dĩ nhĩ đề diện mệnh, ư thị cưu thứ công, hoằng qui củ, thùy chi năng, thâu chi xảo, đặc kiến danh đình ư Đại-hưng môn chi ngoại dĩ vi huyền trị tượng chi sở.

Digitized by Google

Kỳ địa tắc phượng lâu [43a] *trĩ kỳ tiền, long thành nhiễu vu ngoại; ngân câu yêu đạo ỷ tả hữu hồi tuyền, quan chiêm chi hữu địa dã. Kỳ hình tắc doanh đống nghiễm kỳ cao, điêu trác xích nhi trì, bất lậu nhi ty, bất tráng nhi lệ, thị chế độ chi đắc trung dã. Ký thành đặc tứ danh viết Quảng-văn đình. Triều-đình tải tân, hoán phát hiệu lệnh, trù quân quốc chi vụ, minh lễ nghĩa chi nghi, bách quan thứ doãn chi chính, thiên hạ thần dân chi vụ, mạc phi tinh minh nhi nhật lệ, cái tương dĩ tân vạn phương chi thị thính, biểu nhất đại chi văn minh, phi hư thiết dã.*

Đương kỳ pháp lệnh sơ thành, quan giả thục bất cảnh ngưỡng, nhất tân chế độ, [43b] *tuân lạn vân hà; vi bách quan giả tắc minh đạo quỹ, cẩn quan thường, phụng bố hạ chi Nghiêu ngôn, tuyên huyền tượng chi Vũ chiếu, mạc bất sư sư nhi tương qui dã; vi tứ phương giả tắc văn đức hóa nhi hoan hân, phụng đức âm nhi cổ vũ; ngưỡng Ngu đình ung hy chi trị, thính Hán triều khoan đại chi thư, mạc bất hân hân tương lạc dã.*

Thị tắc tư đình chi tác, nãi sở dĩ tăng đống long chi khánh, cơ bàn điện chi truyền, khởi ngẫu nhiên tai.

Y! tư đình chi thiết, hữu do hỹ: Chính giáo chi thi thiết, mệnh lệnh chi phát huy; hoán hồ kỳ hữu văn: Nghiêu chi thành công dã; úc hồ kỳ hữu văn: Châu chi [44a] *thịnh trị dã; bang quốc thái hòa: Thuấn chi văn đức dã; thanh giáo viễn kỵ: Vũ chi văn mệnh dã; nhất ngôn chi phát, thầm thị xu cơ; nhất lệnh chi thi, kiên như kim thạch, sử thiên hạ chi nhân [illegible] Đại tai ngô hoàng ngôn, nhất tai ngô hoàng [illegible] đạt, vô*

Digitized by Google

viễn bất chi. Tắc tư đình chi thiết, nhi Quảng-văn chi danh, sở dĩ vi vạn thế qui giám dã.

TẠM DỊCH

Thần nghe rằng: Trời chẳng nói gì mà bốn mùa vận hành, muôn vật sinh trưởng; mặt trời, mặt trăng là hình tượng của trời vậy. Đế-vương ngồi yên mà thiên hạ và muôn nước vẫn được trị an, việc muôn nước được ổn định; mệnh-lệnh là pháp độ của thiên-tử vậy.

Nay Đức Thánh Thiên-tử giữ mệnh trời, lên ngôi báu; công-nghiệp trị bình rực-rỡ. Trong hơn 20 năm, vũ công mạnh mẽ, văn đức được sửa sang; bốn biển chín châu đều là thần thiếp; nên những ven rừng, góc biển nào mệnh lệnh nhà vua cũng lan khắp; những chốn sương mù rơi xuống, nơi xe thuyền tới được đều theo chính sóc (niên lịch) của Hoàng triều; tóm lại những dân chúng ở những cõi xa vời thảy là bề tôi của Hoàng-đế và theo mệnh-lệnh của vua cả. Nay Hoàng-đế Bệ-hạ vẫn thường lo chính sự bộn bề, thần dân đông đảo; không thể bảo vào tai sai tận mặt được, cho nên phải tập họp thợ thuyền, sai vẽ kiểu mẫu, lựa tay tinh xảo, như ông Thùy ông Thâu đời xưa xây cất ngôi đình ở phía trong cửa Đại-hưng, để làm nơi niêm yết những giấy tờ nói về công việc chính-trị của nhà vua.

Ngôi đình nầy, nói về địa thế thì có lầu (Ngũ) phượng dựng ở phía trước, thành Thăng-long bao bọc ở phía ngoài; ngòi (Bích) câu ở ngang đường vòng quanh tả hữu, tiện lối quan chiêm. Nói về hình thức đình thì rường cột cao lớn, chạm trổ sơ sài, dẫu thấp mà không thô lậu, nhà không đồ-

Digitized by Google

sộ mà tráng-lệ ; thế là mẫu mực được vừa phải vậy. Công việc kiến trúc hoàn thành, vua đặt tên đình là « Quảng-văn đình ». Rồi từ đó mỗi ngày Triều-đình ban bố hiệu lệnh mới, như là trù tính những việc quân, việc nước, bày tỏ nghi tiết về lễ nghĩa, chính lệnh của bá quan, công việc của dân chúng, việc gì cũng được rõ ràng, ngày càng thêm sáng tỏ ; chủ yếu là để cho sự tai nghe mắt thấy của muôn phương thêm mới ra mà biểu hiện văn-minh của một thời-đại, chứ không phải làm ra để bỏ không vậy.

Đương khi pháp lệnh mới làm xong, người tới xem ai chẳng khâm ngưỡng chế-độ canh tân, rực-rỡ như ráng mây. Nói về trăm quan thì tỏ rõ đường lối làm việc hợp đạo lý, cẩn thận gìn giữ phép tắc, tuân theo lời nói của vua Nghiêu ban xuống, xem rõ lời chiếu của vua Vũ yết ra, ai nấy cũng học hỏi nhau, khuyên bảo lẫn nhau, và nhân dân bốn phương thì nghe « đức hóa » mà vui mừng, vâng theo « đức âm » mà cổ võ, trông nền thịnh trị vui hòa như của nhà Ngu, xem chính sách rộng lớn như của nhà Hán, ai ai cũng hớn hở cùng nhau vui vầy.

Như thế thì ngôi đình nầy dựng lên cốt để làm rạng vẻ thịnh trị để cho cơ nghiệp được vững bền, há phải là việc ngẫu nhiên ư ?

Vậy thì ngôi đình nầy làm ra cũng có lý do : Sắp đặt chính giáo (chính trị giáo dục), ban [illegible] mệnh lệnh, pháp độ rõ rệt, là sự thành công c[illegible]; văn-chương rạng rỡ là nền thịnh trị c[illegible]ia đến thái hòa là lễ nhạc của vua [illegible] rộng

Digitized by Google

phương xa là văn giáo của vua Vũ; một lời truyền ra đúng là then máy, một lệnh ban ra vững như đá vàng. Người trong nước ai cũng bảo: « Lời nói của vua ta thật là to tát, lòng vua ta trước sau như một ». Do đó mà lễ giáo truyền xa không chốn nào không tới. Vậy thì ngôi đình nầy dựng lên lấy tên là Quảng-văn cốt để làm quy giám (gương mẫu) cho muôn đời ».

Bài ký soạn xong được nhà vua đặc biệt tán thưởng.

Đến khi vua Thánh-tông thăng hà, vua Hiến-tông lên nối ngôi, ông được thăng chức hiệu-thư Đông-các. Nhân dịp nầy ông có làm bài biểu tạ ơn:

« Cúi nghĩ: (Vì phận hèn mọn như) cỏ bồng ở núi xa, nên đã từ lâu không có lời nói thẳng đến chốn thâm-nghiêm; nay trời giáng mưa móc, ơn thấm-nhuần thật quá dồi-dào vậy; trước đã vẻ vang, lòng cỏ trung lại càng thâm cảm.

Thần gặp khoa thi [**44b**] may đỗ, cho tới nay thấm thoát đã 20 năm; từng theo ngự giá đánh Chiêm, vâng mạng đi sứ Minh, mà chẳng làm nên một chút công-trạng; khi ở viện Hàn-lâm, khi ở Đông-các, làm văn rơm-rác nào có đáng kể gì? Đã thẹn mình chẳng có sáng kiến hay chỉ biết mô phỏng theo người lại thống hận về việc «rơi cung» (sơ thất). Sáu phương mờ-mịt, buồn ngóng mây Nghiêu (1);

(1) Buồn ngóng mây Nghiêu: Chỉ việc vua cha (Thánh-tông) thăng hà.

Digitized by Google

năm vẻ rỡ-ràng, mừng trông ngày Thuấn (1). Khắp mọi nơi thấm nhuần ân trạch, kẻ hèn nầy cũng được vinh thăng; tại ban chầu được đứng sau cùng, nơi Đông-các rạng soi Thái-Ất (2); thần mông ơn tri ngộ thật nhiều, không ngờ có duyên may như vậy!

Nay được gặp Hoàng-đế Bệ hạ noi theo vũ công oanh-liệt đời trước, tích cực chấn chỉnh nền văn, làm sáng tỏ cái đức của mình, đổi mới việc trị dân, [45a] mở mang giáo hóa; chẳng lãng người gần, chẳng quên người xa, mở rộng việc khuyến khích công lao để chọn lấy người hiền. Đời đương mừng đạo công bằng mở mang, mà mình lại được lạm dự phần yêu riêng; thần không dám không kính vâng đức hóa của bệ-hạ, luôn luôn tuân giữ quan châm (3); nguyện như Hy-Văn (4) giúp việc hai triều, há dám quên ơn tri ngộ; và như Khâm-Chi (5) chuyên cần một tiết, không lỗi đạo thủy chung».

Sau được cải bổ thiêm Đô ngự-sử, ông lại có bài biểu tạ, như sau (dịch):

---

(1) Vui trông ngày Thuấn: Chỉ việc vua con (Hiến-tông) lên nối ngôi.

(2) Thái-Ất (Lê hỏa): Theo tích xưa nói một hôm Lưu-Hướng (Học-sĩ đời hậu Hán) ở thư-lâu soạn sách có ông lão chống gậy lê đến thăm, tự xưng là Thái-Ất tinh-quân, đầu gậy tỏa ra một luồng ánh sáng chiếu rạng khắp thư-lâu.

(3) Quan châm: Lời răn quan chức.

(4) Hy-Văn: Tên hiệu Phạm-Trọng-Yêm, một danh thần triều Tống bên Tàu.

(5) Khâm-Chi: Tên hiệu của một danh thần không rõ ở triều đại nào.

Digitized by Google

« Cúi nghĩ : gác Lê (1) mở rộng, lần trước đã được vẻ vang; đài Bá (2) vươn cao, hàm mới lại thêm vinh dự; mông ơn đề bạt, lòng càng cảm kích bội phần.

Thần trộm nghĩ :

Đài nầy là nơi giường-mối của nước nhà, tai mắt mọi người ở đó ; phải vô tư mới hay bắt bẻ mọi người, phải giữ mình đứng đắn mới có thể chấp hành hiến-pháp [**45b**]. Xưa Thái-Tương (3) nhận tước, các anh hào đều toát mồ hôi ; Cảnh-Nhượng (4) ở triều, bọn gian thần đều không trốn thoát. Nếu không có chí (lớn) như loài chim cắt, sao có thể dẹp hết loài chim sẻ (tiểu nhân).

Như thần đây, tài học thẹn mình hèn như sâu bọ, thành tích chẳng phải như dấu chim hồng; theo đòi nơi Ngọc-thự, Loan-pha (5) lần lựa trải hai mươi năm ; dong ruổi đường sứ bộ, tùng chinh, xông pha chẳng làm nên mảy may công-trạng. Cầu may những thẹn được cất nhắc, vận hanh-thông mừng thấy cảnh trị bình. Gió mây gặp gỡ, thần có duyên may; mưa móc dồi-dào, thấm-nhuần ân

(1) Gác Lê (Lê các) : Đông-các, Hàn-lâm viện.

(2) Đài Bá (Bá đài) : Ngự-sử đài, Viện Đô-sát.

(3) Thái-Tương : Người Tiên-du bên Tàu, đỗ Tiến-sĩ và làm quan triều Tống, sung chức ở Tri-gián viện ; ông là người cương-trực, được triều quan kiêng nể.

(4) Cảnh-Nhượng : Tức Lý-Cảnh-Nhượng ở đời Đường là một vị quan ngay thẳng không dung bọn gian ác (Đường Thư truyện).

(5) Loan-pha, Ngọc-thự : Viện Hàn-lâm.

Digitized by Google

hậu. Ngờ đâu : chưa đến lục tuần đã vội lên bậc thất quí (1). Bỏ lụa xanh mà đeo thao tía, nền-nếp xưa thêm vẻ rỡ-ràng ; [46b] kẻ chân trắng mà làm nên chức-vị cao sang, người đời hiếm có. Huống chi gặp những lúc nhà vua nhàn hạ, được vâng lời ngọc bảo ban. Từ-Lạc (2) gần lên chức đại-phu, những e vượt bậc ; Hành-Thành (3) bồng vào nơi lang miếu, vốn chẳng nhờ ai. Chỉ lo chức trọng chẳng kham, càng sợ ơn sâu khôn báo. Ai hay tấm thân hèn mọn, lại được may mắn lạ thường !

Nay gặp Hoàng-đế Bệ-hạ mở rộng đức anh-minh, tôn sùng nền Nho học ; giốc một lòng kinh luân muôn việc, cầm tám quyền (4) điều khiển trăm quan. Nền thống-trị vời : việc cất đặt được xử trí rất nghiêm-minh về sự cho hay đoạt ; việc khuyên răn được biểu thị rộng rãi cho kẻ trung và tà.

(Bệ-hạ) nghĩ thần giữ-chức đã lâu, xưa nay không có [46a] bè cánh ; biết thần vốn giữ lòng ngay thẳng, có thể bảo sai ; việc củ chính giao phó trọng quyền, xử đoán

(1) Thất qui : Bảy nhân-vật quyền qui thuộc lịch-sử Trung-hoa. Cũng có nghĩa là được phong tước Hầu.

(2) Từ-Lạc : Người đời Hán, dâng thư lên vua Hán Vũ-đế, được bổ chức Lang-trung ; ông nầy từ chân trắng bước lên tột đỉnh quan giai.

(3) Hành-Thành : Người đời Đường có tiếng ngay thẳng, hiền tài, được vua Đường Thái-tông kiến trí cho làm Ngự-sử.

(4) Tám quyền (bát bính) : Tước, lộc, dữ (cho riêng), trứ (cất đặt), sinh (để cho sống), đoạt (lấy lại), phế (bỏ đi) và trụ (giết chết).

Digitized by Google

cậy lòng trung thực. Thần đâu dám chẳng kính vâng ân mệnh, vậy nguyện xin hết lòng; khi nhàn hạ sửa sang việc chính hình, giúp nước tiến lên đường thịnh trị. Sẽ cố gắng lấy nhân nghĩa làm phương can gián, bày mưu nguyện bắt chước bậc hiền xưa ».

Ông trải thăng đến chức Thượng-thư bộ Binh, giữ việc sáu bộ, kiêm chức Đô ngự-sử, coi việc Kinh-diên, tế-tửu Quốc-tử giám, tước Quảng-văn hầu.

Năm Canh-thìn, niên-hiệu Thống-nguyên (1520), ông lên lão bảy mươi, xin về hưu trí, và hưởng thọ 79 tuổi thì chết. Sau khi ông mất, triều đình truy tặng Thái-phó, Quảng quận-công tên thụy Văn-Lượng.

Ông gặp thời ra làm quan, tự đảm nhận trách-nhiệm kinh bang tế thế, mà khiêm giới, thanh-liêm, kiệm-ước, không mưu tính tài sản riêng tư [47a] một mảy nào; bổng lộc được bao nhiêu, đều chia hết cho họ hàng làng mạc. Lòng tốt và danh vọng lớn của ông được người đương thời tôn phục.

Xưa kia cha ông là một cụ đồ nho, thích học môn địa-lý, được thầy địa Trung-hoa chỉ cho một ngôi đất, trong kiểu đất có câu: « đời đời đỗ cao, làm quan đến Tể-tướng », bèn đem mộ tổ cải táng ở đó, mà dời nhà sang ở thôn Bùi-đông xã Thịnh-liệt; đến đời ông quả nghiệm vậy. Con thứ của ông là Vĩnh đỗ bảng-nhãn khoa Nhâm-thìn niên-hiệu Đại-chính triều Mạc (1532); con cả ông là Trụ đỗ trúng-thức làm quan nhà Mạc đến chức Tán-lý Thượng-thư; sau qui thuận nhà Lê được phong

Digitized by Google

công-thần. Cháu ông là Bỉnh-Uyên làm quan đầu đời (Lê) trung-hưng, có tiểu-truyện riêng ở phần sau.

LƯƠNG-ĐẮC-BẰNG

Lương-Đắc-Bằng người làng Hội-trào, huyện Hoằng-hóa (nay là phủ Hoằng-hóa, tỉnh Thanh-hóa); thuở bé đã có tiếng là thần-đồng (thông tuệ khác thường). Năm 28 tuổi ông thi đỗ Hội-nguyên khoa Kỷ-mùi, năm thứ hai niên-hiệu Cảnh-thống (1499) triều Hiến-tông, [**47b**] rồi vào thi Đình đỗ nhất giáp tiến-sĩ, đứng hàng thứ hai (tức Bảng-nhãn); khi ứng chế được thưởng bậc nhất, và bổ làm Tả thị-lang bộ Lễ, sung thị-độc viện Hàn-lâm, coi việc ở viện.

Năm đầu niên-hiệu Hồng-thuận (1510) ông nhân có công ứng nghĩa được thăng chức Tả thị-lang bộ Lại; ít lâu sau về cư tang, rồi vua triệu cho phục chức và kiêm học-sĩ Đông-các, nhập-thị Kinh-diên. Nhưng ông cố từ không chịu cung chức, và nhân dịp dâng bài sách trị bình gồm 14 chước đại lược nói rằng:

«Thần thường nghe: Thánh-vương đời xưa không vì cớ thiên-hạ đã bình trị mà sao lãng niềm cảnh giới; bề tôi hiền thuở trước không vì cớ vua mình đã là thánh mà nhạt lòng khuyên can. Bởi vậy thời Ngu Thuấn đã được thái-bình mà ông Bá-Ích còn bày mưu khuyên vua rằng: «Chớ ưa thích nhàn rỗi, chớ say đám tiệc vui, [**48a**] chớ trễ nãi, chớ luông-tuồng, hãy nơm-nớp như sắp nguy-vong

Digitized by Google

đến nơi vậy». Vua Thuấn nghe lời mà tránh những điều nên răn, do đó mới thành bậc đại Thánh. Đời Văn-đế nhà Hán là thời giàu thịnh mà Giả-Nghị dâng sách đã phải nói câu: «Đề lửa ở nơi chất củi, có thể rồi phải chảy nước mắt, phải kêu khóc thảm thương, hãy nơm-nớp lo âu như thể họa loạn đã hiện ra rồi». Văn-đế nghe lời ấy mà lo những điều đáng lo, thế mới thành vị vua hiền vậy. Bởi vì: kẻ bề tôi dâng lời nói, nếu không ân cần, không thống-thiết thì không đủ giúp cho vua sáng suốt nghe lời; còn vua nghe lời nói mà không xét kỹ, không khoan dung, thì không lấy gì mở đường cho bề tôi dâng lời can gián.

Nay Bệ-hạ [**48b**] khoan nhân, rộng lượng không thích giết người, nối nghiệp Cao-tổ cứu mạng muôn dân, người trong bốn biển như bị treo ngược được gỡ xuống, ai chẳng không nghền cổ kiễng chân trông nền chính-trị mới ban hành, vui mừng cảnh thái-bình thịnh-trị. Nhưng từ khi Bệ-hạ lên ngôi đến giờ, trong nước hòa khí chưa đều, chiến-tranh chưa dứt, triều cương chưa sắp đặt, việc quân chưa sửa sang. Điều tai dị hiện luôn, sợ đạo trời chưa thuận; đá núi sụt đổ, sợ đạo đất chưa yên; lũ gian tà có lúc ra mặt, giặc giã ngấm ngầm nổi lên, sợ đạo người chưa ổn vậy. Thế nhưng các bề tôi ở trong triều biết mà không nói. Họ làm như thế lo tính riêng cho mình thì được, nhưng còn việc nước thì sao? Thần hổ phận bề tôi cũ, đối với nước nghĩa phải cùng vui cùng buồn. Tuy thần đang mặc áo sô gai [**49a**] thông tang chưa mãn mà Bệ-hạ lấy nghĩa nước đoạt tình nhà, cử cho theo chầu (ở Kinh-diên), bởi muốn cho thần ra bàn luận kế sách giúp

Digitized by Google

ích cho nước nhà, tán trợ nên cuộc trị bình vậy. Như thần không nói cứ lui tới a dua theo người chỉ cốt yên thân hưởng lộc, thì thần thiếu sót cả trung và hiếu, lấy gì báo đền ơn bệ-hạ, làm tròn chức-phận của người bề tôi? Mỗi lúc nghĩ đến thời-thế và nghĩa-vụ thì thâu đêm không ngủ, tới bữa không ăn, lòng trung thành báo đáp không thể nào bỏ qua được; nên kính-cẩn trình bày 14 chước trị bình tâu lên:

— Một là hết sức cảnh giới để dẹp những điềm tai dị.

— Hai là đốc lòng hiếu thảo để cho niềm trung hậu được dày dặn.

— Ba là xa thanh sắc để cho gốc chính tâm được vững ngay.

— Bốn là bỏ tà nịnh để thanh lọc nguồn [**49b**] vạn hóa.

— Năm là dè dặt việc cho quan tước để cẩn trọng việc khuyến răn.

— Sáu là tuyển bổ công bằng để cho đường làm quan được thanh khiết.

— Bảy là tiết giảm việc tiêu dùng để bồi bổ thói kiệm phác.

— Tám là khen thưởng kẻ tiết-nghĩa để coi trọng đạo cương thường.

— Chín là cấm hối lộ để trừ bỏ thói gian tham.

— Mười là sửa sang võ bị để thế nước được vững vàng.

Digitized by Google

— Mười một là kén chọn gián quan để gây sự phấn-khởi cho những người dám nói.

— Mười hai là khoan giảm việc phục dịch để dân tình được thỏa-mãn.

— Mười ba là hiệu lệnh phải dứt khoát để thống-nhất tâm chí của bốn phương.

— Mười bốn là cẩn thận thực thi pháp-độ để mở đường thịnh-trị.

Các sách lược trên đây dâng lên mong Bệ-hạ soi xét. Thần lại nghe cổ ngữ có câu: «Sô nghiêu chi ngôn thánh nhân trạch yên» (lời nói người cắt cỏ, hái củi, Thánh-nhân cũng có khi chọn lấy), [50a] và Kinh Thư có câu: «Tri chi phi gian hành chi duy gian» (biết không khó, làm mới khó), thần cúi xin Bệ-hạ chớ cho lời nói của thần là viển vông, chọn lựa mà thi hành, răn điều đáng răn, lo điều nên lo, thì đạo trời được thuận, đạo đất được yên, đạo người được ổn, thái bình có thể đạt tới vậy».

Vua Tương-Dực ban khen và chuẩn nạp lời tấu. Ông làm quan đến chức Thượng-thư bộ Lại, được tham dự triều chính, phong tước Đôn-trung bá; hơn 50 tuổi thì mất. Con ông là Lương-Hữu-Khánh làm công thần buổi đầu (Lê) trung-hưng, có tiểu-truyện riêng.

GIÁP-HẢI

Giáp-Hải tên hiệu là Tiết-Trai, người làng Dĩnh-kế, huyện Phượng-nhỡn (Bắc-giang); quê cha ông ở làng Bát-

Digitized by Google

tràng, huyện Gia-lâm (Bắc-ninh). Thuở bé mồ côi cha và nghèo khó, ông ở làng mẹ là làng Công-luận, huyện Tế-giang; một hôm bé Hải ra chơi ở bến sông, có người lái buôn quê làng Dĩnh-kế dẫn xuống thuyền đem về nuôi làm con; [50b] rước thầy dạy cho học; ông học rất mau tấn tới.

Năm 23 tuổi ông đỗ đầu Tiến-sĩ nhất giáp (tức Trạng-nguyên) khoa Mậu-tuất năm thứ 9 niên-hiệu Đại-chính thời Mạc-Đăng-Doanh (1538). Ông đổi tên là Trừng. Vì hay chữ thi đỗ làm quan, nên ông được người đương thời tôn trọng. Ông thường qua Nam-quan bàn việc, ứng đáp tinh lanh, được người Minh xưng là Giáp Tuyên-phủ mà không gọi tên.

Năm đầu niên-hiệu Diên-thành triều Mạc-Mậu-Hợp, ông làm Thượng-thư bộ Lại, kiêm chức Đô Ngự-sử, tước Luân quận-công; nhân thấy sao chổi xuất hiện luôn, ông dâng sớ tâu rằng:

«Thần xét trong Truyện ký nói «Sao chổi là sao yêu quái vậy, lúc mới mọc dài và lớn thì tai hạn còn xa, ngắn và nhỏ thì tai hạn gần đến». Nay chính sự ngày càng hư hỏng không phải chỉ có một việc. Kinh Thư có câu: «Dĩ thừa thượng-đế thần kỳ xã tắc tôn miếu vọng bất chi túc» (thờ phụng thượng-đế thần kỳ, xã tắc tôn miếu không chỗ nào chẳng kính cẩn). [51a] Vậy mà nay làm lễ tiên tổ, thịt xôi quá ư đơn bạc, lễ vật dâng cúng cẩu thả, không kính cẩn; ấy là một điều đáng sợ.

Mạnh-Tử nói rằng: «Quân nhân mạc bất nhân» (vua

Digitized by Google

có nhân thì không ai chẳng có nhân). Nay những người ở bên cạnh vua quen thói nịnh hót, rủ rê chơi bời để làm vừa ý bề trên. Cung cấm là chỗ chí nghiêm mà nay ra vào không cấm. Tuyên bố mệnh-lệnh và thu nạp lời can gián là việc làm phải rất thận trọng, mà nay đều bị che lấp, cách ngăn. Ấy là hai điều đáng sợ.

Mạnh-Tử nói: «Thượng hạ giao chinh lợi nhi quốc nguy hỹ» (trên dưới cùng nhau tranh lợi thì nước phải nguy vậy). Nay trong toàn thể quan trên quan dưới, người không ham lợi, mười phần chỉ được hai ba, kỳ dư đều đắm đuối vì lợi, nào những lạm quan tước, nào chiếm đoạt ruộng đất, ở phiên thì sách nhiễu, mua rẻ của dân, chẳng việc nào không làm. [51b] Ấy là ba điều đáng sợ.

Sách Tả truyện có câu: «Quốc-gia chi bại do quan tà dã» (nước nhà hỏng là bởi quan lại gian tà vậy). Nay trong đám quan trong quan ngoài, được kể là chính đáng thì 10 người chỉ độ một hai, kỳ dư đều là một lũ gian tà. Hễ có sắc chỉ truyền về việc gì thì quan lại dựa vào đó mà sách nhiễu (dân chúng); gặp việc kiện lớn hoặc nhỏ, thì đòi tiền đút lót, không biết đến đâu là cùng, ấy là bốn điều đáng sợ.

Đường sử có chép: «Quốc y ư dân» (nước nương tựa vào dân) Nay việc công việc tư, dân đều bị sách nhiễu khốn khổ, dân khó lòng sống được, vậy thì nước nương tựa vào ai? Ấy là năm điều đáng sợ.

Sách Tả Truyện có câu: «Sư khắc tại hòa» (đánh trận mà thắng là do các tướng hòa thuận với nhau). Nay các

Digitized by Google

tướng soái đối nghịch vì ý hướng mỗi người một khác, trái ngược nhau ; quân làm sao thắng được. Ấy là sáu điều đáng sợ.

Ngoài ra còn nhiều việc làm trái đạo lý kể ra khôn xiết. Bởi thế sao báo điềm gỡ tai dị không phải sự tình cờ. Vậy xin Bệ-hạ tự răn, lo sợ ; thay đổi việc chính-trị thối nát ; khi lòng người đã hòa thì ý trời cũng thuận. Nếu cứ miệt mài trong sự yên vui, không biết lo phản tỉnh [52a] sửa đổi kịp thời, thì ngày nguy vong sẽ đến, không thể giữ được ».

Mậu-Hợp không biết dùng lời nói của ông, mà gia thăng cho ông chức Thiếu-bảo, nên ông cố từ nhưng không cho. Năm sau sai ông giữ việc sáu bộ kiêm chức đại học-sĩ Đông-các, coi việc tòa Kinh-diên, gia phong tước Sách quận-công. Thời bấy giờ chính quyền nhà Mạc càng ngày càng quấy, điềm tai biến luôn luôn xuất hiện. Ông nghĩ phần hưởng-thụ của mình đã đầy đủ mà lấy làm ngại (vì quá đầy thì đổ), nên đã nhiều lần xin từ chức mà không được. Gặp lúc có bão lớn, ông dâng sớ nói rằng :

« Gió bão ra tai cũng thật là điềm rất lạ. Điềm trời báo biến không phải là vô cớ, chính do người mà ra. Nay giặc cướp chưa yên, việc binh dịch dập dồn, lính tráng nay tha mai bắt, quanh năm chẳng lúc nào ngơi, thuế má thêm từng đầu, thu từng thúng, mảy lông cũng vét sạch. Kể từ năm thứ 6 niên-hiệu Sùng-khang cho tới nay, trong khoảng 9 năm, đi đánh dẹp [52b] cũng truy dân ấy ; hầu trong cung-điện cũng truy dân ấy ; đội Thần-vũ Hiệu-lực cũng

Digitized by Google

truy dân ấy ; đội Uy-nỗ Thần-tý cũng truy dân ấy ; các vệ sở, châu, huyện thu trưng thứ gì cũng đến dân ấy. Ngoài ra, còn có khi lấy gấp bội số đáng trưng thu, làm cho khánh kiệt tài sản, dân tình nheo nhóc, cơ hồ không sống nổi.

Kinh Thi có câu : « Vô viết cao cao tại thượng, trắc giáng quyết sĩ » (đừng bảo trời cao xa, trời vẫn thường xuống xem xét mọi « sĩ »). Sĩ tức là việc của người ta vậy.

Kinh Thư có câu : « Thiên thông-minh tự ngã dân thông-minh, thiên minh úy tự ngã dân minh úy » (trời sáng-suốt bởi dân ta sáng-suốt, trời tỏ ra đáng sợ, bởi dân ta tỏ ra đáng sợ). Lòng dân ở chỗ nào, tức lẽ trời ở đó. Nay việc người đến nỗi này, dân khốn khổ như thế ấy, tai biến gió bão là điềm trời gieo xuống răn bảo đó. Kinh Dịch có câu : « Chấn lai quắc quắc, tiếu ngôn ách-ách » (nghe tiếng sấm động, trước run cầm-cặp, sau nói cười sằng sặc). Lời tiểu Tượng nói : « Khủng cụ tri phúc » (biết sợ hãi thì được phúc). [53a] Nay Bệ-hạ muốn tai biến tiêu tan, mà không sợ hãi, tu tỉnh, thì làm thế nào cho được phúc? Cúi xin coi điềm biến của trời là đáng sợ, nhân sự là việc cần phải sửa ; kính lòng giận của trời thì chẳng dám vui chơi, sợ tai biến của trời thì không dám phóng túng ; hãy dứt đường lui tới của phường nịnh hót mong được vua yêu, hãy đóng cửa tham lợi, dạy bảo trăm quan, chấn chỉnh những công việc đã bỏ phế, xuống sắc cho các triều thần bàn bạc thi hành những điều khoan tuất cho dân, ban ân dụ để tha những người dân vô tội bị ức hiếp, và đặc-biệt sai quan sở tại thường thăm nom giúp đỡ ân cần ; có như thế ơn

Digitized by Google

trên ban xuống mới thấm đến kẻ dưới. Lòng người đã vui thì tai trời tự nhiên chấm dứt vậy.

Thần lại nghe : Trong nước tuy được yên mà quên lãng việc võ bị ắt là nguy. Huống bây giờ là lúc gian nguy đáng lo, mà không có [53b] võ bị thì làm sao có thể giữ nước. Hiện nay quân lính mới tuyển, dinh trại mới đặt, khí-giới chưa sắc bén, võ-nghệ chưa tinh-luyện, thuyền bè chưa chỉnh-tề; lại thêm điềm trời răn bảo, chính là lúc đáng sợ hãi chăm lo. Vậy chính-sách tự trị, việc sửa sang ở bên trong, không thể không cần trọng; nên định rõ pháp-lệnh, chấn chỉnh kỷ-cương, cẩn thận phòng thủ, tu bổ thành lũy, tập luyện binh mã, chuẩn bị khí-giới, sửa sang thuyền bè, đặt thêm dinh trại, định phiên thứ, nghiêm hội kỳ, ban hành giáo lệnh, thường ngày thao diễn, trù việc nên làm mà làm, và làm đúng lúc. Lại xin Bệ-hạ tôn trọng gốc nước, cố kết lòng dân, hậu đãi mà đừng làm khốn dân, giúp đỡ mà đừng làm hại dân; dè dặt chứ không dùng hết sức của dân, [54a] giảm nhẹ việc phục dịch tức là chính sách « đãng bình » đó ».

Mậu-Hợp ủy dụ, vời ông vào Kinh làm việc tại triều, gia thăng chức Thái-bảo, tham dự triều chính. Ông xin về hưu trí nhiều lần, Mậu-Hợp quyến luyến không nghe. Mùa thu năm thứ 8, ông lại dâng sớ nói :

« Biết là đủ thì không nhục (« tri túc bất nhục »), người xưa đã răn như thế; tuổi già thì xin về, bậc hiền xưa vẫn làm thế. Thần tuổi đã già, tự nên rút lui, ý đã khăng khăng, còn nói gì nữa. Mong Bệ-hạ xét tấm lòng thành

Digitized by Google

khẩn cho thần về nghỉ để tuổi già được vẹn tiết, tấm thân được bảo toàn, ấy là nguyện vọng lớn của thần. Hiện nay nhiều bậc hiền tài ở trong triều, kế-hoạch quốc-gia đã có người đoán định; nhưng thần lo lúc trị, nghĩ lúc nguy, lòng già áy náy khôn nguôi, xin Bệ-hạ giữ đạo trung, mưu việc lớn, lấy việc kính trời làm căn bản, đương tiên giữ đức khiêm cung, chuyên chú đường chính học, thân cận bậc chính nhân; thực ý, ngay lòng, ngăn điều quấy, bớt thị dục, không gần thanh sắc, không ham của cải, không say sưa rượu chè, không mê đắm cuộc vui, ngăn kẻ nịnh hót, răn việc chơi bời; khiến cho chính hóa mở mang, dân yên nước thịnh, để tiến tới thịnh trị. Thần tuy yên nghỉ nơi đồng ruộng, cũng được dự hưởng phúc thái bình ».

Mậu-Hợp phê đáp rằng: Ông là bề tôi cũ tuổi già lại nhiều công lao khó nhọc, theo lệ cũng nên về hưu; nhưng nay triều đình trù tính đổi mới cần người giúp việc. Ông là bậc lão thành am luyện, nghĩa chưa thể bỏ về nên phiền ông ở lại triều-đường, làm chủ công luận, giúp nên việc trị, thu lại bờ cõi; đến bấy giờ ông về nghỉ cũng chưa muộn ».

Đến tháng 9, ông lại dâng biểu xin về hưu, (Mậu-Hợp) vẫn không cho. Tháng 11, ông lại dâng, lời lẽ khẩn thiết, Mậu-Hợp bất đắc dĩ phải cho. Năm ấy ông đã 71 tuổi. Mậu-Hợp ban cho ông lá cờ thêu với đôi câu đối:

« *Trạng đầu tể tướng đầu nam tuấn;*
Quốc lão đế sư thiên hạ tôn ».

Digitized by Google

TẠM DỊCH

Trạng-nguyên tể-tướng danh vang, sao sáng trời Nam cao tuyệt đỉnh.

Quốc lão đế-sư vọng trọng, dân toàn nước Việt thảy tôn ông.

Lại có câu :

« Từ bút văn tôn danh lưỡng quốc ;
Hoa triền thọ diệu huyền tam thai ».

TẠM DỊCH

Văn nổi tiếng cao vang lưỡng quốc,
Tuổi như sao thọ rạng tam công.

Ấy thật là vinh diệu rất mực vậy. Ông hưởng thọ 75 tuổi ; có soạn quyển Bang giao tập truyền lại ở đời.

Lời án : Trong số những người phò tá triều Lê vào buổi đầu, có huân nghiệp, văn chương, thì Ức-Trai (Nguyễn-Trãi) là hơn cả. Còn như Lê Hải-lịch (Văn-Linh) trí thức tinh anh, sáng suốt, Đào Tân-khanh (Công-Soạn) am luyện, từng trải, Nguyễn Tiên-sơn (Thiên-Tích) [55b] khẳng khái, (Bùi) Cầm-Hồ, (Nguyễn) Thiên-Tước, gặp việc gì cũng nói hết, đều không thẹn tiếng danh thần. Đến khoảng niên-hiệu Đại-bảo (1440—1442), xét trong những người đỗ cao thì có hai ông Công-Đĩnh (Nguyễn-Trực),

Digitized by Google

Mạnh-An (Nguyễn-Như-Đổ), công-nghiệp và danh-vọng đều không phụ tiếng khoa danh. Từ khoảng niên-hiệu Quang-thuận, Hồng-Đức (1460 — 1497) trở về sau, những bậc hiền tài nối gót ở triều, thực khó kể hết, nay chỉ lục những người có danh vọng cao hơn cả, và công-nghiệp hiển trứ ai cũng biết, kể từ Trạng-nguyên Lương (Thế-Vinh) trở xuống được 9 người, lần lượt chép vào mục hiền phụ (người phò tá có công-lao tài đức). Còn đời Mạc, có Trạng-nguyên Giáp (Hải), công danh hiển đạt, cũng phụ chép xen vào đây.

Digitized by Google

Digitized by Google

LỊCH-TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG LOẠI CHÍ

QUYỂN VIII

Digitized by Google

Digitized by Google

[1a] # LỊCH-TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG LOẠI CHÍ

QUYỂN VIII

NHÂN-VẬT-CHÍ

Người phò-tá có công lao tài đức
(39 người sau thời Lê Trung-hưng)

NGUYỄN-MẬU-TUYÊN

Nguyễn-Mậu-Tuyên người làng Thịnh-mỹ huyện Lôi-dương (Thanh-hóa) là cháu dòng-dõi công-thần Thức quốc-công Nguyễn-Nhữ-Lãm, và là con của Phò-mã Hưng quốc-công Nguyễn-Trinh. Ông có văn-học, kiến-thức, có khả-năng giúp nước, tài đức gồm đủ.

Đầu niên-hiệu Thuận-bình triều Trung-tông, ông ra sức giúp việc nước được Thái-sư Trịnh-Kiểm ngợi khen, dùng làm tham-mưu trong màn trướng (1), ông đã nhiều phen lập được huân-công rạng-rỡ.

(1) Màn trướng : Dịch chữ « duy ốc » là màn trướng trong quân, chỗ quyết định quân cơ.

Digitized by Google

Khoảng niên-hiệu Thiên-hựu triều Anh-tông, ông làm Hữu thị-lang bộ Lại, tước Nhân-nghĩa bá, rồi đổi sang [1b] Tả thị-lang bộ Binh, tước Tường-lân bá.

Năm Canh-ngọ (1570), niên-hiệu Chính-trị, Thái-sư mất, con trưởng là Trịnh-Cối gây biến, Mậu-Tuyên theo ở bên cạnh Trưởng quốc-công (Trịnh-Tùng) giúp rập, cùng các bề tôi cảm kích thề kết đồng tâm dốc lòng phò tá giữ yên bên trong trấn ngự mặt ngoài. Ông đã bày sắp nhiều mưu kế. Năm Nhâm-thân (1572) triều-đình luận công, ông được tấn phong tước hầu.

Đầu niên-hiệu Gia-thái triều Thế-tông ông được đổi sang Đô ngự-sử; năm thứ 3 niên-hiệu Quang-hưng (1580), thăng Thượng-thư bộ Công, năm thứ 5 thiên Thượng-thư bộ Hộ. Năm thứ 16, trừ được nhà Mạc, ông theo hộ giá về kinh được thăng Thượng-thư bộ Lại, và tấn phong Minh-nghĩa phụ quốc công-thần (1).

Lúc bấy giờ đô-thành mới được khôi-phục, mọi việc còn rối beng, Mậu-Tuyên cầm quyền tướng quốc, sắp đặt chính sự mọi việc đâu vào đấy, được quốc-gia ỷ trọng. Năm thứ 17 (1594), ông mang [2a] sắc nhà vua đi truy tặng cho Chiêu-huân tịnh-công (Nguyễn-Kim). Năm thứ 18, triều-đình mở khoa hội cho học-trò trong nước đi thi, sai ông chọn nhân tài. Ông lấy được sáu người trúng tuyển trong đó có Nguyễn-Thực (sau làm Tể-tướng giỏi

(1) Minh-nghĩa phụ quốc công-thần: Bề tôi có công giúp nước làm sáng tỏ đại nghĩa.

Digitized by Google

có tiếng); bởi ông lựa được người xứng đáng nên người đương thời bàn đến ông thảy đều khen ngợi. Năm thứ 19, ông được gia thăng Thiếu-phó và phong tước Quỳnh quận-công. Tháng giêng năm thứ 22 ông mất, hưởng thọ 82 tuổi.

Nguyễn-Mậu-Tuyên là dòng-dõi công-thần thế-phiệt, học vấn rộng rãi, chín chắn, đức hạnh thuần hậu; ông làm quan trên 40 năm, hết lòng với nhà vua, giữ vững tiết kiên trinh, trải bao gian nguy giúp nên công bình định, dựng nên sự nghiệp lớn-lao; lúc về già giữ chức tể-tướng, với tư cách nguyên-lão, cầm quyền chính, làm khuôn phép cho trăm quan, ông đứng đầu công thần đời Trung-hưng vậy. Triều-đình tặng ông chức Thiếu-sư và đặt tên thụy (1) là Trung-Cần (2).

[2b] PHÙNG-KHẮC-KHOAN

Ông tên tự là Hoằng-Phu, hiệu là Nghị-Trai, người làng Phùng-xá, huyện Thạch-thất (Sơn-tây). Thuở trẻ đã nổi tiếng về văn học; ông theo học Trạng-nguyên Nguyễn (Bỉnh-Khiêm) ở Vạn-lại, kiêm thông cả thuật số; nhưng chí khí hào mại, không chịu ra thi với triều Mạc. Đầu đời Trung-tông theo Lê-Bá-Ly qui thuận nhà Lê, ông đỗ

(1) Thụy là tên đặt cho người đã chết, dựa theo tính chất hành-vi lúc sinh tiền mà đặt

(2) Trung-Cần: hết lòng với nước, và nhất sinh cần thận.

Digitized by Google

đầu khoa thi hương ở Thanh-hoa. Thái-sư Trịnh (Kiểm) gặp ông một lần đầu biết là người có học-thức mưu lược, cho tham dự việc trong màn trướng và trao chức ký-lục ở Ngự-dinh, coi quân bốn vệ.

Trong khoảng niên-hiệu Chính-trị (1558 — 1571) ông phụng mạng đi các huyện, chiêu dụ lưu dân về làm ăn như cũ, lúc về triều được thăng cấp sự trung Binh khoa, lại đổi làm cấp sự trung bộ Lễ. Nhân có việc trái ý vua ông bị trích ra thành Hà-nam thuộc huyện Tương-dương (Nghệ-an). Phẫn uất vì lòng trung không được nhà vua xét thấu ông làm bài ca bằng quốc âm để [3a] tự thuật (tức là bài ca quốc ngữ «Ngư phủ nhập đào nguyên») mà đời vẫn truyền tụng, trong đó có câu: «Thành nam thảo ốc đồ thư hoa trúc». Ít lâu sau, ông lại được triệu về.

Năm thứ 3 niên-hiệu Quang-hưng đời Thế-tông (1580) triều-đình bắt đầu mở lại khoa thi hội, ông lấy chân cấp sự Lễ khoa xin đi thi và đỗ hoàng-giáp. Bấy giờ ông đã 53 tuổi, được thăng Đô cấp sự.

Năm thứ 5 ông từ quan, xin về nhà riêng ở Vạn-lại. Nhà vua y cho. Năm thứ 6 ông lại được vời ra làm Hồng-lô tự khanh; năm thứ 8 thiên Hữu thị-lang bộ Công; rồi lại đổi làm Thừa chính sứ Thanh-hoa.

Năm thứ 20 — Đinh-dậu — ông đương làm Tả thị-lang bộ Công được cử đi sứ Minh. Bấy giờ nhà Minh nhận hối lộ của con cháu nhà Mạc không chịu tiếp sứ. Trong lúc

Digitized by Google

đợi mệnh vua Minh, ông đưa thư cho Súy-ty (Trung-quốc) kể hết tội nhà Mạc, cướp ngôi tội trạng rõ-ràng. Lại nói : Nay con cháu nhà Lê [3b] tới cửa quan đợi mệnh mà Thiên triều lại giúp nhà Mạc đè nén nhà Lê, thế là về bè với kẻ gian-tà, hại người ngay thẳng, lấy gì để tỏ nghĩa lớn với thiên-hạ, gây danh giáo cho muôn đời sau. Người Minh khen ông có nghĩa mới cho sứ thần qua cửa quan. Khắc-Khoan bèn được vào Kinh. Khi ông đến Yên-kinh, Lễ bộ đường trách về việc người vàng đem cống không theo mẫu cũ làm cúi đầu nên lại ngăn cản không cho sứ vào chầu (vua Minh). Khắc-Khoan cãi lại rằng : « Nhà Mạc cướp ngôi, danh nghĩa của họ là nghịch, nhà Lê khôi phục lại, danh chính nghĩa thuận. Nhà Mạc được dâng người vàng với hình cúi đầu thay mình đã là may mắn lắm rồi ; còn nhà Lê bao đời làm cống thần, theo kiểu người vàng ngửa mặt, qui chế cũ còn đó nay lại bắt theo như lệ nhà Mạc, thì lấy gì để khuyên việc chiêu an và nghiêm việc trừng phạt được ». [4a] Việc đến tai vua Minh ; rút cục Minh-đế chấp nhận thể-thức cũ của nhà Lê trước. Khắc-Khoan bèn được vào chầu, và lãnh sắc ấn đem về nước. Người Tàu đều khen ông là sứ giỏi. Khi ông về triều, được Thành-tổ (Trịnh-Tùng) rất kính trọng, gọi là Phùng tiên-sinh, chứ không kêu tên. Người trong nước, đều gọi ông là Trạng-nguyên, vì kính mến tài-năng của ông.

Khi ở Yên-kinh, gặp ngày sinh nhật (Vạn thọ tiết) của vua Minh, ông dâng 30 bài thơ. Vua Minh phê rằng : « Nhân tài không đất nào không có ; xem những bài thơ dâng lên đủ thấy lòng trung thành của Khắc-Khoan đặc biệt đáng khen ». Ông lại cùng làm thơ với sứ Triều-tiên là Lý-Tối-

Digitized by Google

Quang, vẩy bút thành chương. Tối-Quang rất phục tài. Bây giờ ông đã 70 tuổi, khi đi sứ về có công được thăng Tả thị-lang bộ Lại, tước Mai-lĩnh hầu.

[4b] Kính-tông lên ngôi, ông được thăng Thượng-thư bộ Công; năm thứ 3 lại thăng Thượng-thư bộ Hộ, tước Mai quận-công; tháng 9 năm thứ 14 — Quí-sửu — ông mất, thọ 86 tuổi, ông được tặng hàm Thái-phó.

Ông là người cương quả, sáng suốt, có tài lão luyện. Văn-chương của ông thanh-nhã dồi-dào, có các thi tập lưu truyền ở đời.

BÙI-BỈNH-UYÊN

Ông tự là Chuyết-Phu, người làng Định-công, huyện Thanh-đàm (Hà-đông), là cháu ông Bùi-Xương-Trạch, con ông Bảng-nhãn nhà Mạc là Bùi-Vịnh. Thuở nhỏ ông đã học rộng, văn-chương hoa lệ, dồi-dào, đi thi hương đỗ tam trường, rồi nhân có tang, không thi cử nữa.

Đầu niên-hiệu Thuận-bình, ông bây giờ đã 30 tuổi, cùng với bác là Bùi-Trụ đem cả họ qui thuận nhà Lê, cùng nhạc phụ là Lê-Bá-Ly vào chầu Trung-tông, được dự bàn việc quân việc nước.

Khoảng niên-hiệu Chính-trị đời Anh-tông, [5a] gặp lúc trong ngoài rối loạn, ông liệu chiều xoay xở, có nhiều công lao; được vinh phong tuyên lực công thần.

Năm thứ 14 niên-hiệu Quang-hưng (1591) đời Thế-tông,

Digitized by Google

ông theo vua về lấy lại kinh thành, được phong Thuần tín công-thần, lịch nhậm chức Phủ-doãn Phụng-thiên và Thị-lang ở bộ Hình và bộ Hộ. Năm thứ 16, vua đi đánh giặc ở miền đông, ông vâng mệnh ở lại giữ Tây kinh, bây giờ đã hơn 70 tuổi; ít lâu sau được thăng Thượng-thư bộ Lễ. Bài chế viết rằng :

PHIÊN ÂM

« *Trẫm duy Bắc-đẩu thiên chi xu cơ, sở dĩ châm chước nguyên lý; Thượng-thư vương chi hầu thiệt, sở dĩ xuất nạp vương ngôn. Quyến duy kỳ túc chi nho, nghi bí quang hoa chi mệnh. Tuyên lực Thuần tín công-thần, đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Hộ bộ Tả thị-lang Văn-phong* [5b] *hầu Bùi-Bỉnh-Uyên, quan trâm phiệt duyệt; thi lễ môn đình. nãi tổ sơ dĩ văn danh gia, khoa đệ quán thiên hạ; nhĩ lệnh công cử tông qui quốc, trung nghĩa mãn triều-đình. Kinh dinh mậu tán ư tứ chinh, chung thủy miễn đạn ư nhất tiết. Kinh doãn đoán vệ, đoạt hào cường nhi tán binh mưu. Tham quận cấp khoa, tuyên thánh hóa nhi trì đường luận; suất trần đa lịch niên sở, đốc phỉ chí kim nhật hưu. Tự chức lục liên, mệnh lệnh đa kỳ tường thẩm; sứ ty nhị phán phương dân lại dĩ bảo toàn. Tứ Trẫm cung tiến phục Đông-kinh, gia quốc lão cố hoàn hồ Tây thổ. Hình tào lưỡng trạc, ngục tụng thanh bình; Hộ tỉnh tài thiên, tài dụng quân tiết. Tu trị tán thành ư Hạ chính; trắc thăng nghi tiến ư Xuân quan. Công kỳ thanh trực nhất tâm, điển chưởng tam lễ; duy bình cách tích trưng ư thiên thọ, tư vân nhưng vĩnh thất ư quốc hưu* ».

Digitized by Google

DỊCH NGHĨA

« Trẫm nghĩ :

Sao Bắc-đẩu là then chốt của trời, để điều hòa nguyên khí ; chức Thượng-thư là họng lưỡi của nhà vua, để nhận và ban lời nói của quân vương. Bởi mến nhà nho kỳ cựu, nên ban sắc mệnh vẻ vang : nay Tuyên lực Thuần-tín công-thần đặc tiến kim tử vinh lộc đại-phu, Tả Thị-lang bộ Hộ, Văn-phong hầu [5b] Bùi-Bỉnh-Tuyên là dòng-dõi thế phiệt trâm anh, con nhà thi lễ ; ông nội người xưa lấy văn-chương làm rạng gia phong, đường khoa giáp đứng đầu thiên-hạ ; bác người đem cả nhà về qui thuận, trung nghĩa đôn rấy triều-đình ; còn ngươi : gia công đánh dẹp khắp bốn phương, trước sau cố giữ tròn một tiết. Khi làm kinh doãn, khi coi vệ quân, trị bọn hào cường và tán trợ quân mưu ; khi làm tham quận, khi làm cấp khoa, tuyên giáo hóa của nhà vua và giữ phần nghị luận ở các bộ. Noi theo phép cũ tâu bày mọi việc đã trải nhiều năm ; hết dạ khuông phò, đến nay đất nước được thịnh vượng. Làm chức tự-khanh sáu năm, nhiều mệnh-lệnh được làm sáng tỏ, sung chức sứ-tỵ hai bận, dân địa-phương nhờ được bảo toàn. Lúc Trẫm-cung tiến về Đông-kinh, khen quốc lão giữ toàn Tây thổ. Trải hai lần nhận chức Hình tào, việc ngục tụng đều được xử đoán thanh thỏa công bình ; lại đến lúc đổi sang Hộ sảnh, thì việc chi dụng quốc-gia [6a] được điều tiết. Giữ Hạ chính (việc binh) đã giúp nền bình trị, thì chức Xuân quan (bộ Lễ) nay đáng tiến lên.

Ngươi hãy giữ một lòng trong sạch, thẳng ngay coi

Digitized by Google

giữ ba lễ (1); người có đức bình chính càng được trời tăng tuổi thọ, (2) và cháu chắt được hưởng phúc lâu dài so cùng phúc nước (3).

Sau ông lại được kiêm chức Thượng-thư bộ Binh, tước Văn-phong hầu.

Năm thứ 20 (1597) sứ nhà Minh sang thúc giục việc hội khám (4); bây giờ nhà Lê mới thông hiếu và cầu phong. Các quan Tam-ty nhà Minh nhận hối lộ của con cháu họ Mạc sang cật vấn về mọi lẽ chân ngụy của dòng-dõi nhà Lê, ông vâng mệnh qua cửa ải Trấn-nam để đối chất, ông đối đi đáp lại không hề vấp-váp; lại dâng bài biểu suy tôn chúa cũ của các bậc kỳ cựu trong nước, kể tên trước hết là tiểu-mục Trịnh-Tùng, thứ đến kỳ-mục

(1) Ba lễ: Lễ trời, lễ đất và lễ qnỉ thần.

(2) Dịch câu «bình cách bích trưng ư thiên thọ» câu nầy đặt theo ý nghĩa câu «thiên thọ bình cách» trích trong Kinh Thư, thiên Qnân-Thích: Thiên thọ là tuổi trời cho, bình là chính giáo quân bình, cách là đến nơi đến chốn, là đạt đạo, dịch tất là đức bình cách; người có đức ấy ắt được trời cho sống lâu.

(3) Dịch câu «vân nhưng vĩnh thất ư quốc hưu»; trong câu nầy hai chữ «vân nhưng» là chữ sách Nhĩ-Nhã: con của cháu gọi là nhưng tôn, tức tằng tôn là cháu bốn đời, và con nhưng tôn gọi là vân tôn, tức huyền tôn, là cháu năm đời; «nhưng» cũng có ý nghĩa trùng điệp, «vân» có ý nghĩa xa vời, nên «vân nhưng» có nghĩa là chắt chút, hay cháu xa đời.

(4) Lúc bấy giờ nhà Minh sai sứ sang xét hỏi tận nơi để biết rõ những người tự xưng là con cháu nhà Lê có phải đích thực như vậy không.

Digitized by Google

Hoàng-Đình-Ái, rồi đến quan-mục Bùi-Bỉnh-Uyên v.v... Ông đảm đương việc nước một mình, trách-nhiệm nặng-nề như vậy [6b] nên khi việc xong về triều được gia phong công-thần.

Năm Hoằng-định thứ 5 (1604), ông lên 85 tuổi xin về hưu; ít lâu sau lại được vời làm Quốc-lão hầu cận (bên chúa). Năm thứ 15 (1614) ông mất, thọ 95 tuổi, được tặng hàm Thiếu-bảo và tên thụy là Cung-Ý.

Ông bẩm tính thanh-liêm, ngay thẳng, không mưu sản-nghiệp, sau khi mất nhà không có của dư; nhưng phúc-ấm lưu truyền lâu dài, con cháu đều hưng thịnh: con gái ông vào hầu phủ chúa, là bà Chiêu-Dung, sinh 4 con đều được tước công. Con trai ông có 7 người: bốn được phong hầu, ba phong Quận-công. Đây là nhà quí hiển phát đạt hơn hết các họ có danh vọng lớn ở Sơn-nam. Đầu niên-hiệu Đức-long ông được truy phong Thái-bảo, Tiên quận-công.

(Cháu xa đời là Bùi-Bích đỗ Hoàng-giáp khoa Kỷ-sửu, làm quan đến Thị-lang bộ Lại và Tham-tụng. Sau cuộc biến năm Bính-ngọ, ông mượn cớ mắt lòa xin từ chức về ở nhà).

LƯƠNG-HỮU-KHÁNH

Ông người làng Hội-trào huyện Hoằng-hóa, con ông bảng-nhãn Lương-Đắc-Bằng. Thuở nhỏ ông vâng lời cha dặn lại [7a] theo học Trạng-nguyên Nguyễn-Bỉnh-Khiêm ở Vĩnh-lại, nên tinh thông thuật số. Ông biết nhà Lê có thể lại trung-hưng, quyết ý theo về chính-nghĩa; hiềm vì đường

Digitized by Google

sá cách trở không thể đi được. Năm thứ 9 niên-hiệu Đại-chính nhà Mạc (1538), ông vì nhà nghèo miễn cưỡng đi thi, đỗ thứ hai (Hội thí) nhưng không vào thi Đình, mà lén đi vào (Thanh), trước cho người dâng biểu qui thuận ở phủ An-trường, xin sai binh ra đón. Thái quốc-công Trịnh-Kiểm vốn biết tiếng ông, cho quân ra cửa biển Thần-phù nghinh tiếp; ông vừa lên thuyền thì quân Mạc đã đuổi đến trên bờ; khi tới phủ, Trịnh Thái quốc-công mừng rỡ phủ ủy và khen ngợi, rồi đưa vào hầu Trung-tông và cử làm Thị-lang, để cùng bàn luận cơ mưu và đặt nhiều tín-nhiệm nơi ông. Đến niên-hiệu Chính-trị thời Anh-tông, [7b] con chúa Trịnh là Cối gây biến, quân Mạc vào cướp phá, ông theo Trưởng quốc-công (Trịnh-Tùng), giúp đỡ bên cạnh nhà vua, cùng các nguyên thần cảm kích trỏ lên trời mà thề thốt. Rồi ngày đêm bàn mưu, khuyên thưởng quân-sĩ, giữ chỗ hiểm-yếu, đặt thêm đồn lũy, đào hào hố, chuẩn bị khí giới dụng cụ giữ thành đầy đủ. Giặc chia quân xâm phạm cửa khuyết An-trường, ngày đêm đánh gấp. Ông truyền quân-sĩ đương đêm dựng thêm mấy từng lũy, lấy ván vách của nhà dân che kín, ngoài trét đất bùn, trên cắm chông tre, đến sáng thì làm xong cái thành giả, dài trên 10 dặm; nào pháo đài, nào châu-mai, khắp nơi sắp bày la-liệt. Tướng giặc trông thấy thất kinh, liền lui quân. Nhờ vậy Tây-đô được yên. Chiến-dịch nầy, trong vạch kế ngoài chống giặc, [8a] mưu sức của ông rất nhiều. Mưu lược văn võ của ông được một thời tôn trọng. Về sau ông nhiều lần lập công to, làm nên công-thần đời Trung-hưng, từng trải quan trường đến chức Thượng-thư bộ Binh, tước Đạt quận-công.

(Con ông là Khiêm-Hanh, lúc nhỏ có tiếng thần đồng,

Digitized by Google

đỗ Hoàng-giáp khoa Mậu-tuất niên-hiệu Quang-hưng, làm quan đến cấp sự Lễ khoa).

LÊ-TRẠC-TÚ

Người làng Thượng-cốc huyện Lôi-dương (Thanh-hóa). Ông nội của ông là Tán-Thiện, chú là Tán-Tương, cùng đỗ Tiến-sĩ khoa Kỷ-mùi (1499) niên-hiệu Cảnh-thống, làm quan đến Thượng-thư, từng có tiếng tốt trong quan trường. Trạc-Tú vốn dòng-dõi thế-phiệt, học có nền-nếp; năm 44 tuổi đỗ chế-khoa đệ nhất giáp khoa Đinh-sửu (1577) niên-hiệu Gia-thái năm thứ 5 triều Thế-tông. Ông do văn-học ra làm quan được Trịnh-Tùng để ý, làm đến Đô ngự-sử, tước Văn-trinh tử. [8b] Năm Quang-hương — Kỷ-hợi — lại được gia tước bá.

Năm đầu niên-hiệu Thận-đức triều Kính-tông, bọn Phan-Ngạn, Bùi-Khuê làm loạn, vua ngự về Tây kinh, dân tình náo động; Trạc-Tú theo hộ giá, chầu chực bên vua, bày mưu vạch kế, công lao rất nhiều. Đến khi vua trở về, luận công trạng, ông được tiến phong Hiệp mưu tá lý công-thần, thăng Thượng-thư bộ Lại, tước Văn-dương hầu. Khi làm Tể-tướng ông cất nhắc người hiền tài, sửa sang pháp-độ; mấy lần can gián ngay trước mặt vua, ông tỏ ra là người khí-khái chững-chạc, ngay thẳng, trong sạch, không mưu tài lợi; giữ quyền chính được mười năm. Lúc thời làm tướng quốc nhà không có của dư, cái tiết-tháo thanh giới ấy được người đương thời khen ngợi; khi mất được tặng Thiếu-bảo, tước Quận-công, và gia ph

Digitized by Google

[9a] NGUYỄN-VĂN-GIAI

Ông người làng Phù-lưu, huyện Thiên-lộc (Hà-tĩnh). Năm 27 tuổi đỗ hội-nguyên khoa Canh-thìn năm thứ 3 niên-hiệu Quang-hưng (1580), rồi thi đỗ đình-nguyên nhị giáp Tiến-sĩ. Đương sơ ông được bổ làm Hiến-sát sứ ở Thanh-hoa. Trịnh-Tùng nằm chiêm bao thấy thần-nhân đọc thơ có câu: «Thiên lộc chỉ huy» bèn sai ông làm tham-lục việc quân; ông trù hoạch nhiều mưu kế. Thời bấy giờ trong chiến dịch đuổi bắt họ Mạc và khôi phục kinh-đô cũ, ông có công to.

Năm Mậu-thân (1608) ông làm Đô ngự-sử. Bấy giờ triều-đình bắt đầu giao hiếu với nhà Minh, coi việc ứng tiếp sứ Tàu là hệ trọng, nên sai ông và Thượng-thư Đỗ-Uông tới Nam-quan đợi mệnh, còn vua thì đi sau, từ Kinh tới Nam-quan để hội khám; nhưng người Minh sai hẹn, vua lại trở về Kinh.

Mùa xuân năm sau (1609) triều-đình lại sai ông tới đợi ở Nam-quan. [9b] Mùa hạ, vua ngự tới thành Lạng, rồi qua cửa quan để tiếp kiến người Minh, xong việc lại trở về. Ông được thăng Tham-tụng, Thượng-thư bộ Lại coi việc sáu bộ, kiêm chức Đô ngự-sử, Thiếu-bảo, tước Lễ quận-công.

Năm Quí-hợi niên-hiệu Vĩnh-tộ (1623), Trịnh-Xuân gây biến, ông bí-mật giúp việc quân cơ, giữ yên việc nước, có hai công lao theo vua và đánh giặc, được lên chức Thiếu-úy, gia phong Dực vận tán trị công-thần, rồi thăng

Digitized by Google

Thiếu-bảo. Ông từng làm quan ba triều trong bốn kỷ (48 năm), công-lao quyền vị đứng đầu triều bấy giờ.

Năm Mậu-thìn (1628) thọ 75 tuổi ông mất, được Triều-đình truy tặng Đại tư-đồ và tên thụy Cần-Độ.

NGÔ-TRÍ-HÒA

Ông người xã Lý-trai, huyện Đông-thành. Năm 28 tuổi, ông cùng với cha là Trí-Tri thi đỗ Tiến-sĩ khoa Nhâm-thìn năm Quang-hưng [10a] thứ 15 (1592). Sơ bổ Án-sát sứ Sơn-tây, ông được Trịnh-Tùng tri ngộ, không bao lâu được vời làm Đô cấp sự Lại khoa, ngồi bàn chính sự ở phủ chúa; kế đó được thăng chức Hữu Thị-lang bộ Hình và ra làm ký-lục ở trấn Thanh-hoa. Năm Giáp-thìn niên-hiệu Hoằng-định được triệu về Kinh, thăng lên Tả thị-lang bộ Lại, với tước Phú-lộc bá. Năm Bính-ngọ (1604) phụng sung chính-sứ sang cống Minh; mùa đông năm Mậu-thân nhân có công đi sứ ông được thăng Thượng-thư bộ Hộ rồi kiêm chức Tế-tửu Quốc-tử giám; năm Canh-tuất được tiến phong tước Phú-xuân hầu.

Mùa đông năm Mậu-ngọ, ông làm bài khải (dâng chúa Trịnh) điều trần sáu việc:

1 — Xin sửa đức chính để cầu mệnh trời giúp.

2 — Xin đè nén bọn quyền hào để nuôi sức dân.

3 — Xin cấm những việc phiền hà để đời sống của dân được đầy đủ.

Digitized by Google

4 — Xin bớt [10b] xa xỉ để tài-sản của dân được dồi-dào.

5 — Xin dẹp trộm cướp để dân được an cư.

6 — Xin sửa sang quân chính để bảo vệ sinh-mạng của dân.

Sáu điều ấy đều được Trịnh-Tùng ngợi khen và chấp nhận. Năm Quí-hợi niên-hiệu Vĩnh-tộ, giặc Xuân gây biến, trộm cướp nổi lên nhiều. Thần-tông sau khi về Kinh sai ông làm đốc-thị hiệp cùng thống-lĩnh Trịnh-Tùng đi dẹp yên Sơn-tây ; khi về được gia Thiếu-bảo, phong Hiệp mưu tá lý dực vận tán trị công-thần.

Năm Ất-sửu (1625) thọ 62 tuổi ông mất, được truy tặng Xuân quận-công.

Trí-Hòa là bậc học vấn hơn người, chính-thuật có thừa, trải khắp trong ngoài, đến đâu cũng thích nghi ; công lao danh vọng hiển hách ; lại là bậc công-thần của ba triều, cha con cùng đỗ một khoa, phúc ấm lâu dài, càng là việc xưa nay hiếm thấy.

(Trí-Tri làm quan đến chức Giám-sát ngự-sử, trải thăng đến Tả thị-lang bộ Lễ, hưởng thọ 92 tuổi [11a] được truy tặng Thiếu-bảo, tước Diễn-khánh bá. Con là Sĩ-Vinh đỗ Tiến-sĩ khoa Bính-tuất niên-hiệu Phúc-thái triều Chân-tông, làm đến Quang-lộc tự-khanh, tước Lý-thanh hầu, và được phong Đôn-hậu tán trị công-thần. Nhà ông ba đời nối nghiệp khoa giáp, mở đầu dòng-dõi thư-hương ở Nghệ-an. Cháu năm đời là Công-Trạc và Hưng-Giáo đều đỗ Tiến-sĩ).

Digitized by Google

Lời án : Thuở nhà Lê mới trung-hưng, các bậc hiền-tài liên tiếp ra đời nhiều. Về đạo đức, khí-độ, công lao, danh vọng hơn cả thì Nguyễn Thịnh-mỹ (Mậu-Tuyên) đứng đầu. Chí như những người ở xa xôi cách trở mà về qui thuận, gặp lúc gian-nan nguy-hiểm đem hết tài lược để dọc ngang với đời mà không phụ chí cũ của mình, như Phùng (Khắc-Khoan), Bùi (Bỉnh-Uyên), Lương (Hữu-Khánh), đều là bậc hiền tài, có sự-nghiệp rạng-rỡ. Còn ba ông Lê (Trạc-Tú), Nguyễn (Văn-Giai), Ngô (Trí-Hòa) đều do khoa giáp mà làm nên, kế tiếp nhau giữ trọng trách, công bằng, trong sạch, trung-thành, sáng-suốt, thảy đều không thẹn là bậc danh thần. Bởi đó là những người ra giúp việc khi chưa diệt được họ Mạc [**11b**] nên chép lên trên. Còn những người kể từ Nguyễn Huân-nội (Danh-Thế) trở xuống, thì sau thời trung-hưng mới có sự-nghiệp, nên lần lượt chép ở dưới. Lại xét thời bấy giờ có những người đã từng làm tôi nhà Mạc rồi qui thuận mà làm đến tể-tướng, trước sau có ba người : Nguyễn-Thiến, Nguyễn-Đĩnh, Đỗ-Uông.

(Nguyễn-Thiến người làng Canh-hoạch, huyện Thanh-oai ; năm 28 tuổi đỗ Trạng-nguyên khoa Nhâm-thìn năm thứ 3 niên-hiệu Đại-chính (1532) thời Mạc, làm đến Thượng-thư bộ Lại, tước Quận-công. Năm thứ 3 niên-hiệu Thuận-bình thời Trung-tông, Mạc-Phúc-Nguyên đánh đại tướng Lê-Bá-Ly ; Thiến với Ly là thông-gia, bèn cùng âm mưu sai người dâng biểu qui thuận nhà Lê. Khi ông tới, vua cho giữ nguyên chức tước, sai giữ việc tuyển bổ quan lại, ông giữ quyền chính được 8 năm. Đầu niên-hiệu Thiên-hựu thời Anh-tông, ông mất, thọ 62 tuổi. Con ông là Nguyễn-Quyện lại làm phản quay về với nhà Mạc. Phúc-Nguyên đem con

Digitized by Google

gái trong họ gã cho và sai đem binh đánh quân nhà Lê ; thường thắng trận luôn, sau được phong Thường quốc-công ; ông là một danh tướng của nhà Mạc, khi nhà Mạc mất thì bị bắt.

Nguyễn-Đĩnh người làng Hoàng-xá, huyện Từ-liêm, đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Tân-sửu năm đầu niên-hiệu Quảng-hòa thời Mạc. Ông tới Thanh-hoa xin qui phụ, làm quan đến Thượng-thư bộ Lại, tước Hưng lễ hầu. Thời trung-hưng ông trù mưu vạch kế rất nhiều. Năm Canh-ngọ Trịnh-Cối gây biến, ông theo bên cạnh Trưởng quốc-công, điều khiển các bề tôi trỏ lên trời thề cùng một lòng đánh giặc ; sau được gia phong Kiệt tiết tuyên lực công-thần, Thiếu-bảo, Từ quận-công. Khi ông mất được tặng Thái-tể.

Đỗ-Uông người làng Đoàn-lâm huyện Gia-phúc, đỗ Bảng-nhãn khoa Bính-thìn, niên-hiệu Quang-bảo thời Mạc, làm quan tới Thượng-thư bộ Lại, đại học-sĩ Đông-các, tước Phúc quận-công. Khi nhà Mạc mất rồi ông đem các văn thần đến cửa quân nhà Lê xin qui thuận, vua cho giữ chức tước cũ, đổi tước hiệu làm Thông quận-công. Ông hai lần vâng mệnh sang Nam quan chờ đón sứ Minh để làm xong lễ sách phong ; ông đối đáp trước sau đều hợp lẽ : sau được gia thăng Thiếu-bảo. Đầu niên-hiệu Thận-đức, thủy quân gây biến (1), vua ngự về Tây-kinh, ông can vua xin ở lại kinh-đô, rồi bị loạn quân

(1) Đây là vụ Phan-Ngạn, Bùi-văn-Khuê, Ngô-Đình-Nga ở cửa Đại-an phản Lê theo Mạc.

Digitized by Google

giết hại; sau được truy tặng Thiếu-bảo, phong Phúc thần, có miếu thờ ở Đoàn-lâm).

Danh vọng sự-nghiệp của họ cũng có tiếng trên đời, nay phụ chép vào đây để có đủ tài-liệu tham-khảo.

NGUYỄN-DANH-THẾ

Ông người làng Huân-nội, huyện Chương-đức. Năm 24 tuổi, ông đi thi một lần liền đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Ất-mùi năm thứ 18 niên-hiệu Quang-hưng (1595). Đầu niên-hiệu Thận-đức ông làm Hiệu-thảo viện Hàn-lâm; nhân có tang xin nghỉ ở nhà. Bấy giờ Trịnh-Tùng rước vua về Tây-đô, kinh-thành bỏ trống, con cháu nhà Mạc lại tụ họp, đón bà mẹ của Mậu-Hợp là Bùi-thị đến kinh xưng quốc-mẫu, các quan cũ đều được phong chức, Danh-Thế ẩn tránh không [12b] theo mệnh nhà Mạc. Khi giặc đã yên, triều-đình khen thưởng ông, để bạt cho làm Hiến-sát ở Sơn-tây, rồi lại vời làm Đô cấp sự Hộ khoa, bồi-tụng ở phủ chúa, chẳng bao lâu lại được thiên Thái-bộc khanh.

Mùa xuân năm Bính-ngọ (1606) phụng sung phó-sứ sang Minh nạp cống; khi về được thăng Hữu thị-lang bộ Lại và phong tước tử.

Mùa xuân năm Kỷ-dậu ông coi tất cả đạo quân của Trịnh-Tùng đi đánh Mạc-Kính-Cung ở Thái-nguyên, nhưng không thấy giặc, bèn đem quân về.

Mùa xuân năm Bính-thìn ông được thăng Tả đường bộ Hộ; mùa đông năm Mậu-ngọ, đổi sang Đô ngự-sử.

Digitized by Google

Năm Tân-dậu (1621) niên-hiệu Vĩnh-tộ, ông lại được làm Đốc thị, cùng phó tướng ra trấn thủ mặt Lạng-giang. Mùa đông năm ấy, triều-đình tiến đánh Mạc-Kính-Khoan ở Cao-bằng, cử Thanh quận-công làm Thống-trấn, sai ông làm Đốc thị, tấn công lũy giặc và hạ được.

[13a] Năm Quí-hợi, Trịnh-Xuân làm loạn, ông cùng thế-tử là Thanh quận-công bàn mưu rước vua trở về kinh-đô, để củng cố căn bản. Rồi, ông vâng mệnh họp quân thủy bộ các tỉnh tiến đánh quân giặc. Đông-kinh được quét sạch. Nhân có công ấy ông được thăng Thượng-thư bộ Công, và phong Dực vận tán lý công-thần, tước Đoan-dương hầu; mùa đông năm Giáp-tý (1624) lại được sai làm Đốc thị quân của Trịnh-Lệ, do đường Thái-nguyên tiến đánh Cao-bằng. Năm Ất-sửu triều-đình luận công, ông được gia phong Thiếu-bảo; mùa xuân năm Bính-dần đổi sang Thiếu-phó, làm Thượng-thư bộ Hình, xét xử mọi việc kiện cáo trong nước. Mùa thu năm ấy, triều-đình bàn việc đánh Thuận-hóa, sai ông cùng Thái-bảo Nguyễn-Khải đem tướng-sĩ đi trước đến huyện Kỳ-hoa, xếp đặt việc biên phòng. Mùa hè năm sau nhà vua thân đi đánh; xa giá tới cửa Nhật-lệ, nhưng tướng miền Nam [13b] chống giữ vững, bèn sai ông viết thư khuyên dụ rồi rút quân về. Mùa đông năm ấy, ông kiêm chức Độ ngự-sử. Năm Kỷ-tỵ niên-hiệu Đức-long (1629) ông được tiến phong tước Đường quận-công, mùa xuân năm Nhâm-thân, được làm Tham-tụng, dự bàn quốc-chính; ít lâu sau lại được gia Thái-bảo.

Năm Mậu-dần niên-hiệu Dương-hòa (1638), triều-đình

Digitized by Google

lại sai Tiết-chế Sùng quốc-công đi đánh Cao-bằng, vẫn cử Danh-Thế làm Tham-tán quân mưu. Năm Canh-thìn, ông được giữ thêm việc ở Đông-các, coi việc tòa Kinh-diên và kiêm Thượng-thư bộ Lễ.

Sang xuân năm Quí-mùi (1643), nhà vua ba lần xa giá đi đánh Thuận-hóa, sai ông ở lại giữ kinh-sư và trấn thủ các nơi. Năm Ất dậu niên-hiệu Phúc-thái (1645), ông mất, thọ 73 tuổi.

Danh-Thế giữ mình cương-chính, thông-đạt chính-trị, am luyện việc binh, làm quan khắp trong kinh ngoài trấn cả thảy 50 năm, là người bề tôi giỏi lúc bấy giờ, được truy tặng Thái-phó, [14a] Thượng-thư bộ Hộ, gia Tả tư-không, tên thụy là Văn-Trung.

NGUYỄN-THỰC

Nguyễn-Thực người làng Vân-điềm huyện Đông-ngạn (Bắc-ninh), hiệu là Tiết-trai, tự là Phác-phủ. Năm 41 tuổi ông thi đỗ nhị-giáp Tiến-sĩ đình nguyên khoa Ất-mùi năm thứ 18 niên-hiệu Quang-hưng (1595), bắt đầu làm Đô cấp sự Hộ khoa; năm Tân-sửu đổi sang Hồng-lô tự khanh; năm Bính-ngọ phụng sung phó-sứ sang Minh nạp cống, lúc về được thăng Tả thị-lang bộ Lễ, tước tử, rồi lên tước Phương-lan hầu. Mùa đông năm Đinh-tỵ (1617) ông được thăng Thượng-thư bộ Hình; năm Đinh-mão niên-hiệu Vĩnh-tộ lên chức Thiếu-phó. Mùa thu năm ấy ông vâng mệnh đi đón sứ thần về nước; khi triều-đình xét công, được lên tước Lan quận-

Digitized by Google

công. Năm Tân-mùi niên-hiệu Đức-long (1631) ông được thăng Thiếu-úy ; năm sau được gia Quốc-lão, tham dự triều chính [14b] và thăng Thái-bảo. Mùa thu năm Giáp-tuất, ông đã 80 tuổi, được thăng Thái-phó, Thượng-thư bộ Hộ, rồi về hưu trí. Từ thời đầu trung-hưng đến giờ, làm quan đến Thượng-thư rồi về hưu, ông là người thứ nhất.

Năm Đinh-sửu niên-hiệu Dương-hòa (1637) ông mất, thọ 83 tuổi ; được truy tặng Thái-tể, tên thụy là Trung-Thuần.

Ông là người thuần hậu, trong sạch, cẩn thận, không mưu sản nghiệp, làm quan trải những bước vinh-hiển, giữ chức-vụ trọng yếu mà nhà vẫn thanh bạch, có phong độ của bậc danh thần đời xưa. Con ông là Nghi cũng thi đỗ, làm quan đến Tể-tướng, có truyện chép ở sau.

(Cháu 4 đời của ông là Nguyễn-Khuê, Nguyễn-Sĩ đều đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Canh-tuất niên-hiệu Cảnh-trị ; cháu 7 đời của ông là Nguyễn-Thưởng đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Giáp-tuất niên-hiệu Cảnh-hưng ; dòng-dõi ông đời-đời đỗ đạt, đứng đầu các họ có danh vọng ở vùng Bắc-giang).

NGUYỄN-DUY-THÌ

Ông người xã Yên-lãng, huyện Yên-lãng (Vĩnh-phúc) ; năm 27 tuổi, đỗ nhị giáp Tiến-sĩ khoa Mậu-tuất năm thứ 27 niên-hiệu Quang-hưng (1598) ; năm Bính-ngọ niên-hiệu Hoằng-định (1606) làm cấp sự trung, vâng mệnh làm phó

Digitized by Google

sứ đi cống nhà Minh, [15a] khi về được thăng Thiêm đô ngự-sử, Phương-tuyền bá. Thời bấy giờ điềm tai dị luôn luôn xuất hiện, ông dâng bài khải, nói:

PHIÊN ÂM

« Dân giả quốc chi bản, trị quốc chi đạo ái dân nhi dĩ. Thiên dự dân nhất lý, dân tâm duyệt tắc thiên ý đắc hỹ. Thị dĩ thiện vi quốc giả ái dân như phụ mẫu ái tử; văn kỳ cơ hàn nhi vi chi ai, kiến kỳ lao khổ nhi vi chi tuất, cấm kỳ khắc bạo, chỉ kỳ thiện phú, sử dân đắc toại kỳ sinh dưỡng nhi vô thán tức sầu hận chi thanh, thử sở vị tri trị quốc chi đạo. Kim Thánh-thượng hữu ý ư dân, nhất chính chi thi vụ tại ái dân, nhất lệnh chi hành thần giới nhiễu dân; kỳ ái dân chi tâm chân thiên địa [15b] *phụ mẫu chi lượng giả. Đệ phụng hành giả vị năng ngưỡng thể đức ý, vụ hành hà ngược, cạnh vi xa xỉ: cai nhất huyện tắc khốn nhất huyện chi dân, cai nhất xã tắc khốn nhất xã chi dân, nhiễu lạm chi sự vô sở bất vi; sử thiên hạ chi dân, nam hoặc vô y, nữ hoặc vô thường, xướng ca chi tịch bất phục trí, hôn nhân chi lễ bất phục bị, dưỡng sinh tống tử vô sở tư; ẩm thực nhật dụng vô sở cấp; bần nhược manh lệ côn trùng thảo mộc câu bất đắc toại kỳ sinh. Thị dĩ cảm động thiên địa trí thiên tâm vị thuận. Hồng thủy chi tai, phiếm dật bất thường, đắc phi thời chính sở khuyết, kỳ khả bất khủng cụ tu tỉnh, tư sở dĩ trí thử chi cữu hồ? Tất năng hành an dân chi chính, tắc thượng thuận thiên tâm, hạ duyệt dân ý, nhi chuyển tai vi tường, niên*

Digitized by Google

cốc lũ phong, nhân gia cấp túc, hải nội thăng bình, quốc-gia ức vạn niên chi cơ-nghiệp, kim kỳ tự thị vĩnh hữ».

DỊCH NGHĨA

«Dân là gốc của nước, đạo trị nước cốt ở yêu dân mà thôi. Trời với dân đều một lẽ, lòng dân vui thì ý trời thuận vậy. Cho nên người giỏi trị nước phải yêu dân như cha mẹ yêu con; nghe nói dân đói rét thì lo âu, trông thấy dân vất-vả thì thương xót, cấm chính sự khắc-nghiệt tàn-bạo, cấm việc tự tiện thu thuế, để dân được sinh sống thoải mái, không có tiếng buồn giận thở than. Như thế mới là biết đạo trị nước. Nay Thánh-thượng để ý đến dân, thi thố một chính sách gì là cốt để nuôi dân, phát hành một mệnh lệnh là cốt ngừa sự nhiễu dân; lòng yêu dân thật như độ lượng của trời đất cha mẹ. Song những người thừa hành chưa thể tất hết đức ý của bề trên, chỉ chuyên làm điều bạo ngược, đua nhau xa xỉ; cai trị một huyện thì khốn khổ cho dân cả huyện, cai trị một xã thì khốn khổ cho dân cả xã; những việc nhũng nhiễu hà lạm, chẳng việc gì không làm, khiến cho dân trong nước, trai không áo, gái không quần; tiệc hát xướng không có nữa, việc cưới xin không đầy đủ, việc nuôi người sống, chôn người chết không biết nhờ vào đâu; việc ăn uống thường dùng hàng ngày không lấy gì chu cấp; những kẻ nghèo yếu hèn hạ, những loài sâu bọ cỏ cây, đều không sống nổi. Trước những sự trạng ấy trời đất phải cảm-động, khiến lòng trời không thuận. Tai nạn nước lụt dâng lên lạ thường, phải chăng là vì chính sự lúc nầy có điều thiếu sót? [16b] Có thể nào không sợ hãi tu tỉnh nghĩ đến cái lỗi gây nên điềm tai biến ấy được ư? Nếu thi

Digitized by Google

hành được chính sách an dân thì trên thuận lòng trời, dưới đẹp ý dân, tự nhiên đồi tai dị làm điềm lành, hàng năm được mùa, mọi người và mọi nhà no đủ, trong nước được thái-bình, cơ nghiệp nước nhà truyền ức muôn năm, từ nay được lâu dài mãi».

Lời khải được chúa Trịnh-Tùng ngợi khen và chấp nhận.

Năm Bính-thìn (1616) ông được đổi sang Đô ngự-sử, rồi được thăng Tả thị-lang bộ Lễ.

Khoảng năm Kỷ-mùi (1619), Trịnh-Xuân gây biến, việc liên can đến nhà vua, Trịnh-Tùng họp các quan lại bàn, Duy-Thì cùng Danh-Thế, Lê-Bật-Tứ xin bắt chước việc cũ của Y-Doãn, Hoắc-Quang ngày xưa. Khi Thần-tông lên ngôi, ông được đổi sang Tả thị-lang bộ Lại, và phong tước hầu.

Năm Quý-hợi niên-hiệu Vĩnh-tộ (1626) ông có công phò giá [16b] và công đi sứ được phong Dực vận tán trị công-thần; mùa xuân năm Bính-dần được thăng Thượng-thư bộ Công, bây giờ ông 55 tuổi, ít lâu sau được tiến tước Tuyên quận-công, gia Thiếu-phó. Năm Nhâm-ngọ niên-hiệu Dương-hòa (1642) ông được thiên sang Thượng-thư bộ Binh, lại gia Tham-tụng; rồi thiên Thượng-thư bộ Lại, giữ việc 6 bộ, kiêm Tế-tửu Quốc-tử-giám, coi việc viện Hàm-lâm, và thăng Thái-phó, được mở phủ Bình-quân; ông là người được thời bây giờ trông cậy tôn trọng ngót 30 năm, hưởng thọ 81 tuổi, sau khi mất được truy tặng Thái-tể.

Khi ông còn là một thầy tú, từng nằm chiêm bao thấy

Digitized by Google

thần nhân đọc câu thơ : « Yên-lãng nhân Yên-lãng nhân, an nguy hệ thử thân » nghĩa là : Người xã Yên-lãng huyện Yên-lãng, thiên hạ an nguy quan hệ ở thân mình. Sau quả được qui hiển thịnh đạt.

[17a] LÊ - BẬT - TỨ

Ông người xã Cổ-định, huyện Nông-cống (Thanh hóa); năm 36 tuổi đỗ Tiến-sĩ nhị giáp khoa Mậu-tuất năm thứ 20 niên-hiệu Quang-hưng (1598). Đầu niên-hiệu Hoằng-định ông được phong tước Diễn-gia hầu; năm Bính-ngọ (1606) vâng mệnh làm Chánh sứ sang Minh tạ ơn sách phong; mùa hạ năm Mậu-thân (1608) đi sứ về có công được thăng Tả thị-lang bộ Hộ.

Mùa xuân năm Canh - tuất ông dâng khải điều trần hai việc :

1 — Xin định ngôi thế-tử và giao cho giữ binh quyền để củng cố lòng dân.

2 — Xin có biện pháp xử trí đối với các cường phiên (tức là bọn tù trưởng chuyên quyền ở các trấn Cơ-mi) để thống nhất chế-độ. Đại khái lời khải nói :

PHIÊN ÂM

« Phù vương giả dĩ thiên hạ vi nhất gia, ngọa tháp chi trắc khởi dung tha nhân hãn thụy. Tư Thái-nguyên Cao-bằng đẳng xứ bổn thị tiên triều cảnh thổ, khoán niên tích tệ, nhậm bỉ tự nhĩ cường lương; nhược bất

Digitized by Google

trí, khủng vi dị nhật chi hoạn. Kim Thánh-thượng tế anh hùng chi chí, bách chiến bách khắc dĩ hữu thiên hạ; tướng tá vân tập, sĩ dũng kỹ tinh, ẩm mã tắc hà thủy cạn, ma kiếm tắc sơn thạch khuyết; chiến thuyền thiên sưu, hùng tượng bách sồ, thiên hạ tinh binh tất tụ kinh sư, nhi túng tặc bất kích, thử sở vị dưỡng hồ di hoạn dã. Tích Đường Hiến-tông tùng Hoàng-Thường chi thỉnh, dĩ pháp độ tài chế phiên trấn, tốt thành trung-hưng chi-công. Do Đường dĩ lai khởi vô phiên trấn chuyên binh chuyên địa, đản triều đình chi pháp độ kỷ lập, bỉ tự bất cảm tứ nhị. Kim cường phiên chuyên trấn, kỳ thế [18a] *dĩ thành, sở nghi tảo đồ ức chế, khả bất hiệu trung ngôn dĩ khải chi hồ? Cung khất tài đoán hành chi, quốc gia ức vạn niên vô cương chi nghiệp kỳ tại ư thử».*

DỊCH NGHĨA

«Bậc vương giả coi thiên hạ như một nhà, há lại để cho người ngoài nằm ngủ bên cạnh giường ư? Các xứ Thái-nguyên Cao-bằng vốn là đất của tiền triều, nay lâu ngày sinh tệ, chúng tự thị cương ngạnh vượt qua phép nước, nếu không xử trí sợ để mối lo cho ngày sau. Nay Thánh-thượng đem chí anh-hùng, đánh đâu được đấy mới có thiên hạ; hiện tướng tá đông đảo, quân mạnh và tinh luyện, cho ngựa uống nước thì sông cạn, mài gươm thì đá núi phải lở; chiến thuyền hàng nghìn chiếc, voi mạnh kể vài trăm; bao nhiêu tinh binh trong nước đều tụ tập ở kinh-sư mà nuông giặc không đánh, ấy gọi là nuôi hổ để lo về sau vậy. Xưa kia Đường Hiến-tông theo lời thỉnh của Hoàng-Thường lấy pháp độ xử trí phiên

Digitized by Google

trấn (đất Thục) mà làm nên công-nghiệp trung-hưng. Từ đời Đường trở về sau há không phải là không có các phiên-trấn chuyên giữ binh quyền, đất đai, nhưng chế-độ của triều-đình đã thành lập thì chúng không dám ngông càn nữa. Nay cường phiên chuyên quyền các trấn, thế của họ đã thành, phải sớm liệu ức chế, thần có thể nào không đem lời trung thành để tâu bày, kính xin quyết định thi hành, cơ-nghiệp nước nhà lâu dài ức muôn năm là ở đó ».

Thời bây giờ Trịnh-Tùng thích dụng binh nhưng tuy khen lời trần thỉnh mà chưa kịp thi hành. Năm Ất-mão (1615) Trịnh-vương sai tuyển thêm lính để bổ sung quân ngũ. Bây giờ điềm tai dị xuất hiện mấy lần, ông cùng Lưu-Đình-Chất lại dâng khải nói :

PHIÊN ÂM

« Thiên tâm nhân ái tất hình ư khiển cáo chi trung : Bổn niên ngũ lục nguyệt gian, nông vụ chính ân, thiên kỳ tác hạn hán, canh dân khuyết vọng ; tư bát nguyệt nhật hòa cốc đắc thành, thiên kỳ giáng tai hạn viễn bị quận quốc ; nhất niên chi trung tai dị lũ xuất, lư lý [18a] *chi dân, đa hữu oán ta ; đắc phi thời chính chi khuyết sử chi nhiên dư ?*

Tư nhân thôi Thanh-hoa xứ các huyện xã trục hạ tuyển tch lánh binh, khủng phi duyệt tuyển chi thời. lệnh nhất hành, kỳ chư quyền thế sở cai tùy nhi hi cánh gia tuyển bổ, dân mạng tương hà dĩ khan khất dĩ kính thiên tuất dân vi tâm, chước đình

Digitized by Google

thi hành như thử tắc nhân tâm duyệt, thiên ý đắc, hòa khí trí tường, cam lộ giáng, gia hòa hưng, lê dân đào cấp túc chi hưu; quốc thế điện thái bàn chi tráng, nhi tộ dàn vĩnh vô cùng hỹ».

DỊCH NGHĨA

«Lòng trời nhân ái, nên hiện ra mọi điềm để cảnh cáo: Năm nay trong khoảng tháng 5 tháng 6 việc làm ruộng đương cần mà trời đã ra tai hạn hán, dân cày thất vọng; nay đến tháng 8 lúa đang chín, trời lại ra tai hạn hán khắp cả nước; trong một năm điềm tai dị mấy lần xuất hiện, nhân dân các làng [18b] phần nhiều thán oán, đó chẳng phải là chính sự lúc nầy có điều thiết sót mới sinh ra thế ư?

Nay trên ra lệnh bắt các huyện, xã, ở Thanh-hoa, theo đinh hạng kén chọn thêm binh lính. Thiết tưởng bây giờ không phải là lúc tuyển binh. Nay lệnh ấy đã ban ra, những kẻ có quyền thế ở địa phương nhân dịp lập công cố tuyển thêm lính thì nhân dân chịu sao nổi? Vậy xin bề trên để tâm kính trời thương dân, đình việc lấy thêm lính; nếu làm được như thế thì lòng dân vui, ý trời hợp, khí hòa gây nên điềm lành, sương ngọt xuống, lúa tốt lên, muôn dân được hưởng sự yên vui đầy đủ; thế nước được vững như Thái-sơn bàn-thạch, mà vương nghiệp truyền mãi không cùng».

Năm Mậu-ngọ (1618) ông lại dâng tờ khải điều trần 6 việc:

Digitized by Google

1 — Xin sửa đức chính để cầu [19a] mệnh trời.

2 — Xin đè nén kẻ quyền hào để giúp sức dân.

3 — Xin cấm phú dịch phiền-hà để đời sống của dân được no đủ.

4 — Xin bớt xa-xỉ để tài-sản của dân được dư dụ.

5 — Xin dẹp trộm cướp để dân được an-cư.

6 — Xin sửa sang quân chính để bảo vệ sinh mạng của dân.

Lời khải được Trịnh-vương khen ngợi và chấp nhận. Thần-tông lên ngôi, thăng ông làm Thượng-thư bộ Binh, bây giờ ông được 58 tuổi; ít lâu sau cho vào làm Tham-tụng (ở phủ chúa), trải thăng đến Thiếu-phó.

Mùa đông năm Đinh-mão (1627) ông mất, hưởng thọ 65 tuổi, được tặng Thái-phó tước Diễn quốc-công, tên thụy là Hòa-Nghĩa.

LƯU-ĐÌNH-CHẤT

Ông người làng Quỳ-chử, huyện Hoằng-hóa (Thanh-hóa) là con của công-thần Lâm quốc-công Lưu-Đình-Thưởng. Ông đã làm quan đến Cấp sự trung Lại khoa rồi năm 42 tuổi mới thi đỗ nhị giáp Tiến-sĩ đình nguyên khoa Đinh-mùi năm thứ 8 niên-hiệu Hoằng-định (1607) triều Kính-tông; [19b] được thực thụ Đô cấp sự trung.

Năm Quý-sửu (1613) ông được thăng Tự khanh, tước

Digitized by Google

thi hành như thử tắc nhân tâm duyệt, thiên ý đắc, hòa khí trí tường, cam lộ giáng, gia hòa hưng, lê dân đào cấp túc chi hưu; quốc thế điện thái bàn chi tráng, nhi tộ dàn vĩnh vô cùng hỹ».

DỊCH NGHĨA

«Lòng trời nhân ái, nên hiện ra mọi điềm để cảnh cáo: Năm nay trong khoảng tháng 5 tháng 6 việc làm ruộng đương cần mà trời đã ra tai hạn hán, dân cày thất vọng; nay đến tháng 8 lúa đang chín, trời lại ra tai hạn hán khắp cả nước; trong một năm điềm tai dị mấy lần xuất hiện, nhân dân các làng [**18b**] phần nhiều thán oán, đó chẳng phải là chính sự lúc nầy có điều thiết sót mới sinh ra thế ư?

Nay trên ra lệnh bắt các huyện, xã, ở Thanh-hoa, theo đinh hạng kén chọn thêm binh lính. Thiết tưởng bây giờ không phải là lúc tuyển binh. Nay lệnh ấy đã ban ra, những kẻ có quyền thế ở địa phương nhân dịp lập công cố tuyển thêm lính thì nhân dân chịu sao nổi? Vậy xin bề trên để tâm kính trời thương dân, đình việc lấy thêm lính; nếu làm được như thế thì lòng dân vui, ý trời hợp, khí hòa gây nên điềm lành, sương ngọt xuống, lúa tốt lên, muôn dân được hưởng sự yên vui đầy đủ; thế nước được vững như Thái-sơn bàn-thạch, mà vương nghiệp truyền mãi không cùng».

Năm Mậu-ngọ (1618) ông lại dâng tờ khải điều trần 6 việc:

Digitized by Google

1 — Xin sửa đức chính để cầu [19a] mệnh trời.

2 — Xin đè nén kẻ quyền hào để giúp sức dân.

3 — Xin cấm phú dịch phiền-hà để đời sống của dân được no đủ.

4 — Xin bớt xa-xỉ để tài-sản của dân được dư dụ.

5 — Xin dẹp trộm cướp để dân được an-cư.

6 — Xin sửa sang quân chính để bảo vệ sinh mạng của dân.

Lời khải được Trịnh-vương khen ngợi và chấp nhận. Thần-tông lên ngôi, thăng ông làm Thượng-thư bộ Binh, bây giờ ông được 58 tuổi; ít lâu sau cho vào làm Tham-tụng (ở phủ chúa), trải thăng đến Thiếu-phó.

Mùa đông năm Đinh-mão (1627) ông mất, hưởng thọ 65 tuổi, được tặng Thái-phó tước Diễn quốc-công, tên thụy là Hòa-Nghĩa.

LƯU-ĐÌNH-CHẤT

Ông người làng Quỳ-chử, huyện Hoằng-hóa (Thanh-hóa) là con của công-thần Lâm quốc-công Lưu-Đình-Thưởng. Ông đã làm quan đến Cấp sự trung Lại khoa rồi năm 42 tuổi mới thi đỗ nhị giáp Tiến-sĩ đình nguyên khoa Đinh-mùi năm thứ 8 niên-hiệu Hoằng-định (1607) triều Kính-tông; [19b] được thực thụ Đô cấp sự trung.

Năm Quý-sửu (1613) ông được thăng Tự khanh, tước

Digitized by Google

Nhân-lĩnh bá, sung chính sứ sang Minh nạp cống; lúc về được thăng Tả thị-lang bộ Lại, tước hầu. Năm Ất-mão, nhân điềm tai dị mấy lần xuất hiện, ông cùng Lê-Bật-Tứ dâng tờ khải điều trần mọi việc nên làm.

Mùa đông năm Mậu-ngọ (1618) ông lại dâng tờ khải xin tu đức để dẹp điềm tai dị. Lời rằng:

PHIÊN ÂM

« Thiết văn thiên giáng tai tường tại đức dự phủ! Tác thiện tắc giáng chi dĩ tường, bất thiện tắc cảnh chi dĩ dị; nhi tu đức tắc vô tồn. Thị dĩ cổ nhân dĩ thiên tự xử, nhi trí cần ư thiên mệnh chi giáng. Hán Văn-đế khắc thừa thiên tâm, nhi tai dị tiêu nhị; Tống Cảnh-Công nhất phát thiện ngôn, nhi tai tinh thối xá. Quốc-gia tự khôi-phục dĩ lai, thiên địa vị ứng, mĩ tường vị chí, nhi tai dị điệp xuất.

Bản niên thu hậu thiên vũ hắc hồi nhi đương thời hủy ngôn tai dị, chỉ vi vũ mễ; khỉ chí hòa như Thiên Hoàng chi thế, nhi thiên vi vũ túc giả hồ? Thiên vũ hoàng sa, nhi thuật sĩ hảo tường thụy, chỉ vi vũ kim; khỉ hạnh thông như Hạ Vũ chi thế nhi thiên vi vũ kim giả hồ? Ý giả kỳ thị chi cảnh, hoặc vị tỉnh ngộ. Cửu nguyệt hạ tuần việt bản nguyệt thượng tuần dị tinh hiện vu đông nam phương, kiến giả vô bất hãi lật, vưu phi tiều dị dã; khủng hoặc đức chi vị tu, chính do khuyết thất nhi trí nhiên dư?

Kim chính sự sở hành [20b] *bất đãi vãng niên; mệnh lệnh chi bố, chư tướng bất thể thượng nhân khoan tuất chi*

Digitized by Google

ý, vụ hành hà ngược, kiệt dân tài sản. Sầu khổ chi thanh túc dĩ cảm động thượng thiên, nhi thiên cảnh chi dĩ tai dị. Nhân chủ đồ thị, nghi dĩ tự cảnh hỹ. Cung nguyện cẩn chi thiên giới, huệ dưỡng tiểu dân, phàm nhất hào hữu tiện ư dân giả hành chi, nhất tệ hữu phương ư dân giả khử chi; vưu nghi thi nhân chính ư dân; kinh thành phường phố chi dân sở đương tuất dã; tắc hiệu lệnh chư tướng, cấm tập nhương đoạt; Thanh-hoa tứ chính chi dân sở đương tuất dã, tắc thân sắc chư tướng, vật vi khuynh nhiễu. Như thử cận giả bị kỳ trạch nhi [21a] *duyệt, viễn giả văn kỳ phong nhi lai, tư đắc dân hỹ. Nhân tâm duyệt ư hạ, thiên đạo ứng ư thượng, tương kiến tai tinh chuyển vi cảnh tinh, lệ vũ biến vi cam vũ; chư phúc chi vật, vô bất tất chí, nhi vương đạo đại thành hỹ».*

DỊCH NGHĨA

«Trộm nghe: Trời giáng điềm giữ hay điềm lành là bởi người có đức hay không có đức: Làm điều thiện thì cho điềm lành, làm điều bất thiện thì cho điềm dữ để răn đe, mà tu đức thì không tôn hại. Bởi vậy người xưa làm việc gì cũng lấy trời làm chủ, mà rất cần trọng đối với mệnh trời. Xưa kia Văn-đế nhà Hán biết thừa thuận lòng trời mà điềm tai dị tiêu tan; Cảnh-Công nước Tống mới nói ra điều thiện mà sao tai dị lùi đi chỗ khác. Nước nhà từ khi khôi phục [21b] đến giờ, trời đất chưa thuận, điềm lành chưa tới mà điềm dữ xuất hiện luôn.

Mùa thu năm nay trời mưa xuống tro đen mà bấy giờ người ta kiêng không dám nói là điềm gỡ lại cho

Digitized by Google

là mưa ra gạo. Nhưng há phải là có đức chí hòa như đời Thiên Hoàng mà trời mưa ra thóc ư? Lại trời mưa xuống cát vàng mà bọn thuật sĩ cho là điềm hay bảo là mưa ra vàng, nhưng có phải là buổi hanh thông như đời Hạ Vũ mà trời mưa ra vàng đâu! Có lẽ trời đã răn bảo mà chưa tỉnh ngộ đó thôi. Cuối tháng chín sang đầu tháng nầy, sao lạ mọc ở phương đông-nam, ai trông thấy cũng sợ hãi, đây càng không phải là điềm dữ nhỏ. E có lẽ vì đức-nghiệp chưa sửa sang, chính sự còn có điều thiếu sót mà nên nỗi ấy chăng?

Nay chính sự thi hành [22a] không bằng năm trước; mệnh lệnh ban ra, các tướng không thể theo lòng khoan dung thương xót của người trên, chỉ chuyên làm việc khắc nghiệt, vét hết của cải của dân; những tiếng kêu sầu khổ đủ cảm-động đến trời, nên trời giáng điềm tai dị để cảnh-cáo. Bậc chủ-nhân của dân trông thấy thế nên tự răn mình vậy.

Cúi xin lượng trên kính cẩn coi trọng những điềm răn của trời mà thương dân, nuôi dân, bất cứ một việc nhỏ nào tiện cho dân cũng nên làm, một mối tệ nào hại cho dân cũng nên bỏ, lại càng nên thi nhân chính cho dân; phải thương dân kinh thành phường phố, ra lệnh cho các tướng cấm ngặt những việc bóc lột; phải thương dân tứ chiếng Thanh-hoa, ra lệnh cho các tướng chớ làm phiền nhiễu dân. Như thế thì người gần đội ơn [22b] mà mừng, người xa nghe tiếng mà đến; ấy là được lòng dân vậy. Dưới thì lòng người vui, trên thì đạo trời ứng, sao dữ sẽ biến thành sao lành, mưa độc sẽ hóa ra mưa ngọt; mọi phúc đều đến thì vương đạo thành đạt lớn lao vậy».

Digitized by Google

Đầu niên-hiệu Vĩnh-tộ ông được thăng đến Thị-lang bộ Hộ. Mùa hạ năm Quý-hợi, Trịnh-Xuân gây biến, phủ chúa náo động, Đình-Chất theo hầu Trịnh-vương (Thanh-vương Trịnh-Tráng) giúp bàn mưu-kế, dẹp bình hoạn nạn; nhờ có công ấy mà được thăng Đô ngự-sử, rồi phong Tá lý công-thần, cho vào phủ làm Tham-tụng và tiến lên Thượng-thư bộ Hộ, Thiếu-bảo, tước Phúc quận-công. Năm Đinh-mão (1627) ông mất, thọ 62 tuổi, được truy tặng Thiếu-sư.

NGUYỄN - NGHI

Ông người làng Vân-điềm huyện Đông-ngạn (Bắc-ninh) là con Nguyễn-Thực. Năm 32 tuổi ông thi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Kỷ-mùi năm thứ 20 niên-hiệu Hoằng-định (1619) triều Kính-tông. Năm Canh-ngọ niên-hiệu Đức-long, ông phụng sung phó sứ sang cống nhà Minh; năm Ất-dậu niên-hiệu Phúc-Thái (1645) được thăng Thượng-thư bộ Lễ, gia Thiếu-bảo, tước Dương quận-công, rồi được coi việc ở tòa Kinh-diên, kiêm Đại học-sĩ Đông-các và tế-tửu Quốc-tử giám.

Năm Quý-tỵ niên-hiệu Thịnh-đức (1653), ông được thăng Thượng-thư bộ Lại, gia Thiếu-phó, rồi vào làm Tham-tụng (ở phủ chúa).

Năm Đinh-dậu ông mất vừa 70 tuổi, được truy tặng Thái-phó, tên thụy là Cung-Ý.

Ông với cha là Nguyễn-Thực cùng làm quan một thời. Tính ông thuần cẩn, chuộng sự trong sạch kiệm ước, không lập sản-nghiệp; thanh-danh đức-nghiệp lớn-lao của ông bấy giờ ai cũng kính mộ.

Digitized by Google

[23a] DƯƠNG-TRÍ-TRẠCH

Ông người làng Bạt-trạc huyện Thiên-lộc (Hà-tĩnh). Năm 34 tuổi ông thi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Kỷ-mùi năm thứ 20 niên-hiệu Hoằng-định (1619); năm Canh-ngọ niên-hiệu Đức-long (1630) phụng sung chính-sứ sang cống nhà Minh, khi về được thăng Bồi-tụng.

Năm Giáp-thân niên-hiệu Phúc-thái (1644) ông làm Đốc-thị cùng với con chúa là Tây quận-công Trịnh-Tạc tiến đánh con cháu họ Mạc ở Cao-bằng, bắt được đảng giặc.

Đầu niên-hiệu Thịnh-đức, ông trải thăng đến Thượng-thư bộ Lễ, kiêm Thị-độc viện Hàn-lâm, tham dự công việc ở viện, được phong Dực vận tán trị công-thần, tước Bạt quận-công, bây giờ đã 68 tuổi.

Đầu thời trung-hưng kể từ chế khoa năm Giáp-dần niên-hiệu Thuận-bình (1554) đến năm Nhâm-thìn niên-hiệu Khánh-đức (1652) cộng 25 khoa, những người đỗ chưa có bia đề tên; đến nay ông vâng chỉ sưu lục tên họ và theo thứ tự trước sau mà khắc vào đá; khi làm xong [23b] việc long trọng nầy rồi được vào làm Tham-tụng (ở phủ chúa) và lên Thượng-thư bộ Hộ, gia Thiếu-bảo.

Năm Tân-sửu niên-hiệu Vĩnh-thọ (1661) ông đã 76 tuổi, xin về hưu, được thăng Thượng-thư bộ Lại, gia Quốc-lão thái-bảo.

Ông ở triều ơn 40 năm, trải hết các chức vụ, và ở viện

Digitized by Google

khu-mật rất lâu; tính cương-trực, giữ phép nước, không ai thỉnh thác điều gì được; bàn việc gì tuy tỏ ra nghiêm-khắc nhưng theo lẽ công bình, giữ mực ngay thẳng; bây giờ ai cũng khen là danh thần. Ông về hưu được hơn năm thì mất, hưởng thọ 77 tuổi, được truy tặng Thái-tể.

ĐẶNG - THẾ - KHOA

Ông người làng Lương-xá huyện Chương-đức (Hà-đông), là cháu Nghĩa quốc-công Đặng-Huấn; có văn học, trí lược, được Nguyên-soái Trịnh-Tráng để ý. Đương sơ, do dòng-dõi nhà tướng ông được để bạt vào hàng võ; đầu niên-hiệu Đức-long, được phong [24a] Liêm quận-công. Năm Giáp-thân niên-hiệu Phúc-thái (1644) ông vâng mệnh kiêm trấn hai xứ Sơn-tây và Sơn-nam; năm Ất-dậu ông tiến đánh ngụy Mạc ở Thái-nguyên, phá tan quân giặc, được gia chức Tả đô-đốc, năm Đinh-hợi (1647), đổi làm Tả thị-lang bộ Hộ, và sung bồi tụng dự bàn việc nước. Đầu niên-hiệu Thịnh-đức, các viên-chức phủ liêu đều bị kiện vì ăn hối lộ và bị đình nghị giáng chức, chỉ một mình ông vô can, được chúa Trịnh rất khen ngợi, thăng lên Thượng-thư bộ Binh, vào làm Tham-tụng (ở phủ chúa), cùng với Nguyễn-Nghi, Dương-Trí-Trạch đều làm tể-tướng.

Ông cầm quyền chính được 4 năm, giữ phép công-minh, không a dua, tư vị. Tháng 2 năm Bính-thân (1656) ông mất, hưởng thọ 64 tuổi.

Thế-Khoa là con nhà huân-phiệt mà học vấn rộng rãi, giữ mình trong sạch, kiệm ước. Bọn người chạy chọt không

Digitized by Google

một ai dám bén mảng tới cửa ông. Bây giờ ai cũng ngợi khen. Sau khi mất được truy tặng [24b] Thiếu-bảo, gia phong Phúc thần.

PHẠM-CÔNG-TRỨ

Ông người làng Liêu-xuyên, huyện Đường-hào (Hải-dương). Cha ông là nhà nho đức hậu, được thần cho ngôi đất quý, bèn dời mộ tổ đến đó. Công-Trứ lớn lên nhà nghèo, toan đi phương khác kiếm ăn; một hôm nằm chiêm bao thấy thần bảo: «Ông đến lúc muộn mới làm nên». Nhân hiểu ra, ông cố gắng học hành; năm 27 tuổi thi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Mậu-thìn (1628) vào niên-hiệu Vĩnh-tộ triều Thần-tông, được sơ bổ Thái-thường tự khanh. Năm Nhâm-ngọ niên-hiệu Dương-hòa (1642) ông được cử làm Tán lý đạo Sơn-nam, cùng với trấn quan chuyên giữ việc biên phòng; đầu niên-hiệu Phúc-thái được về làm phó Đô ngự-sử, gia tước bá, rồi thăng Đô ngự-sử.

Năm Đinh-dậu niên-hiệu Thịnh-đức (1657) ông được thăng Thượng-thư bộ Lễ, tước Yên quận-công [25a] gia Thiếu-bảo, kiêm Đại học-sĩ Đông-các.

Năm Nhâm-dần niên-hiệu Vạn-khánh (1662) ông trông coi Quốc-tử giám, cho tô công-đường, xây tường nhà, định ngày mồng một và ngày rằm hội họp các học trò; lại làm phán thủy đường (nhà quốc-học) ở giữa hồ đàng trước, mời khách đến làm thơ. Do đó văn phong phấn phát, tập tục sĩ-phu ngày một đổi mới.

Đầu niên-hiệu Cảnh-trị ông được thăng Thượng-thư bộ

Digitized by Google

Lại, vào làm Tham-tụng (ở phủ chúa), được Dương-vương Trịnh-Tạc tín-nhiệm, nói gì cũng nghe theo. Ông ban bố các điều lệ giáo hóa, phép khảo khóa (sát hạch quan lại), biểu dương người hiếu đễ, khen thưởng người tiết nghĩa, kiểm xét sổ đinh điền, định lại ngạch thuế, do đó quy-mô chế-độ được rõ ràng đầy đủ.

Năm Mậu-thân, 69 tuổi, ông xin về hưu. Chúa quyến luyến dỗ dành cố lưu lại, ông kêu nài mãi, đến mấy lần chúa mới cho. Ông được thăng Thái-bảo, gia Quốc-lão, tham dự triều chính. Chúa ban cho ông đôi câu đối thêu vào lá cờ như sau :

NGUYÊN VĂN

調鼎羅燮陰陽朝庭柱石
完規模定號令國家棟樑

PHIÊN ÂM

— *Điều đỉnh nại, nhiếp âm dương, triều-đình trụ thạch ;*
— *Hoàn quy mô, định hiệu lệnh, quốc gia đống lương.*

DỊCH NGHĨA

— Nêm canh đỉnh vạc (1), điều hòa âm dương (2), làm trụ thạch cho triều-đình ;

(1) Nêm canh đỉnh vạc : Ý nói làm tể-tướng, ví như người đầu bếp nấu canh phải điều hòa, gia vị làm sao cho vừa ăn, không lạt quá, cũng không mặn quá.

(2) Điều hòa âm dương : Nói về quyền hành của tể-tướng.

Digitized by Google

— Hoàn thành quy mô, định ra hiệu lệnh, là rường cột của nhà nước.

Và một câu nữa:

NGUYÊN VĂN

尚書掌印六垂紳縉笏九廟莫安
天下達尊三偉績嘉言朝庭專望

PHIÊN ÂM

— *Thượng-thư chưởng ấn lục, thùy thân tấn hốt, cửu miếu điện an;*

— *Thiên hạ đạt tôn tam, vĩ tích gia ngôn, triều-đình chuyên vọng.*

DỊCH NGHĨA

— Làm chức Thượng-thư một mình giữ sáu ấn, mang đai cầm hốt, chín miếu được yên;

— Gồm ba thứ tôn quí (1) nhất của thiên hạ, công lớn nói hay, triều-đình trông cậy.

Đó là những lời khen ngợi, quý trọng ông rất mực. Công-Trứ có làm bài thơ lưu giản; các triều thần có đến

(1) Ba thứ tôn quí (tam tôn) là: tước, tuổi, và đức.

Digitized by Google

hơn 50 người ở 5 phủ, 6 bộ (1) 6 tự (2) các khoa (3) đạo (4) và viện Hàn-lâm, Đông-các đều họa lại, và các bài họa đều viết vào lụa. Tiệc rượu tiễn chân được đặt tại đình ở bờ sông, và từ đó trở thành thường lệ.

Năm Quý-mùi niên-hiệu Dương-đức (1673), ông lại ra giữ việc sáu bộ, tham tán các việc cơ mật. Năm Ất-mão niên-hiệu Đức-long (1675) ông mất, hưởng thọ 76 tuổi, được truy tặng Thái-tể, tên thụy là Kinh-Tế.

Ông là người thâm trầm giản dị và trọng hậu, ra đảm đương việc nước [25b] 19 năm, đặt ra phép tắc, gây dựng kỷ cương, đè nén những kẻ ỷ thế nhũng lạm, ưa chuộng những người có phong cách tiết tháo, được đời khen là bậc tể-tướng có tiếng tốt. Ông là người ham đọc sách chăm học đến già vẫn không mỏi. Có đức vọng và sự-nghiệp lớn lao ông là vị hiền tể bậc nhất sau đời trung-hưng. Con ông là Công-Phương đỗ Tiến-sĩ khoa Canh-thân, niên-hiệu Vĩnh.trị (1680), làm quan đến chức Cấp sự trung.

TRẦN-ĐĂNG-TUYỂN

Ông người làng Hoàng-mai huyện Yên-dũng (Bắc-giang); năm 27 tuổi thi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Canh-thìn năm thứ 6

(1) 6 bộ : Bộ Lại, bộ Hộ, bộ Lễ, bộ Binh, bộ Hình và bộ Công.

(2) 6 tự : Hồng-lô tự, Quang-lộc tự, Đại-lý tự, Thái-thường tự...

(3) Khoa : Tức 6 khoa cấp sự trung cạnh 6 bộ.

(4) Đạo : Các đạo Ngự-sử thuộc viện Đô-sát.

Digitized by Google

niên-hiệu Dương-hòa (1640) triều Thần-tông, rồi đổi tên là Đăng-Tiến. Năm Đinh-dậu niên-hiệu Thịnh-đức (1657), chúa sai tướng đi đánh miền Nam, đặc cử ông làm đốc-thị coi quân của Phú quận-công Trịnh-Căn và sai hiệp đồng với Trịnh-Căn mà tham tán việc quân. Năm Tân-sửu niên-hiệu Vĩnh-thọ (1661) Triều-đình luận công bình định, ông đương làm Hữu thị-lang bộ Binh được thăng Đô ngự-sử và phong tước tử. [26a] Trịnh-Tạc nghĩ ông tham gia việc quân đã lâu, đặc cách ban tước Xuyên quận-công và cho vào làm bồi tụng (ở phủ chúa). Năm Giáp-thìn niên-hiệu Cảnh-trị (1664), triều-đình đặt chính quan (quan đứng đầu) 6 bộ, ông được thăng Thượng-thư bộ Lễ; nhưng chưa được bao lâu, triều-đình khảo công, xét ra có lỗi nên ông bị giáng làm Tả thị-lang bộ ấy.

Mùa hạ năm Kỷ-dậu (1669) ông lại được thăng Thượng-thư bộ Binh, cùng với Phương quận-công Vũ-Duy-Chí, Thượng-thư bộ Lễ, đều gia chức Tham-tụng tể-tướng, bấy giờ ông đã 57 tuổi.

Năm Quý-sửu niên-hiệu Dương-đức ông mất, thọ 60 tuổi. Ông là người trầm tĩnh, cương quyết, ngay thẳng, học thức rộng rãi. Trong cuộc nam chinh, mưu kế phần nhiều do ông trù hoạch. Đời làm quan của ông điềm tĩnh, không bè phái, không a dua. Sau khi mất ông được truy tặng Hộ-bộ Thượng-thư, Thiếu-bảo, tên thụy là Nhã-Lượng.

[26b] VŨ-DUY-CHÍ

Ông người làng Mộ-trạch, huyện Đường-an. Mẹ ông có

Digitized by Google

âm đức về việc trả lụa cho người bỏ quên, ai cũng khen là người hiền lành. Bà sinh được 5 con: hai con đỗ khoa giáp (con thứ hai là Bạt-Tụy đỗ Hoàng-giáp khoa Giáp-tuất, con thứ 5 là Cầu-Hối đỗ Tiến-sĩ khoa Kỷ-hợi); hai con làm công-thần (con đầu là Tự-Khoái làm công-thần khi Dương-vương Trịnh-Tạc chưa làm chúa, sau lên đến chức Thị-lang; con thứ tư là Phương-Trượng làm quan đến Thượng-thư, phong công-thần, tước quận-công); Duy-Chí là con thứ ba, có văn học, thông hiểu công việc nha lại, tính cẩn thận kín đáo, có cơ mưu, được Trịnh-Tạc quý mến. Thuở ấy Trịnh-Tạc phía nam chống Thuận-hóa, phía tây đánh Cao-bằng, ông cầm cương ngựa đi theo, khi vượt biển vận lương, khi trèo non đốc chiến, quân công rực rỡ, cho nên càng ngày càng được yêu chuộng.

Khoảng niên-hiệu Cảnh-trị, ông được đặc thăng Thượng-thư bộ Lễ, tước Phương quận-công. Năm Kỷ-dậu ông cùng Trần-Đăng-Tuyền được vào làm Tham-tụng (ở phủ chúa). Khi ông làm tể-tướng, triều thần có người chê ông do chân lại mà ra. Trịnh-Tạc nghe nói bèn thuật lại chuyện Tiêu, Tào, Phòng, Đỗ (1) ngày xưa để dẹp lời dị nghị của kẻ dưới. Chúa tin dùng ông đến như thế đó.

Duy-Chí bẩm tính trọng-hậu chất-phác, ngay thẳng, giữ mình đứng đắn, không a-dua. Gặp ngày Nguyên-đán, phủ chúa truyền chỉ cho hai ban văn võ khi chầu vua xong

(1) Tiêu, Tào, Phòng, Đỗ: Tiêu-Hà, Tao-Tham tướng quốc đời Hán Cao-tổ, và Phòng-Huyền-Linh, Đỗ-Như-Hối, tể-tướng đời Đường Thái-tông đều từng làm chức lại.

Digitized by Google

đều để nguyên phẩm phục sang phủ lạy mừng. Ông bèn nói ngay: « Nhà chúa xưa nay vẫn một niềm tôn phò nhà vua. Vậy ngày lễ hôm nay chỉ nên cho mặc áo rộng xanh, không nên vội dùng triều phục, sợ trái lệ cũ ». Thế rồi lệnh chỉ truyền ra được bãi bỏ ; việc ấy đủ chứng tỏ ông là người dám nói những điều mà người khác không dám nói ra, có phong-độ như bậc gián thần đời xưa vậy.

Năm Bính-thìn niên-hiệu Vĩnh-trị (1676), được 73 tuổi, ông về hưu [27a] được gia thăng Thượng-thư bộ Lại, Quốc-lão thiếu-phó. Chúa cho đôi câu đối thêu vào lá cờ như sau:

NGUYÊN VĂN

一代宗臣蕭相國
兩朝元老趙翰王

PHIÊN ÂM

Nhất đại tông thần Tiêu Tướng-quốc ;
Lưỡng triều nguyên lão Triệu Hàn-vương.

DỊCH NGHĨA

Làm quan đầu triều một đời như Tướng-quốc Tiêu-Hà ;

Trải chức Nguyên lão hai triều như Hàn-vương Triệu-Phổ (1).

(1) Hàn-vương Triệu-Phổ : Ở đời Tống Thái-tổ.

Digitized by Google

Năm Mậu-ngọ ông mất, thọ 75 tuổi, được truy tặng Thái-phó.

(Con ông là Bật-Hài đỗ Tiến-sĩ khoa Kỷ-hợi niên-hiệu Vĩnh-thọ, hai cha con cùng làm quan đồng triều).

Lời án: Khoảng từ đời Hoằng-định đến Dương-hòa, Thịnh-đức (1601 – 1657) là lúc triều-đình lắm việc, phải tu chính ở bên trong, dẹp loạn ở bên ngoài; thời ấy lên làm tể-tướng thường là bậc danh thần có đức-vọng, tài-trí, như hai ông Huân-nội (Nguyễn-Danh-Thế) và Yên-lãng (Nguyễn-Duy-Thì), lão luyện, sáng suốt, tài giỏi và quả quyết, có công lao sự-nghiệp rạng rỡ được người đương thời khen và liệt vào bậc nhất. Thứ đến ông Lê-Bật-Tứ ở Cổ-định, Lưu-Đình-Chất ở Quỳ-chử, từng bày tỏ mưu hay, giúp ích rất nhiều. Lại như Nguyễn-Nghi ở Vân-điềm [27b] là người trong sạch thuần-hậu, nhiếp phục những người nhã kẻ tục, Dương-Trí-Trạch ở Bạt-trạc là người trung trực nêu cao phong-độ cho mọi người noi theo mà sửa mình; Đặng Lương-xá (Thế-Khoa) công bằng liêm chính không để cho ai mua chuộc. Nói tóm lại, mỗi người có sở trường của mình; trong khoảng hơn 60 năm, nối tiếp nhau giữ then máy chính-quyền, đồng lòng phò tá, nên bên trong trừ được hoạn-nạn, bên ngoài giữ vững biên-cương, giúp vua chúa nên công bình trị; sự-nghiệp kể cũng to lớn vậy.

Đến thời Cảnh-trị – Dương-đức (khoảng 1663 – 1674), thiên hạ được trị yên, chính là lúc phải sửa sang việc nước, thì có Phạm Liêu-xá (Công-Trứ) ra chấn chỉnh

Digitized by Google

khuếch trương chính sự; pháp độ sửa sang, công danh rực-rỡ; sự-nghiệp tể-tướng như thế thật là thành tựu hoàn toàn. Còn như hai ông Trần (Đăng-Tuyền), Vũ (Duy-Chí) do công đánh giặc vào làm tể-tướng, mà khuôn phép ở triều-đình cũng khả quan nên chép luôn ở đây.

[28a] NGUYỄN-MẬU-TÀI

Ông người làng Kim-sơn, huyện Gia-lâm; năm 31 tuổi thi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Bính-tuất niên-hiệu Phúc-thái (1646) triều Chân-tông. Niên-hiệu Dương-đức ông làm Đô ngự-sử, tước An-lĩnh nam, phụng sung chánh sứ sang cống nhà Thanh; khi về được thăng Thượng-thư bộ Hình, tước tử, rồi lại làm Thượng-thư bộ Binh.

Năm Bính-thìn niên-hiệu Vĩnh-trị (1676), ông được cùng với Hồ-Sĩ-Dương — Thượng-thư bộ Công — vào làm Tham-tụng (ở phủ chúa); ít lâu sau lại được làm Thượng-thư bộ Lễ, rồi nhậm chức tể-tướng sáu năm, được khen là không lầm lỗi.

Mùa thu năm Nhâm-tuất niên-hiệu Chính-hòa (1682) ông làm Tham-tụng ở Thanh-hoa, vì Nguyễn-Viết-Đương dàn hặc mà bị cất chức tướng, giáng làm Tả thị-lang bộ Hộ.

Năm Ất-sửu (1685) ông được đặc cách thăng Thượng-thư bộ Công, chưa bao lâu lại vào (phủ chúa) làm Tham-tụng, gia tước An-lĩnh bá. Bấy giờ ông đã 70 tuổi xin về hưu, Trịnh-Căn ban cho năm chữ «kỳ bàng (hay kỳ thạc) trấn nhã tục» nghĩa là: Bậc lão thành từng trải đáng làm

Digitized by Google

gương cho người nhã kẻ tục [28b] và quyến luyến giữ lại không cho về. Đến năm Mậu-thìn ông đã 73 tuổi lại xin về hưu, nhưng chưa kịp về thì mất, được truy tặng Lễ bộ Thượng-thư, hàm Thiếu-bảo.

Mậu-Tài là người trong sạch, thuần nhã, trọng hậu, đối với mọi người chưa bao giờ gây oán. Thời bây giờ ai cũng tôn xưng là người có đức và độ lượng.

(Em ông là Mậu-Thiện thi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Tân-mùi niên-hiệu Chính-hòa, làm quan đến Phó đô bồi-tụng. Con là Duy-Viên đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Giáp-tuất niên-hiệu Chính-hòa, làm đến Thiêm đô ngự-sử. Cháu là Khiêm-Ích có truyện ở sau).

ĐỒNG - TÔN - TRẠCH

Ông người làng Triền-dương huyện Chí-linh. Người ông bác của ông là Đồng-Hãng có tiếng là bậc tài học, đỗ Tiến-sĩ triều Quang-bảo (1554 — 1561) đời Mạc (Phúc-Nguyên), làm quan đến Thượng-thư rồi qui thuận nhà Lê. Ông nội của ông là Đồng-Đắc cũng nối nghiệp đăng khoa. Học vấn của Tôn-Trạch do nền-nếp gia giáo đào tạo nên. Năm 31 tuổi, ông thi đỗ đồng Tiến-sĩ [29a] khoa Bính-tuất năm thứ 4 niên-hiệu Phúc-thái (1646) đời Chân-tông, khi vào ứng chế được chấm đỗ đầu, rồi được sơ bổ Đô cấp sự; năm Giáp-thìn niên-hiệu Cảnh-trị (1664), được thăng Tả thị-lang bộ Hộ, tước tử. Năm Ất-tỵ được đổi sang Tả thị-lang bộ Công; năm Kỷ-dậu (1669) lại đặc thăng Đô ngự-sử, rồi bị bãi chức.

Digitized by Google

Năm Quý-sửu niên-hiệu Dương-đức (1673), ông lại được bổ dụng làm Tả thị-lang bộ Hình. Năm Quý-hợi niên-hiệu Vĩnh-trị ông do chức Thượng-thư bộ Hộ, vào làm Tham-tụng (ở phủ chúa), tước Nghĩa-trạch hầu. Năm Tân-mùi (1691) ông 75 tuổi, về hưu. Tồn-Trạch từng bị bãi chức rồi lại khôi phục, phẩm cách của ông càng cao hơn trước. Ông cầm quyền chính 9 năm, nhà không có của thừa, được người đương thời khen là trong sạch. Ông về hưu hơn một năm thì mất, được truy tặng Lại bộ Thượng-thư, Thái-bảo, Nghĩa quốc-công.

[296] NGUYỄN-VIẾT-THỨ

Ông người làng Sơn-đồng, huyện Đan-phượng (Hà-đông). Năm 21 tuổi thi đỗ nhị giáp Tiến-sĩ đình nguyên khoa Giáp-thìn năm thứ hai niên-hiệu Cảnh-trị (1664) đời Huyền-tông, vào ứng chế được hợp cách.

Năm Bính-thìn niên-hiệu Vĩnh-trị (1676) làm chức Bồi-tụng. Đô cấp sư trung Lại khoa; rồi dự trúng thứ 2 khoa thi Đông-các, được thăng Hiệu-thư Đông-các.

Năm Tân-mùi niên-hiệu Chính-hòa (1691) ông 48 tuổi, được thăng Thượng-thư bộ Hình, tước Mai-sơn nam, rồi vào (phủ chúa) làm Tham-tụng. Năm sau ông mất, được tặng Lại bộ Thượng-thư, tước tử.

Khi ông cầm quyền chính giữ phép nước không tư vị, hay tiến dẫn người tài giỏi, thực là bậc danh thần thời bấy giờ.

Digitized by Google

NGUYỄN-QUÁN-NHO

Ông người làng Văn-hà, huyện Thụy-nguyên (Thanh-hóa). Năm 30 tuổi, ông thi đỗ đồng Tiến-sĩ [**30a**] khoa Đinh-mùi năm thứ 5 niên-hiệu Cảnh-trị (1667) đời Huyền-tông. Năm Giáp-tý niên-hiệu Chính-hòa (1684) ông làm phó Đô ngự-sử; năm Tân-mùi (1691) được thăng Tả thị-lang bộ Lại. Mùa đông năm Nhâm-thân (1692), ông được thăng Đô ngự-sử; năm sau thăng Thượng-thư bộ Binh, rồi cùng Lê-Hy — Thượng-thư bộ Hình — được vào (phủ chúa) làm Tham-tụng. Bây giờ ông 56 tuổi, làm Tể-tướng 5 năm. Ông bẩm tính giản dị, việc gì cũng không giấu giếm.

Mùa thu năm Bính-tý (1696), Triều-đình thi các quan trong ngoài, chúa Trịnh (Căn) triệu ông bảo nghĩ đầu bài và dặn giữ bí mật; ông nói chuyện với người quen không ngờ hơi lộ, bị một hoạn quan ở phủ cáo giác, chúa giận lắm, bãi chức tướng, giáng ông làm Tả thị-lang bồn bộ. Hôm sau Đô ngự-sử Nguyễn-Quý-Đức cũng phạm lỗi bị giáng chức, chúa đổi ông thay chức ấy. Ông nhận chức ở đài Ngự sử được 7 năm. Mùa thu năm Nhâm-ngọ (1702) ông được phục chức cũ, lại làm tể-tướng [**30b**] rồi làm Thượng-thư bộ Lễ, coi việc tòa Trung-thư, tước Hương-giang bá. Ông với Lê-Hy ở Thạch-khê cùng làm tể-tướng, nhưng ông Lê bẩm tính đố kỵ nghiêm khắc còn ông thì giữ đại thể, xử sự khoan hậu, thiên hạ được nhờ. Người thời bấy giờ có câu ca dao:

« Thượng-thư Lê-Hy, thiên hạ sầu bi;
Tể-tướng Văn-Hà, thiên hạ âu ca ».

Digitized by Google

Năm Đinh-hợi niên-hiệu Vĩnh-thịnh (1707) ông 70 tuổi, về hưu, qui nhàn hơn một năm thì mất, được truy tặng Lại bộ Thượng-thư, tước Quận-công.

ĐẶNG-ĐÌNH-TƯỚNG

Ông người làng Lương-xá, huyện Chương-đức (Hà-đông) là cháu 5 đời của Trung-hưng công-thần Đặng-Huấn, con quan võ Yên quận-công Liễu. Ông thi hương đỗ Giải-nguyên, năm 22 tuổi lại đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Canh-tuất năm thứ 8 niên-hiệu Cảnh-trị (1670) đời Huyền-tông, do dòng-dõi huân-phiệt ra làm quan trong triều được chúa để ý đến.

Năm Đinh-sửu niên-hiệu Chính-hòa (1697) ông vâng mệnh sung phó sứ sang cống Thanh. Năm Ất-dậu (1705) ông làm chức Bồi-tụng, Tả thị-lang bộ Lại, tước nam. Chúa Trịnh-Căn thấy ông biết việc binh mới đổi sang chức Đô-đốc hàng võ, cho ra trấn ở Sơn-nam, phong tước Ứng quận-công, rồi trải thăng đến Tả thị-lang (Tả Đô-đốc?) phủ Đô-đốc Tây quận, tạm coi việc phủ, được gia Thiếu-phó, phong Tá lý công-thần, và được mở dinh quân Tiền-hòa. Năm Mậu-tuất niên-hiệu Vĩnh-thịnh (1718) ông được gia Thái-phó, tham dự triều chính, lên Quốc-lão rồi về hưu.

Mùa hạ năm Canh-tuất (1730), khi ân thưởng cho các thần liêu, Trịnh-Cương nghĩ ông có công giảng dạy, mới đặc cách vinh thăng và tôn lên [31a] hàng ngũ lão

Digitized by Google

(1); ít lâu sau lại phục chức cho giữ việc phủ Đô-đốc. Lúc ấy Thuận-vương (Trịnh-Giang) mới được lập làm thế-tử, ông dâng 8 thiên «Thuật cổ quy huấn» (2) bày đủ ý khuyên răn xin chúa ban cho thế-tử, được chúa đặc biệt khen thưởng; mấy lần ban cho áo chăn, bàn kỷ, gậy và thóc, lụa cùng ruộng lộc; và bảo thỉnh thoảng vào phủ chúa coi công việc. Mỗi lần vào, ông được chúa đãi ăn. Năm 80 tuổi, ông được gia Đại Tư-mã rồi lại được về hưu.

Năm Ất-mão niên-hiệu Long-đức (1735), 87 tuổi, ông mất, được truy tặng Đại Tư-không, và phong làm phúc thần.

Ông tuổi trẻ làm quan lên đến chức vị cao sang; trong khoảng ngót 70 năm, từng trải mấy triều, trở nên bậc kỳ cựu, công danh phẩm-vọng hơn cả các quan. Ba con và một cháu của ông đều lấy quận chúa, một nhà quý thịnh, người ta gọi ông là Tiên Quốc-lão.

NGUYỄN - QUÝ - ĐỨC

Ông người làng Thiên-mụ, huyện Từ-liêm (Hà-đông) đỗ khoa sĩ vọng; năm 29 tuổi lại đỗ Đình nguyên nhất giáp Tiến-sĩ đệ tam danh khoa Bính-thìn năm đầu niên-hiệu Vĩnh-trị (1676) đời Hy-tông.

---

(1) Ngũ-lão: Đời Tống Nhân-tông có 5 ông quan già từ 87 đến 97 tuổi về hưu thường hội họp làm thơ xướng họa với nhau, gọi là Thư-dương ngũ lão hội.

(2) Thuật cổ quy huấn: Thuật lại lời khuyên răn của người đời xưa.

Digitized by Google

Năm Canh-ngọ niên-hiệu Chính-hòa (1690) ông phụng sung chính sứ sang cống Thanh; mùa thu năm Giáp-tuất (1694) thăng Tả thị-lang bộ Lễ, vào làm Bồi-tụng trong phủ (chúa), tước Liêm-đường bá. Mùa đông năm sau ông được thăng Đô ngự-sử. Mùa thu năm Bính-tý, vì luận đoán công việc không đúng ông bị giáng làm Tả thị-lang bộ Binh, nhưng vẫn làm Bồi-tụng.

Năm Mậu-dần (1698) ông được đổi sang Tả thị-lang bộ Lại; năm Mậu-tý niên-hiệu Vĩnh-thịnh được thăng Thượng-thư bộ Binh, vào làm Tham-tụng, lên tước Liêm quận-công, và gia phong Tá-lý công-thần, kiêm Đại học-sĩ Đông-các, bấy giờ 61 tuổi. [31b] Khi làm tể-tướng ông cấm việc phiền hà, tha cho người trốn tránh và thiếu thuế, bớt sai dịch, thương giúp nhà nông; dân được nhờ ơn.

Mùa xuân năm Tân-mão (1711) An-vương Trịnh-Cương mới lên, có họp bàn để định chế-độ thờ tự ở nhà tôn miếu; chúa vốn là chắt của Khang-vương (Trịnh-Căn) nên khi lên nối ngôi, truy phong ông nội là Quốc tể-công (Trịnh-Vịnh) làm Tương-mục vương, cha là Tham Tể-công (Trịnh Bính) làm Tấn Quang-vương (1). Bấy giờ có lời bàn nên thờ hai vị ấy ở miếu riêng, ông nói: «Hai vị ấy đều thuộc dòng đích trưởng, đức dày còn mãi, muôn đời

(1) Nguyên con trưởng của chúa Trịnh-Căn là Trịnh-Vịnh chết sớm, chúa lập con thứ là Trịnh-Bách làm thế-tử; Bách chưa làm chúa đã chết, nên lấy con trưởng Trịnh-Vịnh là Trịnh-Bính làm thế-tử. Bính chưa làm chúa đã chết, nên lấy Trịnh-Cương là con trưởng Trịnh-Bính làm thế-tử.

Digitized by Google

vẫn là chúa thì thờ ở cung miếu (1) là phải lẽ». Nhân thể ông trình bày 5 điều không nên thờ miếu riêng, được chúa nghe theo; lời bàn mới quyết định. Năm Giáp-ngọ (1714) chúa xét công ân thưởng, ông cùng Đặng-Đình-Tướng đều được thăng Thiếu-phó.

Năm Đinh-dậu (1717), 71 tuổi, ông xin về hưu, dâng khải lên hai lần [32a] nhưng chúa vẫn lưu-luyến không cho. Ông lại làm bài khải cố xin, có câu rằng: «Tuy triều-đình có đạo, không có hạng người nghiêng mắt lườm mà chê ghét như Công-Tôn (2), nhưng làm quan đã nên danh rồi, nguyện nhớ lời răn «tri túc» (3) của Lão-Tử...» lời lẽ rất khẩn thiết, chúa mới bằng lòng cho về, gia Thái-phó Quốc-lão, tham dự chính sự. Chúa lại ban thơ cùng xe, ngựa, ruộng lộc, ân sủng rất hậu. Sau khi về hưu ông dạo chơi chốn quê hương, dựng đình Lạc-thơ ở bờ sông để làm nơi tiêu khiển, và tiêu-dao nơi cảnh khe rừng, noi dấu Hương-sơn (4), Lạc-xã (5) ngày xưa. Ông cùng Quốc-

(1) Cung miếu: Miếu thờ các chúa Trịnh.

(2) Công-Tôn: Đời Hán Vũ-đế, Viên-Cố đã 90 tuổi, về hưu rồi lại được vua vời ra làm quan. Công-Tôn-Hoằng nhìn Viên-Cố bằng con mắt ghen ghét nên bị người chê.

(3) Tri túc: Tự biết là đủ. Lão Tử có câu: «Tri túc bất nhục» nghĩa là: Tự biết là đủ thì không nhục.

(4) Hương-sơn: Bạch-Cư-Dị ở đời Đường từng làm quan đến Thượng-thư bộ Hình, lúc về hưu làm bạn với sư ở Hương-sơn, tự xưng là cư-sĩ.

(5) Lạc-xã: Văn-Ngạn-Bác ở đời Tống, hội họp các ông quan già, uống rượu, ngâm thơ, cùng vui với nhau. Người thời bấy giờ gọi là hội kỳ-anh ở Lạc-dương.

Digitized by Google

lão Đặng (Đình-Tướng) qua lại xướng họa làm vui; có câu thơ rằng: « Trạo phiếm Ninh giang phi Mụ dã » nghĩa là: Chèo thuyền chơi sông Ninh, thả diều đồng làng Mụ. Tình ý thật cao siêu phóng dật; thời ấy ai cũng hâm mộ, ngợi khen.

Mùa hạ năm Canh-tý (1720) ông mất, [32b] thọ 73 tuổi. Ông là người khoan hậu, trầm-tĩnh, thường ngày thù tiếp ân cần vui vẻ, dễ dàng với mọi người; nhưng khi bàn luận trước mặt chúa, việc gì chưa thỏa đáng, ông cố giữ ý kiến mình, nêu ra bàn lại đến vài bốn lần, không ai ngăn được. Ông làm văn, không cần trau chuốt mà ý tứ tinh mật. Triều-đình có những chế-tác gì trọng đại, phần nhiều do tay ông thảo ra. Ông làm Tể-tướng 10 năm, về chính sự chỉ chuộng điều khoan hậu. Việc sửa sang nhà học, dựng bia tiến-sĩ, đều được ông thân hành trông coi cho đến khi hoàn thành tốt đẹp. Bàn đến ông ai cũng ngợi khen. (Sau khi ông mất) triều-đình tặng Thái-tể và truy phong Đại-vương.

(Con ông là Quý-Ẩn đỗ Hoàng-giáp khoa Ất-mùi niên-hiệu Vĩnh-thịnh, làm Tư-giảng cho Thuận-vương Trịnh-Giang, sau được truy phong Đại-vương. Cháu trưởng là Cảnh, được tiến vào triều, làm quan đến Tham-tụng, có truyện ở sau).

[33a] LÊ-ANH-TUẤN

Ông tên hiệu là Địch-Hiên, người làng Thanh-mai, huyện Tiên-phong (Sơn-tây); lúc trẻ đã nổi tiếng về văn-chương; năm 24 tuổi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Giáp-tuất năm thứ 5 niên-hiệu Chính-hòa (1694) triều Hy-tông.

Digitized by Google

Năm Ất-mùi niên-hiện Vĩnh-thịnh (1715), ông phụng sung chính sứ sang cống Thanh, rồi trải thăng Tả thị-lang bộ Hộ, vào làm Bồi-tụng ở phủ chúa; mùa hạ năm Mậu-tuất vào hầu giảng ở tòa Kinh-diên, được phong tước Điện-thành nam.

Năm Canh-tý (1720) triều-đình khảo công trạng của các quan văn võ trong 10 năm, ông dự hàng đầu, được đặc cách thăng Thượng-thư bộ Hình, tước Điện quận-công; rồi được cùng Nguyễn-Công-Hãng và Nguyễn-Công-Cơ vào làm Tham-tụng (ở phủ chúa), năm ấy ông đã 51 tuổi. Bấy giờ Nhân-vương (Trịnh-Cương) đang hết lòng mưu việc trị nước, ông và Công-Hãng có nhiều sáng kiến; pháp lệnh lúc ấy có thể gọi là rõ ràng đầy đủ. Năm Bính-ngọ niên-hiệu Bảo-thái (1726) ông được [33b] gia Thiếu-bảo, kiêm Đại học-sĩ Đông-các. Năm Canh-tuất niên-hiệu Vĩnh-khánh (1730), Thuận-vương lên kế vị, xét việc ân thưởng, ông được thăng Thượng-thư bộ Hộ, gia Thái-tử thái-bảo.

Mùa đông năm Nhâm-tý (1732), ông ra làm Đốc-trấn Lạng-sơn và Thái-nguyên.

Ông làm tể-tướng lâu ngày về sau có ý chuyên quyền; Thuận-vương từ lâu đã không bằng lòng. Nhân có người dèm pha rằng: Lúc trước ông cùng Nguyễn-Công-Hãng mưu thay đổi ngôi chúa, Thuận-vương càng thêm nghi kỵ. Năm Giáp-dần (1734) ông bị giáng làm Thừa chính sứ Lạng-sơn. Năm Bính-thìn (1736), chúa bắt ông phải chết; bấy giờ ông 66 tuổi. Tính ông trầm tĩnh, kín đáo, nghiêm nghị, chín chắn; thuở trẻ do tiếng hay chữ được vào làm quan trong triều, khi làm tể-tướng, kế hoạch và công-trạng của

Digitized by Google

ông đáng được ghi chép. Cuối cùng vì bị nghi ngờ mà phải tội, trong kinh ngoài trấn ai cũng thương.

Năm Tân-dậu niên-hiệu Cảnh-hưng (1741) Ân-vương (Trịnh-Doanh) lên kế vị, cho trả lại quan tước của ông, [34a] tặng Thái-bảo, thụy là Đạt-Nghi.

NGUYỄN-CÔNG-HÃNG

Nguyễn-Công-Hãng tên tự là Đại-Thanh, hiệu Tĩnh-Trai, người làng Phù-chẩn, huyện Đông-ngàn (Bắc-ninh); năm 21 tuổi, do chân nho-sinh đi thi một lần liền đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Canh-thìn (1700) niên-hiệu Chính-hòa đời Hy-tông; khoa ấy ông là người giỏi và trẻ tuổi nhất.

Năm Tân-mão niên-hiệu Vĩnh-thịnh (1711) ông làm quan Đề-hình; nhân lời nói thẳng được thưởng bạc và lụa; từ đó càng ngày càng được chúa tri-ngộ; rồi được thăng Thiêm Đô ngự-sử.

Mùa đông năm Ất-mùi (1715), chúa sai ông làm Đốc trấn Cao-bằng, chức Đốc trấn Cao-bằng vốn là chức trọng yếu, chúa Trịnh-Cương muốn gia ân cho ông làm chức ấy, nhưng ông không muốn đi. Chúa cố sai người bảo rõ ý mình, ông mới vâng mệnh vào tạ ơn, chúa cho ông được tùy nghi làm việc.

Mùa đông năm Đinh-dậu (1717), ông được triệu về kinh, thăng Tả thị-lang bộ Binh, cho vào (phủ chúa) bồi-tụng. Mùa hạ năm sau, ông phụng sung chính sứ sang Thanh tâu việc Chương-hoàng (Lê Hy-tông) mất và xin sách phong

Digitized by Google

vua mới. Mùa thu năm Kỷ-hợi (1719) ông về nước. Năm Canh-tý triều-đình khảo thành-tích các quan văn võ [34b], ông đứng bậc nhất, được thăng Thượng-thư; năm ấy ông 41 tuổi. Chúa lại xét công ban ơn, cho ông tước Sóc quận-công, lại cho cùng Cảo quận-công Nguyễn-Công-Cơ và Điện quận-công Lê-Anh-Tuấn vào phủ làm Tham-tụng. Bấy giờ Trịnh-Cương dốc lòng lo việc trị nước. Công-Hãng giữ chức trọng yếu, triển hết mọi điều hiểu biết, tâu bày nhiều sáng kiến hay. Thời bấy giờ những chính-sách binh, dân, tài-sản, thuế má, ông sắp đặt kể là đầy đủ; Trịnh-Cương rất tin dùng, có hôm mới canh năm đã sai trung-sứ ra triệu ông và Lê-Anh-Tuấn vào các đề bàn việc. Lúc ấy hai ông còn ngủ chưa dậy, Trịnh-Cương ngồi đợi, khi họ đến chúa cười bảo: « Vừa rồi cho người đến đánh thức, từ xưa có việc như thế không? » Hai ông đều lạy tạ. Chúa cho ngồi uống trà, thong thả hỏi bàn các công việc; [35a] đến trưa hai người mới ra về. Lòng chúa đối với các ông rất thân mật, khẩn-khoản đến như vậy.

Năm Ất-tỵ niên-hiệu Bảo-thái (1725), chúa cho Công-Hãng kiêm Đô ngự-sử, lại sai làm Bảo-phó (giảng dạy) cho thế-tử, và cho được mở quân-dinh Trung-duệ. Mùa xuân năm Bính-ngọ (1726), ông được lên Thiếu-bảo. Mùa đông năm Đinh-mùi (1727) Trịnh-Cương dựng hành cung ở Cổ-bi; khi cung làm xong, xét công ban ơn, thăng ông làm Thái-phó. Nhân đó ông xin từ việc kiêm chức trưởng ở đài Ngự-sử. Khi rảnh việc quan ông thường để ý về việc học kinh sách, đem các văn quan vào Quốc-tử giám tập làm kinh nghĩa theo thể văn bát cổ (8 vế), có nhã ý muốn thay đổi thể thức văn-chương để khuyến-khích và chấn chỉnh sĩ phong.

Digitized by Google

Đầu niên-hiệu Vĩnh-khánh, Thuận-vương (Trịnh-Giang) nối cầm quyền chánh, xét công cho ông thăng Thượng-thư bộ Lại, gia hàm Thái-tử thái-phó ; năm Nhâm-tý niên-hiệu Long-đức (1732) gia Thái-bảo, ban hiệu Tá-lý công-thần, khi ấy ông 53 tuổi. Mùa đông năm ấy Thuận-vương nghe lời gièm ngầm, [**35b**] giáng ông làm Thừa chính sứ ở Tuyên-quang, rồi bắt ông tự tận.

Công-Hãng có tài phụ tướng, tự cho mình được mông ơn tri ngộ, hăng hái đảm đương việc nước; làm Tể-tướng trong 13 năm, trù hoạch kiến-thiết, công-nghiệp rỡ-ràng đáng kể; chỉ vì ông quả quyết tự làm theo ý mình nên bị nhiều người đố kỵ, kết thành bè đảng, đến nỗi ông phải mắc nạn.

Đầu niên-hiệu Cảnh-hưng, triều-đình trả lại quan tước của ông, mới cho con cháu đem hài cốt về chôn cất. Ông có quyển Tinh-tra thi tập truyền lại đời sau.

NGUYỄN-CÔNG-CƠ

Ông người làng Minh-tảo huyện Từ-liêm (Hà-đông); 23 tuổi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Đinh-sửu niên-hiệu Chính-hòa đời Hy-tông (1697), ông là người tài giỏi trẻ tuổi nhất khoa ấy. Ban đầu ông làm Hiệu-thảo viện Hàn-lâm. Năm Giáp-thân (1704) nhân có công tố cáo việc mưu phản của bọn Trịnh-Luân, Trịnh-Bạt [**36a**] ông được thăng chức Tả thị-lang bộ Công.

Năm Ất-mùi niên-hiệu Vĩnh-thịnh (1715) ông phụng sung Chính sứ sang Thanh nạp cống; năm Bính-thân đi

Digitized by Google

sứ về, được thăng Thượng-thư bộ Binh. Năm Canh-tý (1720) triều-đình khảo thành-tích 10 năm của các quan văn võ, ông đứng bậc nhất, được ban ơn, phong tước Tảo quận-công, và được cùng Nguyễn-Công-Hãng, Lê-Anh-Tuấn vào phủ làm Tham-tụng. Bấy giờ ông 46 tuổi.

Làm việc trong chính phủ vì hay nói thẳng ông bị đè nén, bèn xin đổi sang hàng quan võ, trải đến Thiếu-bảo. Mùa hạ năm Đinh-mùi (1727) chúa sai ông tạm coi việc phủ.

Năm Quý-sửu niên-hiệu Long-đức (1733) ông mất, thọ 59 tuổi. Tuy làm nên quý-hiển, ông không lập cơ-nghiệp nên nổi tiếng là thanh-bần, được truy tặng Thiếu-phó.

[36b] NGUYỄN-HIỆU

Ông người làng Lan-khê, huyện Nông-cống (Thanh-hóa); năm 27 tuổi đỗ Hội-nguyên khoa Canh-thìn năm thứ 21 niên-hiệu Chính-hòa triều Hy-tông (1700) và thi đình đỗ đồng Tiến-sĩ.

Năm Ất-mùi niên-hiệu Vĩnh-thịnh (1715) được vào (phủ) làm Bồi-tụng, ông dâng bài sách «trị bình». Nhân-vương (Trịnh-Cương) khen là người trung, có thể dùng được việc lớn; từ đó ông được chúa yêu và chú ý đến. Mùa đông năm Đinh-dậu (1717) con chúa là Thuận-vương (Trịnh-Giang) mới mở các riêng dùng ông làm Tả tư-giảng, rồi đổi sang Tả thị-lang. Mùa hạ năm Canh-tý (1720), chúa xét công ban ơn, ông được thăng tước hầu. Năm Nhâm-dần niên-hiệu Vĩnh-thịnh, triều-đình khảo công ông đứng bậc trên, được chúa đặc cách ban tước Nông quận-công.

Digitized by Google

Năm Bính-ngọ (1726) ông được sai đi Thanh-hoa đem 14 vạn quan tiền kho phát chẩn. Mùa thu năm Đinh-mùi, ông được thăng Đô ngự-sử, nhưng vẫn làm Bồi-tụng.

Năm Canh-tuất niên-hiệu Vĩnh-khánh (1730) Thuận-vương lên cầm quyền, [37a] nghĩ ông từng làm giảng quan (dạy mình), thăng ông lên Thượng-thư bộ Binh, coi việc Hàn-lâm, gia Thiếu-bảo, cho mở quân dinh Trung-tiệp; rồi lại đổi sang Thượng-thư bộ Lễ, coi việc viện Hàn-lâm.

Mùa thu năm Nhâm-tý niên-hiệu Long-đức (1732), triều-đình suy ân, ông được gia Thiếu-phó, phong Tá-lý công-thần; ít lâu sau được vào (phủ) làm Tham-tụng. Bây giờ Thuận-vương (Trịnh-Giang) ngờ vực các bề tôi, quyết tâm thanh trừng. Ông làm tướng vì lòng khoan-nhân trái ý bề trên mà phải tội oan, bị giáng làm Thượng-thư bộ Hình, hàm Thiếu-bảo nhưng chưa bao lâu lại được ban ân cho làm Thượng-thư bộ Lại, vẫn giữ chức Tham-tụng.

Năm Ất-mão (1735) ông mất, thọ 62 tuổi. Ông là người trọng hậu, ngay thẳng, điềm tĩnh, giữ mình đứng đắn, tài bồi cho đám nho sĩ, cất nhắc kẻ hậu tiến; đối với một người chức phận nhỏ cũng lấy lễ tiếp đãi. Lúc về già ông cầm quyền lớn [37b] hằng lo trừ tệ hà khắc, công-bình hóa việc phú dịch, giảm nhẹ các khoản trưng thu, trăm họ được nhờ. (Sau khi ông mất) triều-đình truy tặng Thái-bảo, lại tặng Đại tư-đồ, và gia phong phúc thần.

(Con ông là Nguyễn-Hoàn đỗ Hội nguyên Tiến-sĩ khoa Quý-hợi năm thứ 4 niên-hiệu Cảnh-hưng, làm quan đến

Digitized by Google

Thượng-thư bộ Lại, Tham-tụng, Hoàn quận-công. Sau khi triều đại đổi thay ông mất, thọ 80 tuổi).

NGUYỄN - KHIÊM - ÍCH

Ông tên hiệu là Kính-Trai, người làng Kim-sơn, huyện Gia-lâm (Bắc-ninh) là cháu Nguyễn-Mậu-Tài. Người chồng của cô ông là Tiến-sĩ Phạm-Công-Thiện quê làng Bảo-thiện (nay thuộc huyện Gia-bình tỉnh Bắc-ninh) nuôi ông làm con mới đổi họ Nguyễn làm họ Phạm. Ông đi thi hương đỗ Giải nguyên năm 37 tuổi, rồi đỗ Thám-hoa Đình nguyên khoa Canh-dần năm thứ 6 niên-hiệu Vĩnh-thịnh triều Dụ-tông (1710).

Năm Canh-tý (1720) ông làm Tả thị-lang bộ Hình, rồi thăng Hữu thị-lang bộ Lại, tước Thuật phương hầu, được vào (phủ) làm Bồi-tụng. Năm Quý-mão niên-hiệu Bảo-thái (1723) ông phụng sung chính sứ sang Thanh mừng lễ đăng cực (vua mới lên ngôi). Khi đến [38a] Yên-kinh, ông lấy điểm «nhật nguyệt hợp bích, ngũ tinh liên châu» (1) làm ba bài thơ, cùng nhân-viên sứ bộ dâng lên vua Thanh. Vua khen hay và châu phê lời

(1) Ngũ tinh liên châu: 5 sao nối liền nhau như một chuỗi hạt châu. Theo Hán thư thì vào thời Thượng nguyên Giáp-tý, nửa đêm Đông-chí, giờ Giáp-tý, ngày Giáp-tý, tháng 11 — cũng là tháng Giáp-tý — mặt trời và mặt trăng đồng độ, như hai hòn ngọc bích hợp làm một; đồng thời 5 ngôi sao Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ cùng đóng một phương, nối liền nhau như chuỗi hạt châu.

Digitized by Google

khen, cho vời ông vào cung Càn-thanh yết-kiến, hết lời thăm hỏi. Lúc về nước, ông được thăng Tả thị-lang bộ Hộ, tước Thuật quận-công, vẫn làm Bồi-tụng ở phủ chúa; rồi đổi sang Thị-lang bộ Lại.

Mùa đông năm Mậu-thân (1728), vua thân ra thi khoa Đông-các, ông làm bài ca « năm được mùa to » rất được khen thưởng. Bài ca rằng:

PHIÊN ÂM

« Thần thiết duy phong niên thượng thụy, tự cổ hản phùng; tự phi Thánh đức chiêu hòa, hạt kiến hưu trưng tư chí.

Khâm duy Hoàng-đế Bệ-hạ:

Bầm càn kiện trung chính chi tư, phủ Thái hanh thăng bình chi lịch. Thứ trưng hiệp ứng, tỷ tuế phong đăng, thủy điều đằng [38b] *lý hạng chi ca, đái bạch dật khang cù chi vịnh.*

Nhĩ nãi:

Thể sắc thiên chi mỹ ý tưởng lũ phong chi di âm. Viên mệnh bách công, thức ca cửu tự. Thần chỉ phụng luân âm, vũ đạo đan đình, cần khể thủ bái thủ nhi hiến ca viết:

Thiên nan kham, thượng giám lâm;

Duy minh hiếu, hưởng thiên tâm.

Digitized by Google

Cầm trương võng kiết thi nhân chính, vũ thí vân hành bố đức âm.

Nhân chính như thiên vô bất phúc, đức âm hộ hiều tùy gia dụ.

Xuân thu bổ trợ lạc tam nông; điền thổ đẳng sai quân cửu phú.

Hàm tô xứ xứ toại phương phương;

Dung di hòa khí triệu gia tường.

Âm khiên dương phục thời na thắc, vũ thuận phong điều phúc giáng khang.

[39a] *Hạ bả lai mâu thu đạo tắc;*

Tứ dã hòa ma tranh úc úc.

Cao nguyên vạn khoảnh chính bồng bồng; hạ thấp thiên huề giai dực dực.

Âu lâu mãn câu tà mãn xa; thiên thương vạn sương dinh thất gia.

Định tri lạc tuế chung thân bão, thủy tín phong niên mỹ thụy đa.

Khánh dật lư diêm hoan lão trĩ; điên liên lưu tán quy điền lý.

Trạch ninh hồng nhẫn tức ai minh, dã vịnh phù ê ca ký túy.

Digitized by Google

Nhân hưng lễ nghĩa tục hồi thuần; châu xa sở chí cử tôn thân.

Thế đào ngạc ngạc tê Hiên Hạo; đức ái nguy nguy phối phóng huân.

Tiểu thần thiềm liên oan lộ tự, khoái đồ phượng nghi quân thú vũ.

[**39b**] *Tự tàm táo tứ phạp Hàn Âu; nghĩ tác vu từ ca vũ vũ.*

Ca hữu niên, vĩnh hữu niên; quang thùy tín sử chiếu giao biên.

Cảm hy Chu tể gia hòa tụng, nghĩ hiệu lưu sinh thụy mạch thiên».

TẠM DỊCH

«Thần thiết nghĩ: Được mùa là điềm hay nhất, từ xưa ít gặp; nếu không phải nhờ đức của nhà vua gây được khí hòa, sao lại thấy điềm lành đưa đến như vậy.

Kính nghĩ đức Hoàng-đế Bệ-hạ:

Tư chất bẩm sinh ra trung chính cương kiện như đức quẻ Kiền (1), nắm vận hội thăng bình như tượng quẻ

(1) Quẻ Kiền: Quẻ đầu trong Kinh Dịch gồm ba nét vạch ngang liền ☰ tượng trời, biểu hiện khí dương với tính-chất trung chính, cương kiện, là ngay thẳng, cương mạnh mà bền dai không bao giờ suy giảm; ấy là đức độ của Thánh nhân, thể hiện đạo trời hay hiện-tượng thiên-nhiên.

Digitized by Google

Thái (1). Điềm lành ứng nghiệm liền năm được mùa ; trẻ nhỏ ca hát [**40a**] vang ngõ, người già ngâm vịnh đầy đường.

Hiện nay :

Thánh-thượng kính cẩn thể theo mỹ ý của trời, tưởng đến những tiếng reo hò của dân chúng vui mừng được mùa liên tiếp, mới sai trăm quan ca vịnh chín công việc đã làm xong. Thần kính vâng sắc mệnh của nhà vua, nhảy múa trước sân rồng, xin cúi đầu vái lạy dâng bài ca, từ rằng :

Tuy khó làm cho trời tin, mà trời vẫn soi xét tới.

Duy vua có đức tốt mới được lòng trời.

Nhân chính ban ra như vua Thuấn gảy đàn (2), vua Thang mở lưới (3).

Đức tốt tiếng lan khắp nơi như mưa rưới mây bay.

---

(1) Quẻ Thái : Quẻ thứ 11 trong Kinh Dịch : ䷊ gồm 3 nét ngang đứt đoạn tượng trưng khí âm ở trên và 3 nét vạch ngang liền tượng trưng khí dương ở dưới, toàn quẻ biểu hiện sự hanh-thông thịnh-đạt, do hiện-tượng âm dương điều hòa gây nên.

(2) Vua Thuấn gảy đàn : Đời Ngu bên Tàu (2255 — 2204 trước Công-nguyên) vua Thuấn gảy đàn, hát bài Nam-phong, cùng thần dân vui vầy, thiên hạ được an lạc.

(3) Vua Thang mở lưới : Vua Thành-Thang (1766 — 1753 trước Công-nguyên) đi săn thú thấy người chăng lưới bủa vây cả bốn mặt, bèn mở ra một mặt làm sinh lộ cho loài muông, tiếng nhân từ được truyền tụng khắp nơi.

Digitized by Google

Nhân chính rộng lớn như trời chẳng chốn nào không che bọc, tiếng đức của nhà vua hộ nào cũng rõ nhà nào cũng hay.

Mùa xuân mùa thu thì giúp đỡ dân nghèo, khiến nhà nông đều được vui vẻ; ruộng đất được chia hạng phân minh cho thuế phú được quân bình.

Dân các xứ nhờ ơn tái sinh, người mọi phương thảy đều toại nguyện.

Khí hòa vui đem đến điềm lành, âm qua dương lại, hợp thời tiết không sai, mưa thuận gió hòa, gây nguồn [**40b**] phúc khánh.

Mùa hạ cấy lúa lai lúa mâu; mùa thu cấy lúa đạo lúa tắc (nếp kê).

Ngoài nội bốn bề lúa vừng đầy rẫy:

Ruộng cao muôn khoảnh tốt um-tùm; ruộng thấp ngàn thửa mọc xan-xát.

Chốn đồng cao thì lúa đầy cót, nơi đất thấp thì thóc đầy xe; ngàn kho muôn đụn tràn nhà tràn cửa.

Vẫn biết hằng năm được mùa thì suốt đời no; mới tin năm được mùa có nhiều điềm tốt.

Xóm làng đều vui thú, già trẻ thảy hân hoan; dân trôi dạt trở về quê quán.

Nơi chằm nước yên lặng, chim hồng nhạn bặt tiếng

Digitized by Google

kêu thương; ngoài đồng nội nghe vang những bài hát « phù ê », « ký túy » (1).

Người người biết lễ nghĩa, phong tục trở nên thuần hậu; chốn nào mà thuyền xe đi đến được, thì chốn ấy đều tôn trọng kẻ thân.

Đời hòa vui bước lên đời Hiên Hạo (2); đức rộng lớn sánh kịp đức Đường Nghiêu.

Tiều thần lạm dự hàng trăm quan, vui thấy cảnh phượng chầu thú múa.

[41a] Tự thẹn văn chương còn kém Hàn-Dũ, Âu-Dương-Tu, nghĩ làm ra lời cỏ rác nầy, hát mừng đức vua Ngu Thuấn, Hạ Vũ.

Ca năm được mùa, vịnh năm được mùa, vẻ vang lưu truyền trong sử sách;

Dám đâu mong được như lời tụng « gia hòa (3) của Chu-Công, so sánh với thiên « thùy mạch » (4) của Lưu-sinh ».

---

(1) « Phù ê », « Ký túy »: Tên hai bài thơ trong kinh Thi xưng tụng đời thái-bình, dân được no đủ, an vui.

(2) Hiên Hạo: Hiên là vua Hoàng-đế họ Hiên-Viên (2697 — 2597 trước Công-nguyên); và Hạo là vua Thiếu-Hạo, họ Kim-Thiên.

(3) Gia hòa: Lúa tốt, lời xưng tụng của Chu-Công đời nhà Chu bên Tàu.

(4) « Thụy mạch »: Cây lúa có 5 bông, tên bài thơ xưng tụng năm được mùa của Lưu-sinh tức Lưu-Hướng ở đời Hán bên Trung-quốc.

Digitized by Google

Bài ấy dự trúng thứ nhất; ông được gia kiêm Đại học-sĩ Đông-các. Đầu niên-hiệu Vĩnh-khánh, ông lại được thăng Đô ngự-sử, coi việc bộ Lại. Năm Nhâm-tý niên-hiệu Long-đức (1732), ông được thăng Thượng-thư bộ Binh, gia Thiếu-bảo, vào (phủ chúa) làm Tham-tụng. Bây giờ ông 54 tuổi. Ít lâu sau bị giải chức, nhưng rồi lại được xét công ban ân; đổi làm Thượng-thư bộ Lễ; vẫn vào phủ làm Tham-tụng.

Thời bấy giờ Thuận-vương Trịnh-Giang sinh lòng nghi kỵ, lại hay xây dựng công quán, dần dần dân không chịu nổi; năm Bính-thìn niên-hiệu Vĩnh-hựu (1736), ông dâng sách [41b] «Thẩm trị nhất lãm» được chúa thưởng cho tiền bạc và áo đoạn, nhân ban hiệu Tá lý công-thần, thăng Thượng-thư bộ Lại.

Mùa thu năm Mậu-ngọ (1738), ông bị cất chức Tể-tướng; năm sau — Kỷ-mùi — ra làm Đốc-phủ Thanh-hoa, rồi trải thăng đến Thái-tể. Năm Canh-thân (1740), ông 62 tuổi, mất ở trấn, được tặng Đại Tư-không, và ban hiệu là Thuần-Đạo.

Văn-chương đức-hạnh của ông từng làm khuôn phép cho thời bấy giờ. Lúc đi sứ Yên, ông đã làm cho quốc thể thêm tôn trọng, người ta ví ông như Phùng-Khắc-Khoan. Khi cầm quyền chính, ông hằng tỏ ra khoan dung, rộng lượng. Về già bị bọn tiểu-nhân dèm pha, khiến ông không thi thố hết sở năng, trong triều ngoài nội ai cũng lấy làm tiếc.

Lời án: Trong khoảng niên-hiệu Vĩnh-trị và Chính-hòa, trên dưới bình yên, trong ngoài vô sự; người cầm quyền chính [42a] đại để lấy sự ung dung làm đức-độ, sự

Digitized by Google

cần-thận làm thể-thống như các ông Kim-sơn (Nguyễn-Mậu-Tài), Vân-hà (Nguyễn-Quán-Nho), Thiên-mụ (Nguyễn-Quý-Đức) nhân có lòng khoan-hậu mà được xứng chức, đáng gọi là lương thần đời trị vậy. Đến đời Vĩnh-thịnh, và Bảo-thái, Nhân-vương sốt sắng lo việc nước, bây giờ hai ông Phù-chẩn (Nguyễn-Công-Hãng) và Thanh-mai (Lê-Anh-Tuấn) có sáng kiến sắp đặt mọi việc, chế-độ trong nước được chấn chỉnh phân minh, cố nhiên không thẹn với nhiệm-vụ làm tướng, nhưng trong lúc canh cải lòng dân vẫn chưa được thỏa mãn. Còn các ông Lan-khê (Nguyễn-Hiệu), Kim-sơn (Nguyễn-Khiêm-Ích) nối gót nhau làm tướng, hiểu biết thời vụ, xét rõ chính thể, lại đem độ lượng khoan hoằng mà chỉnh đốn lại, một đàng thì giương ra, một đàng thì buông lỏng, đều thi hành đúng lúc nên làm. Tất cả các vị ấy đều là bậc Tể-tướng có tiếng đời xưa, có tài lược và đức vọng cao cả đáng ghi chép ; những hạng bề tôi có địa-vị mà chỉ được bổ sung cho đủ số không so sánh được.

[24a] NGUYỄN - QUANG - NHUẬN

Ông người làng Phú-thị, huyện Gia-lâm (Bắc-ninh) ; năm 26 tuổi đi thi một lần liền đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Quý-mùi năm thứ 24 niên-hiệu Chính-hòa đời Hy-tông (1703), đổi tên là Huy-Nhuận. Năm Mậu-tý niên-hiệu Vĩnh-thịnh (1708) ông làm phó Đô ngự-sử, được ân ban tước Nghĩa-xuyên hầu, năm Quý-mão niên-hiệu Bảo-thái (1723) ông phụng sung phó sứ sang cống Thanh. Hôm đến Yên-kinh, ông cùng chính sứ Phạm-Kiêm-Ích (tức Nguyễn-Khiêm-Ích) dâng ba bài thơ, vua Thanh khen hay và châu phê lời khen vào giấy. Năm Bính-ngọ (1726) đi sứ về, ông

Digitized by Google

thăng Tả thị-lang bộ Hình, tước Triệu quận-công, ít lâu sau đổi làm Thị-lang bộ Binh. Năm Quý-sửu niên-hiệu Long-đức (1733) ông được thăng Thượng-thư bộ Công.

Mùa thu năm Giáp-dần (1734) ông làm Thượng-thư bộ Lễ, gia Thiếu-phó, được vào (phủ) làm Tham-tụng, cùng với Nguyễn-Công-Thái, Nguyễn-Quý-Cảnh đồng cầm quyền chính.

[42b] Năm Tân-dậu niên-hiệu Cảnh-hưng (1741), ông phụng mệnh kiêm chức Đốc trấn Kinh Bắc. Thời bấy giờ bốn phương nhiều giặc giã, giấy tờ việc binh bề bộn; ông nắm giữ hết thảy mọi việc quân việc dân, khích lệ tướng sĩ, khuyên răn quan lại vỗ về dân chúng, dẹp yên giặc cướp, có nhiều công lao, trải thăng Thượng-thư bộ Hộ, hàm Thái-tử Thái-bảo, vào hầu giảng-tòa Kinh diên, coi việc Quốc-tử giám.

Năm Nhâm-tuất, 65 tuổi, ông về hưu. Bởi là bậc kỳ cựu ông được (chúa Trịnh) gọi ra sung vào ban Ngũ-lão, phụng thị ở phủ chúa, trải thăng đến chức Đại tư-không. Năm Mậu-dần (1758), ông mất thọ 81 tuổi, được truy tặng Đại tư-mã.

(Con ông là Huy-Dận, nhất cử đỗ Giải-nguyên. Năm 41 tuổi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Mậu-thìn đời Cảnh-hưng, làm quan đến Đại học-sĩ Đông-các rồi về hưu. Cháu ông là Huy-Cẩn đỗ tiến-sĩ Hội-nguyên, có tiểu truyện chép ở mục Danh nho.

Digitized by Google

NGUYỄN - CÔNG - THÁI

Ông người làng Kim-lũ huyện Thanh-trì (Hà-đông), đỗ Giải-nguyên ; năm 32 tuổi, đỗ Hội-nguyên khoa Ất-mùi năm thứ 10 [43a] niên-hiệu Vĩnh-thịnh (1715) triều Dụ-tông, thi Đình đỗ đồng Tiến-sĩ.

Năm Mậu-thân niên-hiệu Bảo-thái (1728) ông làm Tế-tửu Quốc-tử giám coi Binh phiên, rồi đỗ thứ 3 khoa Đông-các, được kiêm chức Hiệu-thư Đông-các.

Năm Quý-sửu niên-hiệu Long-đức (1733) ông được thăng Tả thị-lang bộ Công, lại thăng Hữu thị-lang bộ Hình ; nhờ có văn học mà ông được chúa Trịnh-Giang tín-nhiệm.

Trong niên-hiệu Vĩnh-hựu, ông làm Tả thị-lang bộ Lại, tước Quảng quận-công, vẫn làm bồi-tụng như cũ. Thời bấy giờ chúa Trịnh-Giang ham chơi bời, không tưởng đến chính-sự, em chúa là Ân quốc-công Trịnh-Doanh là người có tài nhưng biết giữ mình kín đáo, còn bọn tiểu nhân thì thiện tiện chuyên quyền. Ông cùng Tri Hộ-phiên Nguyễn-Quý-Cảnh bàn mưu suy tôn thái đệ (Trịnh-Doanh) lên ngôi chúa vào mùa xuân năm Canh-thân (1740). Triều-đình và cung cấm nhờ đó nghiêm chỉnh. Khi triều-đình thưởng công, ông được phong Suy trung dực vận [43b] công-thần, cùng Nguyễn-Quý-Cảnh đều vào phủ làm Tham-tụng. Bây giờ ông đã 57 tuổi. Sau mấy lần được đề bạt ông trải thăng đến Thượng-thư bộ Lễ. Sau vì có lỗi ông phải ra trấn Thanh-hoa ; rồi lại vào làm Tham-tụng. Chúa Trịnh-Doanh lầm nghe lời dèm của Đỗ-Thế-Giai, lại sai ông ra trấn

Digitized by Google

Sơn-nam. Chưa bao lâu, ông được gia hàm Thiếu-bảo rồi về hưu. Trong bài thơ lưu giản gởi bạn đồng triều có câu rằng :

« Tứ đăng Ngu quỹ hề mưu quốc,
Tam nhiệm Chu hàn hạt trọng biên ».

Nghĩa là : — Bốn lần lên làm tướng quốc nhà Ngu, chẳng có kế gì mưu việc nước ;

— Ba phen ra gánh trách-nhiệm làm phên giậu nhà Chu, không đương nổi gánh nặng ở ngoài biên cương.

Ấy là lời khiêm tốn ; xem đó cũng đủ biết ít có người từng trải chức trọng nhiều như ông. Ít lâu sau ông lại được vời ra làm bậc Ngũ-lão hầu chúa, trải thăng Thượng-thư bộ Lại, hàm Thái-tử Thái-phó, lại vào làm Tham-tụng.

Thời bấy giờ Đỗ-Thế-Giai được chúa yêu chuộng. Ông vốn cùng Giai không hợp, nên cố xin rút lui. Trong bài khải của ông có câu : « Nay bờ cõi [**44a**] đã yên, trong nước không có việc gì khó, tôi nghĩ mình không xứng trách-nhiệm, tự biết nên về hưu... » Chúa Trịnh-Doanh gượng nghe theo. Năm 75 tuổi ông mất. Tính ông trong sạch giản dị, thẳng thắn, có công to định sách (lập ngôi chúa). Trịnh-Doanh rất tin cậy vị nể. Lúc về già ông bị bọn bề tôi thân yêu của chúa dèm pha nên không thi hành được chí mình ; dư-luận mọi người đều lấy làm tiếc. (Sau khi mất) ông được tặng Thái-phó, tên thụy là Trung-Mẫn.

Digitized by Google

NGUYỄN - QUÝ - CẢNH

Ông người làng Thiên-mụ, huyện Từ-liêm (Hà-đông), là cháu nội của Thám-hoa Nguyễn-Quý-Đức, con của Hoàng-giáp Nguyễn-Quý-Ân. Ông do chân hương cống được bổ làm quan ở phiên. Đến niên-hiệu Long-đức được tiến vào triều, nhưng cho làm chức Tự-khanh coi việc Hộ phiên, vào giảng học cho em chúa là Ân quốc-công Trịnh-Doanh.

Cuối niên-hiệu Vĩnh-hựu, Trịnh-Giang mắc tật [**44b**] phải ở riêng; quan hoạn là bọn Hiệp quận-công Hoàng-Công-Phụ chuyên quyền lộng hành, triều chính hỗn loạn. Ông bí-mật phụng chỉ của Thái-phi khuyên em chúa hành quyền dẹp nạn. Trịnh-Doanh từ chối không nghe. Ông bèn bí-mật cùng Nguyễn-Công-Thái quyết định kế-hoạch. Mùa xuân năm Canh-thân (1740), nhân lúc Hiệp quận-công đi ra ngoài ông bèn thu hết binh lính ở kinh kỳ cho sung vào đội bảo-vệ rồi bàn mưu định ngày khai ấn đầu năm thì khởi sự; lại đem việc ấy tâu lên vua Lê, xin cho sắc dụ (để tiện thi hành). Đến hôm ấy ông đi theo Trịnh-Doanh vào triều; Nguyễn-Công-Thái đọc sắc dụ, còn ông phò Trịnh-Doanh lên ngôi chúa. Lúc ấy mới ban lệnh mới, bắt đảng nghịch, trong triều-đình cung cấm nhờ đó được nghiêm trang yên ổn.

Bây giờ nạn trong vừa dẹp yên, mọi việc phần nhiều đều do ông quyết định, chúa Trịnh-Doanh bảo ông ở luôn [**45a**] trong phủ, đêm ngày bàn xét việc chính. Ông bên trong thì hầu ở màn trướng, ngoài thì trù tính việc quân,

Digitized by Google

trong khoảng một tháng mọi việc đều được xếp đặt đâu vào đấy. Trong giai-đoạn gỡ rối, ổn định tình thế, ông có nhiều công-lao; ít lâu sau, chúa cho ông vào làm Tham-tụng rồi thăng lên Thượng-thư bộ Binh, tước Kính quận-công (*a*).

Năm Tân-dậu niên-hiệu Cảnh-hưng (1741), ông kiêm chức Đốc-vũ ở Sơn-tây, thống lĩnh việc quân. Bây giờ bốn phương nhiều giặc giã, triều đình lấy quan tước để thưởng những người có công; đám ưu-binh (1) yêu sách quá đáng, ông bác bỏ lời thỉnh cầu. Họ rủ nhau đến phá nhà ông. Chúa Trịnh-Doanh sai tra xét bắt bọn cầm đầu giết đi. Từ đó ông ẩn tài rút lui vào bóng tối, thác bệnh xin từ việc tham chính. Chúa không nghe, vẫn cho hưởng lộc và địa-vị như cũ; lại sai làm việc ở bộ Lại, ông cố từ nhưng không cho từ. [**45b**] Mùa đông năm ấy, chúa sai ông cùng với Thượng-thư Vũ-Công-Tề làm Chiêu-phủ sứ, chia nhau đi các đạo khuyên dân làm ruộng trồng dâu và chiêu dụ những người phiêu tán trở về quê quán làm ăn.

Mùa xuân năm Nhâm-tuất (1742), ông bày tỏ việc mình bị nhiều người hiềm khích xin thôi làm những việc trọng yếu. Mùa hạ năm Quý-hợi (1742), chúa lại vời ông vào làm

---

(*a*) Kính quận-công: Bản khác (của viện Khảo-cổ chép là Thống quận-công.

(1) Ưu-binh: Lính Thanh Nghệ được biệt đãi vì có công với nhà chúa, thường ỷ thế lộng hành.

Digitized by Google

Tham-tụng, trải thăng đến Thượng-thư bộ Hộ, hàm Thái-tử Thái-phó, gia Đại tư-mã, rồi về hưu. Sau lại được vời ra làm bậc Ngũ-lão hầu chúa, năm 75 tuổi ông mất, được tặng Đại tư-đồ, Huyên trung công, truy phong phúc thần.

LÊ - HỮU - KIỀU (*a*)

Ông người làng Liêu-xá, huyện Đường-hào (Hải-dương). Cha của ông là Lê-Hữu-Danh, đỗ Hoàng-giáp năm Canh-tuất niên-hiệu Cảnh-trị (1670), làm quan đến Hiến-sát sứ Sơn-tây, tính rộng-rãi, nhân-từ, không đua tranh với ai, người ta thường khen là Phật sống. Lê-Hữu-Danh có 10 con trai đều hay chữ, 3 người đỗ Tiến-sĩ.

(Con thứ sáu là Hữu-Hỷ, năm 27 tuổi (*b*) đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Canh-thìn (1700), niên-hiệu Chính-hòa. Con thứ chín là Hữu-Mưu, năm 26 tuổi (*c*) đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Canh-dần (1710), niên-hiệu Vĩnh-thịnh).

[46a] Hữu-Kiều là con út; năm 18 tuổi cùng với anh là Hữu-Mưu từng đỗ Hương-giải. Năm 25 tuổi ông đỗ khoa hoành-từ, được bổ một chức quan văn ở kinh. Năm 28 tuổi ông đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Mậu-tuất niên-hiệu Vĩnh-

(*a*) Bản khác (của Viện Khảo-cổ) chép : Lê-Hữu-Khanh.

(*b*) Bản khác (của Viện Khảo-cổ) chép : Năm 22 tuổi (Hữu-Hỷ) đi thi một lần liền đỗ đồng Tiến-sĩ . . .

(*c*) Bản khác (của Viện Khảo-cổ) chép : Năm 26 tuổi (Hữu-Mưu) cũng đi thi có một lần đỗ ngay đồng Tiến-sĩ.

Digitized by Google

thịnh, trải làm Giám-sát Thanh-hoa, quyền Hiến-sát Kinh-bắc, tham dự việc các trấn Thái-nguyên, Cao-bằng và làm phó Đô Ngự-sử.

Năm 47 tuổi, ông được thăng Thừa-chỉ, lại thăng Hữu thị-lang bộ Công. Ông đi sứ Trung-hoa; khi về được thăng Tả thị-lang bộ Công, tước Liêu-đình bá.

Năm Canh-thân (1740) ông vào (phủ chúa) làm Bồi-tụng, thăng chức Đô đài. Lại nhân có quân công, được lên tước hầu. Ít lâu sau lại vâng mệnh lưu thủ ở Thanh-hoa. Năm Tân-dậu (1741), lại vào làm Bồi-tụng; Năm Nhâm-tuất được thăng Thượng-thư bộ Công.

Năm 52 tuổi ông lại ra lưu-thủ Thanh-hoa; rồi [**46b**] ít lâu sau vâng mệnh cùng với Hà-Tông-Huân đi xét hỏi trong hạt xem quan lại có năng lực hay không, dân tình tật khổ thế nào, và tình-hình chống giữ ở các đạo. Năm Quý-hợi, được triệu về làm Tham-tụng, ông trình bày về tình-trạng kỷ-luật vệ binh sơ sài, xin cấp thêm quan quân cho sung vào đội ngũ và đặt chức võ quan tuần phủ; chúa Trịnh nghe theo.

Năm Giáp-tý (1744), ông vâng mệnh làm Đốc trấn Thái-nguyên; năm Bính-dần làm Tham-thị ở Nghệ-an; năm Đinh-mão, vâng chỉ triệu về kinh, coi việc từ tụng. Năm Mậu-thìn (1748), ông làm Thượng-thư bộ Lễ; năm Kỷ-tỵ lại làm Tham-tụng; năm Nhâm-thân (1752), thăng Thượng-thư bộ Binh; năm Giáp-tuất vào hầu giảng tòa Kinh-diên. Năm Ất-hợi (1755), ông 65 tuổi xin về hưu, thăng Thượng-

Digitized by Google

thứ bộ Lễ, được ngự ban câu đối thêu vào lá cờ, có những câu sau đây :

PHIÊN ÂM

Sứ mao phiên khổn cần thi nhật;
[47a] *Quỹ tịch kinh vi lệ dực niên.*

DỊCH NGHĨA

Tưởng những ngày chuyên cần cầm cờ mao đi sứ và ra trấn ngoài biên ải;

Nhớ những năm cố gắng giúp rập giữ quyền tể tướng và vào chầu Kinh-diên.

PHIÊN ÂM

Tại triều tại quận văn kiêm vũ;
Vu quốc vu gia hiếu tố trung.

DỊCH NGHĨA

Khi ở triều, khi ở quận, bậc văn-tài kiêm cả vũ lược;
Đối với nước, đối với nhà, (người quân tử) lấy hiếu làm trung.

PHIÊN ÂM

Ốc ưu quốc sủng cung tam mệnh;
Thanh bạch gia phong mỹ tứ tri.

Digitized by Google

DỊCH NGHĨA

Ơn nước dồi-dào, đến ba lần phụng mệnh làm tể-tướng;

Nếp nhà thanh bạch, được tiếng tốt vì hay sợ « tứ tri » (1).

Hữu-Kiều ra ngoài làm tướng võ, vào triều làm tướng văn, trước sau trên 40 năm, công lao đức vọng đều long trọng, thật là người bề tôi giỏi thời bấy giờ. Năm Canh-thìn (1760) ông mất, hưởng thọ 70 tuổi, được truy tặng Thiếu-phó, tước quận-công.

(Con thứ sáu của ông là Hữu-Dung, năm 32 tuổi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Ất-mùi. Cháu họ ông là Trọng-Tín, năm 27 tuổi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Mậu-thìn).

NGÔ-ĐÌNH-CHẤT

Ông người làng Tả Thanh-oai, huyện Thanh-oai (Hà-đông). Anh ông là Đình-Thạc đỗ đồng Tiến-sĩ năm Canh-thìn niên-hiệu Chính-hòa (1700), vâng mệnh đi sứ, từng làm Thượng-thư bộ Lại và Tham-tụng; cuối niên-hiệu Vĩnh-hựu ra làm Tổng phủ Lạng-sơn; [47b]; đến năm Canh-thân (1740), bị giặc giết. Đình-Chất, năm 36 tuổi, đỗ

(1) Tứ tri: Bốn kẻ biết, do điển tích lấy trong sách Hậu Hán thư — Dương Chấn truyện: Viên lệnh Xương-ấp là Vương-Mật đương đêm đem 10 cân vàng đến hối lộ Dương-Chấn, nói: « Việc nầy không ai biết được ». Chấn trả lời: « Có trời, đất biết, tôi biết, anh biết, sao lại bảo là không ai biết? »

Digitized by Google

đồng Tiến-sĩ khoa Tân-sửu niên-hiệu Bảo-thái (1721). Sau ông đổi tên là Đình-Oánh. Đương sơ, xuất thân từ viện Hàn-lâm ông ra làm Hiến-sát sứ Thanh-hoa. Ít lâu sau ông về kinh sung chức Thiêm-sai, kiêm Đô ngự-sử, có phong độ uy-nghiêm trọng hậu. Khoảng năm Canh-thân (1740), trong nước có nhiều việc phải lưu tâm, ông cùng các bề tôi thân bàn định phò Trịnh-Doanh lên ngôi chúa, khiến triều-đình được yên ổn. Khi đình nghị luận công sách lập, ông được gia phong Tuyên lực công-thần, trải thăng đến chức Thượng-thư bộ Binh, tước Phương-đình hầu. Ông quyền nhiếp tướng phủ, giữ việc bổ dụng quan lại; kỷ cương trong triều và chính sự tại đài đều được nghiêm minh và thanh thỏa, chúa càng đem lòng yêu quý, từng khen ông là «thanh thận trung cần» (trong sạch, cẩn thận, trung thành và siêng năng).

Năm Canh-ngọ (1750), ông lên 65 tuổi [48a] xin về hưu. Chúa Trịnh quyến luyến không muốn xa rời nên chưa cho; ông xin đến ba lần chúa mới chấp thuận, cho đến năm sau ông mới được ra về. Công danh của ông tuy thành đạt muộn, nhưng lại hơn người anh; người đương thời đều ngợi khen là vinh hiển. Các quan đồng triều có bài văn tiễn đưa ông đại lược nói rằng :

PHIÊN ÂM

«Công dĩ vị suy chi niên, thượng chương trí chính, Thánh-thượng miễn lưu, tái tam vị doãn, nhi công cầu khứ tích lực; bất dĩ phân hoa nhiệt náo, dịch yên hà tùng cúc chi tưởng. Tự phi lãn thục thế đồ, vu hương tinh hoạn vị trung, mãnh nhiên nhất hoạch, an tri thẳng lai

Digitized by Google

chi bất khả quyến luyến nhi ưu du tự thích ư chân nhàn chi ngoại tai. Cẩm tuyền nhi nam, khứ thần kinh lý hứa Hán phó chi điền lư cựu ; Hướng Bình chi giá hôn hoàn. Nhuệ [**48b**] *giang chi phong địch, Tó thị chi bàn linh, loại giai cảnh sắc khả nhân, thắng dương túc hứng. Tầm nhân trí chi thanh du, sơn kinh nhưng tại ; tu chân suất chi nhã hội, hương ước sơ thành ; dự tùng Lục dã Hương-sơn chư quân tử, đồng nhất thanh trì. Công phụ thử hoài bão, đỗ thử vinh danh, dĩ thử khâm hoài, đương thử nhã thú, khởi phi hoàn vu hậu đức giả, thiên tất hoàn chi dĩ hậu báo. Hồng quân đại chú, hữu như thị gia ?»*

DỊCH NGHĨA

«Ông tuổi chưa suy nhược, mà dâng biểu xin hưu, Thánh-thượng cố lưu, xin đôi ba lần vẫn chưa chấp thuận ; nhưng ông cố tình xin về, không vì cảnh phồn-hoa náo nhiệt mà đổi niềm mơ tưởng khói mây, tùng cúc. Nếu không phải là người am hiểu đường đời, phân biệt rõ tình quê-hương với phong vị quan trường thời làm sao biết được sự phú quý ngẫu nhiên không nên lưu luyến, mà vui chơi thích chí ở cảnh nhàn chân thực được. Nay ông mặc áo gấm về làng ở phía nam cách kinh kỳ hơn một dặm ; ruộng và nhà có sẵn từ trước, như bọn Thái-phó đời (Tây) Hán (Sở Quảng và Sở Thụ) ; con trai con gái đã ở riêng, được thỏa nguyện như Hướng-Tử-Bình (một ẩn-giả ở đời Đông Hán). Những tiếng sáo diều ở [**48b**] sông Nhuệ, trò múa rối ở chợ Tó đều là cảnh sắc ưa người, vui chơi đủ hứng. Tìm thú thanh cao của non nước, con đường núi còn đó ; chọn người [illegible]

Digitized by Google

làm nhã hội, bản hương-ước mới lập thành; so với các cụ ở Lục-dã (1) Hương-sơn (2) thuở trước, cùng một hứng thú thanh cao. Ông có hoài bão như thế, được vinh danh như thế, có tư tưởng như thế, được hưởng nhã thú như thế, há chẳng phải là người có đức dày ắt được trời cho phúc dày trọn vẹn. Lò tạo hóa nung đúc thực có như vậy chăng».

Ít lâu sau (chúa Trịnh) lại vời ông ra, vẫn cho giữ chức bồi tụng. Ông mất, được truy tặng hàm Thiếu-bảo, tước Nhuệ quận-công.

HÀ-TÔNG-HUÂN

Ông là người làng Kim-vực, huyện Yên-định (Thanh-hóa); năm 15 tuổi đỗ khoa hương, năm 28 tuổi đỗ Bảng-nhãn Đình nguyên [49a] khoa Giáp-thìn năm thứ 5 niên-hiệu Bảo-thái đời Dụ-tông (1724); bắt đầu làm Thị thư viện Hàn-lâm rồi làm Đốc đồng Sơn-nam, kế tiếp ra Đốc trấn An-quảng. Ông giải quyết việc biên cương, người Trung-quốc phải khuất phục. Đầu niên-hiệu Cảnh-hưng ông được thăng Tả thị-lang bộ Hộ, ít lâu sau làm Phòng-sát sứ ở Tây đạo và Nam đạo. Năm Ất-sửu (1745), Trịnh-Doanh

(1) Lục-dã: Biệt thự của Bùi-Độ tể-tướng nhà Đường, có chỗ suối ấm, nơi hóng mát v. v...

(2) Hương-sơn: Bạch-Cư-Dị là một văn nhân, thi bá, làm quan Thượng-thư bộ Hình đời Đường; lúc về hưu thường giao du với các vị sư ở Hương-sơn, và tự xưng là cư-sĩ.

Digitized by Google

vời vào nội-các hỏi việc quân quốc cơ yếu; ông trình bày mọi việc nên làm, hợp ý chúa, được ở lại làm Tham-tụng, phong tước Kim-khê bá; ít lâu sau đổi sang hàng quan võ, sung chức Tham-đốc, vẫn vào phủ (chúa) làm Tham-tụng. Gặp lúc ở dọc núi Thanh-hoa có loạn, ông ra làm Đại tướng quân thống lĩnh Tây đạo đi dẹp giặc. Nhờ quân luật tề chỉnh, biên cảnh được định yên; lúc khải hoàn, ông được thăng Thượng-thư bộ Binh, vào phủ làm chánh [49b] Tham-tụng, kiêm việc ở Quốc-tử giám, tước Huy-xuyên hầu.

Năm Canh-thìn ông 65 tuổi, về hưu, được gia thăng Thiếu-bảo, tước Huy quận-công.

Ông có bụng dạ thản nhiên rộng rãi, không câu nệ việc nhỏ nhặt, mà khi thi thố những việc to-tát, mọi sự đều nên; ở triều hơn 30 năm, từng làm tướng văn tướng võ, huân danh hiển trứ, lại hay tác thành cho kẻ hậu tiến; học trò của ông đỗ đạt rất đông. Khi ông về hưu có nhiều người đã lên cầm quyền chính. Trong bữa tiệc tiễn chân ở cửa Đông, các bậc đại khoa đến hầu, cuộc vui hợp mặt các bậc văn thân tuổi già chống gậy đi dép, ấy là việc từ đời Trung-hưng về sau ít khi thấy. Các quan đồng triều lúc tiễn chân ông có mừng mấy câu đại lược nói rằng:

PHIÊN ÂM

«Quan (a) tước như hoàng chung đại lã; nhân vọng

(a) Bản khác (của viện Khảo-cổ) chép là Hoạn.

Digitized by Google

như Kiều-nhạc Thái-sơn. Hưu hưu hữu dung, nguyên lão nhi suy vạn bối; mục mục bàng tác, phi [50a] *thời dĩ nhượng hậu nhân. Dĩ đại nho cư thủ tướng, hạn lâm kim lệ. Trách vọng phương ân, nãi giới thạch tiên cơ, cấp lưu dũng thối, di khái nhiên tự dụng (a) chi chí nhi hoàn hiêu nhiên (b) tự đắc chi thân; tiến thối thung dung, kỳ hân thích vi hà như.*

Ức văn chi:

Ái châu long hưng chi địa nhất tuyền nhất thạch mạc phi danh thắng, nhi Ngọc chùy chi thủy, Đồng cổ chi sơn hữu quý huyện lâm hác chi mi mục. Sơn bôi (c) chi bạn Khương hiền tướng chi cố lư; Đông lý chi tân Trịnh đại khôi chi thắng chỉ. Cổ nhân di tích vãng vãng tại yên. Công hoàn hỹ, trượng lũ xuân phong; cầm tôn thu nguyệt; mích kỳ tuyền thắng, ô yên tiêu giao. [51a] *Văn Lộ-công kỳ anh chi hội, Bùi Tấn-công Lục dã chí đường quân thị nhất ban vận sự. Túc kỳ di nhàn lạc thọ dung hữu hạn lượng giả giả».*

DỊCH NGHĨA

«Về quan tước ông được coi là người mực thước

(a) Cũng bản trên chép là nhiệm.

(b) Cũng bản trên chép là hiêu hiêu.

(c) Cũng bản trên chép là Sơn hoàn.

Digitized by Google

như luật hoàng chung đại lã (1); về phẩm vọng ông được coi như núi Kiều-nhạc Thái-sơn (2). Có độ lượng khoan dung rộng rãi, ông là bậc nguyên lão mà hay nhịn bọn tuổi trẻ. Mọi việc lớn đã làm xong, đến lúc [50a] thịnh thời nhường cho kẻ sinh sau. Là bậc đại nho, ông ở ngôi tể-tướng, như mưa dầm cứu hạn, như hòn đá mài vàng. Trách nhiệm lớn lao, bề trên đang trông cậy, thế mà ông biết cảnh giác (kẻo vấp đá), liệu cơ trên giòng nước chảy xiết; mà rút lui nhanh chóng, thực hiện cái chí chủ động khảng khái, khiến cho thân được thảnh thơi tự tại; tiến lui thung dung như thế, vui thích biết nhường nào!

Lại được nghe nói:

Châu Ái là đất đế vương, một giòng khe, một hòn núi, chẳng chỗ nào không phải danh thắng, mà sông Ngọc-chùy, núi Đồng-cổ (đều ở huyện Yên-định), lại là sông núi tai mắt của huyện nhà. Đất Sơn-bôi là nơi làng cũ của Khương hiền tướng (Khương Công-phụ), bến Đông-lý là nơi thắng chỉ (nền nhà) của Trịnh đại khôi (Trịnh-Thiết-Tràng). Dấu cũ người xưa thường thường ở đó. Nay ông về chống gậy đi dép vui với gió xuân gảy đàn uống rượu, ngắm trăng thu; tìm chốn lạ kỳ, chọn nơi cảnh đẹp, tiêu dao ở đó. [50b] So với hội Kỳ-anh của Văn

(1) Luật, lã (lữ): Hai luật trong 12 luật cổ nhạc của Trung-hoa, được đặt ra để qui định thanh-âm.

(2) Kiều-nhạc, Thái-sơn: Hai quả núi ở Trung-hoa, thường được dùng để ví với những cái gì cao lớn.

Digitized by Google

Lộ-công (Văn-Ngạn-Bắc), nhà Lục-dã của Bùi Tấn-công (Bùi-Độ) cùng một vận sự như nhau. Như vậy thì an cảnh nhàn, vui cõi thọ, thú-vị biết chừng nào mà kể?»

Khi về hưu rồi, ông dựng một ngôi nhà ở bến sông, mỗi buổi chiều đẹp trời, thường ra đó uống rượu; thỉnh thoảng mời các cụ già trong nông thôn đến trò chuyện, thú phong lưu tiêu sái (1) không có vẻ gì là từng ở ngôi quý hiển tại triều-đình ngày xưa. Chưa được bao lâu, (chúa Trịnh) lại vời ông ra làm bậc Ngũ-lão hầu chúa, Ông mất được tặng hàm Thái-phó.

NGUYỄN-ĐỨC-VỸ

Ông người làng Phật-tích, huyện Tiên-du (Bắc-ninh). Cha của ông là Nguyễn-Đức-Ánh đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Ất-mùi niên-hiệu Vĩnh-thịnh, làm đến Thị-lang bộ Hình rồi về hưu. Đức-Vỹ thi hương đỗ Giải-nguyên; năm 28 tuổi [51a] đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Đinh-mùi niên-hiệu Bảo-thái triều Dụ-tông (1727). Năm Bính-thìn niên-hiệu Vĩnh-hựu (1736), ông làm Hiệu-thư Đông-các, có công đàn hặc (2) được thăng Hữu thị-lang bộ Hình, rồi lại đổi sang Hữu thị-lang bộ Binh, cùng với cha đứng hàng tam phẩm. Bây giờ ông đã 37 tuổi.

Ông có văn-học nên được chúa Trịnh-Giang tin dùng; năm Kỷ-mùi (1739), thăng Hữu thị-lang bộ Lại. Đầu niên-

(1) Tiêu sái: Thanh cao, phóng khoáng, không vướng trần tục.

(2) Tố-cáo Tham-tụng Nguyễn-Công-Hãng chôn mã tiên nhân ở đất cửu long (kiểu đất có hình 9 con rồng).

Digitized by Google

hiệu Cảnh-hưng, ông được thăng Bồi-tụng, Thượng-thư bộ Công, làm việc bộ Lại, kiêm Tế-tửu Quốc-tử giám, vào hầu giảng tòa Kinh-diên, tước Nghĩa-phương hầu.

Lúc bây giờ ngoài biên nhiễu loạn, triều-đình ngày đêm lo lắng, ông với Lê-Hữu-Kiều, Nguyễn-Quý-Cảnh cùng khuông phò chính phủ, đồng lòng bày mưu vạch kế, được Trịnh-Doanh rất mến trọng.

Ông là người trong sạch, cẩn thận, làm quan ở đài [51b] 18 năm, nhà không chứa của riêng, ai cũng phục là liêm-khiết; chúa Trịnh-Doanh cũng thầm phục.

Năm Giáp-thân (1764), 64 tuổi, ông về hưu, được gia hàm Thiếu-bảo. Chúa làm bài thơ Đường luật tiễn đưa có câu «thập phần thanh liêm» (mười phần thanh liêm trọn vẹn). Ít lâu sau ông lại được vời ra thăng Thượng-thư bộ Binh nhưng vẫn làm việc bộ Lại, và gia hàm Thái-tử Thái-phó.

Năm Ất-mùi (1775), ông được 76 tuổi thì mất, được tặng Thái-bảo.

(Con ông là Nguyễn-Quân, năm 43 tuổi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Mậu-tuất niên-hiệu Cảnh-hưng làm quan đến Đốc-đồng Kinh bắc. Cháu ông là Nguyễn-Thưởng (1) năm 33 tuổi đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Bính-tuất niên-hiệu Cảnh-hưng, làm quan đến Đốc-đồng Tuyên-quang).

---

(1) Bản khác (của viện Khảo-cổ) chép là Thạch.

Digitized by Google

NGUYỄN-NGHIỄM

Ông tên tự là Hy-Tư, hiệu là Nghị-Trai, người làng Tiên-điền, huyện Nghi-xuân (Hà-tĩnh); năm 24 tuổi, đỗ nhị giáp Tiến-sĩ khoa Tân-hợi năm thứ 3 niên-hiệu Vĩnh-khánh (1731). Đương sơ ông được vào triều ban, trải mấy lần tham gia đốc suất quân nhung, hiệp đồng tán nhiệm [52a] cùng các tướng, lập nhiều công to.

Năm Tân-dậu niên-hiệu Cảnh-hưng (1741), ông 34 tuổi, có công sách lập (vua Hiển-tông) được thăng Tham-chính Sơn-nam; ít lâu sau đổi làm Tế-tửu Quốc-tử giám. Năm Quý-hợi (1743), ông được thăng Thừa-chỉ viện Hàn-lâm, tước Xuân-lĩnh bá; năm Bính-dần (1746), có quân công, được thăng Hữu thị-lang bộ Công, tước hầu, và đặc cách sung chức Bồi-tụng trong tướng phủ.

Năm Mậu-thìn (1748), nhân ở Nghệ-an có giặc, (chúa) sai ông làm Tuyên-phủ sứ kiêm Tán-lý quân vụ, quản cơ trấn nội, cùng với Tham-lĩnh Lệ quận-công hội đồng dẹp giặc. Dẹp xong, về triều ông được thăng Thị-lang bộ Hình. Ít lâu sau nhân giặc núi ở Thanh-hoa mấy lần nổi lên quấy nhiễu, (chúa) sai ông làm Hiệp trấn thủ, tiến đánh lũy giặc, ông tới đâu thắng đó; không ngờ giặc đi đường tắt đến xâm phạm trấn sở, quan lưu-thủ (giữ trấn) [52b] thua chạy; ông đem quân về cứu, lấy lại dinh trấn.

Mùa xuân năm Canh-ngọ (1750), triều-đình hội nghị xét vì ông để thất thủ trấn Thanh-hoa, giáng làm Đại học-sĩ Đông-các. Mùa đông năm ấy, chúa Trịnh-Doanh đi đánh

Digitized by Google

miền tây (giặc Tương ở Sơn-tây), sai ông làm Tán-lý đi hộ giá, tiến dẹp sào-huyệt của giặc; do công ấy ông được thăng Thiêm Đô ngự-sử. Mùa xuân năm Nhâm-thân (1752), ông vâng mệnh ra bốn đạo Sơn-tây Hưng-hóa đánh giặc (Lê-Duy-Mật); lúc thắng trận khải hoàn, (chúa) cho được phục lại chức cũ đã bị giáng. Mùa hạ năm Quý-dậu (1753), nhân có công dẹp giặc, ông được thăng Phó Đô Ngự-sử; bây giờ đã 46 tuổi.

Mùa Đông năm ấy, (chúa) sai ông làm Đốc-lĩnh ở đạo Thanh-hoa, bình tặc tướng quân, quản lĩnh cơ Hữu-dực, và đem quan quân các hiệu đi đánh giặc núi. Ông chia binh làm nhiều cánh quân đồng thời cùng tiến. Khi quan quân tiến vào bờ cõi nước Ai-lao thì giặc đã trốn xa. [53a] Chúa hạ chỉ ban sư. Mùa xuân năm Giáp-tuất (1754), ông về triều. Mùa hạ năm ấy có khoa thi hội, (chúa) sai ông làm Tả giám thí.

Mùa hạ năm Ất-hợi (1755), chúa sai ông làm Hiệp-trấn Nghệ-an; năm sau lại triệu về rồi sai cùng với chức kiêm Thống-lĩnh là Vực quận-công tiến đánh giặc núi ở Kinh-bắc. Trận ấy bắt được giặc. Năm Đinh-sửu (1757), ông được thăng Tả thị-lang bộ Hình. Mùa hạ năm Tân-tỵ (1761), chúa xét ông có công đánh giặc núi cho thăng Ngự-sử, lại thăng Thượng-thư bộ Công và cho vào phủ làm Tham-tụng; bây giờ ông đã 54 tuổi. Khi ông làm Tể-tướng rồi mới thôi không giữ binh-phù; (chúa) cho coi đội Nghiêm-hữu thuộc vệ quân Thị-hậu. Ít lâu sau (chúa) sai ông coi Quốc-tử giám kiêm tri Đông-các và làm Tổng-tài Quốc-sử quán.

Digitized by Google

Mùa hạ năm Giáp-thân (1764), ông được thăng hàm Thiếu-phó. Năm Đinh-hợi (1767), Trịnh-Sâm nhiếp chính, thăng ông làm [53b] Thái-tử Thiếu-bảo, tước Xuân quận-công, rồi gia Đại tư-không.

Mùa đông năm Tân-mão (1771), 64 tuổi ông xin về hưu, được thăng Đại tư-đồ. Chúa đặc biệt cho là đến tuổi già được về hưu, và chuẩn cho vinh quy về làng. Đến tháng ba, chúa lại vời ra làm Tể-tướng rồi đổi sang Thượng-thư bộ Hộ. Năm Giáp-ngọ (1774), đi đánh miền Nam (Đàng trong), ông lĩnh chức Tả tướng-quân, tham tán quân cơ, quản quân dinh Trung-tiệp thuộc đạo Thuận-hóa. Ít lâu sau ông mất năm 68 tuổi.

Ông có tài lược văn võ, thuở nhỏ học rộng thi đỗ; trải thờ ba triều, quanh quẩn chỗ đài thự, vào làm tướng văn, ra làm tướng võ, ở ngôi Tướng quốc được 15 năm. Ông xếp đặt mọi việc gọn gàng, hành động từ tốn ung dung, ứng tiếp với mọi người lúc nào cũng như lúc nào; chúa Trịnh-Doanh thường khen là người có đức vọng tài trí. Ông là bậc nguyên lão trong nước, làm cột đá cho Triều-đình, [54a] công lao và danh vọng long trọng; đời bấy giờ ai cũng suy tôn, xưng tụng. Chúa ban tên thụy là Trung-Cần và truy phong Phúc thần bậc trung.

(Con ông là Nguyễn-Khản đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Canh-thìn, niên-hiệu Cảnh-hưng, làm quan đến Thượng-thư bộ Lại và Tham-tụng, tước Quận-công. Năm Bính-ngọ có loạn, ông trốn lên miền đầu nguồn, bị chướng tật, về đến kinh thì mất).

Digitized by Google

TRẦN-DANH-NINH

Ông người làng Bảo-triện, huyện Gia-định. Cha của ông là Phụ-Dực đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Quý-hợi niên-hiệu Chính-hòa (1683), làm đến Tham-chính Lạng-sơn. Phụ-Dực có 10 con trai, Ông là con thứ 8. Thuở nhỏ, ông rất ham học, chịu khó dụng công chăm chỉ, khi lớn lên nổi tiếng về văn chương; năm 21 tuổi thi hương đỗ Giải-nguyên; năm 29 tuổi đỗ Hoàng-giáp khoa Tân-hợi niên-hiệu Vĩnh-khánh (1731). Từ thi hương đến thi đình ông đều đỗ đầu.

Năm Canh-thân niên-hiệu Cảnh-hưng (1740), ông làm Thị-giảng viện Hàn-lâm, được vào (phủ) làm Bồi-tụng; qua năm sau, được [54b] phong tước Bảo-huy bá.

Năm Quý-hợi (1743) ông được ban ơn, thăng Tế-tửu Quốc-tử giám; ít lâu sau vì có lỗi phải thôi chức Bồi-tụng. Chưa bao lâu, được chúa cho theo hộ giá đi đánh phương nam, có công, ông được thăng Đại học-sĩ Đông-các. Năm sau ông vâng mệnh làm Tán-lý Đông đạo đi tiễu trừ giặc cỏ. Chúa triệu về lại cho làm Bồi-tụng và làm việc ở khu-mật viện.

Mùa đông năm Ất-sửu (1745), ông có quân công được thăng Thiêm Đô ngự-sử. Bấy giờ ông đã 43 tuổi. Năm sau, chúa cho ông dự bàn trong tướng phủ, thăng Hữu thị-lang bộ Công.

Mùa xuân năm Đinh-mão (1747), ông được phong tước hầu. Ông theo chúa lâu ngày, am hiểu pháp điển

Digitized by Google

cũ, nên năm lần điều trần hợp ý chúa, được đặc biệt khen ngợi, thăng Hữu thị-lang bộ Lại, làm Bồi-tụng như cũ. Bấy giờ giặc cỏ ở phía đông-nam nổi lên dữ dội, [55a] chúa đặc sai ông làm Tán-lý, cùng với chức kiêm Thống-lĩnh là Cần quận-công, tiến binh đánh dẹp, đại thắng, nhờ đó phía đông được tạm yên, ông được dự thưởng công lao, thăng phó Đô ngự-sử.

Mùa đông năm Nhâm-thân (1752), ông theo chúa Trịnh đánh giặc ở phía tây. Năm sau dẹp xong, ông được ban ơn, thăng Tả thị-lang bộ Công. Ông ở tướng phủ được 16 năm, giữ lòng ngay thẳng, không a-dua, bị bọn quyền nịnh ghen ghét. Năm Bính-tý (1756), ông phạm lỗi phải thôi chức Bồi-tụng, bị giáng một bực. Năm Mậu-dần (1758), được gia ân cho lên làm việc ở bộ Công và dự bàn chính sự trong tướng phủ. Mùa đông năm Canh-thìn (1760), ông được phục chức Bồi-tụng; năm sau lại được làm Thị-lang bộ Lễ và trả lại chức cũ, rồi thăng lên Tả thị-lang bộ Hình, kiêm Tổng-tài Sử-quán; lại được thưởng công phá giặc, thăng [55b] Tả Thị-lang bộ Lễ.

Năm Bính-tuất (1766), 64 tuổi, ông viện lẽ xin về hưu, được thăng Thượng-thư bộ Lễ. Mùa xuân năm Đinh-hợi, ông chưa kịp về làng thì mất. Ông là người cương quyết, nghiêm nghị, tự giữ phong thể của mình; việc giáp binh, việc tế lễ, việc nào cũng làm nên; chí như ở triều-đình, bàn việc chính-trị thì khảng khái, công-bằng, ngay thẳng, lẫm-liệt, không ai dám phạm đến, có khuôn-phép khí-độ của bậc danh thần, được người đương thời kính phục. Triều-đình truy tặng Thiếu-bảo ban tên thụy là Mẫn-Đạt.

Digitized by Google

(Con thứ tư của ông là Trần-Quang-Trạch, sinh ra vốn thông-minh dĩnh-ngộ khác thường. Lên 10 tuổi đã soạn bài tán dâng chúa, được ban thưởng; năm 13 tuổi được ban chức Học-sĩ; năm 15 tuổi cùng với sứ Tàu xướng họa, người ta đều gọi là Trạng-nguyên).

TRẦN-DANH-LÂM

Ông tên hiệu là Khiêm-Trai, em cùng mẹ của Danh-Ninh, con thứ 9 của Phụ-Dực. [56a] Năm 21 tuổi, ông với anh cùng đỗ thi hương; năm 27 tuổi lại cùng đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Tân-hợi niên-hiệu Vĩnh-khánh (1731), anh em liên bảng, người thời bấy giờ cho làm vinh.

Đầu niên-hiệu Cảnh-hưng ông làm Đốc-đồng Cao-bằng, có công dẹp giặc được thăng Hiệu-lý viện Hàn-lâm, tước Trục-nhạc bá; ít lâu sau được làm Đốc trấn. Năm Ất-sửu (1745), ông đem quân thu phục thành Lạng, được ghi công, thăng Thiêm Đô ngự-sử, và lên tước hầu. Năm Bính-dần được triệu về kinh thăng Hữu thị-lang bộ Công, vâng mệnh coi quân Tây đạo; có công được thiên Thị-lang bộ Hình. Mùa hạ năm Đinh-mão (1747), (chúa Trịnh) sai ông làm Đốc-thị Nghệ-an; năm Mậu-thìn có quân công, thăng Thị-lang bộ Binh. Ông ở các trấn 13 năm, ân uy rõ rệt, được triều-đình tin cậy.

[56b] Năm Kỷ-mão (1751), ông được triệu về kinh thăng Hữu thị-lang bộ Lại và vào (phủ) làm Bồi-tụng, kiêm phó Đô ngự-sử. Năm Đinh-hợi (1767), triều-đình suy ân cho ông thăng Tả thị-lang bộ Hộ kiêm Đô ngự-sử ở đài Ngự-sử.

Digitized by Google

Năm Kỷ-sửu (1769), ông viện lệ xin về hưu, được thăng Thượng-thư bộ Công. Ông làm quan 39 năm, coi giữ hai trấn ở miền Bắc, miền Nam, tất cả sáu lần xét công, làm Bồi-tụng được 6 năm, ở triều ở quận danh vọng hiển hách. Năm Bính-thân (1776), chúa nghĩ ông là bậc kỳ cựu, đặc cách gọi ra làm việc ở bộ Lại. Ít lâu sau ông mất, thọ 73 tuổi.

Ông bẩm tính thanh liêm, khoan hòa, giản dị, không tranh hành với ai, đến đâu dân cũng nhớ ơn. Lúc vào phủ làm Bồi-tụng, khi ở đài Ngự-sử, khi giữ việc tuyển bổ quan lại, ông được mọi người suy tôn là bậc người [57a] giữ lòng công chính. Ông cùng với anh là Bảo Huy công (Trần-Danh-Ninh) làm quan đồng thời, trong triều ngoài quận, đều có tiếng chính tích tốt, đều thăng đến Thượng-thư trí sĩ. Thực là một nhà phúc lộc trọn vẹn vậy. Triều-đình truy tặng Thiếu-bảo, tên thụy là Trung-Lượng.

(Con đầu của ông là Trần-Danh-Án đỗ Giải-nguyên ; năm 33 tuổi đỗ Hoàng-giáp, khoa Đinh-mùi niên-hiệu Chiêu-thống. Sau khi vạc đổi ông không ra làm quan, ít lâu sau chết ở nhà).

NGUYỄN - BÁ - LÂN

Ông người làng Cổ-đô, huyện Tiên-phong (Sơn-tây) ; quê tổ của ông ở làng Hoài-bão, huyện Tiên-du (Bắc-ninh). Ông tổ ba đời của ông giỏi về khoa địa-lý, thích phong thủy làng Cổ-đô mới dời đến ở đó. Cha của ông là Công-Hoàn

Digitized by Google

nổi tiếng văn chương ở đời. Bá-Lân vốn học ở nhà, năm 32 tuổi đỗ Hội-nguyên Tiến-sĩ khoa Tân-hợi niên-hiệu Vĩnh-khánh (1731), bắt đầu ra nhậm chức ở phiên, ông được nổi tiếng về đức tính trong sạch, cần-thận.

Đầu niên-hiệu Cảnh-hưng, ông làm Tả chấp pháp, giữ mình ngay thẳng, không a-dua, được [57b] chúa Trịnh-Doanh đem lòng quý mến. Thời bấy giờ bốn phương sinh nhiều biến cố, ông là bề tôi có công lao danh vọng, được ra đảm đương việc biên trấn. Năm Giáp-tý (1744), ông làm Lưu thủ ở Hưng-hóa, kế làm Đốc trấn ở Cao-bằng, vỗ về dân Man, dẹp yên trộm cướp, mấy phen làm nên công trạng vẻ vang. Ít lâu sau ông về làm Thiêm Đô ngự-sử và Bồi-tụng, tước Lệ trạch hầu. Mỗi khi bàn việc, ông giữ mực trung chính không bênh vực ai. Chúa Trịnh-Doanh khen ông là người ngay thẳng dám nói ; trải thăng đến Thượng-thư bộ Công ; năm Bính-tuất (1766), lên 65 tuổi, ông về hưu. Ít lâu sau ông lại được gọi ra làm quan, kiêm coi việc từ tụng.

Năm Đinh-hợi (1767), Trịnh-Sâm lên cầm quyền, vì có thiên tai hạn hán, muốn trưng cầu ý kiến hay, Bá-Lân dâng sớ xin thân oan cho những kẻ bị oan ức, khoan thứ cho những kẻ bị liên lụy, cứu vớt những người bị trôi dạt, tha cho những người còn thiếu thuế chồng chất. Chúa Trịnh-Sâm ban khen và chấp nhận lời đề nghị. Ít lâu sau lại dâng khải về [58a] sự thế ở Hưng-hóa và bày mưu diệt giặc, ông xin được chuyên chế một đạo Đà-giang mà cam-đoan trong hai năm, đầu giặc Chất (Hoàng-Công-Chất) có thể đem nạp dưới cửa khuyết. Chúa Trịnh-Sâm tỏ lời khích-lệ mà phái đi, cho cai

Digitized by Google

quản cơ Tả-nhuệ, và làm Tuyên-phủ sứ đạo Hưng-hóa. Chưa bao lâu, vì già yếu ông xin từ chức. Năm Canh-dần (1770), ông viện cớ tật bệnh xin về hưu. Chúa dụ rằng: « Khanh tuy tuổi già sức còn làm được việc; vả chăng chọn được người xứng chức rất khó, ta đang chọn người có thể thay cho khanh. Lúc khanh làm quan có lắm người dèm pha, nhưng ta không ngờ vực; nay tuy từ chức, khanh nên ở lại kinh phòng khi có dịp hỏi đến ». Khi triều-đình luận công dẹp giặc, ông đứng đầu, được thăng Thượng-thư bộ Lễ, rồi đổi sang Thượng-thư bộ Hộ, hàm Thiếu-bảo, sung ban Ngũ-lão hầu chúa.

Năm Ất-tỵ (1775) ông mất, thọ 86 tuổi, được truy tặng Thái-tể, tước Quận-công.

[58b] NHỮ-ĐÌNH-TOẢN

Ông người làng Hoạch-trạch, huyện Đường-an (Hải-dương); nội tổ của ông là Tiến-Dụng đỗ Tiến-sĩ khoa Giáp-thìn niên-hiệu Cảnh-trị (1664), làm quan đến Cấp sự trung. Cha của ông là Tiến-Hiền đỗ Tiến-sĩ khoa Canh-thân niên-hiệu Vĩnh-trị (1680), phụng mệnh đi sứ, trải thăng đến Thượng-thư bộ Hình và Bồi-tụng; xử kiện công bình đứng đắn, chính sự nổi tiếng, người thời bấy giờ đều khen ngợi. Cuối niên-hiệu Vĩnh-hựu ông (Tiến-Hiền) mất; đầu niên-hiệu Cảnh-hưng được triều-đình truy tặng Thiếu-phó, Thọ quận-công. Bài chế đại lược viết:

PHIÊN ÂM

« *Nhập Ngự-sử dĩ tham đài, sương ngưng tố giản; tiến Thượng-thư nhi nhị tướng, thời trước hu mô.*

Digitized by Google

Huân nghiệp vu tín sử hữu trưng ; tri ngộ tại tiên triều vô thế.

Vị ư tài nhi vị mãn, mai chính hy Phó đỉnh chi điều ; lộc dự phúc dĩ quân lưu, hòe nhược đãi Vương lư chi uất.

[59a] *Quả chung lệnh tự, thực cán hồng xu ».*

DỊCH NGHĨA

« Sung chức Ngự-sử, tham dự Đô đài, giữ mình trong sạch như sương ; thăng lên Thượng-thư mà phụ tể-tướng, giúp nước thường bày mưu lớn.

Công lao được sử ghi chép rõ ràng ; ơn tri ngộ từ triều trước đến già vẫn không sút kém.

Địa vị so với tài chưa đối xứng, mong được quả mơ Phó-Duyệt (1) để nêm canh ; nhưng lộc và phúc dành để về sau, cây hòe họ Vương (2) hẳn trở nên tươi tốt.

---

(1) Phó-Duyệt làm tướng nhà Thương giúp vua Cao-tôn. Người làm tướng quốc khéo điều hành việc nước, cũng ví như người đầu bếp dùng quả mơ chua mà nêm canh, khiến mọi vị cay đắng mặn lạt cùng dung hòa thành một món thực-phẩm thích khẩu cho mọi người.

(2) Tống sử — Vương-Đán truyện : Cha Vương-Đán là Vương-Hộ trồng 3 cây hòe ở sân và nói rằng : « Con cháu ta ngày sau có người làm đến Tam công, 3 cây này trồng để ghi nhớ ». Về sau, người con thứ của ông là Vương-Đán làm Tể-tướng, người ta gọi « Tam hoè Vương thị ».

Digitized by Google

[59b] Công quả chung đúc vào con trai, thực tài làm nên rường cột lớn».

Lại có câu:

PHIÊN ÂM

«Kiều mộc thiệu phương, lịch tam thế nhi phong thanh giao ánh, công năng kiêm tác thuật ư nhất thân: cam đường lưu ấm, tích bách niên nhi chính tích như tân, trấm thượng ký tụng dao ư vạn thế».

DỊCH NGHĨA

«Cây cả nối dấu thơm, trải ba đời danh tiếng lẫy lừng, một mình ông hay gồm tác thuật (1); cõi cam-đường rũ bóng, hơn trăm năm chính tích như mới, trẫm còn ghi muôn thuở ngợi khen».

Đó là lời khen ngợi có ý nghĩa sâu sa, liên cập cả cha ông đời trước.

Đinh-Toản từ thuở thơ-ấu đã thông minh tuấn tú, việc học hỏi vốn sẵn có nếp nhà. Năm 18 tuổi vì văn-chương mắc lỗi rồi do đó mà được nổi tiếng; năm 26

(1) Tác-thuật: Cha làm ra là «tác»; con noi theo là «thuật» (kế thuật). Đại ý câu văn nói: Ông Nhữ-Đình-Toản ở giữa, trước có cha sáng tác, sau có con kế thuật.

Digitized by Google

tuổi mới được đi thi, dự khoa hương đỗ thứ hai, rồi do tập ấm mà làm chức Tự-thừa. Năm 33 tuổi ông đỗ Hội-nguyên Tiến-sĩ khoa Bính-thìn niên-hiệu Vĩnh-hựu triều Ý-tông (1736). Đầu niên-hiệu Cảnh-hưng ông do chân Tự-khanh làm đến Tham-tụng. Thời bấy giờ nước nhà gặp nhiều biến cố. Công-Toản mới tiến thân, cùng hai ba vị [59b] cố lão xử trí mọi việc. Chúa Trịnh-Doanh rất yêu mến trọng đãi, cho đổi tên là Công-Toản.

Năm Nhâm-tuất (1742), chúa Trịnh sai ông làm Thái-phỏng sứ ở Sơn-nam hạ lộ; ít lâu sau lại triệu về mà giao cho mọi việc quân quốc trọng yếu. Ông cùng Hà-Tông-Huân điều trần những việc nên làm lúc bây giờ, rất xứng ý chúa, được thăng Thượng-thư và Tham-tụng, tước Bá-trạch hầu, giúp bên cạnh chúa, càng ngày càng được chúa đem lòng quý mến. Năm Tân-mùi (1751), triều-đình hiệu định bộ «Bách quan chức chưởng», Đình-Toản tham khảo châm chước điển lệ các triều trước, đem chín điều dạy bảo cho quan liêu trong tướng phủ, người bây giờ khen là điển chương tốt-đẹp. Ông lại cho văn-chương thời ấy quá thiên trọng những tình-tiết phiền-toái, mất dần tính-chất hồn-hậu; ông xin chúa xuống chỉ dụ khôi phục lại thể văn đời Hồng-đức; thi hương, thi hội đều dùng lối văn bình-dị, bỏ lối từ chương vụn vặt. Từ đó lối văn thi cử [60a] được thay đổi hết; những người có kiến thức học vấn đều ngợi khen.

Ông làm tướng quốc hơn 10 năm, chỉ lo giữ thể-thống, chuộng sự khoan hòa, quảng đại. Người thời bấy giờ khen

Digitized by Google

là danh thần. Sau vì muốn xa nơi quyền thế, ông mới xin đổi sang chức võ, được làm Hiệu-điểm, tạm coi việc phủ, lần thăng mãi đến chức Tả Đô-đốc, tước Trung-phái hầu. Khi về hưu, ông được đặc ân cho dự vào hàng quốc-lão. Ít lâu sau (chúa Trịnh) lại gọi ra làm quan, nhưng ông cố từ; chúa cho bài thơ quốc âm để dụ ông nhưng ông vẫn không chịu ra. Năm Quý-tỵ (1773), ông mất, thọ 72 tuổi, được truy tặng Thái-bảo.

(Con thứ tư của ông là Công-Chấn, năm 22 tuổi đỗ Hoàng-giáp khoa Nhâm-thìn, thi hội và thi đình đều đỗ thứ hai, là người ít tuổi mà giỏi nhất khoa ấy, làm quan đến Thự Hữu thị-lang bộ Lễ).

PHẠM-ĐÌNH-TRỌNG

Ông người làng Khinh-dao, huyện Giáp-sơn (Hải-dương), sinh ra có phong tư khôi ngô tuấn tú; năm lên tám, học vỡ lòng liền thông-hiểu luật thơ; lúc lớn văn chương hùng-vĩ; năm 26 tuổi đi thi một lần liền đỗ đồng Tiến-sĩ khoa Kỷ-tỵ niện-hiệu Vĩnh-hựu. [60b] Đầu niên-hiệu Cảnh-hưng, ông làm phó Đô ngự-sử, vào phủ làm Bồi-tụng, tước Dao-lĩnh hầu. Được ít lâu sau chúa sai ông làm Hiệp trấn ba đạo Đông Nam Bắc, thống lĩnh các quân đánh giặc (Nguyễn) Hữu-Cầu. Sau khi phụng mệnh, Đình-Trọng đem đạo quân của mình cùng các nghĩa quân sĩ của 7 quận ở Kinh-môn và ở Thanh-hà, Tứ-kỳ, Vĩnh-lại đi đánh dẹp, lập được nhiều chiến công. Năm Ất-sửu (1745), ông phá tan quân Hữu-Cầu ở Xương-giang, bắt

Digitized by Google

được đồ đảng của giặc. Cầu thế cô xin đầu hàng với triều-đình. Chúa Trịnh-Doanh sai Thiêm-tri là bọn Nguyễn Sảng đem chỉ ra dụ ông thong thả hãy đánh. Đình-Trọng nói: «Tướng ở ngoài, mệnh vua có khi không nhận. Ta nay phụng mệnh diệt giặc; nếu có thể đánh được thì cũng không vì mệnh vua mà trì hoãn được». Bọn Sảng nhìn nhau tái mặt, liền đến [61a] gặp Cầu thuật lại ý-chỉ của chúa Trịnh; nhưng nói chưa dứt lời thì Trọng đã đem binh ập đến đánh phá tan quân giặc. Cầu chạy trốn. Năm Mậu-thìn (1748), ông lại đánh bại Cầu ở Xương-giang. Năm Kỷ-tỵ (1749), ông thống suất quân 3 đạo hợp lại tiễu tử. Cầu chạy vào Nghệ-an. Năm Canh-ngọ (1750), bộ tướng của ông là Phạm-Đình-Sĩ bắt được Cầu ở xã Hoàng-mai thuộc huyện Quỳnh-lưu, đóng cũi đem về kinh-sư, rồi xử tử. Giặc trốn tránh lâu năm, một sớm quét sạch; bây giờ ông 36 tuổi, có công được thăng Thượng-thư bộ Binh, Thái-tử Thái-bảo, tước Hải quận-công.

Bài chế viết như sau:

«Cụ quan mộ... lang sở hoành tài, tinh nham giản khí. Giả văn chương ư đại khối, tảo trì khoa giáp chi danh; trưng khí nghiệp ư tiểu quan, tức phụ công hầu chi vọng.

Khoảnh thuộc kinh luân [61b] *chi tế; mậu sư mẫn cán chi du. Hải mạc tham cung phục chi quyền, điều bát độc lao ư tam khổn; vân sơn lỗ can thương chi xứ, kinh dinh giảo đặt ư nhất trù. Phụ uy chi giáo song hành, nhương phạt chi binh bách khắc. Đặc thuyền phá lãng. Đồ sơn kinh cứ điều*

Digitized by Google

dĩ phần sào ; thiết kỵ hoành không, Xương hà tiệt bôn kình ư xúc võng. Nhĩ tạm liệt bồi thanh cấm, giã phiên nhưng tá lương hàn. Tùng chính phủ dĩ trì qua, tứ phương ngưỡng cổn y tú thường chi hóa ; xuất hoàng đường nhi lự vũ, tam quân tráng thông hành kim lộ chi dung. Thực hư đỗng chiếu tiên cơ ; chiến thủ thiện thừa định thế. Hối can qua [62a] *ư lội tự, canh đồn tán địch nhi ngật định nhưng di ; hóa cung kiếm dĩ huyền ca, viên chữ lưu dân nhi chuyển định tập. Quốc hữu năng binh chi tướng, nhân xưng thường thắng chi gia. Nghĩa thanh đáo xứ thần bình, kịch vụ tùy phương liệu lý. Bình hải nhất thi diệu hoạch, Đông dương tiêu phản trắc chi gian ; Quan lan thất hiến ngoan phù, yên đài tráng cầm phòng chi liệt. Triều tấu nhị Lương chi khải ; biên hưng nhất Phạm chi dao. Động tĩnh kiêm thường vũ sơn xuyên ; ưởng chưởng tự thái vi nhật nguyệt. Tứ chinh ngật huyền nhai phi bộc, tiễn lý cung biên trụ chi sở nan ; thập nẫm kinh dũng vũ hưu qua, ung dung dĩ đái cầu nhi giác dị.* [62b] *Nhã kế khuông Chu chi tích ; kham tuần sách Tấn chi công.*

Trẫm chi thiện tiên du, ngượng thành chí lý. Lại vương thượng trùng phu bí chính, vĩnh đề định công bảo trị chi hưu ; gia nguyên thần cửu phục sư lao, bất phụ thuyết lễ đôn thi chi tuyền. Thù tưởng doãn hài ư thiêm nghị ; quyến ưu thực giản ư trẫm tâm.

Thị dụng tấn trắc chính khanh, vinh gia liệt quận ; vu dĩ chiêu hậu ngộ, vu dĩ biểu thù lao.

Ô hô trướng chiên tôn trở mạc phi công, ký trọng sư trung chi tích ; lang miếu phong cương giai báo quốc, miễn kiên vương thất chi tâm ».

Digitized by Google

DỊCH NGHĨA

« Xét mỗ quan (Phạm-Đình-Trọng) đây : Tài lớn làm nên hòn đá tảng của triều-đình, khí độ vi như sao như núi. Trời phú cho khiếu văn chương, tuổi trẻ đã lừng danh khoa giáp ; khí tượng lớn đã biểu lộ qua chức quan nhỏ, bản tâm vốn có ước vọng công hầu.

Vừa đây gặp dịp phát triển kinh luân, ngươi đã [61b] trổ tài mẫn cán. Nơi bãi biển giữ quyền đánh dẹp một mình điều khiển ba đạo quân, công lao khó nhọc ; chốn núi mây xông pha bắt giặc, mưu mô trù hoạch, thần cơ diệu toán sẵn trong lòng. Trị dân uy đức đi đôi ; dẹp giặc đánh đâu được đó. Thuyền quân rẽ sóng, nơi Đồ-sơn tổ chim cú cháy thành tro ; ngựa sắt tung trời chốn Xương-giang lũ cá kình đều mắc lưới. Tại triều nội thì hầu gần nơi cung cấm ; trấn biên thùy thì giữ vững giậu phên. Do tướng phủ mà ra cầm quân, bốn phương ngữa trông đức hóa (như được thấy Chu-Công) mặc áo cổn xiêm hoa ; ở hoàng đường mà kiêm chức võ, ba quân đều phấn khởi trước uy-nghi của bậc thống lĩnh ngồi xe vàng đeo chuỗi ngọc. Thực cùng hư biết trước cơ-ngơi ; đánh hoặc giữ khéo thừa thế trận. [62a] Đem cày bừa thay gươm giáo, lập đồn điền, buông túng giặc rồi vẫn dẹp yên ; hóa cung đao thành đàn hát, dựng nhà cửa, dụ lưu dân tụ tập định cư. Nước có tướng giỏi cầm quân ; người khen tài hay thắng trận. Tiếng nghĩa đến đâu yên đấy ; việc khó khăn lo liệu tùy phương. Trấn Bình-hải bày mưu thần diệu, phá tan quân phản trắc biển Đông ; giặc Q...

Digitized by Google

(1) nạp bảy tù binh, công đánh dẹp vang lừng cõi Bắc. Trong triều tâu bài khải Nhị-Lương (2); ngoài biên nổi tiếng ca họ Phạm (3). Khi động khi tĩnh, lúc nào cũng giữ gìn bờ cõi, như công-nghiệp Tuyên Vương được xưng tụng trong thơ «thường vụ» (4); công đánh dẹp gian-nan kéo dài ngày tháng, như việc tuần thú của nhà Chu được mô tả trong thơ «thái-vi» (5). Đánh bốn mặt trèo non vượt suối, thân mang giáp trụ chịu gian lao; trải mười năm khi lâm trận lúc nghỉ ngơi, vẻ đai áo ung dung tự tại, [62b] Nối được công giúp nước của (Thích-Vọng) (6) đời Chu; noi được gương khuyên vua của (Vương-Đạo) đời Tấn.

Trẫm nay: Kính nối nghiệp xưa, ngửa noi chí trị. Nhờ nhà chúa mở mang triều chính làm nên công đại định giữ vững cơ-nghiệp lớn-lao; khen nguyên thần theo việc quân

---

(1) Quan-lan: Tên gọi một toán giặc biển người Tàu, Tổng-đốc Lưỡng-Quảng không dẹp nổi, phải nhờ triều-đình ta dẹp hộ; chúa Trịnh sai Phạm-Đình-Trọng đi đánh, bắt được bảy tên.

(2) Nhị-lương: Hai anh em Lương-Đảng và Lương-Hy ở đời Tiền Tần cũng nổi tiếng hay chữ ở triều-đình.

(3) Phạm-Trọng-Yêm làm tướng đời Tống có công đánh giặc.

(4) Thường-vũ: Tên một bài thơ trong kinh Thi nói việc Tuyên-vương nhà Chu đem quân đi đánh đất Từ.

(5) Thái-vi: Tên một bài thơ trong kinh Thi nói việc vua nhà Chu sai tướng đem quân đi đánh các rợ Côn-ti, Hiểm-doãn.

(6) Thiệu-Công-Thích và Thái-Công-Vọng phò tá nhà Chu rất đắc lực.

Digitized by Google

khó-nhọc đã lâu, thực không phụ công kén chọn nhân tài trong giới học hành thi lễ. Việc khen thưởng đã do đình nghị thuận tình, sự luyến ái thực xuất phát từ lòng Trẫm.

Vậy nên: Thăng chức chính khanh, vinh phong tước quận; để tỏ rõ sự đãi ngộ trọng hậu, để biểu dương công trạng khác thường.

Ôi! việc quân việc lễ, chẳng việc nào không phải là công, từng được ban ơn cho long trọng; ở lang miếu, ở biên cương, ở đâu cũng là báo nước, gắng bền lòng trung với nhà vua».

Chúa (Trịnh) cho thành lũy ở biên-thùy phía nam là nơi xung yếu, việc quyền nhiệm rất hệ trọng, nên sai ông làm Đốc suất ở Nghệ-an. Khi ông đã nhậm chức [63a] tiếng tăm uy thế lừng lẫy, trộm giặc tiêu tan, trong cõi được trị yên, ninh-tĩnh. Người địa phương lập sinh-từ để thờ sống. Năm Giáp-tuất (1754), ông mất ở quân doanh, tuổi mới bốn mươi.

Ông là người toàn tài văn võ, làm bậc nguyên-thần của quốc-gia, là một danh tướng trong làng nho, công lao sự-nghiệp kỳ-vĩ, gần đây chưa từng có. Triều-đình truy phong Đại-vương phúc thần.

(Sau khi ông mất, người châu Hoan lập miếu thờ, miếu ở làng Kiền-sơn, huyện Kỳ-hoa).

Lời án: Trong khoảng năm Canh-thân (1740), Tân-dậu

Digitized by Google

(1741), đời Cảnh-hưng, bốn phương nhiễu loạn, triều-đình sớm trưa lo lắng, chúa (Trịnh-Doanh) cố gắng mưu gỡ tình thế, chấn chỉnh những việc đình trệ. Bây giờ có vài ba cố lão và mấy bậc hiền giả mới tiến thân, cùng lòng chung sức giúp việc chính sự và dẹp giặc, hoặc trù mưu kế ở miếu đường, [63b] hoặc dong ruổi ngoài biên-giới, nên chỉ trong khoảng 10 năm, giặc cướp bị quét sạch, bờ cõi được yên ổn; công huân lừng lẫy, các vị ấy thực đáng khen là hiền phụ ở cuối đời Lê. Nay chỉ chép từ Nguyễn Phú-thị (Quang-Nhuận) đến Phạm Khinh-dao (Đình-Trọng), cọng 13 người, đều có công lao rõ rệt đáng ghi, cứ theo thứ tự trước sau mà biên chép đủ. Ngoài ra, tác-giả không chép thêm nữa.

Digitized by Google

Huân nghiệp vu tín sử hữu trưng ; tri ngộ tại tiền triều vô thế.

Vị ư tài nhi vị mãn, mai chính hy Phó đỉnh chi điều ; lộc dự phúc dĩ quân lưu, hòe nhược đãi Vương lư chi uất.

[59a] *Quả chung lệnh tự, thực cán hồng xu* ».

DỊCH NGHĨA

« Sung chức Ngự-sử, tham dự Đô đài, giữ mình trong sạch như sương ; thăng lên Thượng-thư mà phụ tể-tướng, giúp nước thường bày mưu lớn.

Công lao được sử ghi chép rõ ràng ; ơn tri ngộ từ triều trước đến già vẫn không sút kém.

Địa vị so với tài chưa đối xứng, mong được quả mơ Phó-Duyệt (1) để nêm canh ; nhưng lộc và phúc dành để về sau, cây hòe họ Vương (2) hẳn trở nên tươi tốt.

---

(1) Phó-Duyệt làm tướng nhà Thương giúp vua Cao-tôn. Người làm tướng quốc khéo điều hành việc nước, cũng ví như người đầu bếp dùng quả mơ chua mà nêm canh, khiến mọi vị cay đắng mặn lạt cùng dung hòa thành một món thực-phẩm thích khẩu cho mọi người.

(2) Tống sử — Vương-Đán truyện : Cha Vương-Đán là Vương-Hộ trồng 3 cây hòe ở sân và nói rằng : « Con cháu ta ngày sau có người làm đến Tam công, 3 cây này trồng để ghi nhớ ». Về sau, người con thứ của ông là Vương-Đán làm Tể-tướng, người ta gọi « Tam hoè Vương thị ».

Digitized by Google

[59b] Công quả chung đúc vào con trai, thực tài làm nên rường cột lớn ».

Lại có câu :

PHIÊN ÂM

« Kiều mộc thiệu phương, lịch tam thế nhi phong thanh giao ánh, công năng kiêm tác thuật ư nhất thân ; cam đường lưu ấm, tích bách niên nhi chính tích như tân, trẫm thượng ký tụng dao ư vạn thế ».

DỊCH NGHĨA

« Cây cả nối dấu thơm, trải ba đời danh tiếng lẫy lừng, một mình ông hay gồm tác thuật (1) ; cỗi cam-đường rũ bóng, hơn trăm năm chính tích như mới, trẫm còn ghi muôn thuở ngợi khen ».

Đó là lời khen ngợi có ý nghĩa sâu sa, liên cập cả cha ông đời trước.

Đinh-Toản từ thuở thơ-ấu đã thông minh tuấn tú, việc học hỏi vốn sẵn có nếp nhà. Năm 18 tuổi vì văn-chương mắc lỗi rồi do đó mà được nổi tiếng ; năm 26

(1) Tác-thuật : Cha làm ra là « tác » ; con noi theo là « thuật » (kế thuật). Đại ý câu văn nói : Ông Nhữ-Đình-Toản ở giữa, trước có cha sáng tác, sau có con kế thuật.

Digitized by Google

Digitized by Google

MỤC LỤC

LỊCH-TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG LOẠI CHÍ.— NHÂN VẬT CHÍ

QUYỂN VI

THỐNG-HỆ CÁC ĐẾ VƯƠNG

Trang

HỌ HỒNG-BÀNG (2879 — 257 trước Công-nguyên)

Kinh Dương Vương. 9
Vua Lạc-Long 9
Hùng Vương 10

NHÀ THỤC (257 — 208 trước Công-nguyên)

An Dương Vương 10

HỌ TRƯNG (40 — 43 sau Công-nguyên)

Trưng Nữ Vương 12

NHÀ TIỀN LÝ

Tiền Lý Nam Đế (544 — 548) 13
Đào Lang Vương (549 — 555). 14
Phụ Triệu Việt vương (549 — 571) 14
Hậu Nam Đế (571 — 602) 15

NHÀ NGÔ (939 — 964)

Tiền Ngô Vương (939 — 944). 16
Hậu Ngô Vương 17
Thập Nhị Sứ quân. 18

NHÀ ĐINH (968 — 980)

Đinh Tiên hoàng 19
Phế Đế. 20

Digitized by Google

NHÀ TIỀN LÊ (980 — 1009)

Lê Đại Hành Hoàng-đế 21
Trung tông đế 22
Khai Minh vương 22

NHÀ LÝ (1010 — 1225)

Lý Thái-Tổ Hoàng-đế 23
Thái tông Hoàng-đế 24
Thánh tông Hoàng-đế 25
Nhân tông Hoàng-đế 26
Thần tông Hoàng-đế 27
Anh tông Hoàng-đế 27
Cao tông Hoàng-đế 28
Huệ tông Hoàng-đế 29
Chiêu Hoàng 29

NHÀ TRẦN (1225 — 1399)

Thái tông Hoàng-đế 30
Thánh tông Hoàng-đế 31
Nhân tông Hoàng-đế 31
Anh tông Hoàng-đế 32
Minh tông Hoàng-đế 32
Hiến tông Hoàng-đế 32
Dụ tông Hoàng-đế 33
Nghệ tông Hoàng-đế 33
Duệ tông Hoàng-đế 34
Phế đế 34
Thuận tông Hoàng-đế 34
Thiếu đế 35

HẬU TRẦN (1407 — 1413)

Giản-Định đế 36
Trùng-quang đế 36

NHÀ LÊ (1428 — 1527)

Thái Tổ Cao Hoàng-đế 37
Thái tông Văn Hoàng-đế 38
Nhân tông Tuyên Hoàng-đế 39
Thánh tông Thuần Hoàng-đế 40
Hiến tông Duệ Hoàng-đế 42
Túc tông Khâm Hoàng-đế 43
Uy-Mục đế 43
Tương-Dực đế 44
Chiêu tông Thần Hoàng-đế 45
Cung Hoàng-đế 46

Digitized by Google

LÊ TRUNG HƯNG (1533 — 1788)

Trang tông Dụ Hoàng-đế 46
Trung tông Vũ Hoàng-đế 48
Anh tông Tuấn Hoàng-đế 48
Thế tông Nghị Hoàng-đế 49
Kinh tông Huệ Hoàng-đế 50
Thần tông Uyên Hoàng-đế 51
Chân tông Thuận Hoàng-đế 52
Huyền tông Mục Hoàng-đế 52
Gia tông Mỹ Hoàng-đế 53
Hy tông Chương Hoàng-đế 53
Dụ tông Hòa Hoàng-đế 54
Hôn Đức công 54
Thuần tông Giản Hoàng-đế 55
Hiền tông Vĩnh Hoàng-đế 55
Chiếu thống đế 56

ĐÒNG-DÕI CHÚA TRỊNH (1542 — 1786)

Thế tổ Minh-Khang Thái vương 58
Thành tổ Triết vương 58
Văn tổ Nghị vương 59
Hoằng tổ Dương vương 60
Chiêu tổ Khang vương 61
Hy tổ Nhân vương 62
Dụ tổ Thuận vương 62
Nghị tổ Ấn vương 63
Thánh tổ Thịnh vương 64
Điện Đô vương 65
Đoan Nam vương 65
Ấn Đô vương 66

PHỤ SỰ-TÍCH NHÀ MẠC

Mạc Đăng Dung 66
Mạc Đăng Doanh 68
Mạc Phúc Hải 68
Mạc Phúc Nguyên 69
Mạc Mậu Hợp 69

QUYỂN VII

NGƯỜI PHÒ-TÁ CÓ CÔNG-LAO TÀI ĐỨC

THỜI LÝ CÓ 4 NGƯỜI

Lý Đạo Thanh — Lê Bá Ngọc — Tô Hiến Thành — Lý Kính Tu 75-80

Digitized by Google

THỜI TRẦN CÓ 10 NGƯỜI

Trần Quang Khải — Mạc Đĩnh Chi — Nguyễn Trung Ngạn, Trương Hán Siêu — Lê Quát — Phạm Sư Mạnh — Đoàn Nhữ Hài — Trần Thì Kiến — Phạm Tông Mại — Trần Nguyên Đán . . . . . 82 - 104

THỜI LÊ SƠ 18 NGƯỜI

Nguyễn Trãi — Lê Văn Linh — Đào Công Soạn — Bùi Cầm Hổ — Nguyễn Thiên Tích — Phan Thiên Tước — Nguyễn Trực — Nguyễn Như Đổ — Lương Thế Vinh — Quách Đình Bửu — Quách Hữu Nghiêm — Đỗ Nhuận — Thân Nhân Trung — Đào Cử — Nguyễn Cư Đạo — Đàm Văn Lễ — Nguyễn Bảo — Bùi Xương Trạch — Lương Đắc Bằng . . . . . 107 - 168

THỜI MẠC 1 NGƯỜI

Giáp Hải 171

QUYỂN VIII

NGƯỜI PHÒ-TÁ CÓ CÔNG-LAO TÀI ĐỨC

(SAU THỜI LÊ TRUNG-HƯNG 39 NGƯỜI)

Nguyễn Mậu Tuyên — Phùng Khắc Khoan — Bùi Bỉnh Uyên — Lương Hữu Khánh — Lê Trạc Tú — Nguyễn Văn Giai — Nguyễn Danh Thế — Nguyễn Thực — Nguyễn Duy Thì — Lê Bật Tứ — Lưu Đình Chất — Nguyễn Nghi — Dương Trí Trạch — Đặng Thế Khoa — Phạm Công Trứ — Trần Đăng Tuyển — Vũ Duy Chí — Nguyễn Mẫu Tài — Đồng Tôn Trạch — Nguyễn Viết Thứ — Nguyễn Quán Nho — Đặng Đình Tướng — Nguyễn Quý Đức — Lê Anh Tuấn — Nguyễn Công Hãng — Nguyễn Công Cơ — Nguyễn Hiệu — Nguyễn Khiêm Ích — Nguyễn Quang Nhuận — Nguyễn Công Thái — Nguyễn Quý Cảnh — Lê Hữu Kiều — Ngô Đình Chất — Hà Tông Huân — Nguyễn Đức Vỹ — Nguyễn Nghiễm — Trần Danh Ninh — Trần Danh Lâm — Nguyễn Bá Lân — Nhữ Đình Toản — Phạm Đình Trọng. 183 - 279

Digitized by Google

ĐÍNH - CHÍNH

TRANG	DÒNG	THAY VÌ	XIN ĐỌC
		Tập II (Thượng)	
16	20	Tiền Ngô vương	Tiền Ngô vương (939-944)
75	5	thời Trần 5	thời Trần 10 (người)
280	19	Cụ quan mộ...	Cụ quan mỗ...
	25	Can thương	Can thường
281	7	nhưng di	nhương di
	8	chuyền định tập	chuyền thành định tập
	19	Trẫm chi thiện	Trẫm chi thiệu
283	5	« thường vụ »	« thường vũ »
		Tập II (Hạ)	
8	1	Uất-Trì (1), Kính-Đức (2)	Uất-Trì Kính-Đức (1),
	20	(1) (2) Uất-Trì, Kính-Đức hai bậc trung-thần	(1) Uất-Trì Kính-Đức là bậc trung-thần

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

戎馳驅于邊圉使十年之餘寇賊清平海宇安治
諸臣勲烈盖均可称黎晚之賢輔者今恃
富市公以下至范揺徨公九十三人皆有顯烈
紀次第登載而其餘則不復贅錄云

Digitized by Google

声素著盜賊消弭境内帖然安治土人為之立生祠甲戌卒于軍營年四十公以文武全才為王國元臣儒流名將勲業之奇近代所未有云追封大王禍神沒後驩人立廟祀之祠在奇華縣乾山鄉

按景興庚申辛酉年間四方擾動朝廷宵月旰王勵精圖回振拔淹滯當時二三故老與衆賢之徠進者相与協力同心翼賛修攘式壽畫於廟堂

Digitized by Google

易雅徐匡周之績堪循策晉之功朕祗紹先猷仰成
至理賴 王 皇上重敷賁政永底定功保大治之休嘉元
臣久服師勞不負說礼哀詩之選酬獎允諧於僉
諼眷優寔簡於朕心是用晉陟正卿榮加勞疏列郡于
以昭厚遇于以表殊勞於戲帳氊樽俎莫非功既
重師中功之錫廓宙封疆皆扱國勦堅王室之心王
以南陲堡障權任係重命為乂安督率既涖政威

Digitized by Google

戈於耒耜料屯艱(散)敵而迄定撫夷化弓劍以弦歌
垣渚俊(流)民而轉成安(定)集國有巳兵之將人稱常勝
之家美声列處坦平劇務隨方料理平海一施然
鑑東洋渡叵測之嫉覩瀾七獻傾促燕基壯於陝
之烈朝奏六梁之凱加興一范之談動靜兼常武
山川鞅掌嗣采微日月四征訖懸崖寬瀑残屏鴃
弁冑之所進十稔任用武休戈雝(雍)容似(以)帶裘而覘

Digitized by Google

之際茂拈(擄)敏幹之猷海漠參共服之權調扒(撥)独勞
於三國雲山虜下常之醜徑嘗較佚於一籌附
咸之教双行攘伐之威(與)百克弋船破浪塗山鶱䨿(雖)
典鳥以焚巢鐵騎橫空昌河截奔鯨於瞬倏迩
轄列陪清禁遐藩仍借良翰從政府以侍戈四方
仰袞衣繡裳之化出黃堂而振武三軍壯葱珩
金輅之容宸虛洞照先机戰守善承定崇晦干

Digitized by Google

為求遁鄭官言訖末重郎提兵掩至襄斧大破之
求遁去戊辰又敗求于昌(錦)江己巳董三道兵會勦
求走奔庚(入安)午重爨將范廷仕獲求于瓊瑙黃枝
檻送京師誅之積年逋寇一旦掃除時重年三十
六以功陞兵部尚書太子太保海郡公制曰具官
某硅(碌)礎豪材星岩間氣儆文章於大塊早馳科
甲之谷徵器業於小官夙負公侯之望頃為經綸

同進士景興初官剛都御史入侍陪從爵瑶嶺侯
尋命為東南北三道叶鎮統領諸軍討有求重既
奉命率本道兵与荊門七郡及青河四岐永賴諸
美士累立戰功乙丑大破有求於昌江獲其朋党
求芳孤乞降于朝鄭楹命僉知阮爽等諭緩攻
重曰將在外君命有所不受我奉命滅賊就使
芳有未乘亦不以君故逍遥也爽等相顧失色往

Digitized by Google

之一變、識者稱之、嘗撰十餘年、務持休說尚寬大、号稱名臣、後因欲遠權勢、遂乞除改武職、授校尉權府事、累遷左都督忠泳侯、致仕、特賜國老、尋命起復固辭、王賜國音詩諭之、終不肯起、癸巳年卒、壽七十二、贈太保、弟因丁八隆年二十二登至元科、官至都御史、戍並弟二高人林如諫尚之登晉九年右侍郎

范廷重、炎山怪條人、生而丰資魁碩、年十八歲說尚書、詩律、及長文章雄偉、年二十六一舉登永祐己巳科

Digitized by Google

故老同涖庶務鄭楹最加寵遇改名公纘壬戌命
採訪山南下路尋命召入內悉委以軍國机務贊
与宗勲條陳所宜甚稱其意陞兵部尚書參
播澤侯左右弥縫日承眷注辛未校定百官職掌
廷贊參酌先朝典例以九條訓廸政府号稱令典又
以近代文尚繁碎寢失渾厚請復遵洪德文体鄉
於王旨諭
會試題並用平易革細碎於是場屋章句之習為

果鍾令嗣寔幹洪樞、又曰裔大、紹美在三世而風聲
交、昊、公(愃下)巳兼述作、於一身、甘棠(上)留蔭、積百年而政
績如新、朕尚記誦謠於萬世、蓋深追美之也、年
僨幼而英俊、学問机杼得之家庭、年十八以章文耀
照遂以此名天下、二十六(始得)就試中鄉試第二、蔭堂寺
丞、年三十三、登黎宗丙永祐丙辰會元進士出身
初以寺卿行參政(從)、時國家多故、廷僨以新進与三

Digitized by Google

汝廷纘唐安穫澤人祖進用景治甲辰同進士官至
給事中父進賢永治庚申科進士奉使丕陞刑
部尚卡陪從斷獄平允以政事名射人稱之永祐
末卒景興初加贈少傅壽郡公制辞畧曰入御史
以參臺霜冴素簡進尚卡而式相辰著訏謨勳業
于信史有徵知遇在先朝無替位於才而未滿梅正
希傅鼎之調祿与福以均爾槐若待王廬之欝里

Digitized by Google

化事勢及陳滅賊之策謀專制沱河左一道未及不
出二年質賊之頭可致闕下森壯而遣之許管左
銳奇為興化道鎮撫使未幾以衰病辭仕庚寅引
疾乞回上諭之曰卿雖老膂力猶可任事可留京
以備顧問論平寧居守功進陞礼部尚卡累迁
戶部尚卡少保奉侍五老乙巳年卒壽八十六贈
太宰郡公

且得人任職最難方擇可以代卿者卿在官多有浮言我不為惑令維辭任

Digitized by Google

楹深加眷注、时四方多故、以名臣勲望、出常边圉、甲子為興化留守、继為高平督撫鎮、蛮戢盗屡著功績、尋入為僉都御史、隨從爵醴澤侯、抗忠論事不為回訴、楹以正直敢言奬之、丕陞工部尚書、丙戌年六十五致仕、尋起復兼知詞訟諸事、丁亥鄭森親政、以灾旱求言、伯璘上疏請伸屈抑寬連坐極流移蠲積欠加租、森嘉納之、尋又上言興

Digitized by Google

公正推之、与兄宝暉公同时登用、内朝外郡、並以政
績顯名、皆秩尚書致仕、尤為一家之完慶云、贈太保
謚忠亮、長子陳名案舉鄉元年三十三登昭統丁未科黄甲、鼎革後不仕卒于家、
阮伯璘先豊古都人、祖貞仙迓怀抱、三代祖遂於地学、
古都凡水、始徙居之、父公完以文章名世、伯璘学
業得自家素、三十二登永慶辛亥科會進士、始
任番僚、以清慎知名、景興初為執法、守正不阿、鄭

重、己卯年召还、擢吏部右侍郎、八陪從、尋兼副都御史、丁亥推恩陞戶部左侍郎、兼御史臺行都御史、己丑年援例致仕、陞工部尚書、登仕三十九年、涖朔南兩國凡六考、陪揆席又六朞、在郡在朝、名望煒燁、丙申年以耆首特命起復行吏部事、尋卒、壽七十三、性清廉和易、与物無競、所至民多依惠、八陪政府、涖鳥臺銓典部、世以秉心

Digitized by Google

年二十一与兄同領鄉薦二十七歲並登永慶辛亥
科進士晁第連榜時人榮之景興初官高平僉閫
以平賊功陞翰林校理賜爵帖岳伯尋命為督
鎮乙丑年將兵收復涼城錄功陞僉都御史進
侯爵丙寅召還陞工部右侍郎奉監軍西道
以功迁刑部侍郎丁卯夏淮差又安督視戊辰
以軍功陞兵侍在鎮十三年恩威兼著朝廷倚

Digitized by Google

礼部左侍郎、丙午年六十四援例請再致仕、陞礼部尚書、丁亥春未及還鄉卒、為人剛厲嚴毅自持風裁甲兵盧嘉左右攸宜至其處廊廟斷政論慷慨公直凛然不可犯名臣矩矩度為時推服公贈少保賜謚敏達、第四子光宅、生而聰穎殊常、十歲撰御奉奉賞、年十三、欲內学、十五歲与北使唱和、人皆以狀元称之、

陳名琳、號謙齋、名寧之同母弟、附翼之第九子也、

Digitized by Google

蹶特差為贊理叶与兼統領勤郡公進兵討之壬
大致克捷東方稍安預賞功陞副都御史庚申
冬奉扈從駕西征次年賊平推恩陞工部左侍郎
在位凡十六年守正不阿為權倖所嫉丙子坐停
陪從貶一次戊寅再陞推恩再陞工部坐堂庚辰
冬奉准復陪從次年復准行礼侍又准還前職
進刑部左侍郎兼史館總裁再奉賞破賊功陞

Digitized by Google

爵宝輝伯癸亥年推恩陞國子祭酒尋以事停
陪從未幾准扈駕南征以功陞東閣大学士次年
進賛理東道勦除草寇召回仍推入陪從奉行樞
密院事務乙丑冬以軍功陞僉都御史时年四十
三明年准敍坐堂陞工部右侍郎丁卯春准侯
爵趁陪日久練熟故典五次裯條陳称旨特奉
襃奬擢吏部右侍郎陪從如故时東南草寇猖

Digitized by Google

勲望隆重當世推稱賜謚忠勤追封中等福神阮倪登

景興庚辰科同進士仕正吏部尚書參從
郡公爵丙午兵乱避源頭浮痒疾回京卒

陳

名寧嘉定宝篆人父附翼與登正和癸亥科同進士
仕歷諒山參政有男十人公其第八子也少時性好
嗜学用功勤苦既長遂以文章名年既十一二十領鄉解
二十九歳登永慶辛亥科黄甲自鄉舉至廷試皆
第二二景興庚申官翰林院侍講命入陪從逾年賜

Digitized by Google

子太保進爵春郡公、丕加大司空、乙卯冬年〻
四乞謝陞大司徒、特賜以其年致仕、仍准以栄
月起復宅揆、迁戶部尚書、甲午南征敘左將軍
順化道參贊軍机、管中捷軍營、尋卒、年六十八
公有文武才畧、少雋博学、丕事三朝、周旋臺署
出入將相、居首輔十五年、行徐雍容、應酬如一、
鄭楹常以方望才智、奬之為國元老、為朝廷柱石

旨下班師、甲戌春回朝是夏命為會圃左監試、乙亥夏命為乂安叶鎮、次年召回、尋命叶与兼統領城郡公、進討京北山寇於之、丁丑陞刑部左侍郎、辛巳夏准討山寇功陞御史、再陞工部尚書、特敘入侍參從、時年五十四、既入相始解兵符賜管侍候嚴右隊、尋命知國子監兼知東閣國史總裁、甲申夏進秩少傅、丁亥夏鄭森攝政陞太

Digitized by Google

敗走公始提兵回援收復鎮營庚午春廷護以旨
鎮失守降授東閣大学士是冬鄭楹西征命
理扈復駕進平賊巢以以功陞僉都御史壬申春
奉往西興四道討賊隨即凱还准復前降職癸
酉夏以平賊功陞刚都御史时年四十六是冬命
為清莊道督領平賊將軍管右翊奇率諸号官
軍進攻山賊分兵並起進入哀牢國界賊徒遠竄

贊用累奏膚公景興辛酉年三十四以奉策勳陞山南
參政尋改國監祭酒癸亥年陞翰林承旨爵春
嶺伯丙寅年以軍功陞工部右侍郎侯爵特准
陪從坐堂戊辰年以乂安有警命為宣撫使兼贊
理軍務管鎮內奇与參領劢郡公會勦偽党賊平
回朝陞刑侍尋以清華山寇數出命為叶鎮守進
攻賊營所至克捷會賊間道侵賊鎮所至留守官

Digitized by Google

十八年、家無私積、人服其廉、楹心亦密簡焉、甲申年六十四致仕加少保、御製唐律賜餞、有十分清廉之語、尋起復陞兵部尚書、仍行吏部事、累加太子太傅、乙未年七十六、卒、贈太保、子聊年四十三、登景興戊戌科同進士、仕至京兆督同、孫聊年三十三、登景興丙戌科同進士、仕至宣光督同、

阮儼字希思号敬齋、宜春仙田人、年二十四、登永慶三年辛亥科二甲進士、初陟朝班、正參戎督同、叶

Digitized by Google

八登裕宗保泰丁未科同進士、永祐丙辰官東閣

校書以告効功擢刑右侍郎、再迁兵部右侍郎、為

初參從阮公沆営堪九竜地

父同列三品、時年三十七、以文学為鄭檀所親任、

己未進吏部右侍郎、景興初進陪從工部尚書

行吏部事、兼國子監祭酒、入侍經筵、義方侯、時

邊方騷擾、朝廷宵旰、分[illegible]与有。喬貴懲趍陪

政府、同心朴魚、深為鄭楹眷注、為人清慎、淹堪

Digitized by Google

選文瀾公耆英之會裴晉公綠野之堂均與一般肩
郭郎其怡河樂壽容何限量者耶公既歸築亭江
津每良辰晚景輙於亭上賞酌肘招野叟談話
凡員瀟洒初若無廊廟之貴者未幾尋命起復
奉侍五老卒贈太傅
阮公號仙逸人佚跡人父公吳登永盛乙未科同進
士仕至刑部侍郎致仕公歸鄉舉辭元年六十

Digitized by Google

財以讓後人以大伏居首相早霖金礪責望方殷乃介石先幾急流勇退移慨於自得之志而延覽於館淨之泉進退容從其欣適為何如抑聞之愛州庵興之地一泉一石莫非名勝而名土櫨之水銅鼓之山又貴縣林塋之眉日山迎之環伴姜賢（姜公輔）相之故閭東野之津鄭（鄭鉄長）大對之勝址古人遺跡往往在焉公退矣杖屨春風琴樽秋月覓奇選勝於焉遨

Digitized by Google

參從國子監徽川侯庚辰六十五致仕加陞少保[illegible]
郡公公襟怀坦蕩不拘小節而經綸仲負左右攸宜
登朝三十餘年丕任相將勳名顯著尤善作成
後進門生豈弟者甚衆謝事時已多升政府者
東作之會諸大科趍持杖屨文紳盛事為中興
以後曠觀同朝賀叙畧曰官爵如黃鍾大呂人望如
喬岳泰山休休有容元老而推晚輩穆穆旁作丕

Digitized by Google

宗保泰五年甲辰科榜眼庭元初官翰林侍書
為山南督同徙出督安廣經理強事北人屈服景
興初陞戶部左侍郎尋為西南二道訪察使乙丑
鄭楹召入內問以軍國机要條對便宜時稱旨仍授
行參從爵金谿伯尋改武階參督戢入侍同參
從會清蕪沿山有譫出為西道統領平賊大將軍
戎律齊整邊塵底清陞凱还陞兵部尚書入正

Digitized by Google

江之風留徂市之盎令須皆景色可人倘從

尋仁智之清遊山徑何在修真平泊雅會鄉紳

初成爲從前緣野香山諸君子同一清致公貿此

依飽覩此榮名以此依襟肯此雅趣豈非完知厚

都天必完之以享挹洪鈞大鑄有如是耶尋命起

復仍陪從卒贈少保銳郡公多

何宗勲安定金域八十五歲中鄉舉年六十八登裕

Digitized by Google

乞致仕王重別未許三請方允遂以次年謝歸晚
成勲名較先為勝當世咸榮美之同朝餞序畧
曰公以未衰之年上章致理政聖上勉留再三未允
而公求去益於不以紛華熱潮易脚霞松菊之想
自非儻灑此欲于卿情宜味中猶然一劃如知倘
來之不悲而優游自適於眞湖之外哉錦旋而
南去神京里許漢傳之田店前尚平之嫁婚完錢

懲悔、庚申爲賊所陷、平、廷磧年三十六、登保泰
辛丑同科進士、後改廷瑩、初自翰林院出爲清華
憲使、尋入僉叅兼副都御史、尾采隱然、庚申間
鬱慇悠多事、廷磧與諸親臣、定護翊扶鄭楹嗣位、
朝廷肅清、論定東功、加宣力功臣、歷陞兵部尚書
芳亭侯、攝樞府典銓曹、朝經臺政、丙扱清肅、土
心察加聞注、嘗以清慎忠勤獎之、庚午年六十五

Digitized by Google

勤施日撲席徑圖勵翼年、在朝在、郡、文武兼、孔
國和家、孝。做。忠、涯漫國寵共三命、清白家風美、
知、有、喬出相入相、四十餘年、勲望隆重、為一時能臣、
庚辰年卒、壽七十、贈少傅郡公、第六子有容年三十二登乙未科同進士、姪仲信年二十七、登戊辰科同進士
吳廷磧青威左青威人、兄廷磧登正和庚辰科同
進士、奉仕使正礼部尚書參從、永祐末出為謫山

命与何宗勲訪察轄内官吏能否、民情疾苦及
攷各道事狀、癸亥召回參從、廷言衛兵紀律疎
畧、請扒給官兵、送充隊伍、只置武官廵撫、王從之、
甲子奉差督鎮太原、丙寅春奉參視义安、丁卯年
召回、仍知詞訟、戊辰行礼部尚书、己巳再奉參從、
壬申陞兵部尚书、甲戌入侍經筵、乙亥年六十五
致仕、陞礼部尚书、御致綵旗對聯云、使旄藩圖

Digitized by Google

有裔其季子也、年十八同兄謀領鄉解、二十五中
宏詞補內文職、二十八豈永盛戊戌科同進士、丕
受清花、監察京北署憲察太原高平諸參圖副
都御史等職、年四十七、陞承旨、又陞右工、充北使、使
回陞左右工遼亭伯、庚申入侍陪從、陞都臺、又以軍
功陞侯爵、尋奉差留守清花、辛酉再入陪從、壬
戌陞工部尚書、年五十二、再奉差留守清花、尋

Digitized by Google

是年冬、与武公。宰為招撫使、分行諸道、勸農流亡、壬戌春引嫌求罷机務、癸亥夏復命入侍參從、累陞戶部尚書太子太傅、加大司馬致仕、起復奉侍五老、年七十五卒、贈大司徒、加封福神

尚書

暄中公

黎有。喬唐豪遼舍人、父有名登景治庚戌黃甲、官至山西憲使、寬慈無競、人以活伏称之、有男十人、皆邑文、三登進士、第六有喜、年二十七、登止和庚辰科同進士、第九有湛、年二十六、登永盛庚寅科同進士、

Digitized by Google

宿府中日夕商究政理、公內侍帷幄、外籌軍旅、旬月之間、衆務就緒、解紓鎮定、多有勲勞、尋命入參從、進陞兵部尚書鏡統郡公、景興辛酉兼督撫山西統諸軍務、時四方多警、朝廷以官爵賞功優兵有非例陳乞、公却其啟、衆遂相率破其家、檻命查訊其渠者戮之、公由是深自韜晦、托疾辭政、檻不允、祿位如前、復命行吏部事、固辭不許、

Digitized by Google

深居宦官洽郡黃公輔等專弄朝政浊乱慈密
奉太妃旨勸太弟行權清难太弟辞避不咱慈遂
密与阮公寀定策庚申春因洽郡公外去乃藉
畿兵充保衛謀以開寶日舉事又以事奏知黎皇
請賜勅諭至日扈太弟楹造朝阮公寀宣諭勅
慈翊扶太弟豈王位於是須新令捕送逆党朝禁
為之肅清时内难甫平庶事多所裁正楹命直

Digitized by Google

平、天下無難事、臣不稱所任、自覺宜休、楹勉從之、年七十五卒、公性清簡方重、直有定策大勳、楹深加倚重、晚為讒倖所構、不行其志、公論惜之、贈太傅賜謚忠愍、

阮貴。慈慈廉天姥人、探花阮貴。德之孫、黃甲貴。恩之子、以鄉貢領番僚、竜德中擢進朝、仍見授寺卿、戢知卢番侍太。弟恩國公楹講学、永祐中末鄭橿得疾、

Digitized by Google

功臣命与阮貴懿並入參從時年五十七累擢礼
部尚書尋以出事鎮清花後再入參從楹鄭惑
杜世佳讒言復出鎮山南未幾加少保致仕其留
簡同朝詩有云四登戶揆奚謀國三任周朝曷
重邊蓋謙退之辭亦見歇正逐之鮮有也尋起
復奉侍五老正陞吏部尚書太子太傅復入參從
時世佳得幸公素与不合力求避位啟云今四海尚守

Digitized by Google

乙未科會元廷賜同進士保泰戊申官國子祭酒
知兵番預中東閣第三加兼東閣校書龍德癸丑
陞工部右侍郎再陞刑部右侍郎以文学為鄭檀
所親任永祐中官吏部左侍郎廣郡公陪從如
故檀逆佚不聽政檀弟恩郡公楹深自韜晦群小
抗權用事公与知戶番阮貴懿定謀庚申間春翊勸
忠弟進王位朝禁為之肅清賞功封推恩忠翊運

Digitized by Google

政景興辛酉命兼督京兆時四方多虞戎書旁
午公總統軍民事務屬將士戒官吏後民引道
頗有勳勞正陞戶部尚書太子太保入侍經筵矣
國子監壬戌年六十五致仕以耆龐命起復奉侍
五老累進大司空戊寅八十一卒贈大司馬子輝[illegible]一舉解
元四十一登景興戊辰科同進士仕正東閣
大學士致仕孫輝灌會元進士詳名儒傳
阮公宗青池金縷人解元年三十二登裕宗永盛十年

Digitized by Google

阮光。潤嘉林寓市人、年二十六、登熙宗正和二十四年
癸未科同進士、改名輝。潤、永盛壬子間、官副都御
史、推恩賜爵美川侯、保泰癸卯奉副使如清歲
貢、抵燕、与賀部正使范謙。益獻詩三章、清帝茹
之、珠批褒奬、丙午使回陞礼部左侍郎肇郡公、
尋迁兵部侍郎、竜另癸丑陞工部尚書、甲寅秋進礼
部尚書加少傅、命入參從与阮公。家阮貴。慈同秉

Digitized by Google

大抵以雍容為方度、持重為体統、如金山挽河
天姥諸公、皆以寬厚稱職、所謂治世之良臣也、
至于永盛保泰仁。王鋭治、當時扶軫青枚二公、
白創置、王度修明、固皆無忝相任、但更改之餘、人
情未遂、蘭溪金山徠相、能知時務、它政体、又矯之
以寬大、一張一弛、均適其宜、是皆古之名相者、其
材猷方望、卓卓可書、而非具臣特位之者比矣、

Digitized by Google

治一覽書櫃賞以銀緞因賜阿保佐理功臣陞吏
部尚書戊丙午秋免相己未年出為清苑督撫正
進太宰庚申年六十二卒于鎮贈大司空賜号
[illegible]文章分行為世模楷使燕增重國体人
[illegible]為革小所擯不
部尚書加少傅[illegible]

Digitized by Google

舜、自慚藻思之鈍歐、於作無辭歎舜敷、
年、詠有年、光武信史、照縮編撰、敢希周宰
禾、順頌於效刈生瑞麥篇、預中第一、加兼東閣
大學士、永慶初、陞都御史、行吏部事、竜德壬
子、進兵部尚書、加少保、命入參從、時年五十四、尋
辭任、推恩兼吏部尚書、仍入參從、時鄭檟性疑
忌、又廣營宮觀、民浸怫、堪永祐丙辰間公進審

Digitized by Google

康夏播来年秋稻稷四野禾麻争戒〻高原萬
頃正花〻下湿千畦皆翼異〻甌寠満篝邪満車、
千倉萬箱盈室家、定知樂歳終身飽、始信豊年
致老穉頗連流散歸鄉里、澤
人與礼義俗
穫于用、朝野
按永治正和間、上下安平、中外無事、执政柄以

Digitized by Google

里巷之歌、載白溢康衢之詠、尓乃体勅天之美意、想屡豈之遺音、爰命百工式歌九叙、臣祗奉綸音、舞蹈彤庭、謹拜首稽首而献歌曰、昊天難諶、上坐臨、惟明憲亭天心、琴張徊佶、敷仁政、雨施雲行布德、育仁政如天、並不覆、勿音户曉、隨家喻、春秋補助、樂三農、田土等差、均九賦、咸頼處處、遂方方融怡和、氣兆禎祥、陰煖陽伏、时那忒、雨順風調、禍降

Digitized by Google

燕以日月合璧五星連珠、与同部献詩三章、清帝嘉之、珠批嘉美、召見於乾清宮、慰問備至、及回惟陞戶部左侍郎述郡公、仍陪政府、迁吏部左侍郎、戊申冬御試東閣大有年歌、極蒙称賞、其辭曰、臣窃惟豐年上瑞、自古罕逢、自非圣分召和、曷見休徵滋至、欽惟　皇帝陛下、稟乾健中正之資、拖泰亨昇平之曆、庶徵叶應、北歲豐登、垂髫騰

Digitized by Google

切之弊、平賦役弛征榷、百姓賴之、贈太保、累
司徒加封福神、子阮侃中景興四年癸亥科會元進士、仕丕吏部尚書參從侃郡公、鼎革後卒壽八十、
阮謙益号敬齋、嘉林金山人阮茂材之孫、姑夫寶篆
進士范公善養以為子、遂改姓范、鄉舉解元、年三
十二、登裕宗永盛六年、庚寅科探花庭元、庚子
年官刑部左侍郎擢吏部右侍郎賜爵述芳
侯、命八陪從、保泰癸卯奉正使如清賀登極、既抵

Digitized by Google

政以論官進兵部尚書知翰林院事加少保賜閑中
壬
捷軍營迁再礼部尚書知翰林院事壬寅德庚子
秋推恩加少傅封伯理功臣尋入參從討鄭橚猜
忌羣臣果於誅譴公為相以仁恕取忤遂坐免降
少保
刑部尚書未幾推恩授吏部尚書仍參從之卯
年六十二卒為人重厚端凈以方正自持培植士
類接引後進自一命皆以禮接晚秉大政思矯苛

Digitized by Google

阮。傚農貢蘭溪人、年二十七、登熙宗正和二十六年庚辰科會元、廷賜同進士、永盛乙未命入陪從、献治平策、鄭王棡嘉其忠、以為可大任、遂日蒙眷注、丁酉冬王子橿初出閤以為左司講正迁左侍郎、庚子夏推恩陞侯爵、永盛壬寅考第上課特賜爵農郡公、丙午命往清華發帑錢賑貧十四萬、丁未秋擢都御史、仍陪從、永慶庚戌鄭棡親順王

Digitized by Google

謀反事擢為工部左侍郎永盛乙未奉正使如清
歲貢丙申使回陞兵部尚書庚子年考文武官十
年課績預上考推恩賜爵早郡公仍命為阮公沆
[illegible]年四十六在政府以直言數為
[illegible]
[illegible]
[illegible]
頌接引後進自一命皆[illegible]

Digitized by Google

貶為宣光承政使尋賜自尽公沆有公輔

檀初立於宮中得沆与黎英俊阮公基先有易儲決意殺之

以得君知遇敎然為國當事首揆十三年經畫廷設燦然可觀惟果於自用忌之者衆檣成朋党卒及於难景興初准復原官爵始賜歸塟有星槎詩集行世

阮公基慈廉明早人年二十二三豈熙宗正和丁丑科同進士少高初官翰林校討甲申以告鄭掄鄭拔等

Digitized by Google

日晏始出其親欵如此保泰乙巳命兼漕都御史再
命為王世子保傅賜開軍中銳軍營丙午春加少
保丁未冬棡廷古碑行宮宮成推恩封少傅因辭
廉臺長暇時輒迓意經学率諸文臣入國子監
[illegible]義[illegible]王[illegible]文体[illegible]勵士風永[illegible]初鄭
[illegible]

Digitized by Google

武課績預上考陞尚書年四十一再推恩賜爵朔
郡公命与杲郡公阮公基甸郡公黎英俊並入參
從时鄭棡銳意圖治公沆既秉樞軸展尽底蘊建
白為多當時兵民財賦之制創置号為詳備為
棡所深信嘗於五更命中使宣召公与黎英俊入
閣議事时睡皆未起棡坐以待之既至笑謂曰適來
譫睡自古有此不皆拜謝仍命坐賜菜從容訪咨

Digitized by Google

贈太保謚達敬

阮公沆字大清號靜齋東岸扶軫人年二十一由儒生一舉豈與宗正和庚辰科同進士為本科少雋永盛辛卯官提刑以直言預賞銀帛遂日蒙知遇尋擢僉都御史乙未冬命為高平督撫鎮高平素要官鄭王棡欲以祿之公不願行棡固命諭旨始受命入謝賜便宜行事丁酉冬召還庚子年考文

陞兵部左侍郎命入陪從次年夏奉正使如清告章皇哀兼求封丑亥秋使還

太保兼東閣大學士永慶庚戌順王鄭棡立推恩進戶部尚書加太子太保壬子冬出為諒山太原督鎮公久掌機路晚頗招權順王鄭棡久不悅會有譖其初阮与公沆謀易儲位者棡遂加疑忌甲寅年貶諒山承政使丙辰年賜死時年六十六性沉密嚴重發以盛名登朝掌機徑畫數績可紀卒以疑似獲罪中外惘之景興辛酉恩王鄭立准復原官爵

Digitized by Google

黎美俊號迪軒先豐青牧人少以文章有重名年十四登順宗正和十五年甲戌科同進士永盛乙未致貢于清奉充正使正户部左侍郎入陪政府戊戌夏加入侍經筵爵甸城男庚子考文武十年課績預上考特陞刑部尚書賜爵甸郡公尋命為阮公沆阮公基並入參從年五十一時仁宗勵精圖治公沆公為公沆多所建明法令号為詳備保泰丙午加

Digitized by Google

年七十三、公為人寬厚沉靜、居常酬接恂恂樂易、及上前議論事有未允、堅執數四、確然不可奪、為文不事彫刻、而意思精密、朝廷有大制作、多出其手、首揆十年、為政務在寬厚、後進多所推引、閏飾学宮、竪立科碑、皆躬親綜理、迄還美典、議者多之、贈太宰追封大王、子貴恩登永盛乙未科黃甲為順王司謁後追封大王、長孫懿以進朝官至參從、有傳見後、

Digitized by Google

上狀眷留不許復啟固請有云雖朝廷有道固無
公孫側目之譏然仕宦成名願思老子知足之戒辭
意懇切始許之駕加太傅國老參預政事賜御詩
及車馬田祿寵愛甚渥歸洞後優游燕樟於江邊
築樂壽亭以寄玩溪林洋酒追慕香山洛書社之
遊與國老范公鄧國公往來唱酬為樂有掉之寧江為
範佬野之句高情逸意一時歆慕羡慶予夏平

Digitized by Google

既登揆禁煩苛寬逋欠省役恤農民賴其澤辛
卯春安王鄭棡初立、議定廟制、王以康王曾孫繼
嗣、進封祖。考國宰公為良穆王考。參宰公為晉光
王、考時議有以當奉別廟為言者公。言三位皆長
嫡正尊厚彷垂裕萬世、惟王入正宮廟於理為順、
因陳別廟有可疑者五、王從之、議乃定、甲午推恩
与鄧廷。相俱陞少傅、丁酉年七十一、乞致仕、章再

Digitized by Google

謀反事、擢為工部左侍郎、永盛乙未奉正使如清
歲貢、丙申使回陞兵部尚書、庚子年考文武官十
年課績、預上考、推恩賜爵早郡公、仍命与阮公沆
黎英俊並入參從、时年四十六、在政府、以直言数為
所抑、遂請改武階、歷加少保、丁未夏命署府事、龍
德癸亥年五十九卒、雖貴不立產業、有清貧
名、贈太傅、

Digitized by Google

聡為宣光承政使尋賜自尽公沆有公輔才器自
（檀初立於宮中滑沆与蔡英俊阮公基先有易儲决意救之）
以滑君知遇敎然為國當事首揆十三年經畫豈徒
設燦然可觀惟果於自用忌之者衆構成朋党
卒及於讙景興初准復原官爵始賜歸葬有星
樓詩集行世

阮公基慈廉明早人年二十三登興宗正和丁丑科同
進士少保初官翰林校討甲申以告鄭棆鄭棪等

Digitized by Google

日晏始出其親欵如此保泰乙巳命兼漕都御史再
命為王世子保傅賜開軍中銳軍營丙午春加少
保丁未冬棡廷古碑行宮宮成推恩封少傅因辭
廉臺長暇時輒迕意經学率諸文臣入國子監
習八股經義雅欲丕変文体振勵士風永慶初鄭
橿嗣政推恩進吏部尚書加太子太傅竜德壬子加太保
賜号佐理功臣時年五十三是年冬橿順王以陰謗

Digitized by Google

武課績預上考陞尚書年四十一再推恩賜爵朔
郡公命与杲郡公阮公基甸郡公黎英俊並入參
從时鄭棡銳意圖治公沆既秉樞軸展尽底蘊建
白為多當時兵民財賦之制創置号為詳備為
棡所深信嘗於五更命中使宣召公与黎英俊入
閣議事时睡皆未起棡坐以待之既至笑謂曰適來
驚睡自古有此不皆拜謝仍命坐賜菜從容訪咨

Digitized by Google

贈太保謚達毅

阮公沆字大清號靜齋東岸扶軫人年二十八由儒生一舉豈與宗正和庚辰科同進士為本科少雋永盛辛卯官提刑以直言預賞銀帛遂日蒙知遇尋擢僉都御史乙未冬命為高平督撫鎮高平素要官鄭王棡欲以祿之公不領行棡因命諭旨俾受陞兵部左侍郎命入陪從次年夏奉正使如清告章皇哀兼求封丑亥命入謝賜便宜行事丁酉冬召還庚子年考文秋良還

太保、兼東閣大學士、永慶庚戌順王鄭櫃立推恩
進戶部尚書加太子太保、壬子冬出為諒山太原督
鎮、公久嘗揆路、晚頗招權、順王鄭櫃久不悅、會有
譖其初阮与公沆謀易儲位者、櫃遂加疑忌、甲寅
年貶諒山承政使、丙辰年賜死、時年六十六、性沉
察嚴重、蚤以盛名登朝、嘗揆經畫、數績可紀、卒
以疑似獲罪、中外憫之、景興辛酉（恩王[illegible]立）准復原官爵

Digitized by Google

黎美俊號迪軒先豐青牧人少以文章有重名年十
四登順宗正和十五年甲戌科同進士永盛乙未致
貢于清奉充正使正户部左侍郎入陪政府戊戌
夏加入侍經筵爵甸城男庚子考文武十年課績
預上考特陞刑部尚書賜爵甸郡公尋命為阮
公沆阮公基並入參從年五十一時仁宗勵精圖治
公為公沆多所建明法令号為詳備保泰丙午加

Digitized by Google

年七十三公為人寬厚沉靜居常酬接恂恂樂易及上前議論事有未允堅執數四確然不可奪為文不事彫刻而意思精密朝廷有大制作多出其手首揆十年為政務在寬厚後進多所推引閏飾学宮竪立科碑皆躬親綜理迄還美典議者多之贈太宰追封大王子貴恩登永盛乙未科黃甲為順王司謁後追封大王長孫懿以進朝官至參從有傳見後

Digitized by Google

上狀眷留不許、復啟固請、有云、雖朝廷有道、固宜
公孫側目之譏、然仕宦成名、願思老于知足之戒、辭
意懇切、始許之、加駕太傅國老、參預政事、賜御詩
及車馬田祿、寵愛甚渥、歸洞後優游桑梓於江邊
築樂壽亭、以寄玩、溪林洋酒、追慕香山洛書社之
遊、与國老范公（鄧國公）往來唱酬為樂、有悼泛之寧江舊
篋佬野之句、高情逸意、一時歆慕羨、庚子夏平

既登揆禁頒苛寬逋欠省役恤農民賴其澤辛
卯春安王鄭棡初立、議定廟制王以康王曾孫繼
嗣進封祖。考國宰公為良穆王考。參宰公為晉光
王、考時議有以當奉別廟為言者公。言三位皆長
嫡正尊厚彷垂裕萬世惟王入正宮廟於理為順
因陳別廟有可疑者五、王從之、議乃定甲午推恩
与鄧廷。相俱陞少傅、丁酉年七十一、乞致仕、章再

Digitized by Google

阮貴德慈廉天姥人中士望遠年二十九登順榮永
治元年丙辰科一甲進士第三名廷元正和庚午
奉正使如清歲貢甲戌秋進礼部左侍郎入陪
政府爵廉堂伯次年冬陞都御史丙子秋以漸
論失當貶兵部右侍郎仍陪從戊寅年迁吏部
左侍郎永盛戊子陞兵部尚書命入參從進爵
廉郡公加封佐理功臣兼東閣大学士时年六十一

Digitized by Google

加五老、尋起復命掌府事、王子樞[杠]鄭、初立為嗣公
進述古規訓八篇、具條箴勉之意、請賜世子、王優奬、
之、累欲衣被几杖、又粟帛田禄、仍命时入視事、公
府宮尉賜食、年八十加大司馬、再致仕、竜德乙卯
年八十七卒、贈大司空、封福神、公青年登仕、猶復
高年、歷七十載、為累朝耆舊、勲名品望、標些
群僚、三子一孫、皆尚郡主、家門貴盛、人号為國老優、

治八年庚戌科同進士以勲閥登朝渥蒙眷注正
和丁丑奉例使致貢于清乙酉年官陪從左侍
郎男爵鄭王根以其知兵事許改武階都督
戢出鎮山南賜爵應郡公累進西軍都督府
左侍郎督視府署事加少傅封佐理功臣開前
和軍營永盛戊戌加太傅參預朝政國老致仕
庚戌夏推恩臣僚鄭棡以有功講幄特准陞次

Digitized by Google

加礼部尚書、知中書監香江伯公與石溪黎僖同时登揆僖性忌刻、而公務持大体、事從寬厚、天下願之、时人為之揺曰、尚書黎僖、天下愁悲、宰相挽河、天下謳歌、永盛丁亥年七十致仕、歸閒一年餘卒、贈吏部尚書郡公爵

鄧廷。相彰分良舍人、中興功臣鄧訓之玄孫、武臣燕郡公柳之子、鄉試解元、年二十二、一挙豈玄。宋景

Digitized by Google

科同進士正和甲子擢副都御史辛未進吏部
左侍郎壬申冬加都御史次年陞兵部尚書尋
命刑尚黎僖同參從時年五十六首揆五朞性簡
而不事藏匿丙子秋考內外官鄭王召抄題戒以
漏泄公偶与人語不覺微露有內竪以聞王怒甚
免相降本部左侍郎翌日阮貴德坐事左遷改命
公為之涖臺七年壬午秃復原職再八首相歷冬

Digitized by Google

阮曰。庶丹鳳山桐人、年二十一、登玄。宗景治二年甲戌辰科二甲進士庭元應制合格、永治丙辰官陪從吏科都給事中、預中東閣第二、擢東閣校書、正和辛未年四十八、陞刑部尚書爵枚山男、尋命入參從、次年卒、贈吏部尚書子爵、執政日持法無私、好進引人物、為時名臣、

阮冠。儒瑞原挽河人、年三十登玄。宗景治五年丁未

Digitized by Google

科同進士應制第一初官都給事景治甲辰陞戶
部左侍郎于爵迁巳巳迁工部左侍郎巳酉擢都
御史尋坐罷陽德癸丑起用為刑部左侍郎永
治癸亥以戶部尚書入參從爵義澤侯辛未年七
十五致仕存澤超廢復用風采益峻持政九年
家無餘畜人稱其清謝事一年辛贈吏部尚書
太保義國公

Digitized by Google

雅俗眷留不許戊辰年七十三復請致仕未及歸而
卒贈礼部尚書少保茂材清醇重厚与人未嘗有
怨时以德量称之弟茂善登正和辛未科同進士官至副都陪從子維垣登正和甲戌科同進士仕至僉都御
史孫謙益有得見後
同存澤至靈壓陽人祖伯同沅才学名世登莫光宝
進士仕至尚書効順祖同得亦徙豈科存澤学问
得諸家门机杼年三十一豈真宗福泰四年丙戌

Digitized by Google

阮茂材嘉林金山人年三十一登真宗福泰丙戌科同
進士陽德官都御史安嶺南奉正使如清歲貢回
陞刑部尚書爵子再陞兵部尚書永治丙辰命与工
尚胡士揚入參從尋進礼部尚書首揆六朞称岳大
過正和壬戌秋為清華參從阮曰啟嘗劾罷相降
戶部左侍郎乙丑擢工部尚書未幾再命入參從
加爵安嶺伯时年七十乞謝事鄭根以耆龎鎮俗

Digitized by Google

清醇、坐鎮雅俗、揚丨(敘倫)扢擢之忠直、持立風裁、鄧丨(世科)良全
之公廉不通洄節、所尚總各有長、蓋六十年餘之間
相繼秉樞、同時輔佐、所以安內攘寧外防、而翊皇
王之治者、厥功亦云偉矣、迨于景丨治陽德間、則天
下安治、制作維時、范丨(公菴)遼舍公而出、振整恢張、法度
修舉、功名顯著、其真相業之大成云、其他如陳(?)武公 丨[illegible]
皆以戎功入相、而入朝矩亦度、有可觀、故並以登云(載)

Digitized by Google

同朝

加陞吏部尚書國老少傅御賜綵旗云一代宗臣

𣃱相國丙朝元老趙幹王戊午七十五卒贈太

傅（子𨙷階永壽己亥科進士父子同科朝）

按自弘定至于陽和盛德間內修外攘朝廷多事

肯長登揆席者德望才智往往多得名臣如節（阮名世）

（阮惟時）安朗二公練達英敏勳業著聞卓然爲時稱首

（潘𨙷回、杜廷賢）古定葵渚則茹猷建白裨益弘多若阮（阮直）雲恬之

Digitized by Google

時朝臣有以吏道為言者鄭柞聞之即丕叙蕭曹
房杜為解疑論以示下其見信任如此惟恐
厚魯直守正不阿會新春正旦鄭府肯傳旨
般殿朝礼訖各仍品服諸府拜賀公即啟云王家
從來一念尊扶王室今日之礼宜循青吉衣不宜
遽用朝服恐迪舊制事為中止能言人之所不敢
言蓋有古諍臣之凡云永治丙辰年七十三致仕

武惟志唐安慕澤人母有陰德還人遺絹事人稱其賢生五子二登科甲其二拔萃甲戌科黃甲其五求誨己亥科進士三為功臣其一自快為陽土潛邸功臣官至侍郎功臣其四方丈官至尚書封功臣郡爵惟志其第三子也有文学達於吏事為人慎密有心机為鄭柞親幸時南鄉順化西討高平惟志皆追隨羈勒或駕海調糧或登山督戰茂著勲伐以致寵遇日隆景統中擢礼部尚書芳郡公己酉與陳豈選並加入侍參從入相

Digitized by Google

爵、鄭柞以其久參戎幕、特賜爵川郡公、命入陪
從、景治甲寅置六部正官、陞礼部尚書、未幾考
刷事過貶本部左侍郎、己酉夏進兵部尚書、与
礼尚芳、郡公武惟志並加參從宰相、时年五十七、
陽德癸丑年六十卒、為人沉敎端正、学識該博、南
征之举、籌畫居多、居官恬静、不介不隨、贈户部
尚書少保、謚雅量、

Digitized by Google

九年建明法度振舉紀綱裁抑倖濫敦尚風節時
稱名相嗜書好學至老不倦德望勳業為中興後
賢宰第一云子公芳登永治庚辰科同進士仕終給事
陳登。選安勇黃梅人年二十七登神。宗陽和六年庚
寅科同進士改名登進盛德丁酉命將南征特准
督視宵郡公鄭根軍仍遣為協同參贊軍務永
壽辛丑論平定功由兵部右侍郎陞御都史子

Digitized by Google

云調鼎鼎奕陰陽朝廷柱石完規模定号令國
家棟樑又云尚書掌印六乘紳縉笏九庙奠安天
下達尊三偉績嘉言朝廷專望盡其獎重公著
留簡朝臣和其詩者五府六部六寺科道翰閣
五十餘人書于縑帛飲餞江亭遂為後來定例陽
德癸未起復掌六部事參贊机務德隆乙卯卒
年七十六贈太宰謚經濟為人深沉簡重嘗國十

Digitized by Google

加少保兼東閣大学士萬慶壬寅監守國子監修
居殿堂砌墻宇以朔望隸諸生作泮水堂於前湖
中延客賦詩文風振起士習一新景治初進吏部
尚書參從為陽王鄭柞信任言無不從布教條明
課法旌孝弟褒節美校丁田定稅例制度卦模煥
然咸具戊申年六十九乞致仕上慰諭眷留懇請
再四方許之陞太保加國老參預朝政御賜綵旗聯

Digitized by Google

少保加福神

范公著唐豪遼川人父為儒生有孚德得神賜貴地遂迁先墓塋之公著年長家貧將之他方梦神告曰公當晚成因感悟力學年二十七登神宗永祚戊戌科同進士初官太常寺卿陽和壬午權山南道贊理与鎮官厘帝圖務福泰初入為副都御史伯爵尋陞都御史盛德丁酉陞礼部尚書燕郡公

Digitized by Google

郡公禍泰甲申命兼鎮山西山南二處乙酉進討
太原莫寇大破之加左都督丁亥改授戶部左侍郎
陪從參護事務盛德初府僚諸員多被賄賂訟廷
護降貶惟世科独無浼鄭王深加嘆奬進陞兵部尚
書入侍參從与阮宜致澤並相持政四年守法循公
無所阿徇丙申二月卒年六十四世科以勲閥子而
學問該洽律身清約门無一毫阿節時護称之贈

Digitized by Google

歿盛典、尋命入參從、進戶部尚書加少保、

辛丑年七十六、乞致仕陞吏部尚書、加國老太

登朝四十餘年、歇厓仕途、久居樞院、性剛直執法、

無所假借、持論雖涉刻、而循公守正、時稱名臣、歸老

歲餘卒、壽七十七、贈太宰、

鄧世科彰德良舍人、美國公鄧訓之孫、有文學智略

為元帥鄭枇簡注、初以世胄擢武階、德隆初封廉

Digitized by Google

楊致澤天祿拔擢人年三十四登弘定二十年己未科同進士德隆庚午致貢于明奉充正使回陞陪從福泰甲申命為督視偽王子西郡公鄭柞進討莫孽于高平俘其偽党盛德初歷進礼部尚書兼翰林院侍讀參掌院事封翊運贊治功臣拔郡公時年六十八初中興自順平甲寅制科至慶德壬辰二十五年未有題名碑至是公奉旨刊次勒石迄

阮。宜東岸雲恬人阮寔之子。年三十六登敬榮弘定二十年己未科同進士德隆庚午奉副使致貢于明。福泰乙酉陞礼部尚書加少保楊郡公。尋命知經筵事。兼東閣大学士國子監祭酒。盛德癸巳進吏部尚書加少傅。尋命入參従。丁酉年七十卒。贈太傅。賜謚恭懿。宜父實。同時登用居官純謹。尚清約。不立產業。名方碩望。時人所敬仰云。

Digitized by Google

而悅遠者聞其風而來斯得民矣公心悅於下天道
應於上將見災星轉為景星沴雨轉為甘雨諸福
之物咸不畢至而王道大成矣永祚初歷陞戶部右
侍郎癸亥夏鄭檜構變鄭氏搖動廷賢奉侍王
室贊畫追隨迄靖其難以功擢都御史尋封佐
理功臣命入參機務進戶部少保福郡公丁卯乘
年六十二贈少師

Digitized by Google

不逮往年命令之布、該諸將不体上人寬恤之意務行苛虐、竭民財産、愁苦之聲、足以感動上天、而天譴之以灾異、人主覩是、宜以自驚矣、恭願謹祗天戒、惠養小民、凡一毫有便於民者行之、一弊有妨於民者去之、尤且施仁政於民、京城坊庸之民所當恤也、則号命諸將、禁戢攘夺、清莅四政之民所當恤也、則申敕諸將、勿為煩擾、如此近者被其澤者

Digitized by Google

Digitized by Google

二甲進士庭元、授都給事中、癸丑官寺卿仁嶺、
奉正使如明歲貢、回陞吏部左侍郎侯爵、乙卯
以災異效見、与黎弼四啟陳事宜、戊午冬又進修
德弭災啟云、竊聞天降災祥、在德与否、作善則降
之以祥、不善則警之以異、而修德則無損、是以古人以
天自處、而致謹於天命之際、降漢文帝克承天心、而災
異消弭、宋景公一發善言、而災星退舍、國家自恢

Digitized by Google

政天命二乞抑權豪以養民力三乞禁煩苛以厚民生四乞抑奢侈以豐民財五乞禁盜刼以奠民居六乞修軍政以訴民生王皆嘉納之神宗立進陞兵部尚書時年五十八尋命入參從歷加少傅丁卯冬年六十五卒贈太保衍國公謚和義

劉廷質弘化葵渚人功臣林郡公刘廷賞之子已官吏科給事中年四十二登敬宗弘定八年丁未科

Digitized by Google

吳致和 69

之民、必多有怨嗟、得非時政之闕、使之然歟、茲因催
清華處各縣社、逐項選益另兵、恐非閱選之時、
茲令一行、其諸權勞所隨該、而效之、更加選補、民
命將以何堪、恭乞以敬天恤民為心、酌停益兵、施
行如此、則人心悅、天意得、和氣致祥、甘露降嘉
禾興、黎民陶洽足之休、國勞奠泰盤之壯、而祚
胤永無窮矣、戊午又啟陳六事、一乞修德政以祈

Digitized by Google

已成、所宜早圖抑制、可不効忠言以啓之乎。恭乞裁斷行之、國家億萬年無疆之業、其在於此時。鄭松重於用兵、雖嘉其言、而未暇行。乙卯、王命遂補軍伍、時災異數見、衕四与刘廷質啓言、天心仁愛、必形於譴告之中、本年五六月間、農務正殷、天既作旱暵、耕民缺望、迄八月日禾穀得成、天既降災旱、遠被郡國、一年之中、災異屢出、閭里、

Digitized by Google

置患為異日之患今　聖上濟英雄之志百戰百
克以有天下將佐雲集士勇技精飲馬則河水乾
磨則劍山石缺鐵戰船千艘雄豪百萬天下精悉
聚京師而從賊不事此所謂養虎遺患也昔唐
憲宗從黃裳之請以法度裁制藩鎮專地卒成
中興之功由唐以來豈無藩鎮專兵專地但朝廷
之法度既立彼自不敢肆耳今強藩專鎮其勢

Digitized by Google

黎弼四農貢古定人年三十六登光順二十年戊戌科
二甲進士弘定初賜爵衍嘉侯丙午年奉正使如
明謝封戊申夏使回以功封戶部左侍郎庚戌
春啟陳二條其一請定世子預付兵權以固民心其
二請處置強藩以一制度畧曰夫王者以天下為
一家仆榻之側豈容他人鼾睡茲太原高平等處
本是先朝境土曠年積弊任彼自示強梁若不處

Digitized by Google

進發二功、封翊運贊治功臣、丙寅春陞工部尚書、時年五十五、尋進爵泉郡公、加少傅、陽和壬午、迁兵部尚書、累加參從吏部尚書、掌六部事、兼國子祭酒、知翰林院、進少太傅、開秉鈞府、為時倚重、幾三十年、壽八十一、贈太宰、公初為庠生時、夢神人誦詩云、安朗人安朗人、安危繫〻身一、後果貴盛云、

Digitized by Google

其可不恐懼修省思所以致此之咎乎必以行安
民之政則上順天心民悅民意而轉灾為祥年穀
屢豐人家給足海內昇平國家億萬年之基業
今其自是永矣鄭王松嘉納之丙辰遷副都御史
尋陞礼部左侍郎己未間鄭椿变作事連內殿
松集百官議維時与名世黎弼四請倣伊霍事神
宗立迁右吏部左侍郎侯爵永祚癸亥以扈從

Digitized by Google

父母之為量者、第奉行者未能仰體德意、務行苛虐、竟為奢侈、該一縣則困一縣之民、該一社則困一社之民、擾隘之事、無所不為、使天下之民、男或無衣、女或無裳、歌唱之席不復重、婚姻之礼不復備、養生送死、無所資、飲食日用無所給、貧弱

詆

盱隸昆虫草木、俱不得遂其生、是以感動天地、致天心未上順、洪水之災、泛溢過不常、得非特政所闕

Digitized by Google

明回陞僉都御史靑泉伯、時完異迭見、啟言民者國之本、治國之道、愛民而已、天與民一理、民心悅則天意得矣、是以善為國者、愛民如父母愛子、聞其飢寒為之哀、見其勞苦為之恤、禁其苛暴、止其核賦、使民得遂其生養、而無嘆息愁恨之聲、此所謂知治國之道、今聖上有意於民、一政之施、務在愛民、一令之行、深戒擾民、其愛民之心、真天地

陞太保甲戌秋年八十陞太傅戶部尚書致仕
以來凡尚書致仕自公始陽和乙丑年卒年八十三
贈太宰賜謚忠純公純厚清謹不事防畛履華
要而家甚清白有古名臣之風子宜係登科首撰
有傳見後興贈孫阮寔阮仕並登景治庚戌科同進士七孫代阮賞登景治甲戌科同進士係此科目為北江望族之於冠
阮惟時安朗安朗社人年二十七登光興二十七年戊
戌二甲進士弘定丙午官科給事奉副使致貢于

Digitized by Google

傳戶部尚書加左司空謚文忠

阮實東岸雲恬人號節齋字樸甫年四十一登光興十八年乙未科二甲進士廷元初官戶科都給事辛丑遷鴻臚寺卿丙午奉副使如明歲貢回陞禮部左侍郎子爵尋進芳蘭侯丁巳冬陞刑部尚書永祐己卯進爵少傅奉往候命迎使臣回國錄功陞蘭郡公德隆辛未陞少尉次年加國老參預朝政

Digitized by Google

拒守命名世為書諭之仍班師是冬兼都史德
己巳進爵棠郡公壬申春拜參從預贊國政尋
加太保陽和戊寅復命節制棠國公征高平仍以名
世參贊軍謀庚辰年加掌東閣知經筵事兼礼部
尚書癸未春車駕三往順化命名世留守京師鎮
梏各處福泰乙酉年七十三卒名世操守剛正達政
体練兵務歇丕凡內外凡五十年為时能臣贈太

Digitized by Google

癸亥鄭椿作乱、与王世子清郡公定謀奉帝回鑾
以固根本、隨奉協省水步諸軍、進破賊衆、東京底
清、以功陞工部尚書封翊運贊理功臣瑞陽侯、甲
子冬又命督視鄭棣軍由太原道進攻高平、乙丑
錄功加少保、丙寅春迁少傅刑部尚書、勘理天下
獄訟、是秋護征順化、命与太保阮啟率將士先往
奇萃、規料边事、次年夏親帝征、駕至日麗、南將

Digitized by Google

受偽命、及賊平、朝廷獎之、擢山西憲察、召為
都給事、陪從府堂未幾、遷太僕卿、丙午春奉副
使致貢于明、回陞吏部右侍郎、子爵、己酉春總視
鄭松軍討莫、敬恭于太原、不見敵而還、庚辰春進
官户部左堂、戊午冬遷都御史、永祚辛酉復命為
督視叶副將鎮諒江地面、其年冬進討莫敬寬於
高平、以清郡公為統鎮、命名。世為督視、攻賊墨收之、

Digitized by Google

明

慎

軍門歸順上許仍其職爵改通郡公再度奉命往南洱候總使再封完礼酬答咸中竅會正加少保順德初有水軍之變駕回西京汪諫請留京為乱兵所殺後贈太保祠神段林有廟祀在其聞望事業亦亦皆有名於世附錄之以備參考

阮名世彰德勛內人年二十四一舉登光興十八年乙未科同進士慎德初官翰林校討丁憂居家時鄭松奉帝駕西回都柝都空虛莫孽復聚迎茂洽母裴氏至京稱制詔舊官悉行封拜名世隱避不

Digitized by Google

故特錄為先看自阮勳內以下則中興後所得、仍次第列于左云又按當時自有莫臣効順歷登台輔者三人阮倩青威耕獲人年二十八登莫大正三年壬辰科狀元、歷仕至吏部尚書郡公禍源、莫將黎伯驪倩為伯驪通家乃同奉使上表歸順既至帝仍其爵職命掌銓衡當政凡八年、英宗天祐初卒、年六十二倩子儋復又归莫、禍源侯以宋女使從兵驅王師累獲勝捷仍封常國公為莫將名將莫滅復被擒

阮㨗慈廉黃舍人、中莫廣和初甲年辛未科同進士、詣清華歸順仕至吏部尚書、與礼侯中興詔求賢蛋吞多庚午鄭檜之變、隨長國公左右、卒諸注指天為誓同心討賊後加封竭節宣力功臣、少保慈郡公卒贈太宰、杜汪、舸禍段林人登莫光宝丙辰科榜眼、年三十四仕至吏部尚書、東閣大學士、禍郡公卒諡文臣諡

清

贈少太保衍慶伯子仕榮登真宗福泰丙戌科進士仕歷光祿卿里
海侯封襄厚贊治功臣三世從登科甲為文安書香唱始玄宗公擢
興教同
登進仕

按黎中興初賢才背出德器勲望之優者阮盛
美（存宜）公為首至如洞涸歸順險難出奇拔才徹以從
邪而卒無負於初志者馮裴（阮寬康謙有度）梁諸賢事業赫祿
彪炳若黎阮吳（擢參如階致和）三公則由科甲進達從宦樞軸
公清忠亮遡之無忮名臣此皆未滅冀前宜用

奢侈以豐民財、五乞禁盜劫以奠民居、六乞修軍政以訴民生、松皆嘉納之、永祚癸亥、通椿煽亂、群盜多起、神。宗還京後、命為督視、同流領樗鄭畧定山西、加少保、封協謀佐理翊運贊治功臣、乙丑年六十二卒、贈春郡公、致。和學問優長、綽有政術、歇歷內外、左右攸宜、勳望顯著、為三朝功臣、父子同科家門衍慶、尤為古今曠見云、致。知仕至監察御史累陰陞礼部左侍郎、壽九十二、

Digitized by Google

興十五年壬辰科進士初官憲察使為鄭松知遇未幾召為吏科都給事陪侍府堂擢刑部右侍郎岑為清莅鎮記籙弘定甲辰召回進吏部左侍郎賜爵甯祿伯丙午奉正使如明歲貢戊申冬以使功進戶部尚書尋命兼國子監祭酒庚戌進爵甯春侯戊午冬啟陳六事一乞修德政以祈天命二乞抑權豪以養民力三乞禁煩苛以厚民生四乞抑

Digitized by Google

上、夏車駕臨諒城過凶與明人相見成礼而還、歷陞參從吏部尚書、掌六部事兼都御史少保澧郡公永祚癸亥積鄭之変、公參贊軍机、底寧國本、扈從進獲二功、進少尉加翊運贊治功臣、尋進太保公在仕三朝居官四紀、敭庸權位超冠嵩時戊辰年七十五卒、贈太司徒賜謚謹度、

吳致和東城里齋人社、年二十八、與父致知同登光興

Digitized by Google

阮文。階天祿芙蓉人、年二十七、登世宗光興三年庚辰科會元、殿試賜二甲進士、廷元、初官清廉憲察使鄭松夢神人誦詩有天祿指揮之句、遂命參錄軍事、籌畫否多、是時拎偽莫復故都、公預有大功焉、戊申年官都御史、時初通好于明、以接應北使為重、命公与杜汪往南涸候命、車駕隨發京師、進涸會勘、明人愆期、帝還京、次年春復遣赴候涸

Digitized by Google

光興己亥特加伯爵敬宗貞德初有潘彥裴奎之
变駕西回京、情騷動、權秀左右扈蹕追隨規畫勳
績居多追旋軫論功進封協謀佐理功臣陞吏部尚
書爵文陽侯、既登揆推引賢才振整法度、效犯
顏諫諍凡槩挺特、性廉直方潔、不營貨利、持政
十年、既罷相、家無私財清介之節、時人美之、卒贈
太保郡公爵加封福神、

Digitized by Google

之謀力多焉、文獻武畧、一時推重、其後屡立大功、為
中興功臣、仕歷吏部尚書、達郡公、子謙少以稱神童、登光興戊戌科黃甲、仕歷終礼部科給事、
黎擢秀、雷陽上畧人、祖賛、善祖賛叔莊、同登景統己
未進士、仕並尚書、為官譜美談、擢秀以世閥子孫、
学有机样、年四十四、登世宗嘉泰丁丑制科一甲出
身、文章進用、為鄭松簡注、歷官都御史、文貞矣

Digitized by Google

中鄭王子檜構變興兵入寇公隨長國公松左右
帝所與元臣感激指天爲誓日夜謀護將勵士
卒據險要增壘柵設濠塹戰守具必備賊分兵犯
安場闕日夜攻逼益急公命軍士夜架效曾壘撤
民屋壁板速蔽外塗泥土上施竹尖迨旦而假城
成延袤十餘里砲臺銃門處已碁列賊脚望見
大驚引退由是西都獲寧是役也內籌外禦公

Digitized by Google

業于永賴阮狀元、秉謙頗精數學、知黎氏當復中興、決意向明、而道路艱阻、不能自達、莫大正九年、以家貧黽勉應舉、試中第二、即不復入廷試、倍道潛行、先達歸表、順于安塲府、乞委差兵遮接、鄭太國公檢素聞其名、遣兵迎之、到神符海口、公終登舟、莫兵已尾岸上矣、既至、鄭太國公喜慰稱獎、引入拜見、中。宗擢為侍郎、以參贊机謀、深加信任、英。宗正治

Digitized by Google

事竣因加封功臣弘定五年、年八十五致仕、尋起復
奉侍國老十五年卒、壽九十五、贈少保謚恭懿、
性清介不營貲產、沒後家無餘財、而祿福蔭衍、子
孫興盛、女侍王府為昭容、生四王子、並公位、男七人、四
侯三郡公、一門貴盛、為山南望族之冠、德隆初加封
太保仙郡公、遠孫裴璧登己丑科黃甲歷仕至吏部侍郎、行參政丙午變後托目疾辭職歸于家
梁有。慶弘化會潮人、榜眼得。朋之子、少時遵父遺命受

Digitized by Google

節修治贊成於夏政陟陞宜進於春官公其清直
一心典掌三礼惟平格益徵於天壽茲雲仍永匹於
國休再加兼兵部尚書進爵文峯侯二十年明使
來促會勘时初通好求封明三司受奠孽賄詰問
真偽公奉命往鎮南閫對質反覆無所沮撓又焦
本國耆舊附戴首主表文列名先小目松鄭次耆
目黃廷愛次官目裴秉淵其独當國事任重如此

Digitized by Google

侯裴東淵剎督閫閲詩禮門庭乃祖初以文名家科第冠天下亦命公擧宗歸國忠義滿朝廷經營茂賛於四征終始勉彈於一節丹京斷衛事夺豪強而賛兵謀參郡給科宜聖化而特些論平陳多歷年所篤棐至今日休寺戚云瑶命令多其詳審使司二判方民頼以保全肆朕躬進復東京嘉國老固宅西土州曹兩擢獄訟清平户省條迁財用均

Digitized by Google

值內阻外訌委曲周旋多有勳力榮封宣力功臣世
宗光興十四年奉陪御駕復京城封純信功臣歷
任奉天府尹刑部戶部侍郎十六年大駕東征奉
留守西京時年七十餘尋陞礼部尚書劉文曰朕
惟北斗天之樞机所以酌斟元氣尚書王之喉舌所
以出納王言眷惟耆宿之儒宜賁光華之命宣力
純信功臣特進金紫榮祿大夫戶部左侍郎文峯

Digitized by Google

嶺侯敬宗立進工部尚書梅郡公癸丑十四年九
月卒年八十六贈太傅為人剛毅精明有綜練才
詞章清裕有諸詩集行世
裴秉淵字於夫清潭定功人昌澤之孫莫榜眼掾之
子少時學問博洽文章萃贍鄉試中三場會憂
不復舉順平初時年三十同伯父柱舉宗歸順共
岳丈黎伯驪入侍中宗預贊戎机國事英宗正治中

Digitized by Google

創、狀聞、明帝卒、從前黎氏之式、克寬乃得入朝領印敕回國、北人咸稱為良使、既歸、成祖敬重之、呼為馮先生。而不名、國人咸稱為狀元、蓋欽美其英能也、在燕日、值明帝萬壽節、獻詩三十章、明帝批之云、人才何代無之、覽所獻詩、具見克寬忠悃、殊可嘉美、又與朝鮮使李睟光賦詩、揮筆立成、睟光深服其才、時年七十矣、使回以功陞吏部左侍郎梅

孫叩閽請命、天朝扶奠抑黎是為覺邪害正、何以明大義於天下、扶名教於萬世、明人義之唯命使臣進閽克寬乃得入京、既至燕、礼部堂責以代身金人不遵俯形舊樣復止使不許進覲克寬抗言奠氏簒奪其名通黎氏恢復其名順奠氏得俯形代身已為恩幸至如黎氏累世貢臣金人容仰成規具在今若以奠氏為例、何以昭安勤而示懲

Digitized by Google

曲自叙、即世所傳國語記漁父入桃源有城南草屋花竹圖書之句尋獲召還、世宗光興三年、初復會試科、公以礼給乞就試、領中黃甲、時年五十三、陞都給事、五年辭官、乞歸萬賴寨、上許之、六年復召為鴻臚卿、八年陞工部右侍郎、尋轉清華承政使、丁酉二十年以工部右侍郎奉使如明、時明人受奠孽賄賂、不肯納使、克寬初候命遺書帥司、盡言奠氏篡竊、罪狀、明白、黎之子

Digitized by Google

馮克寬字弘大號敬齋石室馮舍人少時以文學知名受業于永賴阮狀元之門兼通術數志槩豪邁不肯應舉試中宗初隨黎伯驩歸順清莊鄉試中首送鄭太師一見奬其学試謀畧使參幕府受御營記錄知四衛軍正治中奉差行各縣招集流民復業事回迁兵科給事中又迁礼部給事以事忤旨謫襄陽之河南城忠憤所形著為國音辭

Digitized by Google

勅追贈昭勳。靖公十八年會試天下舉人、命知貢舉、取阮實等八六名入選、阮實後為名宰相簡拔得人、時議稱之、十九年加少傅封瓊郡公、二十二年正月卒、年八十二、茂宣以勳閥子、而學問淹雅、操守純篤、登仕四十餘年、竭心王室、臣節堅貞、履艱危翊平定、茂建勳庸、晚掌鈞衡、以元臣持政、僕軌百僚、為中興功臣之冠云、贈少師賜謚忠。謹

Digitized by Google

左侍郎祥麟伯正治庚午太師薨長子檜鄭楷
变茂宣隨長國公左右與諸臣感激結誓同心協
濟安內禦外籌畫居多壬申論功進侯爵世宗
嘉泰初迁都御史光興三年陞工部尚書五年
迁戶尚十六年滅莫扈駕進京陞吏部尚書
封明義輔國功臣時都城初復衆務轇轕茂宣
當揆幹輔濟政理就緒國家倚以為重十七年齎

Digitized by Google

歷朝憲章類誌卷之八

人物誌

勳賢之輔

黎中興後三十九人

阮茂宣雷陽盛美人、功臣成式國公阮汝覽之裔孫、駙馬興國公阮禎之子、有文學器識才德兼備、中宗順平初効用為鄭太師賢理參謀帷幄、累著功勳、英宗天祐中官吏部右侍郎、仁義伯、歷迁兵部

Digitized by Google

慷慨拎虎天爵之遇事尽言德亦不忮名臣追于大宝年間掄魁所得如公挺阮直孟安如堵二公其勲望之美皆是不負科名光順洪德而後賢才接武于朝固难悉效今但碌錄其名望之卓見勲業之著闻者自梁世荣狀元以下得九人類登賢輔而莫时申甲狀元之功名著見亦間以附載云

Digitized by Google

晚九月再祈表請致仕徙不許十一月復固請辭
青懇切茂洽不得已從之年七十一彩旗對策曰狀
頭宰相斗南峻國老帝師天下尊又曰詞華文
宗名丙國並纏壽曜炫三台盖盞其榮耀云將
七十五所撰有後文集行世
按黎初輔佐勳業文章惟柳齋公為冠他如黎（文灵）
海歷之智識高明陶竇（公僎）鄉之譜練歇丕阮仙（天錫）山之

Digitized by Google

不能自已、願陞中下乂中圖大、敬所恭先專正学
親正人、寔意誠心、防非窒慾、不逐聲色、不殖貨
利、無醉于酒、無淫于樂、杜嬖倖戒迮佚、俾政成
化行、民　邦休、以登于至治、臣田野休閑、亦預享
太平之福、茂洽批々答云、公耆老勤労、礼亦宜休、
今圖新求助、公老成諳練、美未可去、煩宜留坐正
堂、主公論、賛成圖治、復正國封、設此丕时、公休未

Digitized by Google

寬力征役之征便是蕩平之業策茂洽慰諭之召
使赴京坐堂仜事進加太保參預朝政箋乞致仕
茂洽眷留不咱八年秋復疏言知足不辱古人之
所戒年至便歸昔賢之所處臣年既老自當引
去區區一意更有何言望毫亮悃忱允臣致仕全
臣晚節保臣全年此臣之大願今衆賢在朝
國事非模自有定算第臣憂治思危惓惓老志

Digitized by Google

武備其何能國今新選之兵所置之營器械未
銳技藝未精船艘未整矧是皇天湜警示正當
恐懼憂勤之日自治之策內修之政不可不致其
謹宜明法令緝紀綱慎固封守繕修城堡飾兵馬
備器械治船艘置營寨定番次嚴期會申教令
時操演慮善以動動惟厥時尤願裒柴國本締
結人心厚之而不困扶之而不傷節其力而不尽既

Digitized by Google

禍今欲弭災消變非恐懼修省將何以救禍伏願以
天變為必可畏人事為必可修敬天之怒不敢戲預
敬天之渝不敢馳驅絕嬖倖之路杜貨利之門訓
迪百官興修百廢勅下朝廷講行寬恤之條肆須
恩諭曲赦無辜壓溺之民財令所在官司厚加存
[illegible]

Digitized by Google

者此民、殿前追者此民、神武効力追者此民、威弩
神臂追捉者此民、術所卅縣收徵者此民、其餘或
至增倍其数、罄破其産、民情慄〻、幾不聊生、詩
云、無日高〻在上、陟降厥士、士即事也、書曰天聰
明自我民聰明、天明畏自我民明畏、民心所存、即
天理所在、今人事至此、民困至此、颶風之変、天其以
是警之、易曰震来虩〻、笑言啞〻、小象曰恐懼致

Digitized by Google

則危亡之期未可保也茂洽不能用其言而加陞陞
州保力辭不許六年命掌六部事兼東閣太学士
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

Digitized by Google

其可惧者三也、左傳曰國家之敗由官邪也、今內外之官、已由於正者十當一二、餘皆遂〻於邪、勅旨之得送、官私司吏舍之徵求、大小詞訟之索賄、無所不至、其可惧者四也、五傳曰師克在和、今將帥乖違、互相角異、其可惧者六也、外此背理傷道之事、難以枚舉、所以星告災異、非是偶然、願戒謹危惧、改革弊政、人心和既和、天意自得、若或樂於宴安、不知悛省、

Digitized by Google

今奉先之礼犧牲粢盛失於簡薄供奉祭物苟容
慢不恭其可畏者一也孟子曰君仁莫不仁方今在
君之側近習便媚嬉迕引導以求交中宮宮圍至嚴
宀入而無禁宣納至慎壅蔽而不通其可惧者二
也孟子曰上下交征利而國危矣方今上下之官
已不嗜利者十只二三餘皆汩汩於利官爵之
冗濫田土之占奪藩鎮之徵求置賣無所不為

Digitized by Google

子延師授業文学大進年二十三中奠登瀛大正九年戊戌科進士一甲第一名改名徵以文章登仕為时々所重屢往南岡辦事應答精敏明人称為宣甲撫而不名茂洽延成初年官吏部尚书兼都御史倫郡公以彗星屢見上疏云謹案付記彗星妖星也少長大則灾期遠短小則灾期近今之政事日非者非一書曰以承上帝神祇社稷宗廟罔不祗肅而

Digitized by Google

焉卡曰知之非難行之惟難臣願陛下勿以臣言為迂
闊擇而行之戒其所當戒憂其所當憂庶乎天道
可順地道可寧人道可安太平可致也襄翼帝嘉
納之仕至吏部尚卡參預朝政襃忠伯年五十餘卒
子有慶為中興初功臣別有傳云

甲海号節齋鳳眼郢計人父芡嘉林鉢場少孤負居
母鄉細江公論迕于江渚有郢計商載之歸養為

Digitized by Google

萬化之源、五曰惜官爵以謹勸懲之典、六曰公銓選以清仕進之途、七曰節財用以裒儉樸之風、八曰褒節義以重綱常之道、九曰禁賄賂以革貪墨之風、十曰修武備以壯金湯之勇、十一曰擇羣諫以作敢言之氣、十二曰寬力役以孚僕望之情、十三曰信號令以一四方之志、十四曰謹法度以開太平之治、以上等策、上干睿覽、臣又聞古語云、蓂莢之言聖人擇

Digitized by Google

喪未畢、而陛下以義奪情、置之侍從、蓋欲臣有所
議論獻為、裨益天下、輔贊太平矣、如臣不言、旋進
旋退、碌碌隨人、苟容窃祿、則臣忠孝兩虧、何以报
陛下之恩、尽人臣之職、每念时義則終夜不寐、臨
食不飡、犬馬之心、自不能已、謹條治平十四策以聞、
一曰敬警戒以弭灾異之変、二曰篤孝思以敦忠厚
之心、三曰遠聲色以正一心之本、四曰去邪惡佞以清

Digitized by Google

寬仁大度、不嗜殺人、復高祖之業、救萬民之命、四海之內、如解倒懸、莫不延頸企踵、仰望新政之成、鼓舞太平之治、然而即位以來、和氣未調、干戈未戢、朝綱未舉、軍政未修、災異屢見、恐天道之未順、山石剝削、恐地道之未寧、奸宄窃發、逆賊潛萌、恐人道之未安也、而在朝之臣、知而不言、其自計得矣、如國計何、臣忝以舊臣、義同休戚、雖在衰經之中、通

Digitized by Google

罔淫于樂毋怠毋荒慄慄乎如危亡之將至帝舜
納其言而戒其所嘗戒此所以為大聖也漢文之時
既寧康矣而賈誼之獻策必曰厝火積薪可為
流涕可為痛哭惴惴乎將禍亂之已形文帝納其言
至以王之進言
之心三日

統二年己未科會元廷試賜一甲第二名應制賞
官礼部左侍郎翰林院侍讀掌院事洪順初以
應義功陞礼部左侍郎尋丁憂命起復兼東閣
学士入侍經筵固辭不受因献治平十四策其略
曰臣聞古之聖王不以天下既治而忽警戒之念
古之賢臣不以其君既聖而忘箴規之心是以虞
舜之時既儆嘆矣而伯益之矢謨則曰罔逸于逸

Digitized by Google

一毫營私所得俸祿皆以分宗族鄉党惠心碩望當
时推服初公父以儒生好地学得北方地師所賜一
局訣云繼發魁科掌衡始扦葬祖墓而迁居於
盛烈之裴東村至公果卧云次子求復登莫大正
壬辰科榜眼長子柱以中式仕莫為賛理尚書歸
順封功臣孫秉淵中興初輔佐別有得見後
梁得朋弘化會朝人少称神童年二十八登憲宗景

Digitized by Google

朋比知臣夙存忠直尚可使令終回特要權裁
決期护於素宦蘊臣敢不祗承睿眷思竭愚
衷閑暇修其政刑礪治欣覓於盛黽勉勵以仁
美矢謨願效於前修累迁兵部尚书掌六部事
兼都御史知經筵事國子監祭酒廣文侯統元
庚辰年七十致仕壽七十九卒仅追贈太傅廣郡
公謚文亮公遭时致仕时嘗經濟而謙介清約無

Digitized by Google

憲、蔡襄拜爵一時之英俊、汗顏景濂立朝當日之奸豪排脫、向匪負鷹鸇之志、昌邑清撫、崔之羣、如 臣者技校虫彫、迹非鴻漸、蚤披玉署、侵尋佁閱於廿碁、戎蹤星軺、奔走莫施於寸效、倖肯每慚於祗進、亨嘉快覩於離明、會门風雲、依承有案、澤潭雨露、霑霂迭渥、夫何未淡於六旬、遂尔驟躋於七貴、輝青綾而凝紫綬、故事增

政亶弘於敷教、不泄迹不忘遠、立賢式廣於勸功、時方欣公道之開、臣濫竊私人之寵、臣敢不祗承帝旁、佩服官箴、希文供奉兩朝、豈敢忘於阿會、欽恪勤一節、尚罔替於始終、再迁僉都御史、復有謝表云、伏以藤閣天開、甫花舊次、栢臺地峻、更賁新銜、仰此獎擢之仁、倍切激昂之念、臣竊惟紀綱之地、耳目佚攸司、必無私方可律人、必有守乃能執

一第、玩愒廿年西徼朔風、馳使莫施於蒋效、扯扉
東閣、挨撝奚、補於綦祠、每悵脫盌之斷、遽抱遺
弓之痛、六虛查靄、愁望充雲五彩、輝煌、欣占舜
日、普平昏覃於鮮澤、迂疎亦預於升階鵷鷺行
中、榮厠鄭駰之末、徑倫闕下、傒回黎火之光、顧遇
寔多、寅緣莫測、伏遇
皇帝陛下、丕承武烈、大振文風、在明德在新民、莅

威治也邦國泰和舜之文德也声教遠暨禹之文
命也一言之從審是樞机也一令之施堅如金石使天
下之大人皆曰大哉吾皇言一哉吾皇心而文德發達岳
遠不至則斯亭之設而廣文之所名所以為萬世龜鑑
也記成上特加稱賞聖宗崩憲宗登基陞東閣
校書有謝表云地邃覺達以昭深嚴之道天低兩
露遇蒙渥渥之恩舊次升並旅忠益感且遭逢

恂懶雲霞、為百官者則明道揆謹官常、奉布下之堯言、宣懸象之禹詔、莫不師〻而相朴也、為四士方庶者、則聞德化而歡忻、奉德音而鼓舞、仰卢庭雍容之治、咱漢朝寬大之卡、莫不欣〻而相樂也、是則斯亭之設乃作、所以增棟隆之慶、基盤奠之附、豈偶然哉、噫斯亭之設、有由矣、政教之施、設命令之發揮、煥乎有其文、堯之成功也、郁乎有其文、周之

Digitized by Google

清漾蓄竟城廻樹木葱蘢道左右回旋惟貽視之有地也其形則極棟儼其高彫琢而弛不陋卑不壯而麗是制度之得中也既成特賜名曰廣文亭發氣朝廷載新煥發号令籌軍國之務明武狱之儀百官庶尹之政天下臣民之務莫非星明而日更盖將以新萬化四方之視咱表一代之文明非虛設也嘗其法令初成覩者竟莫不景仰一新制度

Digitized by Google

令之所垂法也聖天子握乾符臨宝位治功丹艧
三
二十餘年武功抗文德修四海九州皆為臣妾梯
山之區航海之隅号令之所周也霜露所隊舟車
所至正朔之所被也海隅蒼生悉為帝臣矣
皇帝陛下乃慮夫政事之煩臣民之衆難以耳提
而面命於是鳩庶工弘卦矩垂之能輸之巧特見
名亭於大興門之內以為懸治象之所其地則鳳樓

Digitized by Google

則危亡之期未可保也、茂洽不能用其言、而加陞陞
少保力辭不許、次年命掌六部事、兼東閣太學士、
知經筵事、加封策郡公、時莫政日非、災變屢作、微以
盛滿為戒、累求解職不許、會又有颶風大作、上疏言
颶風之變、誠知大異、天變不虛生、皆由人事所招、今
寇盜未息、兵役薦興、黃放白催、歲無虛日、頭會箕
斂、利析秋毫、自崇康六年迄今、積九年間、刷場追

Digitized by Google

其可惧者三也、左傳曰國家之敗由官邪也、今内外之官、已由於正者十當一二、餘皆逐〻於邪、勅旨之得送、官私司吏舍之徵求、大小詞訟之索賄、無所不至、其可惧者四也、五傳曰師克在和、今將帥乖違、互相角異、其可惧者六也、外此背理傷道之事、難以枚挙、所以星告災異、非是偶然、願戒謹危惧、改革弊政、人心和既和、天意自得、若或樂於宴安、不知悛省、

Digitized by Google

今奉先之礼、犧牲粢盛、失於簡薄、供奉祭物、苟容慢不恭、其可畏者一也、孟子曰、君仁莫不仁、方今在君之側、近習便媚、嬉迕引導、以求交中宮、宮圍至嚴、宮入而無禁、宣納至慎、壅蔽而不通、其可惧者二也、孟子曰上下交征利而國危矣、方今上下之官、已不嗜利者十只二三、餘皆汩汩於利、官爵之冗濫、田土之占奪、藩鎮之徵求、置賣無所不為、

Digitized by Google

子延師授業文学大進年二十三中奠登瀛大正九
年戊戌科進士一甲第一名改名徵以文章登仕為
时々所重屢往南岡辦事應答精敏明人称為宣甲
撫而不名茂洽延成初年官吏部尚书兼都御史
倫郡公以彗星屢見上疏云謹案付記彗星妖星
也少長大則灾期遠短小則灾期近今之政事日非
者非一書曰以承上帝神祇社稷宗廟罔不祗肅而

Digitized by Google

焉丰曰知之非難行之惟難臣願陛下勿以臣言為迂
閣擇而行之戒其所當戒憂其所當憂庶乎天道
可順地道可寧人道可安太平可致也襄翼帝嘉
納之仕至吏部尚書參預朝政敢忠伯年五十餘卒
子有慶為中興初功臣別有傳云

甲海号節齋鳳眼郢計人父芟嘉林鉢場少派貢居
母鄉細江公論迄于江渚有郢計商載之歸養為

Digitized by Google

萬化之源、五曰惜官爵以謹勸懲之典、六曰公銓選
以清仕進之途、七曰節財用以裒儉樸之風、八曰褒
節義以重綱常之道、九曰禁賄賂以革貪墨之風、
十曰修武備以壯金湯之勇、十一曰擇羣諫以作敢
言之氣、十二曰寬力役以孚僕望之情、十三曰信號
令以一四方之志、十四曰謹法度以開太平之治、以上
等策、上干睿覽、臣
又聞古語云、蓼莪之言聖人擇

Digitized by Google

喪未畢、而陛下以義奪情、置之侍從、盖欲臣有所
議論獻為、裨益天下、輔賛太平矣、如臣不言、旋進
旋退、碌碌隨人、苟容窃祿、則臣忠孝兩虧、何以报
陛下之恩、尽人臣之職、每念时義則終夜不寐、臨
食不飡、犬馬之心、自不能已、謹條治平十四策以聞、
一曰敬謹戒以弭灾異之変、二曰篤孝思以敦忠厚
之心、三曰遠聲色以正一心之本、四曰去邪慝佞以清

Digitized by Google

寬仁大度、不嗜殺人、復高祖之業、救萬民之命、四海之內、如解倒懸、莫不延頸企踵、仰望新政之成、鼓舞太平之治、然而即位以來、和氣未調、干戈未戢、朝綱未肇、軍政未修、災異屢見、恐天道之未順、山石剝削、恐地道之未寧、奸宄窃發、逆賊潛萌、恐人道之未安也、而在朝之臣、知而不言、其自計得矣、如國計何、臣忝以舊臣、義同休戚、雖在衰經之中、通

Digitized by Google

罔淫于樂無怠無荒慄慄乎如危亡之將至帝舜
納其言而戒其所當戒此所以為大聖也漢文之時
既宵庶矣而賈誼之獻策必曰厝火積薪可為
流悚可為痛哭惴惴乎若禍乱之已形文帝納其言
而憂其所當憂此所以為賢君也蓋以臣之進言
不諄勤不激切不足以助人君納諫之明君之咱言
不采察不寬容則無以開人臣納諫之路今陛下

Digitized by Google

統二年己未科會元廷試賜一甲第二名應制賞
官礼部左侍郎翰林院侍讀掌院事洪順初以
應義功陞礼部左侍郎尋丁憂命起復兼東閣
学士入侍經筵固辭不受因献治平十四策其略
曰臣聞古之聖王不以天下既治而忽警戒之念
古之賢臣不以其君既聖而忘箴規之心是以虞
舜之時既熙皞矣而伯益之矢謨則曰罔逸于逸

Digitized by Google

一毫營私所得俸祿皆以分宗族鄉党惠心碩望當
时推服初公父以儒生好地学得北方地師所賜一
局訣云繼發魁科掌衡始扦葬祖墓而迁居於
盛烈之裴東村至公果卧云次子求復登莫大正
壬辰科榜眼長子柱以中式仕莫為賛理尚書歸
順封功臣孫秉淵中興初輔佐别有侍見後
梁得朋弘化會朝人少称神童年二十八登憲宗景

Digitized by Google

朋比、知臣夙存忠直、尚可使令、纔回特要權、裁
決期抃於素寔蘊、臣敢不祗承睿眷、思竭愚
衷、閑暇修其政刑、礪治欣覓於盛、黽勉勵以仁
美、矢謨願效於前修、累迁兵部尚書掌六部事、
兼都御史、知經筵事國子監祭酒廣文侯、統元
庚辰年七十致仕、壽七十九、卒、仅追贈太傅廣郡
公謚文亮、公遭时致仕、时嘗經濟而謙介清約、無

Digitized by Google

輝以白望而聳秘官時流駿騤剔金殿撫閑之
門承玉旨訓諭之方徐樂近至大夫深悵躋崇行
成驟居廊廟奚假先容第占貴重而莫勝尤恐
恩隆而難報誰知綿瑣有此希奇伏遇
皇帝陛下恢廓帝聰尊崇儒術本一心而澄萬化璽
以經綸操八柄以御羣臣彝以僥治峯措峯嚴於
為奪忠邪廣示於勸懲謂臣久陪蹤常初無

憲蔡裴拜爵一时之英俊汗顏景褱立朝常
日之奸豪柜脫向匪負鷹鸇之志曷臣清欒雀
之羣如臣者技悛虫彫迹沵鴻漸銮坡玉署侵
尋佁閱於廿朞戎歲星軺奔走莫施於寸效倖
胥每慚於祇進亨嘉快覩於離明會門風雲、
依承有葉澤潭雨露霑霈逮漫夫何未淡於
句、遂尒驟躋於七貴燡青綾而凝紫綬、故事增

政亶弘於敷教、不泄迹不忘遠、立賢式廣於勸功、時
方欣公道之開、臣濫竊私人之寵、臣敢不祗承帝旨、
佩服官箴、希文供奉兩朝、豈敢忘於阿會、欽恪
勤一節、尚罔替於始終、再迁僉都御史、復有謝
表云、伏以藤閣天開、甫花舊次、栢臺地峻、更賁
新銜、仰此獎擢之仁、倍切激昂之念、臣竊惟紀綱
之地、耳目佚攸司、必無私方可律人、必有守乃能執

一第、玩愒廿年西徼朔風、馳使莫施於尋效、址扉
東閣、揆撝奚、補於綦祠、每恨脫盌之斷、遽抱遺
弓之痛、六虛查靄、愁盟芫雲五彩輝煌、欣占舜
日、普平昏曇於鮮澤、迂陳亦預於升階鵷鷺行
中、栄廁鄭駰之末、徑綸㶑下、僾回黎火之光、顧遇
寔多、寅緣莫測、伏遇
皇帝陛下、丕承武烈、大振文風、在明德在新民、涖

Digitized by Google

盛治也邦國泰和舜之文德也声教遠暨禹之文
命也一言之發審是樞机一令之施堅如金石天使
下之大人皆曰大哉吾皇言一哉吾皇心而文德發達無
遠不至則斯亭之設而廣文之所名所以為萬世龜鑑
也記成上特加稱賞聖宗崩憲宗登盍陛東閣
校卡有謝表云地遂崑蓬久玷深嚴之直天低雨
露過蒙瀀渥之恩舊次升華孤忠益感臣遭逢

Digitized by Google

恂懶雲霞、為百官者則明道揆謹官常、奉市下之堯言、宣懸象之禹詔、莫不師〻而相朴也、為四士庶方者、則聞德化而歡忻、奉德音而鼓舞、仰卢庭雍容之治、咱漢朝寬大之卡、莫不欣〻而相樂也、是則斯亭之設乃作、所以增棟隆之慶、基盤奠之附、豈偶然哉、噫斯亭之設、有由矣、政教之施、設命令之發揮、煥乎有其文、堯之成功也、郁乎有其文、周之

Digitized by Google

峙(其)於前竜城遶於(于)外銀漢邀道(倚)左右回旋惟貽視
之有地也其形則楹棟儼其高彫琢斥而弛不
陋(卑)不壯而麗是制度之得中也既成特賜名曰廣
文亭載朝廷載新煥發号令籌軍國之務明
礼狀之後百官庶尹之政天下臣民之務莫非星
明而日麗盖將以新萬(四方)化之視咱表一代之文明非
虛設也肖其法令初成覩者莫不景仰一新制度

令之所垂法也聖天子握乾符臨宝位治功丹艧
三
二十餘年武功抗文德修四海九州皆為臣妾梯
山之區航海之隅号令之所周也霜露所隊舟車
所至正朔之所被也海隅蒼生悉為帝臣矣
皇帝陛下乃慮夫政事之煩臣民之衆難以耳提
而面命於是鳩庶工弘卦矩垂之能輸之巧特見
名亭於大興門之內以為懸治象之所其地則鳳樓

裴昌澤清潭定功人年二十八登洪德九年戊戌科同
進士昌澤少事耕穡躬勤講磨帶經而鋤囊
螢而讀農事不廢而学業日進一举登科放榜
时犹耕於野邑人栄之初授翰林全宗征占时
扈從督祝有功己酉冬奉使如明歲貢二十四年
奉作廣文亭記曰臣聞天不言而四时行萬物生
日月之所垂象也帝無為而天下治萬邦理命

Digitized by Google

皇極、惇敘彝倫、慈宸膺養、尊榮無尚、(下)
後、穹禾(禾)叶相國(至)教、誕敷萬方、咸仰、昭昭灵應豐
豐玄功、前言在迩(耳)、深契宸衷、貞珉有作、(式)咸表榮
洪、天地久長、山川融峙、勒此穹碑、奠于南紀、功匀
兼隆磻硍、永世(世)文成甚悉、稱旨、尋進本部尚書兼
翰林院侍讀、仍掌院事、寬大簡重、為時名臣、號
珠。溪、有集行世、

Digitized by Google

壺治(復足)謨法、聖考初年、自天作合、熊夢允孚、燕謀昭答、
禎國淨淵、斯(茲)山致虔、眞心默禱、格致(彼)上玄、忽有神石、
現(飛)于庵(佛)前、維彼(茲)神石、精誠所格、妙入金身、渾融瑩跡、
崇構奉之、人不厭斁、明年仲秋、崇祐(宗祐)垂休、祥開
虹渚、道審(闡)燕謀、國本益重、盤石金甌、尊公遺囑、
其言可復、事如可徵、善則必錄、宜制碑文、發揚洪
德、鶉尾之春、化瑟更新、聖皇嗣德、守位以仁、建用

Digitized by Google

異之應、石耶星耶、天耶神耶、祥耶德耶、是豈淺
識所能預知哉、穹禾賜羨、岳瀆炳灵、亘萬古而一
日也、不記紀嘉貺、曷著純美、美謹拜手首稽首而銘曰
天啟帝王、必有禎休祥、成功特異、樹德克昌、聖神毓慶、
相古有光、誕膺眷顧、永篤周祐、百世累仁、萬年
垂裕、施于文孫、綿洪宝祚、歸巍彼名山、虎踞竜蟠、灵
踪勝跡、磅礴其間、待时而發、莫測端倪、奕奕奕葉、

Digitized by Google

積慶之榮古昔帝王未之有也粤自國(厥)初皇朝紹
平間光淑皇太后有玉帝授浚琨之夢果生聖宗
淳皇帝及長樂皇太后有黃龜入左脅之祥篤生
聖上皇帝祥禎瑞必不虛應(發)天命固有攸歸矣禎
國公(識)識鑒精通寸怍懸(纍亙)玉神石之應豈偶然哉且
叅明無二(理)物類本一(源)衆垂於天者星也質污於地者
石也依人而行者神也降祥在德者天也(係)沬庵炅

心、甫及再朞、天下大治、漢文之盛、唐太之隆、
喻也、景統二年、追思夙願、欲顯神功、特以碑文命
臣撰次、臣淺陋何以發揮神道感通之理、然而叨
奉明詔、敢不對揚休命、嗚呼天人相与之阿微矣哉、
盖志之所至、氣亦至焉、理之所至、精亦至焉、是理
也察乎天地、焉乎古今、不以顯而彰、不以隱而閟、存
乎其人、則玄方寸間一感孚耳、況聖天子明德之遠、

Digitized by Google

元、聖皇太后自克儉所為貴。妃恩礼日加、及公臨沒囑
家人曰、飛石之異、似日幸而有應、宜立碑記其事、
以垂不朽、洪德二十八年、聖宗淳皇帝上仙、聖上
皇帝嗣位、社稷宗廟有所托、華夷貊蠻皆率從、
聖母貴妃為皇太后、長居樂殿、榮養備至、慈極
怡愉、禍復之綏、祚胤之蕃、與周任似同其善美也、
聖天子平蔀百章、簡、肇行仁政、流亡復業、盜竊革

嘉儀、首稱其選七月入侍拜充儀居永寧宮寵
遇冠於後庭、未幾有娠、公為皇太后致禱是寺徐
公庵、方展拜間、忽有山石飛落其前、公怵之謹瓷
命斲作其像、納石于畏別構一庵奉之、公莫知之
明年辛巳仲秋八月丁日、聖上應期降誕、三宮交
慶、率土歸心、三年壬午聖上以嫡長立為皇太
子、仁孝夙成、温文日就、天下於是益隆矣、洪德欽

於千十年、天王感射經之功、法友証托胎之果、如仁、
遺(曽)脱(娧)漕溪不壞之法、身湛湛道心、達摩歸空之寶相、
寔妙勝之頭陀圓明之法印也、蓋其億萬斯年、储休
鍾秀、磅礴穹壤間、必待聖人而後發歟、迨(遠乎)夫光順初
(元)年、滇憲既除、乾綱復立、(王)聖宗淳皇帝、以是年六月
(六)十日、俯徇華(羣)(舉)情、光膺紫極、(登宸)間求淑德、正位宮中
時長樂殿皇太后、以禎國公阮氏惠第二女以懿範

撲欽惟

聖上皇帝陛下承祖宗之遺(施)祉襄德澤之流光應

運之昌(奇)篤生之慶豈不必有其須按了其萃者哉

原夫伏孫山天庵(福)寺峯攢鶯嶺洞儼崑崙西連雲(圖)

傘之西(雲)東挹碣(唱)山(江)之寺水至人覔此化曾此倘佯石壁

頂痕雲庵(龕)足跡混沌以來宛然如在真符竺(乾)天之福

地雲(偃)鼠之洞天也加以李朝徐公道行卓錫持禪(壇)遍

東閣左司講輔東宮寔宗立拜礼部左侍郎[illegible]
掌翰林院事奉勅撰伏豯巖山顯瑞庵碑記序
曰帝王之興必有灵異灵異之應必有所憑邇覓 生
古初明徵可考蹟履巨人而苞羲 庖 啟聖虹流華
渚而金天降祥 神 月荧瑤光而顓頊生 𥚃 帝歆其祀而
台[illegible]異顯黃光[illegible]玄鳥之祥虞帝叶 協 赤龍之瑞[illegible]
古[illegible]

Digitized by Google

冊封奉命就驛館議礼、欽皇既登儲式、命為左春坊右諭德仍兼同職、甲子夏憲宗寢疾、阮敬紀欲立威穆帝以金賂公拒不受、遂与都御史阮忠弼扶立肅宗、及威穆帝憾前事貶行廣南承宣、至真祠大江使人追逼自尽、公投水卒、年五十四、及洪順起兵追封致祭、以旌其節云、

阮保武仙芳萊人、登洪順三年、壬辰科同進士、初八

Digitized by Google

之奇遇云、

覃文。礼桂楊覽山社人、字弘敬、號道齋、少称神童、鄉試
解元、十八歲登光順十年己丑科同進士、初入朝擢
翰林校理、洪德癸卯官翰林侍卡、與申仁。忠等
纂修天南餘暇集、戊申奉正使如明、賀登壼、使
回陞副都御史監、癸丑殿試未幾進礼部尚卡、兼
東閣大學士、奉勅撰昭陵神道碑、景統己未明使

Digitized by Google

遂蒙眷用光順初擢翰林承旨權戶部侍郎入侍
經筵在陞副都御史丁亥進都御史戶部尚書
帝常諭之曰昔余少時為汝所友登大宝日尒作
經筵以臣下而覓則尒為知己之友学誠之交以君
臣而覓則尒為知己之緣風塵雲之會尒尽心竭力勉
圖拔國則君為知人之君尒為尽忠之臣顯号揚
光名于方冊顧不快哉其相与契合如此寔君臣

Digitized by Google

集、居官益勤、正陞戶部尚書、知崇文殿秀林、昌景
統中卒、兄正已亦登黃甲兄弟同朝
阮居道嘉定今嘉平東塊人、登太宗大寶三年壬戌同進士、
初充御前学生、太和己巳遷監察御史、尋以劾奏
政事院參護諸員、降為國子直講、延寧丙子奉
充貢部副使、聖宗在潛邸時、為文学友、及帝登尊、

Digitized by Google

舜業工於詞藻丁亥由知縣試中宏詞科命入
秘監讀卡陞翰林侍制尋擢知制誥丙申夏由翰
林卡侍陞東閣校卡壬寅秋以扈從西征勤幹無犯
陞翰林院侍讀仍兼東閣與大学士申仁忠奉修
天南餘暇集及親征紀事戊申春以三考稱職陞
東閣学士文章操履深為帝所器重礼遇居申
杜之次常賜和梁江夜興詩及合奉評古人心百詠

Digitized by Google

揭真是孝好推此意答明君其見推重如此影統初奉撰貽陵碑累陞吏部尚書兼翰林院入侍內輔政兼東閣如故壽八十餘文尚詩與推澤厚不旋彫琢而格致自佳耕華諸多作詩御筆稱賞于仁信仁武二人同時顯達天子常賜之詩曰二甲八等沐恩榮寵遇超絕尤為世所罕云

陶峯超類淳康社人十八歲登光順丙戌同進士改名

Digitized by Google

洪德癸丑與帝廷宝杜。潤芳奉賽天南餘暇集、
上常承題其草以美之、正加並國子祭酒、時天子
愛好文翰、称騷壇都元帥、以仁。忠杜。潤爲副元帥、
奉評御詩、及賡和瓊苑九歌詩、韻常榮歸拜掃、
憲。宗在青宮賜詩送之曰幾年遙地久承恩、辭假
榮歸拜社枌、清粲向回東閣月、故閭情望北江

三

雲、鄉心無限效盃酒、視念難勝效又墳、須信顯

揚真是孝好推此意答明君其見推重如此影統
初奉撰貽陵碑累陞吏部尚書兼翰林院入侍內
輔政兼東閣如故壽八十餘文尚詩與雅渾厚不
施彫琢而格致自佳酬奉諸多作浮御筆稱賞子
仁信仁武二人同時顯達天子常賜之詩曰二甲父子
沐恩榮寵遇超冠尤為世所罕云
陶峯超類淳康社人十八歲登光順丙戌同進士改名

洪德癸丑與廟廷寔杜潤芳奉寄天南餘暇集、
上常承題其草以美之、正加奠國子祭酒、時天子
愛好文翰、稱騷壇都元帥、以仁忠杜潤為副元帥、
奉評御詩、及賡和瓊苑九歌詩、韻常榮歸拜掃、
憲宗在青宮賜詩送之曰、幾年遂地久承恩、暫暇
榮歸拜社枌、清案向回東閣月、故閭情望北江

三

雲、鄉心無限效盃酒、親念雖勝效又墳、須信題

甚加信用常夜侍御前論道理天人諸臣莫得
与焉癸丑年陞翰林院侍講兼東閣大学士时年
四十八乙卯冬奉和瓊玖九歌詩韻與仁忠齊名
當时称為申杜仕終尚未卒

申仁忠安勇安寧人年五十餘登光順十年己丑科會
元庭試賜同進士以文章登用初授翰林院侍講
尋加兼東閣大学士正陞翰林院承旨仍兼東閣

Digitized by Google

杜潤金華金華人年二十一登光順七年丙戌科同進士以文章登用陪侍綸闈戊子秋駕幸藍京與亮進宝等扈從奉賡孝治英華詩集洪德辛卯陞東閣校書癸巳冬與申仁忠等奉纂天南餘暇集尋加兼東閣學士甲辰春秋初立進士名碑奉與申仁忠分撰記文時天子称騷壇都元帥以申杜二公為副元帥凡御集詩及詞臣酬奉悉為批評上

Digitized by Google

漸曁之休、是臣之所深願望也陛辭日明帝復賜
大紅骨朶雲纖獬金蟒紵絲疋緞等物并付給馬
船回國有嚴謝恩詩云、曾因國事貢珠封叢賜叨陪
玉陛中、蟒彩已彰三品服、鵡舟再駕八荒風詩辭笑
乏如寬海、酒力那堪飲似紅虹、福壽於同周雅祝升
恒日月照臨公使回至進吏部尚書、兼都御史、廷宝
之弟、光第並列尚書、

Digitized by Google

化之仁、帝王撫綏、兆邦、雖絶徼窮邊、仰蕩蕩平
平之道、今臣黍因夏貢、近望堯雲、仰天日於長安、
貽依正、坎厠衣冠、於公館、忻幸良多、豈圖微遠之
餘、疊荷寵光之錫、章身有耀、品采孔揚、命服載
敘、翁文生色、顧惟草木孤根之陋、尤感乾坤大造
之恩、臣不勝仰戴銘佩之至、敬祝皇帝萬萬壽、
天齊年、率土臣民、均樂雍熙之治、康邦大小、永孚

Digitized by Google

下方之遠來覓上國之光萬里梯杭跋涉寧辭於海
島九天日月貽依快覩於天顏彭殽名文物於虞朝
覩礼樂衣冠之周制尊親在念报答無階凡其隨
身貨財豈宜糊心愛惜某有奇南異香一合呈付
差官揀裁進入明主見其文称為三代人才優加宴
賞賜大紅獬豸織金胷背紵絲等物有嚴上謝
表云臣窃天地發生萬物雖萌芽蓄狂感生生化

Digitized by Google

授太常寺卿壬戌冬奉正使如明謝賜冠服財明
皇后見我國使丞差官收取函箱詐討取異香有
嚴有所賫竜衮禁物貯箱內恐明人撿取責之
乃作戒本部榜文畧收香進其文曰匹夫懷璧罹往
賫遺贖貨之訊胡賣藏珠馬史示挃生之戒故峕
叩閽呈琅者茹忠純之可尚而進芹獻曝者雖微
小而可稱在董獲昭龜鑑照本部使等自下

下方之遠來覓上國之光萬里梯杭跋涉寧辭於海
島九天日月貽依快覩於天顏彭殽名文物於虞朝
覩礼樂衣冠之周制尊親在念报答無階凡其隨
身貨財豈宜糊心愛惜某有奇南異香一合呈付
差官揀裁進入明主見其文称為三代人才優加宴
賞賜大紅獬豸織金胷背紵絲等物有嚴上謝
表云臣窃天地發生萬物雖萌芽荄狴感生生化

授太常寺卿壬戌冬奉正使如明謝賜冠服上
皇后見我國使臣至差官收取凾箱討取異香有
嚴有所賣奄茶禁物貯箱内恐明人檢取責之
乃作戒本部榜文異收香上進其文曰匹夫依壁懈住
貴遺贖貨之訓胡賣藏珠馬史示桎生之戒故呆
叩闔呈琅者茹忠純之可尚而進所献滕者雖微
小而可稱莊莊董獲昭昭龜鑑照本部使等平自下

Digitized by Google

下方之遠來覲上國之光萬里梯杭跋涉寧辭於海
島九天日月昭依快覩於天顏彰教名文物於虞朝
覩禮樂衣冠之制尊親在念报答無階凡其隨
身貨財豈宜糊心愛惜某有奇南異香一合呈付
差官棟裁進入明主見其文稱為三代人才優加宴
賞賜大紅獅子織金胷背紵絲等物有嚴工謝
表云臣竊見天地發生萬物雖萌芽後感生生化
謹
根

授太常寺卿壬戌冬奉正使如明謝賜冠服附明
皇后見我國使至(至)差官收取函箱計討取異香有
嚴有所賣竜袞禁物貯箱內恐明人撿取責之
乃作戒本部榜文異(以)收香(上)進其文曰匹夫懷璧靡任
遺贖貨之訓胡賈藏珠馬史示桎生之戒故呈
叩閽呈琅者茹忠純之可尚而進芹獻曝者雖微
小而可稱在董獲昭亀鑑照本部使等自(平)下

与親征記、尋進礼部尚书兼官如故、时年四十四、甲辰秋奉看詳自大宝壬戌至是年甲辰科進士名次勒石立于太学、乙巳年迁刑部尚書、有嚴之兄、兄弟同朝、世得公祖、有还人遺金、因得厚报云、

嘉有嚴福溪社人、年二十二、登光順七年丙戌科二甲進士、洪德庚戌官副都御史監殿試、尋陞都御史提調、癸丑丙辰二科、殿試、时年四十九、景統庚申春

Digitized by Google

甚博常定大成算法但性好詼諧禪门科教多所
撰作沒後為其邑禍神
郭廷寶青溪蘭禍溪人社年二十四登光順四年癸
未科會元廷試賜一甲進士第三名以文學登朝
迹聯侍從初官翰林院学士洪德庚寅奉使如明
奏事使回迁東閣校书在堅剛都御史兼左春坊
左中允洪彷癸卯与申仁忠等奉篡天南餘暇集

Digitized by Google

為嗣又許一仙童子為輔及覺遂有娠生聖宗至
是科太得公太后卧其形貌宛然夢中所見童子
心異之以告天子天子奇其事且愛公文章遂令
密陪詞幄初官翰林直學士權工科給事中洪德
中歷加翰林院侍卡堂院事兼崇文館秀林品
邦交詞命皆奉擬撰名聞中朝明人嘉其國中有
人預騷壇洒夫自号睡軒公於卡無所不讀學問

Digitized by Google

十餘年致仕、統元中卒、壽一百二歲、公蚤魁元、壯
瘠顯要、年登期壽、丕閱八朝、亦仕途所罕有云、初
公於太和中奉勅撰皇親武穆公南界廟碑、今其
文尚存、並詩集行云、

梁世榮天本高香人、稱神童、年二十二、登聖宗光順四
年癸未科第壺甲進士及第第一名、及第應制第
一初光淑皇太后夢至上帝所、上帝賜以一位仙童

Digitized by Google

庚午冬再充貢部尚書副使延寧己卯秋三奉如明
歲貢及詳於殊事聖。宗立愛儒術公家眷用擢
吏部尚書時年三十七累加門下省左司諫議大夫知
北道軍民簿籍兼翰林院承旨学士進兼礼部尚
书謹德殿大学士太子賓客提調丙戌己丑二年
殿試始典銓曹洪德庚寅冬邑駕征未發被讒
隨後復召用為吏尚加少保蓋兼國子監祭酒正

集、學者稱為樗蓘先生、公以大料登用、而淡視
功名常有急流勇退之意、申公忠稱其文章結知兩
朝、而謙恭以保終始、蓋定評公
阮如。堵字孟。安大蘭人、至上福紫陽、十九歲登太宗大
宝三年壬戌科會元殿試賜一甲進士第二名、為
開國榜眼、太和癸亥冬、官翰林知制誥、奉副使如
明謝致文。皇祭、回迁歸化路安梅、已巳陞直學士、

尤以詞章浮幸光順元年授宣奉大夫中書令知三館事大僚班屢乞歸西山草堂不許常有詩云病承恩詔許留京歸許十如今一未成何日西山山下路簑衣小笠看春耕又云大庭曾對三千策浮世虛爲五十年不是無心求禁省只因多病憶田園可想見其風槩也洪德四年陞嘉行大夫翰林院承旨兼國子監祭酒是年卒壽五十七平生著述有楞嚴

Digitized by Google

一甲進士第一、為開國狀元、仁宗太和初授翰林直
學士武騎尉尋除南東府安撫使、還朝授翰林院
侍讀兼御前学生二品、歷中书省中书侍郎、奉往
北使、值大北公以陪臣應举、明人又賜及第、故世称兩国
狀元、延慶二年、值家艰回籍、四方士大夫從学者千數、
終制、適明使至、帝命作往復文书、及賀登奎表、明
人嘉嘆、仁宗遇变、操文以祭辭極哀切、聖宗登極

Digitized by Google

則四海蒙福而陛下享大孝之福壽矣其他如騎象
鬬牛皆隨事規諫帝亦嚴憚之仕中承戢丞戢太
和中卒

阮直字公挺青威具溪人父时中善風水見安山義
邦有吉地因娶其鄉杜氏女而家焉遂生公于伕蹟于
山庵公幼而敏悟博覽群書十二歲善屬文十八歲
領山西鄉薦第一二十六歲登太宗大宝壬戌科第

Digitized by Google

其狂愚、陛下納之則蓼莪工技各尽所懷、陛下聖德益光大矣、帝意始解、时大臣抗以夙儒八侍經筵勸學、帝不納、天爵奏曰、生知莫如堯舜、而猶以君疇成昭為師、自古帝王之增益君德、未有不由學問、况陛下春秋方富、古今治道、未尽周知、大臣察等選用儒臣八侍左右、盖欲陛下為堯舜尔、陛下胡為忽宗社而迪其忠誠乎、願思先王顧托之意、

Digitized by Google

Digitized by Google

事成業可留心学術勤於求賢以圖治功今大臣進少保右弼侍勤謀学陛下起去不咱其不可也陛衛嘗領見陛下射禽或諫止之陛下不咱又引弓射之先帝遣取功臣子弟使之侍学陛下皆疎遠之而内與近習侍内倡戲凡人君必求賢才能直言極諫及有功者而後賞之今反與宦官戲賞此皆不可之大也臣侍罪言職敢不條陳願陛下臨朝

Digitized by Google

除近或接近大臣或咱群臣奏事公平正尊嚴假以天
天子穆已之容敬大臣有功勞納直諫以開言路達
下情則繼志述事之大孝不專美於太甲成王矣
帝見疏大怒遣宦者至天爵家詰問讓之天爵曰
臣重在愛君盡戒而已死亦何憂明日入朝奏言
此聖人也而伯益以荒怠為戒唐太賢主也而
魏徵以十漸為防臣等尊在言職恐君有過故效

Digitized by Google

事成業可留心學術勤於求賢以圖治功今大臣
進少保右弼侍勸謀學陛下起去不肖其不可也經陛
術曾領見陛下言養兵頭上之璽下不肖又引弓
射之先帝進取功臣子子男使之侍學陛下學棄遂之
而內與近習侍內僖戲凡人君必求賢才能直言
極諫及有功者而後賞之今反與宦官戲賞此皆
不可之大也臣侍罪言戚敢不條陳願陛下臨朝之

Digitized by Google

諸臣非無此事卿独奏受何也對曰都督司敘司馬皆顧命大臣宜正己以率百官有所營為必循礼法臣見如此不可不言今奉勅使徧覓諸宅臣不敢尽戒於是具疏檇新宅者參知黎定等二十餘人奏之帝雖不穷究而嘉其直二年春帝始親政頗事迮戲天爵与言官上疏畧曰先帝櫛風沐雨躬還甲冑勞神苦体十餘年而後定天下陛下継

Digitized by Google

卞遇事尽言無隱聖宗奬諭之曰唐之王韓何以加諸尋被譴後復職兼祭酒公以文学得用而風稜慨慷終始不渝受知四朝以節氣推重云

潘天爵武寧縣人為太祖舊臣歷官臺諫剛方慷慨紹平初出為藤州轉運尋復入為侍御史遇事敢言風節鯁直時國喪未除大臣黎受娶妻起策天爵上章彈劾帝命偏入諸大臣家卧內問曰

Digitized by Google

以文章結知預參邦交詞命紹平初兼御前學生、
奉副使如清明謝致祭、回陞侍御史、丁巳夏以舉勳
劾知詞訟鄭克復營辭管領黎忠非迪事不报、乞
罷職、帝命还就官、又劾大司徒黎察專權、察竟
坐罪、戊午冬再奉充貢部副使、还迁翰林院侍讀、
壬戌冬奉撰祐陵碑文、太和中除內密院副使、被
誣落職、再起復為翰林知制誥、聖宗立、拜兵部尚

Digitized by Google

剛使如明奏太平地方事、仁宗太和初兼西道同知、正迁参知政事、俗傳公初迁學長安时有一人遠商歸其婦煮黃鱔羹食之即死、蓋鱔須白蛇頭有毒不能殺人者有司抵婦罪公為辨其冤事得召用顯官、後常於鴻嶺鑒溪一曲灌田千餘頃鄉人德之、

後祠于曲阜山下、正朝加封福神、

阮天錫字玄圭、僑迁內裔人、太祖順天四年、登宏詞科、

Digitized by Google

史中丞剛直敢言不避權要時大臣黎察專權當
國拾虎上疏劾之坐此出為諒山安撫使察既罷復召
入為御史帝以黎察奸從欲斬以徇拾虎奏察罪雖
當死然常為大臣徇死示辱恐遺訊後世帝乃賜
察自死其以直报怨如此時梁登以宦竪定樂黎
渚以弩軍迁官拾虎皆上疏切諫帝雖不用然頗
憚其直五年奏儲粮實邊事帝從其策是年冬

Digitized by Google

加門下左侍郎參知北道簿籍太和甲
正使如明歲貢回加入侍經筵己巳夏以年老乞
仕帝不許累加入內大行遣知三館事延寧丙子以
耆臣諳練奉往太原界上勘定疆地時近入衮矣
卒年七十八為人溫恭儉約有名臣凡度諸詩亦清
裕可誦云
裴拎虎天祿度遼人太宗紹平初以儒学進用官御

Digitized by Google

按陶公從字宝卿仙侶善片人國初迎謁王歸丙午黎太祖幸東都卿試諸生中第一时帝初得國遂使陳情于明明人諭以求陳氏後順天已酉二年冬以公從為頭目充正使往求封关奏尋陳氏子孫事使還正官東道參知紹平初加知審刑院事乙卯冬加它刑院事兼礼部尚书时明使將来以公諳詳典故特受是職命掌接應丙辰春再奉正使如明求封己巳秋

Digitized by Google

事三朝、勲望隆重、性深沉多智、識政事大体、廟堂議論多所建明、黎察被戮、直諫不阿、甘受遣責、為公論所歸、尤剛直、有遂縣屬邑有虎时見為人害、文灵為文責之、虎皆遠去、时人以比之乾愈馴鱷魚云、贈開府、賜謚忠献、子弘毓、好吟咏、延寧間為都督同知、洪德中改授尚书奉使爵嵩郡公、

師

黎文。靈雷陽海歷人。少以文学稱。聞太祖晦迹藍山。挺身歸附戊戌帝。起義兵。与阮。薦密侍左右。為帷幄謀臣。運籌決勝。屢著勲跡。帝之囲東都。常献密謀陷城。明人計穷出降。王通还。天下大定。順天初論功封鄉上侯。累授入内少傅。迁右弼。太宗紹平二年。与總管黎盃討琴貴檻送京師。四年以諫戮黎降察降仆射。尋拜太傅。太仁。宗太和五年卒。年七十二。文灵

Digitized by Google

壹功臣晚路退閒尤無貪恋之意独以妖女業
卒累功名當时咸惋惜之然事久論定是非自明
聖宗御製詩云抑齋心上光奎藻親註云抑齋
先生於圣祖創業之初濡江歸附内則賛畫帷幄
之籌畧外則列草諭列城之文书華國詞章寵信貴
重盖深美之也其後公之子孫蕃盛為蘂溪望族
仝縣奉祀祠宇香大至今不絶云

Digitized by Google

愛其凡水、結橘未堂於上、命門童爻穢、誤殺是蛇、蛇精埋怨、托生氏跡、脇下有鱗、公少時道遇於武陵、悅其才色納之、及當國事、凡詔未詞命、莫不與之潤色、太宗立、聞其名召入見、拜為礼儀学士、时公年老欲歸崑山閑養、累辞不許、乃留氏跡内侍、帝許之、東巡日氏路宵侍、帝崩、及獲罪臨刑、氏路走赴水人以蛇毒之报、公以文章謀畧、得君經世、為開國第

Digitized by Google

初諸大臣於以公為程舜俞入侍經筵輔成君德
不諧公又奉議不與官豎梁登不合遂辭不預事
歸築舍於至灵崑山時奉朝請大寶壬戌年六十
三秋以妾阮氏路入侍毒弑太宗廷論夷三族有妾
時方懷孕隱遁得免尋生子鵝鵝聖宗朝軫其寃
賜云縣戝追贈公爵濟文侯所著玉堂詩集世傳
公鄉大陂中有巨蛇樹木蓁莽邑人不敢剪伐公

Digitized by Google

求潛入清蓋至灞江行營謁見獻平吳策太祖大喜前一夜帝亦夢一神人賚一良弼及見公狀貌宛然与所夢同遂奇愛之置諸左右參謀帷幄累進翰林院承旨学士丁未春加朝列大夫入内行遣兼行樞密事諸与明人往復卡与各曉諭皆軍拐撰帝既放明人还國奉撰平吳大誥戊申春定功行賞進爵冠服侯預賜國姓癸丑春奉撰永陵碑文太宗紹平

Digitized by Google

鄉為卡招之不得已就降輔知其不肯效用欲且
殺尚卡黃福奇其貌釋之留東門城內住時陳故
臣景興鄭容等領順化軍迎立重光帝以圖興復
黎太祖亦遣應詔命契義於藍山鄉累破北兵軍
聲稍振公憤明人貪虐思極生民欲擇真主事之
而未知所向乃脫身潛去投宿于鎮武縣懇懇求一
梵以下去就夜半聞神語曉以太祖姓名遂決意西

Digitized by Google

類皆可卡至若冰壺公遭值季世雖無顯績而見幾
退處要亦不失為賢故幷以附見云
阮蕃號抑齋上福葉溪人陳末遇士阮飛卿之子陳
元旦之外孫弱冠以文章名世經史百家及諸器典
未嘗不淹貫年二十一中淳祐庚辰科太学生父子
同時登甲官御史臺正掌未幾明人来侵二胡被
執父飛卿以為所虜蕃僅以身免德兵張輔追飛

Digitized by Google

詠其間浩然自適有冰壺詩集行世

按陳時宰輔英明時往往多得名臣其宗室者以勳望而入相仗流者以文章而登揆惟才是与不專拘於資格故當時賢傑皆得自見如節夫介軒之俊潔升庵梅峯之剛敬与夫汝諧時見之才

[illegible]

[illegible]山鏡溪之凡節莫非一代之雄雖求之致主經邦若有未尽而其一世人自了一世事卓卓凡槩

Digitized by Google

書院稀憂國之心往往發諸吟咏然時事既去終不能有為上皇帝幸其弟問疾後及事皆不言但曰陛下敬明國父如愛占城如子則國家無事臣雖死且不朽常有十禽詩有云人言寄子與老鴉不識老鴉怜愛不蓋訖上皇托順宗於季犂也為人慈祥儒雅有古君子風雅好文章所居崑山有清虛洞有漱玉橋備諸林泉之勝退休時觴

Digitized by Google

審刑院事累迁左尚書左司郎中、亦以清謹称于
陳元旦號冰壺、昭明陳光啟之曾孫、封章肅國上侯、初
從藝。宗出奔、匡復社稷、預平日礼之亂、拜司徒輔
政、歷睿。宗朝兼知廣威軍事、廢帝昌符中、胡季
犛以外戚進用、專弄朝政、元旦自以宗室大臣見
國柄下移、無復有經濟志、遂請老崑山、以竹石自娛、
一日寄僚友詩有云今古興亡真可鑒、諸公何忍諫

Digitized by Google

范宗邁号鏡溪、炎山敬主人、初姓祝、仁宗改賜范、明宗初使元、正授御史中賛、質直敢言、有古爭臣風、累迁门下省同知、致歲而罷、詩辭清裕、飄逸、常有高趣、其題隱居云、陶令歸心對松菊、少陵吟興動江山、訪僧云、瑤溪雪淨菜飄爽、紅樹尾多竹院涼、徐步要穷終日興、清談為解十年狂、皆可想見其尾格也、弟遇号寮溪、明宗时与忠彥使元、歷官知

Digitized by Google

陳時。見東朝臣下人、興道王薦之、權天長安撫使、居
官廉潔、時人有以盘飱遺之、詰其所由、対以鄰近
他干請、未幾果以事托公、堅探喉吐之、堅檢法官訟
至折之以理、事來應之以方、人咸曰可以折獄、及為
侍行遣右諫議大夫、英宗嘗賜之笏、御製銘曰泰
笏
山貞高、彔貞烈、靈貔薦々角為笏、难折、仕歷明宗
音雉笏同
朝、終左僕射、

范宗。邁号鏡。溪、炎山敬主人、初姓祝、仁宗改賜范、明宗初使元、正授御史中賛、質直敢言、有古爭臣風、累迁门下省同知、效歲而罷、詩辭清裕、飄逸、常有高趣、其題隱居云、陶令歸心對松菊、少陵吟興動江山、訪僧云、瑲溪雪淨菜飄爽、紅樹尾多竹院涼、徐步要穷終日興、清談為解十年狂、皆可想見其尾格也、弟遇。号寮。溪、明。宗时与忠。彥使元、歷官知

Digitized by Google

陳|時。見東朝|巨作人、興道王爲之、權天|長安撫使、居官廉潔、時人有以盘飧遺之、詰其所由、対以鄰近他干請、未幾果以事於、公坐探喉吐之、坐檢法官訟至折之以理、事來應之以方、人咸曰可以折獄、及爲侍行遣|右諫議大夫、英宗嘗賜之笏、御製銘曰泰山貞高峯笏貞烈靈錫（音雉笏同）爲々角爲笏难折、仕歷明宗朝、終左僕|射、

Digitized by Google

過諸藩國震耀兵威因諭子弟入朝及交戰陰霧
晦冥賊先伏兵夾攻陳兵大敗墜水者過半汝諧在
在焉明宗聞之曰汝諧用必克之謀乘必克之勢功
垂成卒為敵所阻非不知料敵但所為過大而致
[illegible]知人之期望不可逾分限也其後封上等福

Digitized by Google

事十二年知樞密院事十五年財改鳥里
州化州汝奉命往宣示分意簡迪其衆授之以
官給田土租賦三年卒寇其民二十年扈駕征占
城為天子招諭使申約於俱占寨主來受占主來
降不費一簇而占城平汝諧之力也開祐間上皇
征哀牢汝諧為督將意哀牢據南戎其衆單
弱拏之必克且砦臨屑羅江既克之後沿流而下

Digitized by Google

还宮拜御史中贊、时年甫及冠、奉命使占城、謁上
皇於崇奚寺上。皇与語不覚移时、謂左右曰、汝諧
善士、宜其蒙官家使命也、占城首俗、使者皆拜國
主、而後宣詔、汝諧既至、徑詣案奉安詔書、因謂國
主曰、自賚天詔以來、阻望清光久矣、今日開詔、如对
天顔、且对詔拜、然後奉宣、雖當國主前、然以拜
詔為名、及還帝尤嘉之、遂决意大用、拜參知政

Digitized by Google

舟往命汝諧從越夜趍天長晨至府命奉表以
入上皇問此何人内官以官家捧表入對上皇不應
薄晚凡兩大至汝諧長跪不動上皇問廷中人在
否命受表覽之見其辭意懇切召帝入諭之曰
朕有別子亦可嗣位朕在尚如此後當何如帝頓
首謝因問曰撰表者為誰对曰書生段汝諧復召
汝諧曰汝之所撰深契朕志乃召官家復帝位帝

Digitized by Google

段汝諧嘉福（今嘉祿）長津人、陳英、宋興隆間、迮学京城、時上皇仁宗自天長曲（回）京適覘宮殿、帝。狴醉卧、不覚、上。皇大怒、命駕還天長、召百官明日俱至天長點集、帝醒覚大惧、趍出殿外、過資福寺、汝。諧在門、帝。問之、汝。諧伏地對曰、臣以学習誤在此耳、遂引入燕寢、謂之曰、朕為酒困、得罪於上皇、今欲詣前謝過、汝宜為朕草表、汝。諧奉旨立就、帝。即以輕

Digitized by Google

范師孟字畏齋峽山峽石人朱安門人明宗朝由太学生擢行省院奉使如元裕宗紹豐五年元使來問銅柱事奉使往辨六年拜掌籍卡兼樞密院事參政大治元年進入內行遣知樞密院事二年迁行遣左司郎中五年知樞密院事進入右納言奉詔鍊閱五路軍以修边備才器雄遠詞源汪洋萬里正覽江山到処吟題留刻皆豪佚可謂有炎山集行世

Digitized by Google

段汝諧嘉福（今嘉祿）長津人陳英宋興隆間遊学京城時
上皇仁宗自天長曲（曰）京適覘宮殿帝狂醉卧不覚
上皇大怒命駕還天長召百官明日俱至天長點
集帝醒覚大惧趍出殿外過資福寺汝諧在門
帝問之汝諧伏地對曰臣以学習誤在此耳遂引
入燕寢謂之曰朕為酒困得罪於上皇今欲詣前
謝過汝宜為朕草表汝諧奉旨立就帝即以輕

Digitized by Google

范師孟字畏齋峽山峽石人朱安门人明宗朝由太学
生擢行省院奉使如元裕宗紹豊五年元使來问
銅柱事奉使往辨六年拜掌籍卡兼樞密院事
參政大治元年進入內行遣知樞密院事二年迁行
遣左司郎中五年知樞密院事進入右納言奉詔
鍊閱五路軍以修边備才器雄遠詞源汪洋萬里
在覽江山到処吟題留刻皆豪佚可謂有峽山集行世

段汝諧嘉福（今嘉祿）長津人、陳英、宋興隆間、迮学京城、時上皇仁宗自天長曲（曰）京適覌宮殿、帝。狴醉卧、不覚、上。皇大怒、命駕還天長、召百官明日俱至天長點集、帝醒覚大惧、趍出殿外、過資祠寺、汝。諧在門、帝。問之、汝。諧伏地對曰、臣以学習誤在此耳、遂引入燕寢、謂之曰、朕為酒困、得罪於上皇、今欲詣前謝過、汝宜為朕草表、汝。諧奉旨立就、帝。即以輕

Digitized by Google

范師孟字畏齋峽山峽石人朱安門人明宗朝由太學生擢行省院奉使如元裕宗紹豊五年元使求問銅柱事奉使往辨六年拜掌籍卡兼樞密院事參政大治元年進入内行遣知樞密院事二年迁行遣左司郎中五年知樞密院事進入右納言奉詔鍊閱五路軍以修边備才器雄遠詞源汪洋萬里在覽江山到処吟題留刻皆豪佚可謂有峽山集行世

Digitized by Google

伏寺廢而復興垠而復修鐘鼓樓臺与民居相半
其欲甚易而尊崇甚大也余少讀卡志於古今粗
亦明聖人之道以化斯民而卒未忘信於一鄉嘗遠
[illegible] 天下求所謂学宮文廟未嘗一見
[illegible]
入燕寢謂之曰朕為[illegible]
謝過汝宜為朕草表汝諧奉旨立就帝[illegible]

Digitized by Google

師登第受知明宗正官僕射裕宗大治九年命閱
定清化軍籍累迁尚书右弼入内遣行志崇正学
排闢異端嘗作北江紹禍寺碑記云伾氏之禍禍
動人何其得人之深且固也上自王公以至庶民凡施
於伾事雖竭所有罔所靳嗇苟今日托付於寺塔
[illegible]知持左券以取前日之报故自内京城及外
[illegible]從不盟而信有人家處必有

非吾意碑立而刻何事吾言方今聖朝欲暢皇風以振頹俗異端在可黜王道去當復為士大夫者非堯舜之道不陳前非孔孟之道不著述顧乃拘拘然与伏氏嗫嚅吾將誰欺所居禍庵与安豈濡一港愛欲浴翠山水之勝築室居焉有詩記刻四石見者皆慕尚之大治六年追贈太傅

黎括字伯适号梅峯東山甫里人朱安门人少迮学京

Digitized by Google

陞參知政事、十三年占城寇化州、官軍
漢超謀之、乃命領神策諸軍鎮化州、邊境復
外鬱〻（苦）不得志、嘗有詩云、玉京回首五雲深、雨
殘魂不禁、已辨荒郊埋病骨、海天草木共愁吟、十
四年以病乞歸、許之、未至京師卒、贈太傅、漢超爲
人骨鯁、文章政事兼優、帝但以師稱而不名、尤志
排黜異端、嘗撰北江幽嚴寺碑畧曰、寺廢而興、既

Digitized by Google

十有六燕基臺使平生好吟咏詩辭雄渾俊健深
得杜陵風格有介軒全集行世

張漢庵超字升庵安寧今安慶福城今福庵人初為興道王
門客英宗興隆十六年拜翰林学士明宗朝進行
遣憲宗開祐十一年拜門下右司郎裕宗立命
与忠彥編定皇朝大典考撰刑書紹豐二年遷左
司郎中兼諒江經畧使五年擢左諫護大夫十一年

Digitized by Google

尹、裕宗立、命与張漢超編定皇朝大典、考撰
施行、紹豐二年、陞行遣知樞密院事、十二年、拜
入内行遣、仍知樞密院事、十五年、拜諒山鎮經畧
使、大行遣尚书右弼、兼知樞密院事、侍經筵大
学士柱國開縣伯加申國公、後十餘年卒、公嘗
有詩云、介軒先生廊庙器、妙齡已有吞牛志、年
方十二太学生、後登十六充庭試、二十有四入諫官、二

Digitized by Google

迁清華安撫使、六年憲宗受禪、上皇征牛吼、邕
從編修寔錄、開祐四年、拜內密院副使權知審
刑院事、仍兼清化按察使、忠彥立中允堂決獄
無冤濫者、上皇征哀牢充清化發運使、哀牢遁
奉詔磨崖紀功而還、九年迁乂安撫使兼國子
監史修國史、行快州路漕運使、立漕倉貯田租以
賑飢民、詔諸路倣其法施行、十四年拜京師大

Digitized by Google

聞其臨財不苟如此詩辭清脫可誦往往有唐古音云

其後七代孫登庸僭位追尊為惠感灵慶王即隨洞故基起崇彷殿

阮忠彥天施土黃人英宗甲辰黃甲時年十六明宗受禪与范遇如元拔聘大慶八年為御史臺侍開泰元年元使馬合詩等乘馬至透池橋輦道不下忠彥以理折之合詩即下馬步行尋忤旨左遷英朗州通判有政声擢僉知聖慈宮事三年左

Digitized by Google

迁清華安撫使六年憲宗受禪上皇征牛吼邑
從編修寔錄開祐四年拜內密院副使權知審
刑院事仍兼清化按察使忠彥立中允堂決獄
無冤濫者上皇征哀牢充清化發運使哀牢遁
奉詔磨崖紀功而還九年迁乂安撫使兼國子
監史修國史行快州路漕運使立漕倉貯田租以
賑飢民詔諸路倣其法施行十四年拜京師大

Digitized by Google

聞其臨財不苟如此詩辭清脫可誦往往有唐古音云其後七代孫登庸僭位追尊為惠感灵慶王即隆洞故基起崇彷殿

阮忠彥天施土黃人英宗甲辰黃甲時年十六明宗受禪与范遇如元拔聘大慶八年為御史臺侍開泰元年元使馬合詩等乘馬至透池橋輦道不下忠彥以理折之合詩即下馬步行尋忤旨左遷英朗州通判有政声擢僉知聖慈宮事三年左

Digitized by Google

衆服其敏、適外國進扇、挺之奉命為銘、援筆立就、銘曰、流金爍石、天地為爐、尒於斯辰兮、伊周鉅儒、北凡其凄、雨雪載塗、尒於斯辰兮、夷齊隱夫、噫用之則行、舍之則藏、惟我与尒、有是夫、元人益加嘆之明。宋時尤蒙寵遇、憲。宋拜入內行遣右侍郎、迁左侍郎中歷至大僚班左僕射、在官廉潔聚介、明。宋常使人將行十鏹夜置其門、挺。云入朝即以

Digitized by Google

余柄之不阿苟果何傷乎風雨英宗覽而嘉之
迁太学生勇首充内書家往使如元元人以卑小
鄙之嘗召入相府命坐府中有帳繡黃竹（雀）接
竹挺之趍覓元人皆笑其陋挺之即曳省裂之衆
怪問故應曰吾聞古人有梅（雀）屋未聞有竹雀屋竹
君子也雀小人也今宰相以此繡諸帳是以小人加
君子也恐小人道長君子道消我為聖朝除之

Digitized by Google

欄南望狼煙無復起頹然一榻夢偏安可畧見
其風槩也子文肅王道載亦以文學名于時孫咸
肅文璧在位太保曾孫章肅元亶亦以顯名別有傳見名
德澤深厚與王室相始終云
莫娗之字節夫至靈隆洞人聰頴絶倫而資相卑陋
英宗朝賜狀元既登科上嫌其貌醜乃作玉井蓮
以自况有曰豈護落兮無容嘆婵娟兮多誤句

駕還京有詩云、奪稍章陽疫、拎胡鹹子鬭、太平當致力、萬古舊江山、收復功居第一、英宗時進封太師卒年五十四、博聞多哉、能通諸藩語、每北使至、輒充伴接之、選、尤嗜學能詩、有樂道集行世、所居號福興園、嘗招客吟咏有詩云、福興一典(曲)水迴环、中有平園數畝寬、梅(梅)塢雪消珠蓓蕾、竹庭雲捲瑲琅玕、暑来邀客澆菜碗、雨過呼童理萬(菜)

Digitized by Google

愛蓋真定評其次如李公平黃美賢似亦可取但顛末弗詳不可登錄公平神宗朝為太傅屢破占兵美賢英宗朝為太傅有扶日功至若俞都禹係文盛子克者流阿媚奸邪殊覺可笑英宗時俞都獻爵而迂太師刘禹係獻瑣珠而歸免罪規仁宗時黎文盛化虎謀叛神宗時李子克進鹿僞驅密使師保輔導之用徃々阽戕療官可見李朝一代人才之鮮少云

陳

光啟陳太宗次子封昭明大王聖宗拜相國仁宗朝進位上相元兵來侵公敗唆都於章陽從

帝師、內侍帷帳、外教民忠孝、太后不敢萌異圖、
治平六年、帝不豫、受召顧命立惠。帝尋卒、
按李朝二百餘年、輔臣固不為少、然國史登名
類多見官戚而不見功狀、大抵是隨時浮沉、鮮
有樹立可紀、求之功迹著見、蔚然在聞者、惟此
四人、而李蘇之勳跡、誠為卓卓、黎。高史論有
曰、李道。成之托孤、蘇憲。誠之輔政、彷彿伊。周。之忠

Digitized by Google

風夜侍側諫諍大夫陳忠佐不在太后臨問如不諱誰可代者竟以忠佐對其公忠如此后深嘉之及幸

帝滅膳三日轀朝六日憲誠以元臣受重寄尽心竭誠善處變故雖孝撞振撼而砥柱不移卒使

上安下順不忮古人之風云

李勣修原姓徐賜國姓英宗末歷典樞曹隨憲

誠輔政撫綏鎮定預有勳勞高宗即位七年為

Digitized by Google

后欲立故太子龍祖以金銀賂夫人呂氏憲誠曰
吾以大臣受顧命輔幼主今受賂而廢立何面目見
先帝於地下乎后乃召憲誠諭之百端勸曰不美
而富且貴豈忠臣美士之所樂為況先帝言猶在
耳豈不聞伊尹霍光之事乎臣不敢奉旨事遂
寢高宗即位拜太尉領禁兵嚴肅令明賞罰
天下歸心貞符四年寢疾參知政事武攸暨

Digitized by Google

边各屯安鎮边隅帝親送至大安海門而还改
隆寶應五年伐占城占人請和乃班師時英武既
死憲誠當國秉樞練兵擇將講習騎射戎政
边防一齊振整天寶二年册立竜幹為太子
伴憲誠入内檢校太傅平章軍國重事王爵輔
翼東宮帝弗豫命憲誠抱太子攝政迫太漸
日遺詔輔導太子國家事務一委裁決黎太

Digitized by Google

顧命、位師傅、勳業隆重、功著兩朝、為一時元輔云、

誠蘇憲少有文武才畧、德智兼優、英宗初官太傅預典兵事、大定二年、卜者申利反、僭稱南平王、為杜英武所敗、走諒州、憲誠提兵追之、拎利檻送京師、二十年牛吼哀牢叛、奉命討之、俘獲人馬牛象金銀珍寶甚眾、以功俾太尉、二十一年送民丁壯士隸類軍伍、二十二年為都將領兵二萬迎西南海

Digitized by Google

將兵討之將行會軍盟于大興門外宣軍令次年至廣源州叛党逃入宋境約束沿边尋引還天符元年帝不預召受顧命輔幼主遺詔有云洛尒伯玉實丈人器飾尒戈永預備不虞無替厥命其信用如此信宗崩神宗即位令伯玉宣諭王侯百官論翊載功命改姓張氏三年辛伯玉以文臣知兵干戈簠簋左右攸宜受

Digitized by Google

三年復召入為太傅平章軍國重事左右嚴
辟竭誠王家尚李尚吉以御廟（官名李朝中官制名）被親
寵干預朝政道成不與協遂補外既再入輔
盡心弥縫朝政迭盡多所裨益七年卒人皆惜之
黎伯玉初以儒學入侍仁宗朝歷陞礼部右侍郎
竜符中以事貶為内大書家天符慶武二年加
内常侍五年復為礼部侍郎七年廣源儂文令

Digitized by Google

歷朝憲章類誌卷之七　人物誌

勳賢之輔

李時四人　陳時十人
黎初十八人　莫時一人

李道成古法人、李朝宗室、聖宗時夙加眷注、陞歷太師戢、聖宗朝預受顧命、仁宗立、靈仁皇后垂簾當國、道成言事忤旨、以左諫議大夫、出知乂安州、在鎮時感念先帝、於本州王聖廟以立地藏於院中安伏像、及聖宗位號、長骨在事、

Digitized by Google

正統但其事寔有不可沒故皆附載其間至如鄭王之世擅黎皇專執政柄其世系亦可備覽若我皇朝列先聖王撫治南河二百年勳業之盛自有國史寔錄傳之萬世愚未敢以僭書云

Digitized by Google

青林凡二月其後敬茶僭稱乾統居高平凡三十四年以丙寅年就於敬寬敬字父子僭稱隆泰順德居高平凡六十一年以戊午年亡滅

按戎越國統自丁皇平定使君尊膺大寶而歷代相承雄帝天南國之統緒始正黎李陳黎雖其享祚修短或殊而其初浔國以禪以承徽號要皆可錄惟胡之篡陳莫之篡黎一時悖逆不浔為

Digitized by Google

數年尋愈、次年又入居昇竜正殿、改元端泰、壬辰洪寧三年、被官軍攻逼、乃立其子全為王、使監國事、改號武安、自將督兵拒命敗走自鳳眼縣寺隱居十一日為官軍所獲、斬于善堤、傳首詣萬賴所在、

釘其兩眼置于市、

右莫氏自登庸以丁亥年僭位傳五世至茂洽以戊辰年亡滅、共六十六年、又敬正僭稱康佑居

Digitized by Google

都統帥拒守、又移青池、尋病疹痘卒、僭進尊為

宣宗睿皇帝

莫茂洽

僭位二十九年　淳福　慶康　延成　端泰

興治　洪寧　明嘉靖　隆慶　萬曆

福源之子、嗣位時甫三歲、以應王敬讓入內輔政、

尊其祖敬典為謙大王、移居善堤館、其後敬典

扶歸昇竜城、居于南門外、崇康十三年被雷降

宮中、半身不遂、乃改元、又後被青育眼脂、医治

Digitized by Google

黎伯驪為奉國公、諸預親戚、並委以兵政權漸移、僭進尊號為憲宗顯皇帝

莫福源、 僭位十八年 永定 景曆 光寶 明嘉靖

福海長子、襲位時年幼、庶政並委其叔謙王敬典總決、其後聽嬖臣范瓊之譖、疑斥舊將、太宰黎伯驪、率具全部歸順清花、太國公鄭檢乃會同諸將進攻東京克之、福源奔金城、留敬典為

Digitized by Google

海廣和元年八月辛、僭進尊為太祖、

莫登瀛　僭位十一年　大正　明嘉靖

登庸之子、性寬簡、守法度、禁苛暴、輕徭薄賦、年穀登豐、家給人足、國內號稱治平、僭進尊號為

太宗文皇帝

莫福海、　僭位六年　廣和　明嘉靖

登瀛長子、即既襲位、內耽唱妓、外好鬪鷄、封其臣

Digitized by Google

詣明幕府上降表、盡籍國內土地人民各悉聽處分、納安廣永安州知浮金勒古森萬葛安良羅浮諸崗願內屬歸隸欽州、請頒正朔賜印章、謹奉詔以候更定、嘉靜二十年、明乃封登庸為安南都總使、賜銀印仍與世襲其十三路地照原舊地名、各置撫司、設宣撫同知副使僉事、各員聽都統使管轄差遣朝貢、以福

Digitized by Google

太師仁國公、後封安國王、遂行篡弑、恐明人問、遂
謀割地納歸二卅、及金銀二軀、併珍寶奇貨
異物、明帝納之、僭位三年、自以年老、乃傳長子
登瀛、自称太上皇、至大正五年清嘉靖十年、
明聞登庸篡弑罪狀既昭、乃命咸寧侯仇鸞
總督務兵尚書毛伯温參贊軍務、往征之、大
正十一年、登庸兼大臣過鎮南關各、持尺組紮頸、

Digitized by Google

附迎入京城進謁昭統帝冊封為元帥總國政

晏都王丙午共十一主二百四十八年

內称王始哲王己亥終丙午

共二百八十八年

附

國莫事跡

莫登庸　僭位八年　明德　明嘉靖

宜陽古齋人初以漁為業及長有勇力考中力士出身洪順年陞都指揮使武川伯統元間位至

Digitized by Google

秋悼郡擁立嗣位冊封為元帥總國政端南王自是軍士驕弄國勢虛弱臨政四年丙午五月西山兵進陷都城王臨戰敗西奔至下雷社為土目所執遂自刎年二十四

晏都王

諱趙裕祖之子端南王堂伯初封琨郡公丙午之變隱居彰德西兵退諸舊將士豪相兼啸

Digitized by Google

郡黃素履受遺阿保冊封總一月餘三府兵因靖王七旬作變閉府逐殺暉郡擁立王子棕嗣位端王既立降封為恭國公遷居亮國府尋病卒

端南王

諱棕盛王長子初生時王惡之既長使出居阿保阮擁家庚子以家臣植黨事發降為季子奠都王立時主少國疑軍情密相擁戴三府兵既

Digitized by Google

務裁決多不遵用舊例攬權綱拔人才內修文治外定武功平寇亂化流鎮興復南河聲名震薄四陲是以勛烈增光但凌逼皇家太甚尊扶之美有虧甚三天可言害羨養長之少卒致蕭牆之禍臨天一十三壽四十歲

眞宗 三

名維禬王於十六壬寅嗣位時年十六歲有蠱疾暉

乱畧、十年之間、海内復臻帖泰、重興功業、比前
有光、臨政二十八年、薨壽四十八、
聖祖盛王、
諱森、毅祖長子、景興庚辰冊封欽差節制各處
水步諸營軍、並掌政机太尉靖國公、開亮國府、丁
亥明王薨、進封大元帥總國政静都王、己丑進尊師
上尚父睿断文功武德靖王、嘗狹小累朝制度、政

Digitized by Google

敎祖恩王

諱檣又諱楹、僖宗第三子、永祐二年冊封欽掌各處水步諸軍太尉恩國公、開亮國府攝政務、六年朝臣扶立即王位、進封元帥總國政明都王、是年尊立顯宗、尋進封為大元帥上師尚父英斷文治武功明王、性英哲剛斷、攬權之始、四方寇盜方劇、乃改更政理、拔用賢才、命將出師、掃清

Digitized by Google

尉盛國公、開莫王府、永慶二年、進封元帥總國政盛
南王、壬子薨永慶帝為脅德公、尊立純王、是年進
尊為大元帥總國政上師盛王、又尊為太父聰德
尊英毅聖功盛王、又加尊貞王、後改全王、翊扶純
尊懿尊臨政十年、後浮痼疾好寂養、宦臣
洽郡弄柄、朝政廷幷紊、天下擾乱、永佑庚申朝臣
擁立明王、尊為太上皇、遜居賞池、二十年薨、

Digitized by Google

甲午進封大元帥總政上師安王、裕宗命尊以殊
礼、奏疏不名、親政之日、勵精圖治、兼訪宰臣、夙
夜規畫、凡兵民財賦之政、創置號為詳備、愛古
碑風水、護建新都、令構行宮巡幸、己酉臨幸还死
於京、臨政二十年、壽四十四

裕祖順王

諱橿僖祖長子、初封節制水步諸營、兼總政机太

Digitized by Google

朝殿左、優崇備至、其為治明賞罰、振紀綱、修
舉百度、拔用群才、政績藹然可覩、翊扶熙宗臨
政二十六年、壽七十七、

僖祖。仁王

諱㮚。晉光王長子、昭宗曾孫、初封副將普郡公、
正和癸未進封為節制兼總政机太尉安國公、
開用國府、永盛己丑進封元帥總國政安都王、

Digitized by Google

Digitized by Google

進封節制太尉西國公、明封為輔政王、清王薨、宗尊封
元帥掌國政西定王、進尊大元帥總國政尚師西
王、後加封上師太父德功威仁明聖西王、翊扶神宗
玄宗嘉宗熙宗四朝、崇節儉明教化、立法度定体
統、信賞必罰、吏稱民安國富兵彊、遂北復高平、南
帖順廣、勳烈號稱極盛、臨政二十五年、壽七十七、

昭祖。康王

Digitized by Google

四十七、艾夷內難、和輯人民、宇內既定、信重臣儒、講求政理、恭儉謙抑、慎守憲度、功烈光前裕後、翊扶真宗神宗、進封大元帥總國政師父清王、明朝册封逼國王、加尊上主師父功高聰斷仁聖清王、臨政三十五年、壽八十一、

弘祖陽王

諱祁鄭王第二子、初封榮郡公、改封西郡公、

Digitized by Google

年、脆苦痢疾、護立嗣、次子椿作乱焚都、、
幸外、至青春館薨、壽七十四、

文祖。誼王

諱柮、哲王之子、初封平郡公、改封太傅清郡公、
鄭椿之變、奉神。宗回駕清蕊、是秋進封叶謀
同德功臣、節制太尉清國公、尋復迎駕旋京、次
年冬尊封元帥總國政清都王、攬權之始、年已

Digitized by Google

加封都將節制各處水步諸營兼總內外平
章軍國重事光興十一年親督諸將滅莫
克復京城二十二年進封都元帥總國政尚父
一字王、性寬厚愛人、善撫恤將士、料敵無遺用
兵、亦能平僭叛復帝室、
諱祁鄭王第

Digitized by Google

相太國公、歷輔莊。宗中。宗莫。宗三朝、攬政二十八年、壽六十八、

成祖。哲王、

諱松。世。祖次子、初封福良侯、太。王薨、長子檜作乱降莫、莫。宗乃敕封為節制長郡公、董統諸營討賊、庚午破莫敗、次年進封左相太尉長國公、壬申莫。宗信纔言疑忌幸外、乃尊扶世宗即位、

Digitized by Google

世祖明。康太王、

姓鄭諱檢。永福槊山人、屋汴上鄉、微時貧乏、嘗為盜以供母、及長雄勇過人、往從興國。公、公。奇之、妻以女、使知馬軍、表封侯爵、多有戰功、遣八哀牢奉迎莊。尊、帝見狀貌非常、俾大將軍進郡爵、時方三十七、興國。公薨、代領將士進封節制各處水步諸營太傅諒國公兼掌軍國重事、加封上

Digitized by Google

兵于清、清帝遣廣督孫士毅提兵出境、西將退避、帝復國婦昇竜城、終月餘、西山北平。王大舉親來、清督大走過關回、帝隨北奔、國統遂亡、後殂于燕、在位凡三年、紀元一、紹昭統清乾隆五十二年至五十五年

右黎中興自莊尊至昭統凡十六世、二百六十五年、通併前黎一百年、共三百六十五年、

鄭王世系、

Digitized by Google

王立軍情推戴扶歸內殿始立為皇嗣孫丙午頒
宗崩群臣擁立即位時西山滅鄭國內乖離皇
[illegible]西兵退桂郡鄭𨖥諸舊臣奏請
[illegible]討為[illegible]郡王而[illegible]
[illegible]

扶黎滅鄭為名、端王敗自刎、西帥奉版章朝謁尊扶一統、帝時已弗豫、彊疾御正殿受朝、七月崩、在位四十七年、壽七十一、紀元景興、

清乾隆自庚申五年至丙午五十一年

昭統帝

諱思謙、顯宗嫡孫、故太子維禕之子、太子被靖公逆衍廢、皇孫兄弟並坐姻監、經十餘年、端

Digitized by Google

天與人歸、遂膺天寶、以生日為清和聖節、即位之初、正值多故、四方盜賊弗靖、賴明王夾輔、命將出師、掃清孽黨、十年以後、天下安平、生民樂業、號稱極治之世、迨明王殂、靜王繼政、陵逼太甚、帝亦處之泰然、沈深淵默、人不見其廉隅、嘗言朕垂拱仰成、安事讀書、惟歌舞宴迓以自遣、靖王歿、端王鄭楷輔政、丙午西山兵出、以

Digitized by Google

為春和聖節、在位五年、特逼宇內蠢動、

怵二、乃禪位宗姪以安反側、其禪詔有云、念

方猶逞蠢頑、欲以帖畿郊而康海宇、謂正禮宜

降世嫡、寔以重尊統而一人、遜居乾壽殿、十九年

崩、壽四十一、紀元一、

永祐

清乾隆自丙辰元年至庚申五年

顯尊永皇帝、

諱維、祧、純、宗太子、以世嫡處色疑、備嘗難蹇、

Digitized by Google

二十八、紀元者一、永慶
清雍正庚戌八年至乙丑十年

純尊簡。皇帝、

諱維。祥、裕。尊長子、咸王鄭、橚宗立、以生日為昌
杠

符聖節、在位三年、紀元者一、
竜德

清雍正自癸丑十一年
至乙卯十三年

懿尊山。徽。皇帝、

諱維。禎、裕。尊次子、純。宗之弟、威。王尊立、以生日

Digitized by Google

節、是時承太平之業、兵革不試、宇內無事、朝廷多所制作、法度大備、紀綱畢張、殊方納款、上國歸地、號稱極盛之世、定王薨、定公(名都、綱)立、鄭桐輔政、在位二十八年、紀元二、

清康熙自丙戌四十五年至壬寅六十七年
雍正自癸卯元年至丁酉七年

肯德公

諱維楞、裕宗次子、在位四年、被廢、尋遇害、年

Digitized by Google

位、以生日為天明聖節、守成業端拱而治、紀綱振擧、賞罰嚴明、公卿多稱所職、百吏奉法庶民安業、治為中興、稱首西王薨、定王鄭、根輔政在位三十年、傳位皇太子、居別宮又十二年而崩、壽五十四、紀元者二、

永治　正和

裕尊和皇帝、

諱維。禧熙、宗太子、定王尊立、以生日為春明聖

Digitized by Google

嘉尊。美。皇帝

諱維。撿。神。宗次子。西王尊立。以生日為壽元聖節。在位四年。壽十五。紀元二。陽德 德元

清康熙自壬子十一年至乙卯十四年

熙尊。章。皇帝

諱維。祜。神。宗次子。神。宗崩。懷妊方四月。帝囑西王保訪之。嘉。宗崩。時方十三歲。西王親扶即

Digitized by Google

明崇禎甲申十七年竜武乙酉元年至丙戌二年永曆丁亥元年至壬寅十六年　清順治乙丑元年至辛丑十七年聖宗康熙壬寅元年

玄尊穆皇帝

諱維禑神宗次子真尊之弟神尊崩時年九歲西王遵顧命尊立以生日為端明聖節帝神采端莊天資寬厚拱己守成而天下安治通好中國明始封為安南國王在位九年壽十八紀元者一　景治

明永曆自癸卯十七年至丁未二十一年

清康熙自癸卯二年至辛亥十年

Digitized by Google

五年、遜太子凡六年、真宗崩、再復位十三年、壽五十六、紀元者七、

永祚　德隆　陽和　慶德　盛德　永壽　萬慶

明萬曆庚申四十八年熹宗天啟自辛酉至丁卯凡七年、愍帝崇禎自戊辰至癸未凡十六年

真尊順皇帝

諱維祐、神宗裔子、清王輔政、在位七年、壽二十歲、紀元者一　福泰、

Digitized by Google

明神宗萬曆自庚子二十八年
至己未四十七年

神尊淵皇帝

諱維。祺、敬。宗長子、母端慈。太后鄭氏乃平王之女、敬。宗崩迎立之、以生日為壽陽聖節、帝竜準竜顏、神采秀異、聰達博覽、雅好文詞、與王家一庭和樂、藹然淳穆、平安王薨、清王鄭、柱西王鄭、柞相繼輔政、雍容垂拱、享祿長久、在位二十

Digitized by Google

裁決、帝端拱無為、惟執大綱、受朝賀而已、在位二十七年、壽三十三、紀元者二、嘉泰 光興

莫茂洽、宋康延成、端泰、興治、洪寧、明神宗萬曆元年至己亥二十七年

敬尊憲皇帝、

諱維新、世寧長子、平安王輔政、貶年帝與王子鄭椿陰謀殺王、王使清邵公入內鞫問、盡得其狀、乃陰絞帝、崩在位二十年、壽三十二、紀元二、慎德 弘定

Digitized by Google

周知世務、始復會試科取士、十四年冬節制鄭松分
道大舉尅東京、拎莫茂洽、御駕進昇龍城、天下
大定、輿圖復歸一統、中興功業、塤光前古、遣使如明
通欵、明封為安南都統使司、錫銀印、始進封節制
鄭松為元帥、平安王、總輔國政、許開府置官屬、
財賦兵民、惟置一千社、歸于上殿、內從兵五千率象
七隻、竜舟二十隻為禁衛、餘並令屬王府、政理一委

Digitized by Google

僚迎还至雷陽、左相使宗位、陰逼而崩、在位十六年、壽四十二、紀元三

天佑　正治　洪福

附莫福源光宝茂洽淳福崇康凡十六年、

明嘉靖丁未三十六年、至丙寅、文帝隆慶自丁卯元年至壬申六年、

世尊毅皇帝

諱維禪、英宗第五子、英宗幸外、帝以幼稚不預、從左相鄭松迎立之、即位甫七歲、以生日為陽元聖節、左相送名儒八侍講學、就將涵養、遂博覽書籍、

Digitized by Google

英尊峻皇帝、

諱維邦太祖第二兄、黎除六世孫、父惟銳娶布衛鄉人生帝、中宗無嗣、太國公迎立之、太國公殂、長子鄭檜作乱、帝命次子鄭松為節制、統兵討賊、尋加左相國公、其後耿瀹廷彥等譖間、謂左相甞大難與並立、帝信之、夜幸外駐蹕又安城、左相乃與諸臣宗立皇第五子、遣阮有僚迎帝、帝避于蔗田、有

Digitized by Google

中尊武皇帝

諱暄、莊尊長子、寬弘聰達、有帝王之畧、凡事專委諒國公鄭檢裁決、百度修舉、國富兵強、始移行在于安場、又移汁上、初設制科取士、四方豪傑、無不來歸、遂全有驩愛、兼收順廣、定南西、克東都、雖未还復首京、而盛大之芳、興復之機、赫然可覩、在位八年、壽二十二、紀元一、順平

附莫福源景曆光宝

明嘉靖己酉二十八年至丙辰三十五年

Digitized by Google

公為太師興國公、留輔國政、崎嶇蠻洞、拔草萊立朝
廷、國勢復振、脫得翼郡公鄭檢輔術、委心信從、舉
賢用能、撫民恤兵、法令修肇、境內大治、出師進取、遂
奄有驩愛境土、立行殿于萬賴冊、遠方豪傑、皆來
歸附、中興基業、寔自此始、在位十六年、壽三十四、紀
元者一、 元和

明嘉靜癸巳十六年
至戊申二十七年

附莫登瀛大正福海廣和福源永定景石曆

Digitized by Google

莊尊裕皇帝、

諱寧、又諱聊、昭尊之子、聖尊玄孫、初昭尊留帝於西都、命益國公鄭維俊保訣、昭尊為登庸逼还京、維俊走水註册、帝時方十一、黎閒抱奔哀牢、改名聊、追莫氏篡位、國統中絕、首將昭勳公在上游密圖恢復、乃遣維俊與維僚等、糾集舊臣遺民、奉迎立翠鶉册、即位時年十九、以岑下册為行在、俾昭勳、

諦檜、服尊同母第、服尊出外、登庸立為帝、以生日為
欽天聖節、在位五年、登庸簒國、廢為恭王、尋被弒、
紀元一、統元　明嘉靖癸未二年至丁亥六年
右前黎自戊申太祖即位、至恭皇丁亥凡十世、該
一百年、併與戊戌太祖起兵共一百十年、莫簒戊子
至壬辰凡五年、莊尊始立、
登庸稱明德、傳其子登瀛、稱正大、

Digitized by Google

諱德、聖尊曾孫、錦江王滌長子、襄翼帝遇害無嗣、惟僱等迎立之、以誕日為僊天聖節、在位七年、忿權臣莫登庸脇制、密出幸外、號召四方討賊、駕還京師、天下響應、尋為鄭綏綏脅回清華、遠近失望、登庸立統元帝、降封為沱江王、復逼回京、遂被弒、壽二十六、紀元一、光紹 明正德十一年至辛巳十六年世尊嘉靖壬午元年

恭皇帝、

Digitized by Google

公及威穆。帝誅戮尊室、乃挺身入西都、起兵至東京、弒威穆而自立、稱明仁海洞主、以生日為天聖洞節、即位之初、數政慎罰、亦是有為、然優游不斷、紛紜土木、趣使民益起、馴至色亡、在位八年、為權臣鄭維憧所弒、壽四十四、降封為靈隱王、光紹二年、進封為襄翼帝、紀元洪順。

明正德庚午五年至丙午十一年

昭尊純皇帝

Digitized by Google

安南四百祚尤長天意如何降鬼王即位後恣行誅殺宗室多遇害各自驚疑潡成乱釁間脩公潆自西都稱兵臨逐遂自盡降為憲屬公光紹二年追尊為威穆帝在位五年壽二十二紀元一端慶明弘治十八年武尊正德自丙寅元年至己巳四年

襄翼帝

諱潆又諱瀅聖尊之孫建王之子憲尊時封簡脩

Digitized by Google

位未幾年崩壽十七歲紀元一 泰貞

威穆帝

諱濬憲尊第二子肅尊次兄其母昭仁皇太后東岸扶軫人少貧自賣奉天人其家有罪沒入為宮婢憲尊悅之納為妃而生帝肅尊崩無嗣庶母敬妃謀立之稱瓊林洞主以誕日為天慶聖節性嗜酒色好弑戮明副使許天錫來冊封見帝相題詩曰

Digitized by Google

山徐公庵有彩石之瑞長樂皇后時別宮夢黃竜彩八所遂生帝光順二年立為皇太子神采端秀聖尊深奇愛之既嗣位號上陽洞主以誕日為天壽聖節遵承成命法好文守成天下晏然稱治在位七年壽四十紀元一

景統　明弘治自十一年至十七年

肅尊欽皇帝

諱漳又諱潭憲尊第三子以生日為天明聖節在

Digitized by Google

Digitized by Google

僊童、遂生帝、初封平原王、後改封嘉王、宜民廢、大臣阮熾等迎立之、號天南洞主、以誕日為崇天聖節、資性高明、而好學弗倦、手不釋卷、經史子集、曆數算章、靡不精貫、詩文尤出諸臣、其為治崇尚儒術、振拔英才、創立制度、恢拓強宇、文武才畧、雄視百代、洪德之治、號為盡盛、晚年女謁頗多、得風腫疾、大漸、特有自述詩云、五十年來七尺軀、剛腸如鉄却成柔、

Digitized by Google

諦邦基、太尊第三子、即位時二歲、太后垂簾聽政、
以誕日爲憲天聖節、既長親政、崇儒納諫、惓農
愛民、在位十七年、爲諒王宜民所弒、壽十九、紀元
者二、太和
延寧

明正統自癸亥八年至己巳十四年、爲北虜所獲、
第庶長立、称景泰凡七年、英尊復位、称天順三年、

聖尊淳皇帝

諦思誠、太尊第四子、初光淑皇后夢天帝錫

Digitized by Google

立為嗣、即位甫十一年、委用舊臣、中外安帖、明始封為安南國王、號洞主（桂林）、以誕日為繼天聖節、天資明智、既親政、內制強臣、外攘夷狄、重道崇儒、設科取士、制礼樂明政刑、文物煥然大備、歸稱良主、但耽心酒色、東巡暴崩于外、在位九年、壽二十、紀元二（紹平、大寶）、

明宣德甲寅九年、至十年、

英尊正統丙辰元年、至七年、

仁尊宣皇帝

Digitized by Google

事凡有詔令皆稱順天承運曆文英武大王號藍山洞主以誕日為萬壽聖節、定律令、制礼樂、設科目、置禁衛、設官職、立府縣、收圖籍、創學校、施為政事藹藹然可觀、在位六年、壽五十一、紀元順天明永樂戊戌十六年、至甲辰二十二年、宣德戊申三年、至癸丑八年、

太尊文皇帝

諱元龍、太祖次子、順天初太子思齊以羔縱見廢、遂

Digitized by Google

承其業、隣境咸服、生三子（長曰學次曰除）帝其季也、誕日奇香滿里、既長意度超偉、竜行虎歩、識者知為非常人、浮神劍宝印之瑞、時方國胡篡陳、帝潜晦待時、迫明人南侵、郡縣我國、遂銳意恢復、屈己招納豪傑皆来歸附、戊戌起兵于藍山、轉平定王、百戦間關、蕩平吳敵、十年而天下大定、即位于東宮、國號大越、時明帝猶未正王爵、命帝權署安南國

Digitized by Google

聲大振、其後（後）復諸帥不和、復為明所敗、重光遂奔老（過）
張輔獲之、使送燕、途中赴水崩、二將從之、陳遂
亡、在位五年、紀元重光、

後陳二帝自丁亥（當明永樂二年）至癸巳（當明永樂十一年）凡七年、

黎太祖高皇帝

姓黎諱利、梁江籃山鄉人、先代世為一方雄長、
皇祖汀寬仁（之）從愛有衆至千餘人、皇考曠克

Digitized by Google

調清乂順平四路軍、進攻東都、豪傑多響應、大破明兵於姑逋、國芳復張、會有內人譖其專權、簡定信之、殺二將、諸臣離心、遂至於敗、後為明人所俘、在位二年、紀元者一、 興慶

重光帝

諱季擴、藝尊孫簡定之姪、舊臣阮景異鄧容立于乂安、與明相拒、二人滅力匡復、諸路多歸附、軍

Digitized by Google

四旬正掌、陛摳衣大使、遷小司空、進封同軌章
事、累加輔政大師、攝政大王、國祖章皇、遂移陳
祚、歸國大虞、後姓胡、末爵年以位與其子漢倉、
六年後二胡皆為明人所矜、

後陳簡定帝

諱頠、藝尊次子、胡末起兵、興復陳室、即位于長
安洲、時有舊將鄧悉阮景直相與叶謀討賊悉

Digitized by Google

諱炎、順尊太子、在位二年、季釐篡立、廢為保寧王、紀元一、建新

右陳十二帝起丙戌、當宋宝慶二年終己卯、當明建文元年共一百七十四年、

附國胡季釐紀元聖元漢倉紀元紹成開大凡七年、

季釐先祖本姓胡、浙江人、後漢時来演卅、十二代孫徙居清化大吏人為宣慰黎氏美孫、遂改姓黎、季釐其四世祖也、陳藝尊時、自祇應候

Digitized by Google

不能有為、威權日移、在位二年、後降為靈德王、紀元者一、 昌符

順尊。皇帝

諱顒、藝。尊季子、徒擁虛器、為寄生之君、特權臣季釐當國、逼遷都于清化安孫洞、政事一聽所為、在位九年、出家、季釐弑之、紀元一、 光泰

少。帝、

Digitized by Google

庸尊皇帝

諱敏、明尊第十一子、初年留心圖治、選將練兵、設科取士、舉措亦有可觀、但委任外戚、辛啟奸臣潛弄聰予、半詭奏、親征占城、拯入忙洞、遂陷陣崩、在位四年、壽四十一、紀元隆慶、

廢帝

諱睨、庸尊長子、庸尊南征崩、藝尊立之、昏憒

Digitized by Google

藝尊皇帝

諱慎明尊第三子初為右相國封恭定王揚日礼潛位

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Digitized by Google

憲尊。皇帝

諱旺。明尊次子。冲年嗣服。有賢臣輔政。上下交修。動無過舉。在位十三年。壽二十三。紀元者一。開佑

裕尊。皇帝

諱嶽。明尊第十子。天資明敏。學問高明。武備文修。四夷賓服。其初年政事可觀。大治以後。荒淫無度。陳業由此而衰。在位二十八年。壽三十四。紀元二。紹豐 大治

Digitized by Google

泰、治底休明、制度煥然稱盛、但其聚沙門于安子、
勞民力于臥雲、未免小疵、史氏譏之、在位二十二年、
遜位七年、壽四十五、紀元者一 興隆

明尊皇帝

諱奫、孟切 英尊第四子、勤修政事、敷賁前功、登用
文儒、人才稱盛、當辰內寧外撫、紀綱畢張、為太
平令主、在位十五年、壽五十八、紀元者二 大慶 開泰

Digitized by Google

諱聆聖尊長子仁恕有智畧恤民施惠固結人心元人兩度來侵選將練兵卒平大敵重興之功增光前烈內禪後游心釋典築天健庵鑄普明鼎奉伏教為諄篤晚出家居安子山遂崩于卧雲庵在位十四年遜位五年出家八年壽五十一紀元者二 紹寶 重興

吳尊皇帝

諱銓仁尊長子善繼承先業恤民立政時臻康

Digitized by Google

者惜之、在位三十三年、遜位十九年、歲六十、紀元者三、

建中　天應改平　元豐

聖尊皇帝、

諱冕、太尊長子、性忠孝、仁恕、仁親睦族、尊賢重道、為継体賢君、脫年採頤一乘蹈襲家法、在位二十一年、遜位十三年、壽五十一、紀元者二

紹隆、寶符

仁尊皇帝

Digitized by Google

陳太尊皇帝

姓陳諱煚音景火也天長即墨人先代閩人四世祖始來居即墨世以漁為業帝生而秀偉年八歲為李朝祗應局候正八侍宮中遂授昭皇禪姓寬厚好文既即位設科目用賢能定礼樂制刑律典章法度煥然可述及內禪遜居北宮加意學問尤游情內典造詣精深但其初規畫一聽守度所為致閨門失德家風不正談

慶、晩浮狂疾、無太子、為艷邑陳氏煽惑、傳位次女昭皇、
出家居大内、眞教禪寺、後為陳守度所弑、在位十四
年、紀元者一　建嘉

昭皇
諱伏金惠尊次女、在位三年、禪位于陳、紀元者一、
天章有道、

右李九帝起庚戌當宋大中祥符三年終乙酉當宋寶慶元年共二百十八年、

Digitized by Google

高尊。皇帝

諱竜。韜英。尊第六子、初年賴賢臣為輔、賑貧乏求賢政事猶有可觀、迨後迄觀。無度、土木蝟興、盜賊蜂起、李家之業、於是遂衰、在位三十五年、壽三十八、紀元者四、

貞符　天資嘉瑞　天資寶佑　治平隆應

惠尊。皇帝

諱昌。減切日照光也　高尊長子、庸烈昏暗、委政權臣、陳嗣

Digitized by Google

不能有為、威權日移、在位二年、後降為靈德王、紀元者一、昌符

順尊皇帝

諱顯、孱弱尊季子、徒擁虛器、為寄生之君、特權臣季釐當國、逼遷都于清化、孫洞政事一聽所為、在位九年、出家、季釐弒之、紀元一、光泰

少帝

Digitized by Google

神尊皇帝

諱陽煥聖尊孫仁尊姪崇賢侯子仁尊無[illegible]

宮中立為皇太子既嗣位初年猶有童心及長修政

事用賢使能政治亦有可觀然崇禪好獵蔽惑滋甚破

敵而歸於佚獻鹿而授以官談者謳(訕)之在位十二年壽

二十三紀元者二 天順 天彰寶嗣

英尊皇帝

Digitized by Google

諦乾德聖尊長子性明哲仁孝紐諫求賢輕徭薄賦仁政藹然可觀當時大畏小恢神明人應俗臻富庶身致太平為李朝盛主但其酷好祥瑞深信淫祭視諸帝中為最晚年學識高明深達道理臨崩時托孤遺命語語丞然可誦在位五十六年壽六十三紀元者八

太寧　英武神勝　廣佑　會祥　重祥

會祥大慶　天符睿武　天符慶壽

Digitized by Google

諱日尊太尊長子初立為東宮帝出征討
後冊為開皇居竜德殿太尊病使視朝聽政及
善於繼承誠心愛民重農恤刑柔遠能邇文修武
海內謚寧惟築報天塔造霪潭宮勞民費財頗為盛
德之累在位十七年壽五十紀元者五

竜瑞太平　彰聖嘉慶　竜章天嗣　天貺寶篆　神武

仁尊皇帝

Digitized by Google

泰、治底休明、制度煥然稱盛、但具聚沙門、于安子、
勞民、力于臥雲、未免小疵、史氏譏之、在位二十二年、
遜位七年、壽四十五、紀元者一 興隆

明尊皇帝

諱奫、孟切 英尊第四子、勤修政事、敷賁前功、登用
文儒、人才稱盛、當辰內寧外撫、紀綱畢張、為太
平令主、在位十五年、壽五十八、紀元者二 大慶 開泰

Digitized by Google

推戴擁立為帝既得國遷都昇竜城敬天勤
田租制賦役務以仁厚守之天下晏然時稱盛治然酷
異端僧尼半民間寺伏滿天下後世不能無憾在位十
八年壽五十八紀元者一 順天

太尊皇帝

諱伏瑪太祖長子生有異相多異祥既長性仁哲穎
悟通達文武大畧射御書數無不精諳太祖既得

Digitized by Google

者惜之、在位三十三年、遜位十九年、歲六十、紀元者三、

建中　天應政平　元豐

聖尊皇帝、

諱晃、太尊長子、性忠孝仁恕、仁親睦族、尊賢重道、

為繼体賢君、脫年採頤、一乘蹈襲家法、在位二十一年、

遜位十三年、壽五十一、紀元者二、

紹隆、　寶符

仁尊皇帝

Digitized by Google

陳太尊皇帝

姓陳諱煚音景火也天長即墨人、先代閩人、四世祖京始來居即墨、世以漁為業、帝生而秀偉、年八歲為李朝祗應局候正、入侍宮中、遂授昭皇禪位、寬厚好文、既即位、設科目、用賢能、定礼樂、制刑律、典章法度、煥然可述、及內禪遜居北宮、加意學問、尤游情內典、造詣精深、但其初規畫一聽守度所為、致閨門失德、家風不正、談

慶、晚浮狂疾、無太子、為艷邑陳氏煽惑、傳位次女昭皇、出家居大內眞教禪寺、後為陳守度所弒、在位十四年、紀元者一、建嘉

昭皇

諱伏金惠尊次女、在位三年、禪位于陳、紀元者一、天章有道、

右李九帝起庚戌、當宋大中祥符三年、終乙酉、當宋寶慶元年、共二百十八年、

Digitized by Google

高尊。皇帝

諱竜。韜英。尊第六子、初年賴賢臣為輔、賑貧乏求賢、政事猶有可觀、迨後迄、觀。無度、土木、蝟、興、盜賊、蜂起、李家之業、於是遂衰、在位三十五年、壽三十八、紀元者四、

貞符　天資嘉瑞　天資寶佑　治平隆應

惠尊。皇帝

諱昺。減切日照光也　高尊長子、庸烈昏暗、委政、權臣、陳嗣

Digitized by Google

諱天祚神尊長子初立年幼冲為奸臣英武窃弄賞罰失中工役繁數民怨天災幾致素舛末年英武既死信用賢臣憲誠帝亦懲前毖後德業日新詰兵講武選將命使占城执藩臣禮宋朝案大國封朝廷復稱明治迨詒留日精神明爽廢立不惑婦言寄托專委賢輔號為英明之主亦無忮焉在位三十七年壽四十紀元者四

紹明　大定　政竟寶應
天感至寶

Digitized by Google

神尊皇帝

諱陽煥聖尊孫憲尊姪崇賢侯子憲尊無嗣育於
宮中立為皇太子既嗣位初年猶有童心及長修政立
事用賢使能政治亦有可觀然崇禪好嬖蔽惑滋甚破
敵而歸於佚獻鹿而授以官談者謳[訕]之在位十二年壽
二十三紀元者二

天順 天彰寶嗣

英尊皇帝

諱乾德聖尊長子性明哲仁孝納諫求賢輕徭薄賦仁政藹然可觀當時大畏小恢神助人應俗臻富庶身致太平為李朝盛主但其酷好祥瑞深信浮屠視諸帝中為最晚年學識高明深達道理臨崩時托孤遺命詔語爽然可誦在位五十六年壽六十三紀元者八

太寧　延武昭勝　廣佑　會符　竜符

會祥大慶　天符睿武　天符慶壽

Digitized by Google

諱日尊太尊長子初立為東宮帝出征討每合監
後冊為開皇居竜德殿太尊病使視朝聽政及即位
善於繼承誠心愛民重農恤刑柔遠能邇文修武備
海內謐寧惟築報天塔造霪潭宮勞民費財頗為盛
德之累在位十七年壽五十紀元者五

竜瑞太平　彰聖嘉慶　竜章天嗣　天貺寶篆　神武

仁尊皇帝

Digitized by Google

國即立為皇太子三年冊為開天王營竜德宮于外居之使知民事屢命帥師討蠻寇太祖崩平三王之難即位振前既臨政征代四克武功震薄又能勸農耕籍伸究制律內治稟尚仁恕為繼世賢君但其動不循禮矜大自誇史氏以此責備在位二十七年壽五十五紀元者六

天成　通瑞　乾符有道　明道　天感聖武　崇興大寶

聖尊皇帝

Digitized by Google

推戴擁立為帝既得國遷都昇竜城敬天勤民寬田租制賦役務以仁厚守之天下晏然時稱盛治然酷好異端僧尼半民間寺伏滿天下後世不能無憾在位十八年壽五十八紀元者一 順天

太尊皇帝

諱伏瑪太祖長子生有異相多異祥既長性仁哲穎悟通達文武大畧射御書數無不精諳太祖既得

右黎三帝起辛巳（當宋興國六年）終乙酉（當宋祥符二年）凡二十九年

李太祖皇帝

姓李諱公蘊、北江古法人、母范氏生帝於蕉山寺、三歲抱至古法寺李慶文家、慶文遂養為子、幼而聰睿、姿表秀異、僧萬行見而異之、曰此非常人、年既壯、必為天下明主、及長不事產業、涉獵經史、慷慨有大志、事黎中。尊累陞殿前指揮使、卧朝殂、衆心

Digitized by Google

帛、輸、為力亦甚勤、然三綱不正、致後嗣內訌、以至亡、

亡、在位二十四年、壽六十五、紀元者三、天福、興統、應天

中興帝

諱竜鉞、大行第三子、即位三日、為龍鉞所殺、仍應天歸

鈺

開明王、

大行第五子、弑竜鉞而自立、有痔疾、臥而視朝、四

年、殂、景瑞

Digitized by Google

光滿室、觀察潛往視、見其黃龍擁其上、愈奇之、及長事南越王璉、倜儻有大志、先皇嘉其智勇、與之兵一千人、累遷至十道將軍、及廢帝立、接國政、宋師來侵、領兵拒戰、將軍范巨倆等帥諸將擁兵立、遂稱帝而入、代丁有國、仍都花閭、抗宋平占、蒞夷震懾、上國屢加顯冊、褒寵聲譽赫然、其為治留意民庸、簡心國政、重農畝嚴邊防、定法令、選軍旅、改置州府、分設

Digitized by Google

諱璿。先皇次子、初封衛王太子南越王璉亦被弒定國公阮匐外甲丁珈奉璿。即皇帝、在位僅八月、黎大行。

負位降封衛王、壽十八、仍太平號

右丁氏二帝、起戊辰當宋開寶元年終庚辰宋太平興國五年凡十三年

黎大行皇帝

姓黎諱桓。愛卅人、生而丰體異常、數年父尋卒、有黎見察者、以同姓養為子、常遇冬寒覆春臥夜

Digitized by Google

叔惧而退、帝收餘衆復戰、叔乃降、由是衆心推服、而戰
必克、號爲勝王、時十二使君相雄長、帝一舉平之、混一
區宇、遂自立爲帝、建國號大冒、越都莽岡、創朝儀、
定軍旅制度、畧備、然建嗣不明、防微弗謹、宮庭起釁、
而國命隨之、在位十二年、爲内人杜鐸所弑、壽五十六、

廢帝

紀元者一、太平

Digitized by Google

布政　海口

丁先皇

往丁諱部。領大黃花閭洞人、驩州刺史公。著之子、生而丰質秀異、父尋卒、年尚少、母携之居山崗、與衆童戲、必命以芦花左右導引、象天子儀衛、暇日往擊別村兒童、所至皆服、諸村父老、率子弟歸附、其叔與拒戰、帝初幼不抗能、因扎陷淖中、叔追刺之、見二黃龍夾擁、

Digitized by Google

十二使君

吳昌熾據平橋矯公羨稱矯三制據峯州阮寬稱阮太平據三帶阮家灣吳白日慶稱吳覽公據唐林杜景碩稱景公據杜洞江李圭稱李朗公據超類阮守捷稱阮令公據僊迻呂唐稱呂佐公據細江阮超公稱阮右公據西扶烈矯順稱矯令公據回湖范白虎稱范防遏據藤州陳覽稱陳明公據

Digitized by Google

六年壽四十七、

後吳王、

諱昌文、前吳王次子、舉兵攻三哥而即位、初吳王病革、遺命后弟揚三哥輔其子、王薨、哥篡立稱平王、吳王長子昌岌、懼奔逃、昌文討三哥黜之、迎兄昌岌同理國政、稱為南曹、在位十一年崩無嗣、昌熾繼立、是為吳使君、

四

Digitized by Google

前吳王

姓吳諱權唐林人世為貴族父旻為州牧生有異光滿寶(室)狀貌殊異及長有智勇為楊廷藝牙將藝為公羨所殺權自愛州起兵誅公羨會南漢主龑遣其子弘操將兵來侵權令植杙於白藤閩潮漲挑戰大破之擒弘操既殄賊始正王號建邦復統功烈綿然定都螺城置百官制朝儀定服色規模諡有可觀在位

Digitized by Google

仍稱南帝號、都烏鳶、遷峯州、在位四十七年、隋遣趙方來侵、遂降于隋、李氏亡、

右前李三主起辛酉當梁大同七年終壬戌當隋仁壽二年凡六十二年、

內屬隋唐凡三百四年、按屬唐時先有梅叔鸞雞州人據州稱帝後有唐林馮興據城稱王雖未能復紹國統而乘時奮起均稱豪傑其後唐末有高駢來治破南詔築羅城鑿港通漕一時蒙利功業之盛後世猶稱道云、

南北分爭三十二年、附梁川廣州劉隱為安南都護據番禺交州人曲顥據州治與拒其後隱弟襲繼立即帝位國號漢顥子承美為所據顥將楊廷藝復逐漢將守之自稱節度領州事、

龍編居之、後與後南帝講和、南帝許其子雅郎為婿、居烏鳶城、雅郎有異志、潛易兜鍪、以歸、南帝遂舉兵攻逼、王勢屈南奔、路窮投于海、據國二十四年、

後南帝、

諱佚子、南帝族將、初與桃郎王居野能、桃郎殂、衆推為嗣、統其衆與趙越王相拒、其後講和請盟、割界于君臣洲、共成姻好、未幾子雅郎歸、遂舉兵攻趙滅之、

Digitized by Google

源頭、野能洞地廣、築城居之、號野能國、南帝殂、衆
為王、在位七年殂、

附趙趙王、

姓趙名光、復朱鳶人、威壯勇烈、從南帝征伐有功、拜
左將軍、南帝退屈獠、時委守國、與伯先相持、度不能
支、退保夜深、南帝薨、乃稱王、初以梁兵不退、禱天得
龍爪兜鍪之賜、用以拏賊、軍聲大振、梁兵潰、遂入

Digitized by Google

姓李諱賁、龍興太平人、家世豪右、有文武才、仕梁不得志、乃歸太平、厭以屬之乱、奋起羑兵、逐刺史蕭諮破林邑、遂稱南越帝、即位改元、置百官、建國號萬春、其後梁遣陳霸先來侵、帝與戰軍敗、退保屈獠峝、遂殂于峝中、在位凡八年、

堯郎王、

名天寶、南帝兄、初為梁兵所敗、收眾奔哀牢、見桃江

Digitized by Google

漢衆各潰散、王與漢兵拒戰陷沒、國統遂亡、

徵王亡後、又屬東漢、起建武十九年、至献帝建安十四年、凡一百六十七年、按當時守牧之賢、前有賈琮之循良、百姓歌父後有士燮之寬厚、國人呼王、百六十年之間、惟以良吏為休歸云、

又内屬吳晉宋齊梁紀、起吳孫權黃武元年、終梁武帝大同六年、凡三百二十三年、

前李南帝、

Digitized by Google

又內屬兩漢、起武帝元封元年、至光武建武十五年、凡一百四十年、按屬東漢交時趾守有錫光、教民礼美、九真守有任延、訓民耕植礼法、民皆為立生祠、嶺南文風、寔自二守始云、

徵女王、

姓徵名側、峯州麊冷縣貉將之女、朱鳶縣詩索之妻、為太守蘇定所殺、側讐之、乃與妹貳起兵攻陷卅治定奔还、側畧定嶺南五十餘城、建國稱王、都麊冷、凡三年、漢使馬援来討、王見漢兵盛、自度不支、乃退保禁

Digitized by Google

金光神弩及秦末趙佗来侵王以弩射之佗敗走佗乃謀通好遣子仲始為質王妻以女始潜毀弩机日後佗復来侵王舉弩机折軍潰王走入海蜀亡在位五十年起甲辰當周赧王 終癸巳當秦二世自安陽亡後我國外屬趙氏起武帝至衛陽王九九十七年

按趙氏傳五世武帝抗武從文號為英主文王續承舊業亦樂稱賢君至明王縱弛樛后淫惡哀王立后與漢使宣淫謀歸漢宰相呂嘉計殺之立衛陽王漢發八校尉征之趙遂亡

同浴、不設防畛、無別等威、其民皆文身鼻飲、相與嬉
迕無事、號稱至德之世云、

右鴻厖氏自涇陽王與帝宜同時、至雄王、當周赧王
末、該二千六百二十三年、

安陽王、　諱泮、巴蜀人、周末起兵攻文郎國、改併之、改國
號甌貉都封溪、築螺城成、有金龜脫爪以授、囑以用爪
為弩機、可射敵無憂、王乃命其臣皐魯、以爪為機、名

Digitized by Google

IV

貉龍君、

涇陽王子名崇纜、娶姻嫗、甫(居)期生百卵、一胞百卵、嘗一日謂姬曰寡人是龍類、姬是仙類、水火相尅、合併寔難、乃與之相別、分五十子從父歸海、五十函(子)從母歸仙、推其雄長者為王、嗣君位、號雄王、

雄王、

貉龍君子既立、建國號文郎國、都峯州、分國中為十五部號、王子曰官郎、女曰媚娘、相曰貉侯、將曰貉將、相傳十八、皆號雄王、當是時也、君臣並耕、父子

彙分事跡、曰帝王之統、曰勲臣之輔、曰名良之相、曰德業之儒、曰節義之臣、統名人物誌乃備考云、

帝王之統、

涇陽王

神農氏之裔、為我越始君、初神農三世孫帝明巡狩海南、遇婺仙女納之、王子祿續、有聖德、帝明奇愛之、欲立為嗣、祿續固讓其兄宜、乃帝乃封之黔南、是為涇陽王、娶洞庭君女、生貉龍君、

Digitized by Google

旄、有從藝苑、標芳、有表歲寒而見節、要多才猷可、錄、勳望足補、上下千有餘年、森羅輩出、而本紀之外列傳闕畧、考古者曷從而鑑別哉、蓋常論之、民物之生、必有司牧、則帝王傳授、當考其統系也、一代之興、各有佐命、則相將勳臣、當錄其勳績也、與奬夫文儒學行之顯名、忠臣患難之徇美、總關世運、寔係彝常、皆宜備著始終、詳載先後、庶幾古今人物、考核靡遺、爰即撮舊史採遺編、

Digitized by Google

歷朝憲章類誌卷六　卷七　人物誌

有國以人爲本、而人品之間、高下不同、上焉君相以綱倫、下則士夫之出處、賢否相別、治亂攸分、故論世當辨其人才、述古須詳於考鏡、史記備本紀列傳之書、班氏有人物九等之誌、皆所以詳事錄而別等差者也、我越風氣既開、精華所萃、其間盛帝明王之迭起、名卿良佐之相興、世出英能、代生俊傑、或銘功於鼎鬲、或著績於戚

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

歷朝憲章類誌

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN
XUẤT-BẢN
1973

Giá bán : [redacted] 1.000 $

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 02358 0866

DO NOT REMOVE
OR
MUTILATE CARD

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 02358 0866

DO NOT REMOVE
OR
MUTILATE CARD

Digitized by Google